

Bốn Chúng Vãng Sinh

四眾往生

Biên dịch: Chúc Đức và các thành viên

Lời tựa

Từ lâu, phần lớn các chùa nước ta đều tụng kinh A-di-đà vào thời công phu chiều, một số chùa còn tổ chức đạo tràng niệm Phật để hướng dẫn Phật tử tu tập, rất nhiều Phật tử tụng kinh A-di-đà và niệm Phật tại nhà. Việc tu tập pháp môn Tịnh độ hiện đang trở nên phổ biến khắp nơi. Dù người xuất gia hay tại gia, hễ có niềm tin vững chắc, phát nguyện thiết tha và chuyên cần thực hành liên tục thì đều được vãng sinh, bởi Phật đã dạy chỉ cần niệm Phật một ngày không loạn tâm thì cũng được vãng sinh.

Nhưng trong thực tế, nhiều người vì các nhân duyên khách quan hay chủ quan khác nhau khiến lòng tin dao động, chạy theo các duyên, hoặc tu tập không chuyên, đang tu niệm Phật mà nghe nói ngòi thiền chứng được thần thông hay trì mật chú được linh nghiệm thì liền bỏ niệm Phật để tu Thiền hoặc tu Mật. Thật ra, pháp môn nào cũng đều do Đức Phật dạy, đều dẫn đến quả vị giác ngộ. Chỉ vì người dụng tâm và thực hành không đúng lời Phật dạy nên việc tu tập không đạt được thành tựu mà thôi.

Trong Đại Chính tạng, các tác phẩm: No. 2070 - Vãng sinh Tây phương Tịnh độ thụy ứng truyện, No. 2071 – Tịnh độ vãng sinh truyện, No. 2072 – Vãng sinh tập đều ghi chép nhiều truyện có thật đời xưa tu Tịnh độ được vãng sinh Tây phương của đủ các hạng người xuất gia lẫn tại gia, của cả loài vật. Ba tác phẩm này đã được các thành viên Ban dịch thuật Pháp Âm dịch ra tiếng Việt từ những năm trước đây nhưng chưa đủ điều kiện xuất bản. Nhằm phần nào giúp ích và có thể tạo thêm cảm hứng tu tập cho các hành giả của pháp môn Tịnh độ, nay chúng tôi biên tập ba dịch phẩm ấy lại thành tập sách này để cho xuất bản. Trong khi biên tập, những truyện trùng nhau thì bỏ truyện ngắn gọn, giữ lại truyện đầy đủ, nhưng cũng

lược bỏ chỗ rườm rà, đồng thời vẫn giữ đủ tất cả những lời ghi chú xác đáng trong bản No. 2072 của tác giả Châu Hoằng, vị đại sư nổi tiếng hoằng dương Tịnh độ vào thời nhà Minh, Trung Quốc. Việc sắp xếp thứ tự các truyện trong sách cũng dựa vào bản No. 2072.

Hôm nay, quyển sách này đủ nhân duyên ra đời được, chúng con xin được thành kính gửi lời tri ân trước hết đến Thượng tọa Chủ nhiệm Ban Dịch thuật Pháp Âm đã từ bi chỉ dạy rất ân cần, chu đáo mọi việc, kể đến thầy Định Huệ đã hết lòng hướng dẫn một phần quyển sách. Chúng tôi cũng chân thành cảm niệm công đức của các thiện hữu tri thức và Phật tử đã hỗ trợ công sức và tài chính cho việc ấn hành quyển sách này.

Nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho người đọc, trong khi chuyên ngữ và biên tập, chúng tôi đã cố gắng giữ chính xác tối đa nội dung của nguyên bản chữ Hán, tuy nhiên, thật khó tránh khỏi sai sót ngoài ý muốn. Chúng tôi thành thật xin lỗi về điều ấy, đồng thời, kính mong đón nhận được sự hoan hỉ phủ chính của chư Đại đức tăng, ni, Phật tử, các bậc thức giả.

Nguyện hồi hướng công đức có được khi thực hiện bộ sách này cho tất cả hành giả nguyện sinh An Dưỡng đều được an lạc trong hiện tại và sẽ thành tựu Tịnh nghiệp mai sau.

Lưu học xá Huyền Trang, trọng xuân-Quý Tị (2013)
Thay lời các thành viên biên dịch
Chúc Đức kính ghi.

Quyển 1

I. SA-MÔN VÃNG SINH

1. Thích Tuệ Viễn

Sư họ Giả, người Lô Phiền, Nhạn Môn. Thuở nhỏ, Sư theo người cậu đi học ở các nơi như Hứa Xương, Lạc Dương, v.v... nên hiểu rộng kinh sử, am tường Lão Trang.

Năm hai mươi một tuổi, Sư muốn qua Giang Đông đến học với Phạm Tuyên Tử, nhưng đường giao thông phía nam trở ngại, nên chí nguyện không thành.

Lúc bấy giờ, ngài Đạo An ở núi Thái Hành hoằng dương Phật pháp, danh tiếng truyền lan khắp nơi. Sư liền đến đó, hết lòng cung kính nương theo tu tập. Sau, nghe ngài Đạo An giảng kinh Bát-nhã, Sư bỗng nhiên khai ngộ, than:

- Học thuyết của chín phái^[1] đều là lúa lép mà thôi!

Từ đó, sư cùng người em là Tuệ Trì lễ ngài Đạo An xin xuất gia làm đệ tử. Vì có phong thái uy nghiêm, oai nghi điềm đạm, Sư được ngài Đạo An khen ngợi:

- Phật pháp lưu truyền ở Đông độ là nhờ Tuệ Viễn vậy!

Năm hai mươi bốn tuổi, Sư lên tòa giảng pháp, có người đến hỏi về nghĩa thật tướng. Sư nhiều lần phân tích tỉ mỉ nhưng càng làm cho người hỏi tăng thêm mê mờ. Sư liền trích dẫn sách Trang Tử để thuyết minh nghĩa thật tướng của Phật giáo, khiến người học được hiểu rõ. Từ đó, ngài Đạo An cho phép Sư vận dụng các sách thế tục.

Niên hiệu Kiến Nguyên đời Tấn (343-344), ở Tương Dương nổi loạn, ngài Đạo An bị Châu Tự bắt, các đệ tử li tán mỗi người một nơi. Sư cùng với Tuệ Trì và vài chục người nữa đi đến Kinh Châu, ít lâu sau lại muốn đến La Phù. Vừa qua khỏi Tầm Dương, thấy ngọn Lô Sơn cao vút, Sư liền có ý thích ở lại nơi đó, nhưng ngại nổi nguồn nước cách xa. Sư lấy tích tượng động xuống đất nói:

- Nếu nơi đây có thể ở được, hãy khiến cho vùng đất khô cằn này có suối!

[1] Chín phái: chín học phái đời Chiến quốc như Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung Hoành gia, Tạp gia, Nông gia.

Sư vừa nói xong liền có dòng nước vọt lên. Về sau, Tầm Dương gặp hạn hán, Sư chỉ tay vào bên hồ nước, tụng kinh Long vương. Trong chốc lát, có con rắn lớn từ hồ bay vọt lên hư không, lát sau có trận mưa lớn. Nhân đó, nơi ấy có tên là Long Tuyên.

Bấy giờ, sa-môn Tuệ Vĩnh đang ở Tây Lâm, thỉnh cầu Sư đến cùng ở. Lại lo chỗ ở nhỏ hẹp, Tuệ Vĩnh bảo thứ sử Hoàn Y xây dựng thêm Đông Lâm cho Sư.

Trước đó, Đào Khả cai quản Quảng Châu, có người đánh cá vớt được trên biển một pho tượng với hình dạng rất lạ do vua A-dục tạc. Khả đem tượng tôn trí ở chùa Hàn Khê, Vũ Xương. Chùa thường xảy ra hỏa hoạn nhưng pho tượng vẫn còn nguyên. Sau đó, Đào Khả dời đi cai quản ở quận khác, vì pho tượng ấy vẫn còn linh ứng nên ông sai người mang tượng theo, nhưng rốt cùng không thể nhắc tượng lên được. Ông đến chỗ Sư thành tâm cầu nguyện, thì pho tượng nhẹ nhàng tự đến, do đó biết được Tuệ Viễn là bậc tu chứng, đã cảm ứng điềm lành.

Ân Trọng Kham ở Kinh Châu đến Lô Sơn cùng đàm luận với Sư về kinh Dịch cả ngày cũng không thấy mỏi mệt. Kham ca ngợi:

- Tri thức của ngài thật quá uyên thâm, khó ai sánh bằng!

Tư đồ Vương Mật, Hộ quân Vương Mặc đều khâm phục uy đức của Sư, hết mực cung kính. Vương Mật gửi thư nói:

- Tôi tuổi chưa tới bốn mươi mà đã già suy như kẻ sáu mươi, thật quá buồn về sự suy kém của mình!

Sư đáp:

- Người xưa không tiếc vàng ngọc mà chỉ quý thời giờ, chỉ quan tâm đến những gì đã làm được chứ không chú trọng sống lâu!

Bấy giờ, Tống Vũ đánh phá quanh Lô Tuần, đóng quân ở Tang Vĩ. Cận thần tâu:

- Tuệ Viễn là tổ vương^[2] ở Lô Sơn, có mối thâm giao với Lô Tuần.

Tống Vũ nói:

- Tuệ Viễn là người mô phạm, đâu có phân biệt kia đây.

[2] Tổ vương 素王: Người có đức của đế vương nhưng không ở ngôi vua.

Nhân đó, ông sai sứ mang thư, tiền, gạo cúng dường cho Sư.

Vua Tần là Dao Hưng ca ngợi Sư là người có tài năng và tư tưởng phong phú, nhiều lần gửi thư ban tặng. Luận Đại trí độ mới in xong, Dao Hưng liền gửi quyển luận cho Sư. Sư nói:

- Bộ luận này do bồ-tát Long Thụ soạn, là yếu chỉ của kinh Phương đẳng. Nếu không có bậc Đại Sĩ thì ai có thể viết lời tựa?

Bấy giờ, Hoàn Huyền chinh phạt Trọng Kham. Ông đến thẳng chân núi, mời Sư rời Hồ Khê nhưng Sư từ chối. Huyền một mình lên núi. Cận thần đều tâu:

- Trọng Kham là kẻ phạm pháp mà còn hết lòng cung kính Tuệ Viễn, chỉ có ngài là không kính ông ấy!

Huyền nói:

- Trọng Kham là kẻ tầm thường, ta và hắn đâu có giống nhau?

Sau đó, gặp Tuệ Viễn, ông ta đột nhiên đến kính lễ, tuy trong lòng có nhiều nghi hoặc nhưng không dám nói ra. Ông hỏi về kế sách chinh phạt, Sư không trả lời. Ông vặn hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Việc binh bị tôi chưa học qua.

Huyền nói:

- Vậy ngài đáp ứng gì cho tôi?

Sư đáp:

- Mong ông được an ổn, đối phương cũng như vậy.

Hoàn Huyền ra khỏi núi, bảo cận thần:

- Người này quả thật từ khi sinh ra đến giờ, ta chưa từng thấy. Sao ta lại khinh thường Sư?

Sau đó, Huyền dùng uy quyền gọi Sư đến, lại ban hành chỉ dụ bắt sa-môn phải lễ bái quốc vương. Quan Thượng thư lệnh Hà Sung, Bộc xạ Chử Dục, Gia Cát Khôi, v.v... đều trình tấu trình lên nhà vua việc bắt các quan phải thực thi chỉ dụ. Việc tranh luận những quan điểm đồng dị của các quan, ý kiến chưa được thống nhất.

Sư soạn Sa-môn bất kính vương giả luận^[3], gồm năm thiên trình lên, Huyền liền thôi, không buộc sa-môn kính lễ nữa. Hoàn Huyền đi đến phía tây, An đế từ Giang Lăng quay về kinh thành, Phụ quốc Hà Vô Kị yêu cầu Sư ra nghinh tiếp vua. Sư lấy có bị bệnh để khước từ. Vua viết thư thăm hỏi vượt hơn thường tình, Sư lại dâng thư tạ ơn: “Thích Tuệ Viễn cúi đầu bái tạ ơn đức cao dày che chở. Bản đạo đây tuổi đã cao, thân lại mang bệnh, sức khỏe suy kém, được chiếu thư ân tình thăm hỏi, rất cảm kích, khắc ghi trong lòng”.

Vua xem thư, viết chiếu thư ca ngợi hồi đáp.

Trần Lưu, Tạ Linh Vận cậy tài kiêu mạn, ít được người quý mến, nhưng khi tiếp xúc với Sư thì hết lòng cung kính, tín phục. Và lại, Sư trong thì uyên thâm Phật pháp, ngoài thông suốt Nho học, ở Lô Sơn ba mươi năm chưa từng xuống núi. Lưu Di Dân ở Bành Thành, Lôi Thứ Tông ở Dự Chương, Chu Tục Chi ở Nhạ Môn, Tất Dĩnh Chi ở Tân Thái, Tông Bính ở Nam Dương, Trương Dã ở Thanh Hà cùng bỏ hết vinh hoa phú quý ở đời, theo nương tựa nơi Sư. Sư cùng một trăm hai mươi ba người như Lưu Di Dân, ... thành lập Tịnh xã, ở trước tượng A-di-đà thành tâm lập nguyện cầu sinh về nước An Dưỡng^[4]”. Sau đó, Sư bảo Lưu Di Dân khắc lại lời văn ấy. Thời ấy gọi đó là Liên xã, vì mọi người nơi đó đồng tâm lập nguyện sinh về Tịnh độ.

Sư lấy việc hoằng pháp làm trách nhiệm chính yếu của mình. Mỗi lần nghe có tăng từ Tây Vực đến, Sư liền khiêm cung đến tham vấn đạo lý. Vào niên hiệu Thái Nguyên (376 – 396), có sa-môn Tăng-già-nan-đề nước Kế-tân đến Tầm Dương, Tuệ Viễn thỉnh ngài dịch bộ A-tỳ-đàm tâm luận và Tam pháp độ luận.

Sau đó, ngài La-thập đến Quan Trung, khoảng cách đôi bên xa xôi, Sư đốt hương tưởng cầu và viết thư thăm hỏi. La-thập từ lâu cũng đã nghe danh Sư nên hồi thư giao hảo và làm năm bài kệ tán thán Sư. Từ đó, Nam Bắc nghìn dặm thường thư từ qua lại thăm hỏi không ngừng.

Ngày mồng một tháng tám niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười hai (416), Sư phát bệnh. Đến ngày mồng sáu, bệnh càng thêm trầm trọng. Các vị trưởng lão đều đỉnh lễ khẩn cầu Sư uống rượu đậu thị. Sư nói:

- Trong luật không cho dùng rượu chữa bệnh.

[3] Sa-môn bất kính vương giả luận, 沙門不敬王者論: Sa-môn không kính lễ quốc vương.

[4] An Dưỡng 安養: Cõi Cực Lạc.

Mọi người mời uống nước gạo rang thì Sư từ chối:

- Đã quá giờ Ngọ rồi!

Các vị trưởng lão lại mời uống nước hòa với mật, Sư lại bảo luật sư^[5] xem trong luật có cho phép hay không. Luật sư lật tìm chưa được nửa quyển thì Sư đã viên tịch.

Sư thọ tám mươi ba tuổi. Đạo tục tập vân tập đông đủ. Thái thú Nguyên Bảo ở Tầm Dương cùng với các đệ tử Pháp Tịnh, ... an táng Sư ở Sơn Tây. Linh Vận, Tông Bính là những bậc hiền nhân danh tiếng thời bấy giờ, kính thương nhớ nghĩ công đức của Sư, nên khắc bài văn bia.

Lúc sinh thời, Tuệ Viễn tu pháp môn Tịnh độ, chuyên cần trì niệm. Ban đầu ở Lô Sơn mười một năm, tịnh tâm nhiếp niệm, ba lần thấy được tướng thù thắng mà Sư vẫn im lặng không nói. Sau đó mười chín năm, vào đêm ba mươi tháng bảy, Sư ở khám phía đông trên đài Bát-nhã vừa xuất định thì thấy thân Phật A-di-đà ở khắp cả hư không, trong vàng ánh sáng có các hóa Phật, có các bồ-tát Quan Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy có dòng nước rục rỡ chia thành mười bốn nhánh, chảy từ trên xuống dưới, tự giảng thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã. Phật bảo Sư:

- Ta vì tâm nguyện của ông mà đến đây tiếp dẫn. Sau bảy ngày nữa, ông sẽ sinh về thế giới Cực Lạc!

Sư cũng thấy Phật-đà-da-xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận ở bên cạnh Đức Phật. Các ngài đến trước Sư xá chào, nói rằng:

- Pháp Sư phát nguyện trước chúng tôi, vì sao đến chậm trễ vậy?

Chúng kiến rõ ràng như thế với tinh thần minh mẫn, Sư liền kể lại hết cho các đệ tử như Pháp Tịnh, Tuệ Bả, v.v... Nhân đó, Sư dạy Pháp Tịnh rằng:

- Ta ở đây mười một năm, mong muốn thấy được ba tướng thù thắng của Tịnh độ. Bây giờ đã được thấy, nhất định ta sẽ sinh Tịnh độ!

Sau đó bệnh càng ngày càng nặng, Sư bảo Pháp Tịnh rằng:

[5] Luật sư 律師 (S: vinaya-dhara; Cg: trì luật sư, luật giả): Người chuyên nghiên cứu, giải thích và đọc tụng môn luật. Theo kinh Bảo vân quyển 5 (Đại 16. 233 hạ), bồ-tát hội đủ mười pháp được gọi là luật sư.

- Trong vòng bảy ngày, ta sẽ qua đời. Các con hãy tự cố gắng, đừng để tình cảm bị lụy ở thế gian ràng buộc.

Bảy ngày sau, quả nhiên Sư viên tịch.

Ghi chú

Trước đời Tấn, pháp môn Tịnh độ tuy đã được biết ở Trung Quốc, có những vị hết lòng xiển dương và ra sức hành trì, khiến cho mọi người đều biết, nhưng từ ngài Tuệ Viễn, trải qua muôn đời sau, những người đệ tử tu theo pháp môn Tịnh độ đều suy tôn Ngài là thi tổ pháp môn này. Có thể nói: Đức Thích-ca nói về thế giới phương Tây (Cực Lạc), Phật A-di-đà hiện thân ở cõi nước phương Đông (Ta-bà). Công đức ấy không lớn ư? Ngày xưa tôi đến Lô Sơn uống nước suối Hồ Khê, ngắm nhìn đền Tam Tiếu, lui tới tham quan những di tích của mười tám bậc hiền đức, thấy thật qui mô, đủ cho muôn vị tăng ở, nhưng nay chính điện, phòng xá bị bụi phủ kín, chuông trống im lìm, cảnh trí hoang vu, cửa nẻo đóng kín, bếp núc nguội lạnh. Than ôi! Các bậc hiền đức mất rồi, sự nghiệp không người nối tiếp!

2. Thích Tuệ Vĩnh

Sư Tuệ Vĩnh họ Bà, người Hà Nội (Hà Nam). Cuối đời Đông Tấn, sư thờ ngài Trúc-đàm-hiện làm thầy. Sau nghe ngài Đạo An là bậc mô phạm đương đời, sư liền từ nghìn dặm đến kính cận theo học. Lúc ấy, Trung Nguyên xảy ra nhiều biến loạn, người dân xâu xé lẫn nhau, sư muốn đi về phương nam, vượt Ngũ Lĩnh, đến ở phía bắc núi La Phù, nhưng vừa đi đến quận Tầm Dương thì một người trong quận tên Đào Phạm thỉnh Sư lưu lại Tây Lâm, Lô Sơn.

Chẳng bao lâu, người đến tu học rất đông. Ngài Tuệ Viễn cũng đến đó, hai ngài cùng có ý định ở lại đây suốt đời; ngài Tuệ Viễn trụ ở Đông Lâm, suốt ba mươi năm không ra khỏi núi, Sư ở Tây Lâm cũng như thế. Sư thường xem kinh điển, giảng thuyết thông suốt, ăn rau dưa, mặc áo vải thô, vui với cuộc sống đạm bạc đến trọn đời. Sư thích cảnh thanh vắng, an tĩnh nội tâm, tu tập thiền định, do đó Sư dựng một am tranh trên đỉnh núi để tọa thiền. Mỗi khi Sư tới thất, hỏ phủ phục theo bên cạnh khiến mọi người sợ hãi, nên Sư đuổi hỏ đi, nhưng sau đó hỏ cũng quay trở lại.

Có lần sư đến Ô Kiêu, vị chủ doanh trại Ô Kiêu cưới ngựa, uống rượu gây cản trở lối đi. Đến chiều tối, Sư không trở về được, liền cầm gậy từ xa chỉ thẳng vào ngựa, ngựa hoảng sợ khiến chủ doanh trại té nhào xuống đất. Từ đó, người kia lâm bệnh nặng, tìm đến xin sám hối. Sư nói:

- Thần hộ giới có tính khí hung dữ. Ông là người cuồng bạo mà đối với tôi cũng có lòng hối cải sao!

Sư tư chất thanh cao, không nói lời làm tổn thương đến người. Tâm thành lập nguyện ở nơi An Dưỡng.

Niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười (414), Sư lâm bệnh. Sư chỉnh sửa phục, nhiếp niệm nhắm mắt, hướng về phía tây. Chốc lát, Sư bảo đưa dép, muốn đứng dậy. Đồ chúng thấy vậy nghi sợ, chạy đến trước mặt hỏi, Sư nói:

- Vì Phật đến nên ta đứng dậy, có gì phải hỏi!

Nói rồi Sư viên tịch. Tăng, tục kéo đến rất đông, hương trời lan tỏa đến bảy ngày mới hết. Vua Đường Huyền Tôn truy phong cho Sư thụy hiệu Giác Tịch Đại Sư.

Ghi chú

Khi Tuệ Vĩnh mới vào đạo, đã cùng ngài Tuệ Viễn và những huynh đệ khác sáng lập đạo tràng Tịnh Xã, làm phép tắc cho muôn đời. Sư cũng noi theo tông Tịnh độ của tổ Tuệ Viễn. Đến lúc mạng chung, Sư thấy Phật đến rước. Hai ngài trước sau đều xuất hiện điềm lành như nhau, nếu muốn chứng minh điềm vãng sinh thì nên lấy hai ngài làm chuẩn mực.

3. Đàm Thuận

Sư Đàm Thuận, sống vào đời Tấn, người Hoàng Long, lúc nhỏ Sư theo pháp sư La-thập^[6] giảng giải kinh điển. La-thập khen rằng: “Người này có khí chất lạ lùng!”. Sau đó, Sư vào Lô Sơn tu tịnh nghiệp. Bấy giờ, có Hiệu úy Lưu Tôn Hiếu ở Ninh Man xây một ngôi chùa ở Giang Lăng, thỉnh ngài Đàm Thuận về trụ trì. Sư xiển dương pháp môn Niệm Phật tam-muội.

[6] Túc Cựu-ma-la-thập 鳩磨羅什 (S: Kumârajiva), cao tăng Trung Quốc, sống vào đời Đông Tấn, người nước Qui Tư (Khasa, Tân Cương), là một trong bốn nhà dịch kinh lớn. Từ tháng 4 năm Quý Mão (403), Sư lần lượt dịch các kinh, luận như: Trung Luận, Bách Luận, Thập Nhi Môn Luận (3 bộ này gọi chung là Tam luận)... Sư ở Trường An được 12 năm thì thị tịch, hưởng thọ 70 tuổi.

Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ hai đời Tống, Sư từ biệt đồ chúng, ngồi ngay ngắn và thị tịch, có hương thơm lạ khắp phòng.

4. Tăng Duệ

Thích Tăng Duệ, ở Quán Đào, nước Ngụy.

Năm 18 tuổi làm đệ tử ngài Tăng Hiền. Sư du phương học tập kiến thức ngoại điển, đến năm hai mươi tuổi, lầu thông kinh Phật, am tường Nho giáo. Thường nghe ngài Tăng Lãng giảng kinh Phóng quang, Sư hay nêu ra những câu hỏi chất vấn. Ngài Tăng Lãng bảo ngài Tăng Hiền rằng:

- Duệ có hiểu biết hơn người. Duệ hỏi ta, khiến ta suy nghĩ mãi không ra, có thể nói đó là đệ tử đầy đủ tài đức của ông.

Sư cho rằng bản thân mình là giai vị Hữu học chưa thể huân tập định tuệ. Lại nữa, sự sâu xa của thiền định Sư còn chưa biết được thứ lớp. Sư nói:

- Kinh pháp tuy ít nhưng cũng đủ để hiểu về nhân quả, còn pháp thiền chưa được lưu truyền, nên chẳng có pháp dụng tâm!

Sau đó, ngài La-thập đến Quan Trung, dịch Thiền pháp yếu giải gồm ba quyển, Sư là người đầu tiên tiếp cận bản dịch này. Từ đó, Sư suốt ngày đêm tu tập, tinh tường được ngũ môn^[7] khéo vào lục tịnh^[8]. Ngụy tư đồ Diêu Tung có lòng tốt muốn nâng đỡ sư, nên khi vua Diêu Hưng hỏi:

- Sư Tăng Duệ là người như thế nào?

Dao Tung trả lời:

- Chính là bậc tòng bách ở Nghiệp Vệ^[9]!

Sau đó, Dao Hưng gặp được Sư, vua rất vui vẻ nói lại với Tung:

- Tăng Duệ quả là bậc đứng đầu trong thiên hạ, đâu phải chỉ là trượng phu ở Nghiệp Vệ!

[7] Ngũ môn 五門: Quán hơi thở, quán bất tịnh, quán từ bi, quán nhân duyên, niệm Phật.

[8] Lục tịnh 六淨: Sáu phép nhiếp tâm thanh tịnh, gồm: số tức, tùy tức, chỉ, quán, hoàn, tịnh.

[9] Nghiệp Vệ: Vùng đất Ngụy huyện, nơi xuất thân của sư Tăng Duệ.

Do đó, tiếng tốt của Sư vang xa, mọi người đều quy ngưỡng. Kinh luận mà ngài La-thập dịch đều được Sư trau chuốt lại.

Sau khi phiên dịch xong luận Thành thật^[10], ngài Cưu-ma-la-thập bảo Sư giảng, và nói rằng:

- Luận này có ẩn bảy điểm phản biện Tì-đàm. Nếu không hỏi ta, mà có khả năng phân biện bảy điểm đó, thì mới gọi là anh tài!

Quả thật đã không tham vấn La-thập mà Sư vẫn diễn thuyết rõ ràng, khiến ngài Cưu-ma-la-thập khen ngợi:

- Ta trao luận này cho ông, thật không có chút hối tiếc!

Về sau, Sư viết rất nhiều bài tựa của các kinh luận do ngài Cưu-ma-la-thập phiên dịch, như: Đại trí luận, Thập nhị môn luận, Trung luận, Đại phẩm, Tiểu phẩm, Pháp hoa, Duy-ma, Tư ích v.v... lưu truyền ở đời.

Sư khéo tu tập oai nghi, hoằng truyền Phật pháp, thường hồi hướng việc lành nguyện sinh An Dưỡng. Khi đi, đứng, nằm, ngồi, Sư đều hướng về phía tây.

Bấy giờ, Sư không bệnh mà nhóm chúng tăng nói rằng:

- Ước nguyện cả đời của ta là vãng sinh Cực Lạc. Tự nghĩ ba nghiệp thân, khẩu, ý của ta chưa bao giờ trái với giới luật, nên nhất định ta sẽ được vãng sinh. Nguyện Đức Đại Từ rủ lòng thương xót, muôn đời chúng ta cùng làm pháp lữ!

Nói rồi, ngài thiết đãi tăng chúng rồi ngồi viên tịch. Trong ngày ấy, chư tăng thấy có mây năm sắc vờn vũ từ phòng Sư, rồi từ từ bay về hướng tây.

Sư Tăng Duệ, sống vào đời Tấn, người Kí Châu, Sư cầu học khắp nơi, lặn lội đường xa tìm đến Thiên Trúc, sau đó lại trở về Quan Trung, theo pháp sư La-thập thụ học kinh điển. Sau đó, Sư đến tu tại đạo tràng Bạch Liên xã^[11] ở Lô Sơn. Vào

[10] Luận Thành thật 成實論 (S: Satyasiddhi-sāstra): Gồm 16 quyển hoặc 20 quyển, do ngài Ha-lê-bạt-ma soạn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào khoảng năm 411-412 đời Diêu Tần, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 32. Đây là kinh điển căn bản của tông Thành Thật.

[11] Bạch Liên xã 白蓮社: Hội đoàn Bạch Liên lấy sự niệm Phật làm tôn chỉ tu hành, bắt nguồn từ việc lập hội niệm Phật của ngài Tuệ Viễn đời Đông Tấn. Tháng 7 năm 402, có 123 người, gồm các vị Tuệ Vĩnh, Tuệ Trì, Đạo Sâm, Lưu Di Dân, Tông Bính, Lôi Thứ Tông... cùng nhau thiết trai trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thờ ở đài Bát-nhã chùa Đông Lâm, đồng thệ nguyện lập hội Niệm Phật, chuyên tu niệm Phật Tam-muội để cầu vãng sinh Tây phương. Do ao trong chùa có trồng nhiều hoa sen trắng, hơn nữa, hội lại nguyện cầu sinh về hoa sen nên hội lấy tên là Bạch Liên xã.

niên hiệu Tống Gia thứ mười sáu, bỗng nhiên Sư nói với đồ chúng rằng: “Ta sắp đi!”. Nói xong, Sư quay mặt về hướng tây chấp tay mà thị tịch. Đồ chúng thấy trước giường của ngài Tăng Duệ có hoa sen bằng vàng, nhưng chỉ trong chốc lát đã biến mất. Đồng thời, có ánh sáng năm màu và hương thơm từ phòng bay ra.

5. Đàm Hằng

Sư Đàm Hằng sống vào đời Tấn, người Hà Đông, thuở nhỏ theo ngài Tuệ Viễn xuất gia, thông suốt tất cả nội điển và ngoại điển. Sau đó, Sư tự tìm đến Lô Sơn, chuyên tâm niệm Phật.

Đến niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười bốn (419), Sư ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật mà thị tịch.

6. Đạo Bình

Sư Đạo Bình, sống vào đời Tấn, người Dĩnh Xuyên, lúc nhỏ theo học ngài Tuệ Viễn, thông hiểu kinh, luật, lời nói đi đôi với việc làm, tu Niệm Phật tam-muội, tâm không gián đoạn.

Đến niên hiệu Nghĩa Hi thứ 14 (419), Thái thú ở Dự Chương tên Vương Kiên vào núi đỉnh lễ và thỉnh Sư nối tiếp sự nghiệp của ngài Tuệ Viễn, mọi người đều kính ngưỡng.

Niên hiệu Nguyên Gia thứ 12, Sư nhóm chúng niệm Phật, rồi lên tòa, ngồi thị tịch.

Ghi chú

Lời nói và việc làm hợp nhất. Có thể nói rằng, tâm khẩu đều niệm Phật. Nghe lời nói thì đúng, nhưng xét việc làm thì sai mà muôn vãng sinh, toan doi gạt ai?

7. Đàm Sơn

Sư Đàm Sơn, sống vào đời Tấn, người Quảng Lăng. Lúc nhỏ, Sư theo ngài Tuệ Viễn, siêng năng tu tịnh nghiệp và rất giỏi giảng thuyết. Sư chú thích kinh Duy-ma lưu hành ở đời. Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười bảy, Sư ngồi ngay thẳng niệm Phật mà thị tịch.

8. Đạo Kính

Sư Đạo Kính, sống vào đời Tấn, người ở Lang Da^[12], nhưng tổ tiên của Sư đến cư trú ở Giang Châu, nhờ đó, năm 17 tuổi, Sư theo ngài Tuệ Viễn xuất gia; Sư thông hiểu kinh luận, một ngày nhớ cả vạn lời, dốc lòng niệm Phật suốt ngày không dừng.

Vào đầu niên hiệu Vĩnh Sơ đời Tống, Sư nói với đồ chúng: “Thầy ta ra lệnh, ta phải ra đi”. Nói xong, Sư ngồi ngay ngắn niệm Phật mà thị tịch. Bảy giờ, đồ chúng thấy ánh sáng chiếu khắp căn phòng, trải qua một thời gian lâu mới dứt.

Ghi chú

Tuổi trẻ tài cao, thông minh nhưng không ỷ lại mà còn dốc lòng niệm Phật. Chẳng phải đời trước đã sớm gieo nhân Tịnh độ đó ư? Ngày nay, những vị sa-di mới xem sơ qua kinh luận đã sinh ngã mạn, khoe khoang, còn người lớn tuổi không biết đi về đâu, cực chẳng đã mới bàn luận về Tây phương thì đã muộn rồi vậy.

9. Phật-đà-bạt-đà-la

Phật-đà-bạt-đà-la^[13], Trung Quốc dịch là Giác Hiền. Sư sống vào đời Tấn người nước Ca-duy-vê^[14] thuộc dòng họ của vua Cam Lộ Phạn. Năm Sư lên 16 tuổi đã học hết các kinh, hiểu rõ thiên, luật. Vào đời Diêu Tần có sa-môn Trí Nghiêm đến Tây Vực, mời Sư sang Trường An. Đến Trường An rồi, Sư giảng pháp ở Đông Cung và luận đạo với pháp sư La-thập. Sau, vì Sư có ý muốn trở về nước bằng đường biển nên Sư bị nhà vua đuổi đi. Sư tìm đến Lô Sơn và tham gia trong đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Tuệ Viễn, Sư dịch các bộ kinh như Quán Phật tam-

[12] Lang Da 瑯琊: Tên đất, thuộc phần phía tây của tỉnh Sơn Đông; cũng là tên của một ngọn núi ở phía tây tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

[13] Phật-đà-bạt-đà-la 佛馱跋陀羅 (S: Buddhahadra): (359-429) cao tăng Ấn Độ, sống vào thế kỉ V, người ở thành Na-ha-lợi, họ Thích, là con cháu của vua Cam Lộ Phạn ở thành Ca-tì-la-vê, người đời gọi là Thiên Trúc thiên sư.

[14] Ca-duy-vê 迦維衛 (S: kapilavastu): Cg: Ca-tỳ-la-vê: đô thành nơi đức Phật đản sinh và cũng là vương quốc của dòng họ Thích-ca, nay là Tilorakot, Ta-rai, Nepal. Theo truyền thuyết, thi tổ của phái Số luận là tiên nhân Ca-tỳ-la cũng ở xứ này nên lấy tên ông đặt tên nước. Thành Ca-tỳ-la-vê bị vua Tỳ-lưu-ly nước Kiền-tát-la phá hủy nên diêu tàn. Năm 1895, các nhà khảo cổ tìm thấy phế tích thành Ca-tỳ-la-vê gần làng Ruminide.

muội^[15] v.v... Vào niên hiệu Nguyên Gia thứ 6 (429), nhà Tống, Sư niệm Phật mà thị tịch.

10. Tăng Tế

Sư Tăng Tế sống vào đời Tấn^[16], đến Lô Sơn theo học với ngài Tuệ Viễn, sau khi đạt được mục đích liền thốt lên rằng: “Làm rạng rỡ đại pháp, việc ấy ở pháp môn Tịnh độ này!”. Từ đó về sau, Sư rờn rã, tha thiết, mong sinh về Tịnh độ. Ngài Tuệ Viễn trao cho Sư một ngọn đuốc và dặn rằng: “Ông phải phát tâm cầu sinh về Tịnh độ”. Ngài Tăng Tế cầm ngọn đuốc ngồi tựa vào ghế, dùng tâm lắng ý, không xao động. Sư lại nhóm hợp đồ chúng tụng kinh Tịnh độ^[17]. Đến canh năm, Sư trao lại ngọn đuốc cho đệ tử là Nguyên Bật và dặn phải theo chúng mà hành đạo. Bỗng chốc, Sư biết mình tự cầm ngọn đuốc bay lên hư không và gặp Phật A-di-đà, được Phật đón và đặt lên lòng bàn tay, rồi đưa Sư đi dạo khắp mười phương. Sau đó, Sư sực tỉnh vừa buồn, vừa tủi, tự biết tứ đại^[18] không còn bệnh, khổ.

Đêm sau, bỗng nhiên Sư đứng dậy, mắt nhìn lên hư không như nhìn thấy một điều gì đó^[19], rồi thình lình nằm trở lại, vẻ mặt tự nhiên vui tươi và nói với người bên cạnh rằng: “Ta đi đây!”. Nói dứt lời, Sư nằm nghiêng bên phải mà thị tịch. Lúc ấy thời tiết oi bức, trải qua ba ngày thân thể không những không biến đổi mà còn có hương thơm ngào ngạt.

Ghi chú

Ngài Tăng Tế nhờ thầy chỉ dạy mà được vãng sinh Tịnh độ. Vì thế, trợ niệm lúc lâm chung ai dám nói là không có công hiệu! Mặc dầu quần linh cứu trong lúc trời oi bức, nhưng thân thể vẫn phát ra hương thơm lạ. Đây là kết quả của việc giữ phạm hạnh tinh chuyên.

[15] Quán Phật tam-muội kinh 觀佛三昧經 (S: Buddha-dhyāna-samādhisāgara-sūtra): Cg: Quán Phật tam-muội hải kinh: Kinh 10 quyển, 12 phẩm, do ngài Phật-đà-bạt-đà-la dịch vào đời Đông Tấn, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 15. Nội dung kinh này nói về việc Đức Phật thuyết pháp để độ cho Phụ vương là Duyệt-đầu-đàn và Di mẫu là Kiều-đàm-di tại rừng Ni-câu-lâu-đà, thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài dạy trụ Quán Phật tam-muội, đồng thời cho rằng tam-muội này có công đức sâu rộng, có năng lực đưa đến giải thoát.

[16] Tấn An đế (397— 405) (theo Truyện Vãng sinh Tịnh độ, ĐCT No.2071).

[17] Truyện Vãng sinh Tịnh độ ghi: kinh Quán Vô Lượng Thọ.

[18] Tứ đại 四大: Bốn yếu tố tạo thành vật chất, gồm có: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

[19] Truyện Vãng sinh Tịnh độ ghi: “Lại thấy hóa thân Phật và Bồ-tát đến ẩn hiện trên không trung”.

11. Tuệ Cung

Sư họ Cung, người Phong Thành, Dự Chương. Từ khi xuất gia, Sư kết bạn rất thân cùng với ba pháp sư là Tăng Quang, Tuệ Kham và Tuệ Lan. Sức học của các ngài không sánh bằng Sư, nhưng đối với Tịnh độ, thì các ngài huân tu, trưởng dưỡng, chuyên tâm phát nguyện, Sư không theo kịp. Ngài Tuệ Lan thường nói:

- Trình độ học rộng nghe nhiều của Sư đối với Phật pháp có lợi ích gì? Cũng như kẻ điếc tấu nhạc mà thôi. Đó là điều mà bậc thánh Vô Văn^[20] quở trách. Sư chấp nhận sự chê bai đó sao?

Sư nói:

- Đâu thể như thế được! Học hỏi không ngừng, thông suốt được mọi điều, thì có người nào lúc sắp chết lại mờ mịt, ngu si!

Bảy năm sau, các ngài đều viên tịch, lúc lâm chung đều có ứng hiện điềm lành. Năm năm kế tiếp, tức vào niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười một (415) đời nhà Tấn, Sư bị bệnh. Trong cơn bệnh, Sư suy nghĩ về các bạn đều đã qua đời, bản thân mình thì bị cơn bệnh hoành hành, mịt mờ không nơi nương tựa. Sư than thở:

- Sáu đường^[21] trôi lăn, khi nào mới dừng?

Bệnh càng nặng hơn, Sư nói:

- Sinh tử đến đi, ta sẽ về đâu?

Từ đó, Sư dập đầu rơi lệ, chí thành phát nguyện hướng về An Dưỡng. Tuy thân mang bệnh nặng, nhưng Sư trì niệm không một mảy may gián đoạn. Một hôm, Sư thấy Phật Vô Lượng Thọ đưa đài màu vàng rờng đến đón. Sư cảm giác như được ngồi trên đó. Kim đài phát sáng rực rỡ như đồng châu báu. Sư lại thấy các ngài như Tăng Quang, Tuệ Kham, Tuệ Lan... từ trong luồng ánh sáng vui vẻ nói:

- Sư sắp được vãng sinh phẩm thượng, chúng tôi vô cùng an lòng, chỉ tiếc là bị vướng mắc với ngũ trược dài lâu, đến cuối đời Sư mới nương nơi cõi Tịnh!

Sau đó, Sư chợt cảm thấy thân thể không còn bệnh khổ, tự ngồi dậy, kể lại điềm lành xong thì viên tịch.

[20] Vô Văn 無聞 (Cg: Vô Học): Chỉ cho bậc A-la-hán.

[21] Sáu đường: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, cõi người và cõi trời. Trong đó, ba đường trước gọi là ba ác đạo, ba đường sau gọi là ba thiện đạo.

12. Tuệ Kiên

Sư Tuệ Kiên^[22] sống vào đời Tấn, xuất gia từ lúc nhỏ, giới hạnh rất nghiêm. Vào niên hiệu Nghĩa Hi (405), Sư đến cư trú tại chùa Gia Tường ở huyện Sơn Âm, tỉnh Giang Tây, ra sức nuôi dạy đồ chúng. Sau đó, Sư mắc bệnh, một lòng cầu sinh Cực Lạc, thành tâm cầu khẩn bồ-tát Quán Âm.

Bấy giờ, tại ngôi chùa phía bắc có vị ni tên Tịnh Nghiêm đức độ sâu dày, siêng năng tu tập. Vào một đêm, Tịnh Nghiêm nằm mộng thấy bồ-tát Quán Thế Âm từ cửa thành phía tây đi vào, thân tướng có ánh sáng như mặt trời mặt trăng, có tràng phan, bảo cái, bảy báu trang nghiêm. Tịnh Nghiêm kinh ngạc đỉnh lễ và hỏi:

- Đại sĩ đi đâu?

Đáp:

- Ta đến chùa Gia Tường rước Tuệ Kiên.

Tuy Tuệ Kiên bị bệnh nặng, nhưng thần sắc không biến đổi, thị giả đều nghe có hương thơm lạ. Sư an nhiên thị tịch.

Ghi chú

Lúc lâm chung thấy Đức Phật, có người nghi đó chỉ là tâm vọng tưởng của chính mình. Nay có người khác cũng thấy là thế nào? Nên biết cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Hãy cẩn thận với lời nói!

13. Tăng Hiền

Sư Thích Tăng Hiền, họ Phó, ở quận Đại, hoặc có người nói ở Nam Thành, Lâm Châu. Nhiều đời tổ tiên của Sư làm quan ở quận Đại, do đó mà nhà cũng ở đây. Từ thuở nhỏ, Sư đã xa lìa thế tục, phẩm hạnh thanh khiết, cần khổ, không xen vào việc đời, những sự thay đổi của thịnh suy giả huyễn chẳng làm Sư động tâm, có lúc Sư thiền định trải qua nhiều ngày.

Vào cuối đời Tây Tấn, Lưu Diệu nổi loạn ở Lạc Dương, Sư phải ẩn cư ở Giang Đông. Lòng Sư thích chốn núi rừng, dù là hang sâu núi hiểm, không một bóng

[22] Theo Truyện Vãng sinh Tịnh độ, sư Tuệ Kiên họ Hoàng Phủ, người Hà Sóc.

người, Sư cũng nhất định đến đó. Một hôm, vào buổi chiều ở trên núi, Sư được bản kinh mới truyền dịch của vị Phạm tăng^[23]. Kinh văn có nói đủ ba phúc lành làm nhân nguyện vãng sinh Tịnh độ, cho đến thứ bậc Cửu phẩm vãng sinh. Sư vô cùng vui mừng nói:

- Thân ta ở trong đời ngũ trược, bị các khổ trôi buộc, nay được bản kinh này như thoát được chôn bùn lầy nhơ bẩn, như chim tung cánh bay lượn trên bầu trời. Từ nay trở về sau, tâm ta có chỗ hướng về.

Từ đó, Sư hết lòng hướng về phương Tây, trong suốt chín tháng không lười biếng dù một mảy may. Một đêm, Sư bệnh nằm trên giường, chợt thấy Phật Vô Lượng Thọ trên hư không đi xuống, trên bầu trời ánh sáng của trăm loại châu báu lần lượt chiếu vào thân Sư. Đêm đó, Sư ngồi dậy tắm rửa, kể lại cho chúng tăng và người chăm sóc bệnh nghe, rồi răn dạy nhân quả, khuyến khích người chưa tinh ngộ. Sau đó Sư thị tịch. Ngõi chùa gần bên, có người thấy đài sắc vàng từ hướng tây hạ xuống, có người nghe mùi thơm ở khắp phòng, mọi người đều lấy làm lạ.

Ghi chú

Tì-kheo biếng nhác, khi có bệnh thì nói: “Sức tôi suy yếu, đợi bình phục lại, sau đó mới niệm Phật”, mà không biết niệm Phật chính là vượt qua sự già, bệnh. Có bệnh mà chuyên tâm niệm Phật chính là lúc thích hợp để thấy rằng nhờ sức niệm Phật, không những hết bệnh mà còn được vãng sinh.

Lành thay!

14. Tuệ Thông

Sư Tuệ Thông sống vào đời Tấn, theo thiền sư Tuệ Thiệu ở Lương Châu để học thiền, nhưng lại cầu sinh về Cực Lạc. Một hôm, ngài bị bệnh nhẹ, ở trong thiền định thấy có một người hình tướng rất đẹp đẽ nói với ngài: “Giờ lành đã đến!”. Chốc lát, Ngài thấy Phật A-di-đà có hào quang rực rỡ. Sau khi xuất định, Ngài đem việc ấy thuật lại với những người đồng học, nói rồi an nhiên thị tịch. Lúc ấy có hương thơm lạ suốt ba ngày mới dứt.

[23] Phạm tăng 梵僧 : Chỉ cho các vị tăng đến từ các nước Tây Vực, hoặc Ấn Độ đến Trung Quốc; hoặc chỉ vị tăng tu hành giữ giới thanh tịnh. Về sau dần dần được sử dụng để chỉ chung cho giới tăng sĩ.

15. Pháp Lâm

Sư họ Lạc, người Tấn Nguyên, xuất gia ở quận nhà, chuyên tâm cầu học ở quận Thục^[24]. Sư thường cảm khái than thở nước Thục không có thầy. Đến khi ngài Ấn đến, Sư ngày đêm hết lòng tham vấn Phật pháp. Sau đó, ngài trở về Thiểm Tây, Sư cũng đi theo.

Vài năm sau, Sư thông suốt về trì phạm trong các bộ ù-ni^[25]. Sau đó, Sư trở về quận Thục, trụ ở chùa Linh Kiến, được đồng đạo tặng ni ở đây kính ngưỡng, tâm Sư vẫn không lay động. Ngoài việc chuyên về giới luật, Sư còn giảng bày cõi Phật, chỉ dẫn Cục Lạc là nơi vãng sinh. Sớm tối Sư thường tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ để thu nhiếp các niệm. Có lần đang tụng kinh, Sư thấy có vị tăng thân hình to lớn ở bên phải của Sư. Tuy lẩy làm lạ, nhưng Sư chưa từng mở miệng nói, nghĩ rằng đó chỉ là đứa trẻ đứng hầu mà thôi!

Niên hiệu Kiến Vũ thứ hai đời Tề (495), Sư không được khỏe, chợt thấy cây báu lớn^[26], dưới gốc cây có ba hoa sen. Trên hoa sen có tượng một Đức Phật và hai vị bồ-tát. Sư vui mừng nói:

- Người tu Tịnh độ thấy được tượng báu, thì trừ được tội nặng trong vô lượng kiếp. Ta đã thấy được, không còn lo lắng là không được sinh vào sen vàng, ao ngọc.

Thế rồi, Sư dặn dò việc tang lễ, khuyên không làm hao phí vật dụng của tăng, không chiều theo ưa chuộng của người đời, phải hỏa táng Sư theo tục lệ Ấn Độ, nghi lễ đơn giản.

Vào chiều ấy, Sư lại nói với chúng tăng:

- Đêm nay các vị nghe tiếng chuông thì đến chỗ ta!

Đến nửa đêm, quả nhiên nghe có tiếng chuông, Sư liền ngồi viên tịch. Tăng đồ y theo di ngôn, chặt cây ở bên đường lớn làm củi hỏa thiêu nhục thân Sư, lửa cháy hừng hực, ba ngày sau mới tắt.

Ghi chú

[24] Nước Thục: Tức tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc ngày nay.

[25] ù-ni 毘尼 (S: Vinaya-piṭaka): Luật.

[26] Cây báu lớn (đại bảo thụ 大寶樹): Cây được tạo bằng các thứ trân báu, có ở cõi Cục Lạc.

Ngài Pháp Lâm tụng kinh có một vị sa-môn xuất hiện trước mặt; đó là vì lòng thành nên được cảm ứng chứ không có gì lạ. Ngài chắc chắn được vãng sinh Tây phương mà không còn bị ràng buộc vào việc này. Vì thế, người tu tịnh nghiệp chớ có vướng vào việc mong cầu.

16. Đàm Giám

Thích Đàm Giám, họ Triệu, người Hạ Bác, Kí Châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã chán cuộc sống thế tục, đến cầu Trúc Đạo Tổ làm thầy, học tập kinh điển, nghiên cứu các luận. Trong luận có nhiều chỗ Sư không hiểu, mới than:

- Không có Thánh nhân ra đời, ta biết nương tựa vào đâu?

Sau đó, nghe tin ngài La-thập đến Quan Trung, Sư đến yết kiến để giải quyết những nghi vấn trong lòng. Sư thường đến nơi ngài La-thập nhiều lần, đến khi ngài qua đời, Sư nói:

- Thật không may ngài La-thập đã viên tịch rồi! Muốn giải tỏa điều khúc mắc biết hỏi ai đây?

Sau đó, sư liền đến Sơn tự ở Giang Lăng. Tuổi xế chiều, Sư tu tập tinh nghiêm, thường nguyện sinh Tịnh độ, gặp được Phật A-di-đà, cho nên dù làm được chút phúc thiện, Sư đều hồi hướng vãng sinh. Một hôm, đang trong định, Sư thấy Phật A-di-đà tay cầm bình vàng, rưới nước vào mặt Sư và nói:

- Rửa sạch trần cấu cho ông, khiến thân, khẩu, ý của ông được thanh tịnh.

Rồi Phật lấy trong bình một hoa sen trao cho. Sư xuất định, bảo đệ tử Tuệ Nghiêm:

- Ông có nhân duyên đối với Tịnh độ, nên ta không giấu giếm!

Sư kể lại việc ấy cho Tuệ Nghiêm. Ba ngày sau, đệ tử Đạo Tề từ biệt Sư đến chùa Thượng Minh. Sư dạy:

- Ông chưa thể vãng sinh An Dưỡng, thoát Ta-bà, bốn ba Nam Bắc rốt cục rồi sẽ thế nào?

Lát sau lại nói:

- Ông hãy vâng theo lời của ta, đến ngày nào đó, cũng giống như ta ngày nay vậy. Nếu không như thế, thì sẽ lưu chuyển theo nghiệp!

Đêm ấy, Sư cùng với tăng chúng đàm luận những việc đã qua, cũng hé lộ cho biết ý là Sư sắp vãng sinh, người nghe không ai hiểu ý. Đêm đã khuya, có sa-di Tăng Nguyệt hầu bên cạnh. Sư quay sang hỏi sa-di:

- Đêm đã tàn, sao con còn ở đây?

Sa-di về phòng. Sư một mình bước thong thả, niệm A-di-đà Phật, gần đến canh năm, tiếng niệm Phật càng mạnh mẽ hơn.

Đến sáng, Tuệ Nghiêm và mọi người như thường lệ đến vấn an Sư, thì thấy Sư ngồi kết già mà miệng không nói. Đến gần mới biết Sư đã viên tịch. Tuệ Nghiêm và mọi người không đặt Sư vào quan tài. Trải qua ba tuần, thân thể của Sư vẫn mềm mại, tươi nhuận và tựa như có hương hoa sen từ nhục thân tỏa ra. Đương thời đó, các ngài như Thích Đạo Hải ở Giang Lăng, Thích Đàm Hoằng ở Hoài Nam, Thích Đạo Quảng ở Đông Viên, Thích Đạo Quang ở Hoằng Nông đều phát nguyện sinh về An Dưỡng. Đến lúc sắp lâm chung, các ngài như Đạo Quang v.v... đều kể là chính mắt nhìn thấy có đài vàng, lưới báu^[27], và có chim ca-lăng-tần-già, mệnh mệnh^[28] hiện đến trước mặt.

17. Tăng Nhu

Sư họ Đào, người Đơn Dương.

Sư bẩm tính tài hoa, học với cha từ năm lên 9 tuổi, được những bậc tri thức lớn tuổi trong làng khen ngợi là có tài trí hơn người.

Sau, Sư xin xuất gia với pháp sư Hoằng Xứng, rất nổi tiếng lúc bấy giờ, người học đương thời đều đua nhau đến học. Một hôm, Sư hầu bên cạnh thì chợt bừng ngộ, những điều đã học như kinh Phương đẳng v.v... đều được thông suốt cả.

[27] Lưới báu (bảo võng 寶網): Tám lưới được kết thành bằng các thứ trân bảo.

[28] Mệnh mệnh 命命 (S: jīvaṃ-jīvaka): Loài chim trĩ sống ở Bắc Ấn Độ. Trong kinh Phật, loại chim này và chim Ca-lăng-tần-già đều được xem là có tiếng hót hay.

Về sau, Sư đến chùa Linh Thứu ở núi Diệm Bạch, chúng tăng trong chùa đêm đó nằm mộng thấy mọi người tụ họp lại, tay cầm búa, rìu, cò, lọng.... rất đông đảo, làm tắc nghẽn cả núi rừng. Có vị tăng hỏi, mọi người trả lời:

- Pháp sư Tăng Nhu đến, chúng con ra nghinh đón!

Đến sáng, quả nhiên có Sư đến, chúng tăng kể lại việc vi diệu này. Sư nói:

- Tôi bị quỷ thần thấy, đâu có gì hay!

Các vị đế vương như Tề Thái Tổ, Thế Tổ Văn Tuyên đều biết danh tiếng của Sư, nhiều lần ban chiếu thỉnh đến Nghiệp Hạ, đặc biệt ân sủng, nhưng Sư không thích thân cận thế tục, chẳng màng lợi danh, tâm không lay động bởi các việc thịnh suy, chỉ một lòng hướng về Tịnh độ. Mỗi lần đi về hướng tây, Sư đều trang nghiêm chính niệm cầu nguyện vãng sinh.

Đến lúc lâm chung, Sư thấy có trăm nghìn vị hóa Phật, lại nghe có hương lạ ở khắp trong ngoài thất. Sư nói:

Hương thơm xông ướp áo thầy
Thánh hiền tiếp rước, phương Tây sắp về!

Sư bảo trái chiếu, rồi kính cẩn quay mặt về hướng tây đỉnh lễ, ngay lúc đó Sư viên tịch.

Sư thọ sáu mươi bốn tuổi. Nhục thân được an táng ở phía nam núi Diệm Bạch. Samôn Tăng Hựu là bạn rất thân với Sư, khắc lại toàn bộ tiểu sử của Sư trên đá.

18. Tuệ Quang

Thích Tuệ Quang họ Dương, người ở Nghĩa Phong, Định Châu, sống vào đời Bắc Tề.

Năm mười ba tuổi, theo cha đến Lạc Dương, Sư ngưỡng mộ đạo hạnh ngài Phật-đà-phiến-đa^[29] mà theo thụ tam quy. Ngài thấy Sư có tướng lạ, có thể xiển dương Phật pháp, mới khuyến khích xuất gia.

[29] Phật-đà-phiến-đa 佛陀扇多 (S: Buddhaśānta): Cao tăng người Bắc Thiên Trúc, đến Trung Quốc dịch kinh vào thời Bắc Ngụy.

Sau khi xuống tóc, Sư tinh tấn tu học, mỗi ngày ghi nhớ được vài ngàn lời, lại nghiên cứu nghĩa lý sâu xa, có khả năng hiểu biết từ đời trước, nên có ai hỏi gì, Sư đều chỉ dẫn rõ ràng dễ hiểu. Mọi người ở Định Châu gọi Sư là Thánh Sa-di.

Sau khi thụ giới cụ túc, Sư phát huy Thánh giáo. Bấy giờ mọi người đều kính trọng uy đức của Sư, nơi nơi đều phát tâm cúng dường tài vật, ngày nào Sư cũng đem bố thí hết cho người nghèo khổ, cô độc.

Sư soạn Tứ phần luật số và chú số các kinh như Hoa Nghiêm^[30], Niết-bàn^[31], Thập Địa kinh luận^[32] v.v..., giải thích tường tận các nghĩa quyền, thật^[33]. Những bậc hiền nhân nổi tiếng đời Tề như Bộc xạ Cao Long Chi, Tư mã Lệnh Hồ Tử Nho đều kính ngưỡng Sư. Sư tinh tấn tu khổ hạnh, tự nghĩ rằng chưa biết trước giờ chết thì đâu được vắng sinh nơi cõi Phật.

Sau đó, Sư lâm bệnh nặng, chợt thấy thiên chúng hiện đến, Sư thành tâm đỉnh lễ, nguyện xin về An Dưỡng. Trong khoảnh khắc, Sư lại thấy cõi Tịnh độ và hóa Phật cùng bồ-tát khắp cả hư không. Sư nói:

- Cúi mong Đức Phật tiếp độ để con được toại nguyện!

Sư bảo đệ tử:

- Hóa Phật và bồ-tát không thể tính kể. Ta được vén áo theo sau, đã tròn được tâm nguyện!

Sư khảy móng tay, tăng hắng, rồi viên tịch.

[30] Kinh Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm kinh 華嚴經, S: Buddhāvataṃsaka-mahāvai-puḷya): Bộ kinh trọng yếu của Phật giáo Đại thừa, cũng là pháp môn tự nội chứng mà Như Lai tuyên thuyết cho các Bồ-tát thượng vị như bồ-tát Văn-thù, bồ-tát Phổ Hiền, sau khi Ngài thành đạo dưới cội Bồ-đề.

[31] Kinh Niết-bàn 涅槃經 (S: Mahā-parinirvāna-Sūtra): Kinh, 40 quyển, do ngài Đàm-vô-sám dịch vào năm 412 đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 12. Nội dung kinh này giảng thuyết về giáo nghĩa Như Lai thường trụ, chúng sinh đều có Phật tính, hạng tiên-đề thành Phật...

[32] Thập Địa kinh luận 十地經論: Luận, 12 quyển, do ngài Thế Thân người Ấn Độ soạn, ngài Bồ-đề-lưu-chi, Lạc-na-ma-đề dịch vào đời Bắc Ngụy, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 26. Nội dung giải thích các giai vị tu hành của bồ-tát, cho rằng mười địa dung nhiếp tất cả thiện pháp; trong đó, 3 địa đầu nói về thiện pháp thế gian, 4 địa kế nói về tướng trạng tu hành của Tam thừa, 3 địa cuối cùng nói về giáo pháp Nhất thừa.

[33] Quyền thật 權實: Chữ Quyền và chữ Thật ghép chung gọi là Quyền Thật. Quyền nghĩa là phương tiện tạm bợ được đặt ra trong nhất thời, dùng xong thì bỏ; Thật cũng gọi là chân, chân thật, nghĩa là cái chân thật rốt ráo không hư dối, vĩnh viễn không thay đổi. Từ đó có những cặp dụng ngữ đối nhau như Quyền giáo và Thật giáo, Quyền trí và Thật trí, Quyền hóa và Thật hóa... Thật giáo là giáo pháp được nói ra đúng thật như pháp tự nội chứng của Đức Phật, là giáo pháp căn bản tột cùng; Quyền giáo là giáo pháp phương tiện được đặt ra để dắt dẫn người vào Thật giáo, khi đã đến được cảnh giới của Thật giáo rồi thì phải bỏ Quyền giáo.

Ghi chú

Ở cõi trời có nhiều thú vui và có cả người nữ, chẳng phải là nơi giải thoát. Người xưa nói: “Cho dù tu tập được sinh lên cõi trời Phi Phi Tướng cũng không bằng sinh về Tây phương!”. Vì thế, có người tán thán Tịnh độ như sau: “Người được sinh vào thượng phẩm tức là đạt đến bờ giải thoát, còn người sinh vào hạ phẩm vẫn hơn kẻ sinh ở cõi trời”. Nay ngài Tuệ Quang trong giờ phút lâm chung cận kề mà vẫn xác định rõ ràng, chắc chắn ước nguyện của mình, nên đáng được ca tụng là người vừa sáng suốt, vừa dũng mãnh.

19. Tuệ Tấn

Sư Tuệ Tấn, trụ ở chùa Cao Tòa, nguyện tụng kinh Pháp hoa và chép một trăm bộ kinh; Sư nguyện đem công đức ấy cầu mong được sinh về Cực Lạc. Sau đó, Sư nghe trong hư không có tiếng bảo rằng: “Nguyện của ông đã đủ, nhất định sẽ được vãng sinh”. Về sau, Sư không bệnh mà thị tịch.

20. Đạo Trân

Vào niên hiệu Thiên Giám đời Lương (502-519), Sư dùng chân ở Lô Sơn. Trước đó từng nghe các ngài Tuệ Viễn, Tuệ Trì, Đàm Thuận v.v... lập nguyện tu Tịnh độ, Sư cũng ngưỡng mộ, nhưng trong lòng còn do dự nên không chuyên tâm trì niệm.

Một hôm, Sư mộng thấy có vài mươi người chèo thuyền vượt biển. Sư hỏi, họ đáp:

- Chúng tôi đi đến nước của Phật A-di-đà!

Sư nói:

- Hãy cho tôi cùng đi, các vị đồng ý không?

Đáp:

- Ý muốn của Sư đâu ai dám chối từ. Chỉ một ngày tu tập thôi cũng có thể vượt qua được vô lượng kiếp, Sư chưa tụng kinh A-di-đà thì làm sao đến được?

Sư tỉnh giấc, lòng cảm thấy hổ thẹn, lo sợ than rằng:

- Ta đã nhìn nhận sai lạc pháp môn vi diệu này rồi!

Sau đó, ngày đêm Sư tinh tấn tụng kinh A-di-đà không một mảy may gián đoạn.

Hai năm sau, trước kì an cư hai ngày, vào lúc thiên đường trống vắng, cửa đóng, bỗng có người bùng đài bạc đến bảo:

- Sau khi qua đời, pháp sư sẽ ngồi tòa này!

Lại nói:

- Công hạnh của Sư đáng được đài vàng, nhưng vì lúc đầu tâm chí do dự nên chỉ được bậc này thôi!

Sư nghe nói thế, xúc động, cảm tạ rằng:

- Nếu cấp bậc này thoát được ba cõi, lia năm khổ^[34], thì tôi cũng thấy được Phật, dần dần tu tập thì nhất định sẽ lên đến đài vàng.

Sư rất ít nói, lời lẽ không làm tổn thương đến ai. Tuy đạt được như thế, Sư cũng chưa từng đem khoe khoang, nên mọi người chẳng ai biết được việc ấy. Sư chỉ tự chép lại việc trên cát trong hộp kinh để bên tòa.

Vào đêm vãng sinh, hang núi nơi Sư ở có ánh sáng rực rỡ như của cả nghìn bó đuốc hừng hực cùng cháy. Dân cả làng ở đó nhìn thấy đều vô cùng kinh ngạc. Đến sáng, họ cùng nhau lên núi hỏi chư tăng, hay tin Sư đã viên tịch, mới biết đó là điềm lành vãng sinh.

Về sau, mọi người tìm thấy được những lời Sư đã ghi đặt trong hộp kinh, liền đem truyền bá để người đời sau được biết.

Ghi chú

Tổ Tuệ Viễn ba lần nhìn thấy Phật A-di-đà nhưng không nói một lời; Sư Đạo Trân được cái đài bằng bạc giáng xuống bên hồ mà vẫn lặng thinh. Người xưa tài đức sâu dày như thế! Những kẻ có kiến thức nông cạn, vừa có chút điều lạ đã vội vàng khoe khoang; nhỏ thì mất những gì mình có; lớn thì làm tăng thêm sự sai quấy của mình. Lẽ nào không cẩn thận sao?

[34] Năm khổ (Ngũ khổ: 五苦): Năm thứ khổ nào. Kinh Ngũ khổ chương cú nêu năm nỗi khổ trong năm đường là: chư thiên khổ, nhân đạo khổ, súc sinh khổ, ngạ quỷ khổ, địa ngục khổ.

21. Thần Loan

Sư người ở Nhạn Môn. Thuở nhỏ, Sư dạo chơi ở núi Ngũ Đài cảm ứng được điều linh dị, liền phát tâm xuất gia. Sư hiểu thông suốt nghĩa đốn tiệm^[35] của tam thừa^[36], thường đọc kinh Đại tập^[37], khổ công nghiên tầm diệu nghĩa trong từng câu chữ. Những chỗ nào ý nghĩa sâu xa khó hiểu, Sư ghi lại để chú giải.

Sư thường hay bệnh hoạn, một lần Sư đến Phần Châu^[38] chợt thấy mây đen tan hết, cửa trời mở rộng, sáu tầng trời cõi Dục^[39] xếp chồng lên nhau, Sư chớp mắt nhìn, tự nhiên hết bệnh. Từ đó, Sư chuyên tâm nơi Phật đạo không hề biếng trễ, giảng dạy đạo lý cho người chằng quản ngại xa gần.

Lúc đầu, Sư ham thích đạo thuật, nghe Giang Nam có Đào Ân Cư thông đạt pháp trường sinh của Đạo gia, Sư liền vượt nghìn dặm xa xôi đến đó nương học, được họ Đào trao cho một bộ kinh Tiên mười quyển. Được kinh, Sư ung dung tự đắc, cho đó là pháp thuật thần tiên tuyệt diệu.

Sau đó về lại Lạc Dương, gặp ngài Bồ-đề-lưu-chi^[40] Sư đặc ý, hỏi rằng:

- Đạo Phật có trường sinh không? Có thể khiến cho không già, không chết chăng?

Ngài cười đáp lại:

- Trường sinh bất tử là pháp của nhà Phật, Đạo gia làm sao có được!

Nói rồi, ngài trao cho Sư bộ kinh Quán Vô Lượng Thọ và dạy:

[35] Đốn tiệm 頓漸: Giáo pháp không theo thứ lớp mà giúp người tu hành đạt đến giác ngộ một cách nhanh chóng, gọi là Đốn, còn giáo pháp phải theo thứ lớp tu hành dần dần trong thời gian dài mới đạt được quả Phật thì gọi là Tiệm.

[36] Tam thừa 三乘 (S: Trīṇi yānāni): Ba xe, dụ cho ba pháp môn chuyên chở chúng sinh vượt sinh tử, đến bờ niết-bàn. Đó là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa.

[37] Kinh Đại tập (Đại tập kinh: 大集經; S: Mahā-saṃnipāta-sūtra): Gồm 60 quyển, do ngài Đàm-mô-sám dịch vào thời Bắc Lương, Trung Quốc, xếp vào Đại Chính tạng, tập 13. Nội dung tập hợp những bài kinh thuộc Đại tập bộ, chủ yếu là nói về sáu pháp ba-la-mật của Đại thừa và pháp tính không. Ngoài ra còn có những bài pháp về Mật giáo, chú Đà-la-ni cùng những việc hộ trì chính pháp của chư Thiên).

[38] Phần Châu 汾洲: Thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc.

[39] Sáu tầng trời cõi Dục (S: Cāturmahārājakāyika-deva): Tứ Thiên vương, Tam Thập Tam thiên, Dạ-ma thiên; Đâu-suất thiên; Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên.

[40] Bồ-đề-lưu-chi 菩提流支 (S: Bodhiruci): Vị tăng thời Bắc Ngụy, người bắc Thiên Trúc, là vị tăng học giả của Phật giáo Đại thừa hệ Du-già. Bẩm tính thông minh, thông suốt ba tạng, tinh tường chú thuật, sớm có chí hoằng pháp. Niên hiệu Vĩnh Bình thứ nhất (508) đời vua Tuyên đế nhà Bắc Ngụy, ngài đến Lạc Dương, rất được nhà vua kính trọng và mời ở chùa Vĩnh Ninh. Từ đó ngài lo việc phiên dịch kinh tiếng Phạn ra Hán văn.

- Ông tụng kinh này thì không còn sinh vào ba cõi, chẳng ở mãi trong sáu đường, không còn bóng dáng đầy voi, thịnh suy, họa phúc, thành bại, đó là trường thọ, được thọ lượng lâu dài như kiếp thạch^[41], nhiều như số cát ở sông Hằng. Cát sông Hằng còn có số lượng, nhưng tuổi thọ thì vô cùng. Đây là phép trường sinh của đấng Kim Tiên^[42] ta vậy!

Nghe xong, Sư chợt khởi lòng tin sâu xa, liền đốt kinh Tiên, chuyên trì kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, hiểu thấu nghĩa kinh, tu tập ba phúc, quán tưởng chín phẩm. Dù cho khí trời lạnh lẽo hay nóng bức, bệnh tật gây khó khăn, Sư vẫn không một mảy may giải đãi. Vua Ngụy mến mộ chí hướng của Sư, khen về sự tu hành và việc hoằng hóa rộng rãi, ban hiệu là Thần Loan, cử sư trụ trì chùa Đại Nghiêm ở Tịnh Châu. Chưa được bao lâu, Sư dời đến trụ trì chùa Huyền Trung^[43] ở Bích Cốc, Phần Châu.

Vào một đêm, Sư đang tụng kinh thì thấy một vị Phạm tăng uy nghi vào thất, nói:

- Tôi là Long Thọ ở cõi Cực Lạc! Vì ông có tâm nguyện Tịnh độ nên tôi đến đây gặp ông!

Sư thưa:

- Ngài dạy con điều gì?

Đáp:

Quá khứ thì đã qua
Tương lai thì chưa tới,
Hiện tại thì ở đâu?
Thời gian chẳng quay lại!

Nói xong, ngài biến mất.

Thấy được việc thù thắng này, Sư biết mình sắp lâm chung, liền tập hợp vài trăm đệ tử lại, khuyên bảo rằng:

[41] Kiếp thạch 劫石: Tỉ dụ cho sự lâu dài của kiếp. Kiếp thạch được ví như thời gian lấy áo trời quét nhẹ lên núi đá vuông bốn mươi dặm cho đến khi mòn hết.

[42] Kim Tiên 金仙 (Cg: Đại Tiên; S: Mahārṣi): Tiếng tôn xưng Đức Phật. Vì Phật là bậc chí tôn trong hàng tiên. Từ này còn dùng để chỉ cho người đã đạt được tất cả công đức thiện căn ba-la-mật.

[43] Chùa Huyền Trung (Hâ: Huyền Trung tự 玄中寺): Chùa ở phía nam núi Thạch Bích, cách huyện Giao Thành thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc 15 km về mạn tây bắc, do ngài Đàm Loan sáng lập vào năm Diên Hưng thứ 2 (472) triều vua Văn đế đời Bắc Ngụy.

Bốn loài trôi lã
Bao giờ chấm dứt?
Địa ngục thống khổ
Sao không sợ hãi?
Chín phẩm Tịnh độ
Không thể không tu.

Nhân đó, Sư bảo đệ tử cùng niệm lớn A-di-đà Phật. Sư quay mặt về hướng tây nhắm mắt, cúi đầu lạy rồi viên tịch.

Bấy giờ, tầng tục đều nghe có tiếng nhạc từ hướng tây vọng lại, rồi cũng dứt từ phía tây. Vua Ngụy nói:

- Sư quả thật là bậc chân tu, đã vãng sinh về đó rồi!

Vua ra lệnh an táng Sư ở Văn Cốc, phía tây sông Phần, và cho khắc hành trạng của đại Sư vào bia đá.

Ghi chú

Có đạo sĩ từng nói: “Đạo Phật có chết, thần tiên trường sinh”. Nay Bồ-đề-lưu-chi nói: “Đạo Phật có pháp trường sinh, thần tiên không có”. Sự lập luận này tuy đơn giản nhưng lưu truyền muôn thuở. Pháp sư Thần Loan bỏ tà về chính như cởi đôi giày xấu. Há chẳng phải kiếp trước ngài đã tạo nhân tốt hay sao?

22. Thích Tuệ Mệnh

Sư họ Quách, sinh ở Trường Sa, Tương Châu vào niên hiệu Đại Thông thứ hai triều Lương (528). Sau khi Sư xuất gia, hàng tri thức đều lấy làm lạ, cho rằng người vào được nhà Như Lai chính là Tuệ Mệnh.

Năm 15 tuổi, Sư tụng kinh Pháp hoa, chỉ trong một tuần đã thuộc lòng hết một bộ; các kinh khác cũng như vậy. Sau khi xuất gia, Sư không học cố định với một vị thầy nào, nghe danh tiếng thiền sư Ân Quang, Sư đến nương học. Chưa đầy ba năm, Sư thông suốt hết yếu nghĩa của thiền. Sư kết bạn rất thân với thiền sư Nam Nhạc Tuệ Tư. Sư thường bảo:

- Tôi và thầy hãy gieo nhân Tịnh độ. Từ thuở xa xưa ta đã kết bạn với nhau rồi, hẹn lấy Tây phương làm kì hạn!

Ngài Tuệ Tư đáp:

- Một máy may tâm niệm cũng không dám quên, chỉ mong đuôi tuấn mã không xua đuổi ruồi nhặng!

Sau đó, Sư tiếp tục đến núi Tiên Thành. Nơi đây có đạo sĩ Mạnh Thọ ẩn cư đã nhiều năm, nay đang định quay về quê hương và muốn chuyển đạo quán làm chùa. Ít hôm sau, ông mộng thấy có mấy trăm người mặc áo giáp vàng rất oai vệ đến bên đạo quán cùng ra hiệu lệnh cho nhau như đang chờ đón ai.

Đạo sĩ suy nghĩ:

- Ở đây có người lạ sắp đến sao? Nếu không, sao ta lại mộng thấy trước như thế?

Hôm sau, quả thật có Sư đến, do đó, ông phát khởi lòng tin sâu xa, xin nhường chỗ ở của mình. Đến ở chưa được bao lâu, Sư nói:

- Ngôi chùa ta mới đến, chỗ tôn trí kinh vẫn còn lộn xộn, ta nên tạm ngưng thiền quán để chú tâm vào việc này!

Xong việc, Sư giao lại cho đệ tử rồi quay về chùa cũ ở Trường Sa.

Bấy giờ, thiền sư Pháp Âm, họ Vương là người ở cùng quận, đã từng cùng Sư kết bạn tu tập Tịnh độ, đến lúc tuổi già, tình bạn càng thêm thân mật. Một đêm, Sư cùng Pháp Âm đàm luận vui vẻ dưới trăng, Sư nói:

- Thời đã đến mà không đi là tham sống, có thể đi mà không đi là tham vậy. Tôi đi đây!

Pháp Âm nói:

- Tình nghĩa thâm giao, sao ngài không đợi tôi mười ngày nữa?

Sư giơ hai ngón tay lên nói:

- Không quá hai ngày nữa thôi!

Sáng hôm sau, quả nhiên Sư lâm bệnh, đến ngày sau thì viên tịch, nhằm ngày mồng năm tháng mười, niên hiệu Thiên Hòa thứ ba đời Bắc Chu (566). Ngày ấy, mọi người cùng thấy chư thiên cầm tràng phan hạ xuống, lại nghe ở phòng Sư phát ra tiếng “Lành thay”, có hương thơm, âm nhạc suốt ngày chưa dứt.

Mười ngày sau, Sư Pháp Âm cũng viên tịch, cũng xuất hiện tướng lành giống như thế.

23. Thích Tuệ Tư

Sư họ Lí, người Vũ Tân. Lúc nhỏ, Sư mộng thấy Phạm tăng khuyên xuất gia, nhân đó, Sư xin cạo tóc, nhưng không ở nơi lan-nhã. Được thân tăng nhiều lần khuyên khích giữ gìn trai giới, Sư dốc lòng tu tập, ngày chỉ ăn một bữa, hoàn toàn không nhận thức ăn của người mang đến cúng. Sư tụng hơn ba mươi bộ kinh như Pháp hoa, Duy-ma... Một hôm, có người đến đốt am tranh Sư đang ở. Sau đó, người ấy bỗng bị nhọt độc, đến Sư xin sám hối thì liền được lành bệnh.

Một hôm, Sư mộng thấy vài trăm Phạm tăng, có vị thượng tọa vỗ về bảo rằng:

- Luật nghi con thụ trì trước đây không đúng thì sao có thể xiển dương Phật pháp được? Con nhờ đức hạnh của mình mà gặp được đại chúng thanh tịnh, hãy lập đàn thỉnh chư tăng truyền pháp yết-ma, thành tựu giới cụ túc^[44].

Tỉnh dậy mới biết đang nằm mộng, Sư lại càng chí thành hơn. Sư thường nhận được cảm ứng, nhờ đó mà Sư biết được việc hành đạo trong ba đời. Lại thường mộng thấy được Phật A-di-đà thuyết pháp, nhân đó Sư đúc tượng Phật để chuyên tâm quán tưởng. Một hôm Sư ngồi yên buộc niệm như thường lệ, chợt thấy tướng nghiệp thiện ác cả đời hiện ra rõ ràng, thân tâm trở nên mạnh mẽ, chứng được Pháp hoa tam-muội^[45], hiểu ý nghĩa cốt yếu các kinh điển Đại thừa. Sư giữ hạnh song tu định tuệ, hoằng dương cả giáo pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, độ mình độ người. Thời gian lâu sau, trong chúng có người thanh tịnh, có kẻ nhiễm ô, nên xảy ra nhiều việc thị phi, đệ tử của Sư lo lắng thưa Sư. Sư nói:

- Đức Phật ở đời còn bị gièm pha, thì ta cũng đâu thể tránh khỏi. Hơn nữa, Phật pháp sắp bị hủy diệt, không biết nơi nào thoát được nạn này!

[44] Câu này dịch thêm theo Tục cao tăng truyện (Đại5, No. 2060): 宜更翻壇祈請師僧三十二人。加羯磨法具足成就。後忽驚寤方知夢受。

[45] Pháp hoa tam-muội 法華三昧 (S: saddharma-puṇḍarīka-samādhi): Chỉ cho tam-muội được chia ra từ Bán hành bán tọa tam-muội trong bốn loại tam-muội do tông Thiên Thai thành lập. Pháp tu tam-muội này y cứ vào kinh Pháp hoa và kinh Quán Phổ Hiền, lấy 21 ngày làm một thời hạn, hành đạo tụng kinh, hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi, lúc nào cũng tư duy quán xét lý thực tướng Trung đạo. Pháp tu này lấy sám hối diệt trừ tội chướng làm chính, cho nên ngày đêm 6 thời (sáng sớm, giữa trưa, chiều tối, canh 1, canh 3, canh 5) cần phải tu tập Ngũ hồi (sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng và phát nguyện). Có 3 phương pháp tu tập: Thân khai già, Khẩu thuyết mặc, Ý chỉ quán.

Bỗng nhiên có người trên hư không nói rằng:

- Nếu muốn tu định thì ở Nam Nhạc, Vũ Đang là nơi lí tưởng!

Khoảng niên hiệu Vũ Bình, Sư đi về phía nam đến Quang Châu thì gặp loạn lạc, đường xá tắc nghẽn, Sư cùng đệ tử tạm dừng ở núi Đại Tô. Núi này gần ở biên giới hai nước Trần, Tề nên thường gặp chiến tranh. Gặp lúc Phật pháp suy tàn, năm chúng tan rã, những bậc tài trí hơn người đương thời ngưỡng mộ đức hạnh mai danh ẩn tích của Sư mà đến tham vấn đạo lí. Sư nói:

- Tôi đã già rồi, không thể chỉ bảo cho các vị!

Sư tạm thời bảo đệ tử Trí Khải thay Sư giảng kinh. Khi giảng đến câu: “Nhất tâm cụ vạn hạnh” thì Trí Khải không hiểu. Sư dạy:

- Chỗ nghi ngờ của ông chỉ là ý nghĩa thứ lớp của Đại phẩm^[46], chứ chưa phải là yếu chỉ viên đốn^[47] của kinh Pháp hoa. Trước kia vào thời gian an cư, ta đã khổ nhọc tư duy điều này, chẳng bao lâu sau, trong một niệm thấu suốt được các pháp, ta đã thân chứng, lòng không còn nghi!

Sau khi đã học xong hai mươi một cảnh giới của kinh Pháp hoa với Sư, Trí Khải liền hỏi:

- Giai vị của hòa-thượng là Thập địa^[48] phải không ạ?

Sư đáp:

- Không phải! Mới đến giai vị Thập tín thiết luân^[49] thôi! Ta nhờ vào các việc mà nghiệm biết, có thể tự thấy được!

Năm Quang Đại thứ hai (568) đời Trần, Sư cùng với hơn bốn mươi vị đến Nam Nhạc^[50]. Đến nơi, Sư bảo:

[46] Đại phẩm 大品: Tức kinh Đại phẩm bát-nhã, gồm 27 quyển, 90 phẩm, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch từ năm 402-412 vào đời hậu Tần, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 8. Nội dung nói về Bát-nhã không quán thuộc thời kì đầu của Phật giáo đại thừa.

[47] Viên đốn 圓頓: Pháp môn viên mãn và mau chóng, ngay tức khắc đã thành tựu không thiếu khuyết. Nếu tu bằng tâm viên mãn, cụ túc thì ngay đó đạt được cảnh giới giác ngộ, tức thành Phật mau chóng.

[48] Thập Địa 十地: Mười giai vị Bồ-tát được nói trong kinh Hoa nghiêm. 1- Hoan hỷ địa, 2- Li cấu địa, 3- Minh địa, 4- Diệm địa, 5- Nan thắng địa, 6- Hiện tiền địa, 7- Viễn hành địa, 8- Bất động địa, 9- Thiện tuệ địa, 10- Pháp vân địa.

[49] Thập tín thiết luân 十信鐵輪: Giai vị của bồ-tát chứng được Phong luân tam-muội (hành giả nếu nhờ thiên định mà phát tương tợ trí tuệ, phương tiện vô ngại, được đạo phương tiện thì có khả năng phát khởi các thứ căn lành xuất thế, công đức thêm lớn, cũng có khả năng diệt hết tất cả kiến chấp phiền não).

- Ta ở đây mười năm rồi sẽ có việc đi xa!

Sáng hôm sau, Sư đến Hoành Dương, phong cảnh nơi đây tươi đẹp, đỉnh núi chập chùng cao ngất, cây cối sum suê thẳng đứng. Sư chỉ vào rừng cây, bảo:

- Chỗ này xưa là ngôi chùa, trước kia ta đã ở đây nhiều năm.

Mọi người đào lên quả nhiên thấy nền chính điện cùng các vật dụng bằng sành của chư tăng.

Tiếp tục đi đến dưới một hang núi lớn, Sư nói:

- Trước kia ta tọa thiền ở đây, bị giặc đến chém đầu, đến hôm nay ta mới có thân này.

Đi tiếp chưa được vài bước, thì gặp một đồng xương khô và đầu lâu, sư cầm sọ đầu nói:

- Đây là phần còn lại của thân ta, may nhờ Phật lực gia bị mà còn.

Nói rồi, Sư gom hài cốt để xây tháp ở đây.

Vua nhà Trần nghe Sư có nhiều việc vi diệu, ban chiếu mời Sư trụ trì chùa Thê Huyền. Có lần, Sư đang trên đường đi đến ngôi chùa khác thì gặp mưa nhưng dèp, ca-sa và vật dụng đều không bị ướt. Tăng chính Tuệ Cảo nhìn thấy thế liền ca ngợi:

- Sư là người uy đức cao trọng, chúng ta chẳng thể lường được!

Đại Đô đốc Ngô Minh Triệt đến thăm viếng, tặng Sư gói bọc da tê giác. Biệt tướng Hạ Hầu Hiếu Uy đến chùa tham kiến, trên đường đi ông chợt nghĩ: “Ngô hầu tặng Sư gói da tê giác, ta muốn biết hình dáng nó thế nào!” Khi đến nơi, ông ấy chưa kịp vái chào thì Sư đã bảo:

- Muốn thấy gói tê giác thì đến xem!

Hạ Hầu vô cùng ngạc nhiên, và do đó ông biết Sư có thể thấy được tâm của người khác.

Sư ở Nam Nhạc, mỗi năm vua Trần đều gửi ba bức thư thăm hỏi, cúng dường đầy đủ vật thực.

[50] Nam Nhạc 南岳: Thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc.

Sư giáo hóa thần biến khó lường, lúc thì hiện thân hình lớn, lúc thì hiện nhỏ, hoặc ẩn mình trong hư không, hoặc dựa vào các vật, những điềm lành biến hiện khôn lường.

Đến lúc lâm chung, môn nhân tập trung đông đảo ở đạo tràng giữa núi, Sư liên tục thuyết pháp nhiều ngày, giảng dạy nghiêm nghị khiến người nghe đều sợ sệt. Sư nói:

- Nếu có mười người có thể tu Bát-chu tam-muội cần gì thì ta sẽ giúp đỡ. Nếu không có ai thì ta đi!

Không một ai đáp lại, Sư liền nhiếp niệm, khảy móng tay, lát sau thì Sư im lặng.

Chú tiểu Linh Biện hầu bên cạnh gào khóc, Sư mở mắt quát:

- Thánh chúng đang đón tiếp, luận bàn nơi ta thụ sinh, sao lại khóc lóc làm loạn động!

Sư đuổi Linh Biện ra ngoài, rồi viên tịch.

Năm đó nhằm vào niên hiệu Thái Kiến thứ chín (577) đời Trần, Sư thọ 64 tuổi.

Lúc mới đến Nam Nhạc, Sư bảo rằng mười năm sau sẽ có việc đi xa, đến đây quả đúng như vậy.

Nhiều người nói rằng Sư thường nghe Phật A-di-đà thuyết pháp, nên Sư đúc tượng Phật để quán tưởng được trang nghiêm. Sư cùng với thiền Sư Tuệ Mệnh thâm kết duyên Tịnh độ, hẹn gặp nhau ở An Dưỡng. Cho nên lời Sư trách Linh Biện rằng “Thánh chúng đón ta, đang bàn luận nơi ta thụ sinh” thì đâu có nơi nào khác hơn An Dưỡng, quả thật Sư đã vãng sinh Cực Lạc!

24. Thích Trí Khải

Sư họ Trần, ban đầu ở Dĩnh Xuyên, sau nhà Tấn dời đô, lại chuyển sang cư ngụ ở Hoa Dung, Kinh Châu. Mẹ họ Từ, khi mang thai Sư, bà thường thấy mộng lạ. Lúc Sư ra đời, căn phòng rực sáng hơn cả mặt trời; ở trong nôi mà Sư đã biết chấp tay, ngồi quay mặt về hướng tây. Tuổi còn ấu thơ, Sư đã thích đi chùa, một vị tăng thấy Sư còn bé có chí khác thường, liền dạy cho phẩm Phổ môn trong kinh Pháp hoa, vừa chỉ qua một lần Sư đã đọc thông thuộc.

Năm mười lăm tuổi, Sư đến Hạp Châu học với người cậu.

Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia nơi pháp sư Tụ ở chùa Quả Nguyên, Tương Châu. Ngài truyền cho Sư mười giới rồi bảo đến nương luật sư Tuệ Khoáng học kinh điển. Sau Sư ở ẩn tại núi Thái Hiền tụng kinh Vô lượng nghĩa^[51], Pháp hoa, Phổ Hiền, Quán Vô Lượng Thọ Phật, chưa đầy mười ngày mà Sư đã thông ba bộ.

Sau đó, Sư nương nơi thiền sư Tuệ Tư ở núi Đại Tô, Quang Châu. Tổ thấy Sư, liền bảo:

- Xưa, ông cùng ta nghe kinh Pháp hoa ở Linh Sơn; duyên lành đưa đây, nay lại gặp đây!

Tổ dạy Sư đạo tràng Phổ Hiền, rồi giảng bốn hạnh an lạc. Sư ở Đại Tô hành trì Pháp hoa tam-muội, chỉ mới được ba đêm, khi tụng đến câu “Thị chân tinh tiến” trong phẩm Dược vương của kinh Pháp hoa thì tâm bỗng khai ngộ, lại thấy được việc Sư cùng tổ Tuệ Tư nghe Phật thuyết pháp tại Linh Sơn. Sáng hôm sau Sư bạch Tổ, Tổ bảo:

- Chỉ ông cảm ứng được, chỉ ta mới biết! Chỗ đạt được của ông là Tiên phương tiện Pháp hoa tam-muội.

Chẳng bao lâu Sư lại vào núi Bạch Sa, Hi Châu, cũng nhập quán như trước, khi Sư có điều nghi ngờ trong kinh thì liền thấy tổ Tuệ Tư âm thầm cảm ứng đến giải thích. Về sau, Tổ bảo Sư giảng kinh thay, người nghe đều khâm phục. Đối với trí dụng của ba loại tam-muội^[52], ba quán^[53], Sư còn phải tham vấn, các vấn đề khác thì đều đã thông hiểu rõ ràng. Có lần, Tổ ở dưới tòa nghe Sư giảng, rồi bảo với các đệ tử:

- Đây là đứa con trong giáo nghĩa của ta, chỉ tiếc là định lực còn ít!

[51] Kinh Vô lượng nghĩa 無量義經 (S: Amitartha-sūtra): Kinh, 1 quyển, do ngài Đàm-ma-già-đà-da-xà dịch vào năm 481 đời Tiêu Đề thuộc Nam Triều, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 9. Chỉ thú của kinh này là y cứ vào phiền não của hữu tình vô lượng nên Đức Phật nói pháp vô lượng, nói pháp vô lượng cho nên nghĩa cũng vô lượng, vô lượng nghĩa sinh từ một pháp, một pháp này tức vô tướng.

[52] Ba loại tam-muội: 1. Không tam-muội: Tức là quán tất cả các pháp đều là hư không, là tam-muội tương ưng với hai hành tướng không, vô ngã của khổ đế, quán các pháp do nhân duyên sinh, hai món ngã, ngã sở đều không; 2. Vô tướng tam-muội: Tức tất cả pháp đều vô tướng niệm, là tam-muội tương ưng với bốn hành tướng diệt, tĩnh, diệu, li của diệt đế; 3. Vô nguyện tam-muội: Đối với tất cả các pháp đều không có mong cầu điều gì, là tam-muội tương ưng với hành tướng khổ, vô thường của khổ đế và bốn hành tướng nhân, tập, sinh, duyên của tập đế.

[53] Ba quán (tam quán 三觀): Quán không, quán giả, quán trung.

Từ đó, tăng tục đều khâm phục Sư, danh tiếng truyền khắp. Ít lâu sau, Sư từ biệt, Tô bảo:

- Ông có duyên đời với nước Trần, đến đó nhất định có lợi ích.

Nhân đó, Sư đến Kim Lăng, ở chùa Ngõa Quan, hoàng dương pháp thiền, quan Bộc xạ Từ Lăng và những người danh vọng quyền quý thời bấy giờ đều đến tham vấn, nhưng bảm tính Sư điềm đạm, không thích rộn ràng, dù sống trong cảnh náo động hay tĩnh lặng, Sư vẫn nghĩ như đang ở trong núi rừng.

Vào niên hiệu Quang Đại nhà Trần (567 – 568), có lần Sư mộng thấy một ngọn núi cao chót vót vào lúc xế chiều, bầu trời rộng mênh mông không bờ mé, từ xa Sư thấy một vị tăng trên đỉnh núi vẫy tay gọi, rồi duỗi tay xuống tận chân núi kéo Sư lên. Sáng sớm mai, Sư kể lại giấc mộng, có người bảo nơi đó là núi Thiên Thai ở Cối Kê. Từ đời Tống, Tấn trở đi, các sư Tăng Quang, Đạo Du, Pháp Lan, Đàm Mật v.v... đều ở đó, Sư vui mừng vì nghiệm đúng với giấc mộng trước kia. Sau đó, Sư cùng với hơn hai mươi vị tăng như Tuệ Biện, v.v... cùng đi về hướng nam lên núi. Tại núi này, từ trước đã có sư Định Quang ở đó được bốn mươi năm. Hai năm trước khi Sư đến, ngài Định Quang bảo các đệ tử:

- Sau này sẽ có thiện tri thức đến, các ông hãy lo chuẩn bị tiếp đón.

Khi Sư đến, ngài đón tiếp vui vẻ, hỏi:

- Ông có nhớ trước kia tôi đã gọi và kéo ông lên núi không?

Sư kinh ngạc, mới biết mộng xưa có linh ứng, lại nghe có tiếng chuông ngân vang cả núi rừng, mà nơi đây không có chùa, khiến Sư rất lấy làm lạ. Ngài Định Quang nói:

- Chuông dùng để triệu tập người hữu duyên, tức là ông có duyên được ở nơi này. Đây có gì kì lạ!

Sư lo tính làm chùa, ngài nói:

- Ông có thể tùy ý sắp xếp chỗ ăn ở. Đến khi đất nước hòa bình sẽ có người đến xây chùa cho ông.

Hai năm sau, quả nhiên Tuyên hoàng đế nghe Sư là bậc đạo hạnh nên ban lệnh xây chùa, lại biết có chúng tăng nương học nên vua cắt phần thuế thu được ở huyện Thi Phong để cung cấp.

Sư ở chùa này, mỗi mùa hạ đều giảng kinh Tịnh Danh, một hôm lúc Sư đang giảng thì chợt thấy có ba bậc thêm báu từ trên trời hạ xuống, lại có vài vị Phạm tăng ở trên đó bước đến, tay cầm lư hương đi nhiễu quanh Sư ba vòng, hồi lâu sau mới biến mất. Người hiểu biết nói đó là Thánh chúng Thạch kiều, biểu thị sự ấn chứng, để khiến cho tâm Sư được kiên cố.

Vĩnh Dương vương Bách Trí lấy lễ thầy trò kính phụng Sư, khi đến cai trị ở đất Ngô, ông đưa cả nhà lên núi xin thụ giới với Sư.

Tuyên đế cũng thường hỏi:

- Hiện nay trong nhà Phật ai là kiệt xuất?

Cận thần Trần Huyền tiêu:

- Chính là thiền sư chùa Ngõa Quan. Ngài đã đến kinh đô được các bậc danh hiền kính trọng, hiện nay ẩn tu ở Thiên Thai làm mất đi chỗ nương nhờ cho mọi người. Mong bệ hạ ban chiếu triệu Sư về, để làm khuôn phép dạy dỗ cho tăng và tục.

Vua liền viết nhiều chiếu thư thỉnh Sư về kinh đô, đồng thời lệnh quần thần nghênh đón Sư đến điện Thái Cực ở Đông đường giảng luận Trí độ, lại lệnh có xe hoa, đồng tử dẫn đường ở phía trước, Tuyên trung thư và quan Xá nhân đi sau hộ tống.

Bấy giờ, trong nước kiểm tra tăng ni, có vô số người không thông suốt Phật pháp, khi lâm triều vua truyền lệnh:

- Tất cả những người trình độ Phật học kém thì phải tách riêng ra để loại trừ.

Sư tiêu:

- Điều-đạt thông suốt sáu vạn kinh mà không tránh khỏi địa ngục, Bàn-đặc tụng mỗi một bài kệ mà chứng được quả Thánh. Đó là do đạo thiết thực chứ đâu phải là hiểu biết nhiều!

Tuyên đế nghe nói vậy vui mừng, liền bỏ ý định ấy.

Một hôm, Sư mộng thấy một người cùng đoàn tùy tùng trang nghiêm, đến trước Sư nói rằng:

- Tôi là Quan Đạt, thỉnh ngài trụ ở Tam Kiêu.

Sư nói:

- Quan Đạt là pháp danh của Lương Vũ^[54], Tam Kiêu chẳng phải là chùa Quang Trạch sao?

Sau đó, Sư chuyển sang ở đó, vào tháng tư mùa hạ năm ấy, vua Trần đến chùa thỉnh giảng kinh Nhân vương. Trong đại chúng, vua chí thành đỉnh lễ Sư, hoàng hậu, phi tần thầy đều cung kính giới pháp. Vua bạch: “Mong thầy giáo hóa, tùy căn cơ cứu độ muôn nơi, bảo vệ đất nước, dẫn dắt trời người.” Lại thưa:

- Nay muốn trọn vẹn bản nguyện, xin thỉnh thầy vì chúng con làm giới sư bồ-tát, ngưỡng mong lòng từ nhẫn^[55] theo như ý trẫm!

Sư thăng tòa, vua ở dưới tòa hành lễ theo phép tắc của người đệ tử. Về sau, Kim Lăng bị thất thủ, quyền lực thuộc về họ Dương. Bấy giờ, vua Tấn ở Dương Châu cũng muốn thụ lĩnh giới pháp, đích thân viết chiếu:

- Đệ tử kế thừa cơ nghiệp tích lũy phúc thiện, sinh ở Hoàng gia, thân phụ mất sớm, di giáo đã được thấm nhuần từ trước.

Lại viết: “Tiếng tốt của hòa-thượng vang xa, được rất nhiều người biết đến. Nay đệ tử đây thành tâm ngửa mong được tiếp đón!”

Sư đến Dương Châu, vua tổ chức lễ thụ giới cúng dường mười nghìn vị tăng. Sau khi truyền giới xong, Sư bảo vua:

- Đại sĩ cứu giúp chúng sinh, lấy tổng nhiếp làm đầu. Việc đặt pháp danh là để hiển bày lẽ thật xưa nay vốn đồng. Pháp danh của bộ hạ là Tổng Trì, nên nhân đó mà làm sáng tỏ lẽ thật.

Vua đỉnh lễ thụ nhận. Ở trong đại chúng, vua nói với Sư:

[54] Lương Vũ 梁武: Nam triều Lương Vũ đế.

[55] Từ nhẫn 慈忍: Từ bi và nhẫn nhục.

- Thiên sư trí đức, bên trong ẩn chứa đức từ bi nhẫn nhục, bên ngoài giáo hóa trời người, nhiếp phục tà ma ngoại đạo, trăm xin ban hiệu là Trí Giả, dưới hợp với lòng người.

Nhân đó vua cúng dường vật báu cùng mười sáu món đồ khác. Sư đều đem tất cả cứu giúp cho người nghèo khổ.

Sau, sư quay về Thiên Thai nhất tâm thiền định. Một hôm, vừa xuất định, Sư bảo đệ tử Trí Việt:

- Huyền thân của ta chẳng bao lâu nữa sẽ hoại, con trung bày hoa hương ở Thạch Thành^[56] đợi ta xả báo thân.

Rồi Sư đến giảng tòa ngồi quay mặt về hướng tây niệm Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát, đợi hóa Phật, hóa bồ-tát ở Tịnh độ đến tiếp dẫn. Sư lại bảo đệ tử đốt nhiều nén thơm, đem ba y, bát, tích trượng đến bên mình. Có người muốn dâng món ăn chay, Sư bảo:

- Không phan duyên chính là món ăn chay chân thật!

Sư bảo đem nước nóng có hương liệu đến, rồi súc miệng, rửa sạch lưỡi, Sư giảng các pháp: thập như thị^[57], tứ bất sinh^[58], thập pháp giới^[59], tam quán, tứ trí, tứ vô lượng, lục ba-la-mật...

Có vị tăng^[60] hỏi về sự chứng ngộ của Sư. Sư đáp:

- Ta không lĩnh chứng thì được Lục căn thanh tịnh^[61]. Vì người mà thiệt hại cho mình, nên ta bị lui xuống địa vị Ngũ phẩm nội phạm.

Lại nói:

[56] Tức chùa Thạch Thành ở Diệm Đông.

[57] Thập như thị 十如是: Mười pháp như để thấy được thực tướng các pháp: như thị tướng, như thị tính, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo và như thị bản mạt cứu cánh.

[58] Tứ bất sinh 四不生: Tức bốn câu “bất sinh” do bồ-tát Long Thọ lập ra để hiển bày nghĩa các pháp không sinh: bất tự sinh, bất tha sinh, bất cộng sinh, bất vô nhân sinh.

[59] Thập pháp giới 十法界: Mười cảnh giới của mê và ngộ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, nhân, thiên, thanh văn, duyên giác, bồ-tát và Phật.

[60] Tức sư Trí Lãng (theo Vãng sinh tập).

[61] Lục căn thanh tịnh 六根清淨: Sáu căn thanh tịnh không bị nhiễm ô. Tông Thiên Thai nói giai vị Thập tín, trong Biệt giáo gọi là Lục căn thanh tịnh.

- Người sắp mệnh chung nghe tiếng chuông và khánh sẽ tăng trưởng được chính niệm. Con hãy gõ khánh để ta được chính niệm nhiều hơn!

Sau đó, Sư ngồi kết già viên tịch trước tượng Phật A-di-đà.

Ghi chú

Đại sư đạo cao đức trọng, là một nhà giáo quán^[62], được muôn đời kính ngưỡng, nhưng lúc Sư xả báo thân này chỉ một lòng cầu sinh về sinh Tây phương. Ngoài ra, Sư còn viết lời sớ của kinh Quán Vô Lượng Thọ và trước tác bộ Thập nghi luận. Sư một đời ân cần dạy dỗ đồ chúng, chí nguyện ấy có thể thấy được. Có người nói: “Kinh sớ lấy tâm quán làm tông, như vậy, Tịnh độ không có thật ư?”. Ôi! Đại sư nói, dùng tâm quán Phật, thì không thể nói là không có Phật. Nếu không có Phật thì tâm làm sao quán? Chính báo thể nào thì y báo thể ấy. Người học tông Thiên Thai phải hiểu rõ điều này.

25. Pháp Hỷ

Sư Pháp Hỷ, sống vào đời Tùy, thường trì tụng Phương đẳng sám pháp. Một hôm, có một con trỉ đến đòi đền mạng. Lúc đó có một vị thần trách rằng: “Pháp sư sẽ vãng sinh Tịnh độ, làm sao ông ấy đền mạng cho người được”.

Về sau, trong lúc bệnh, Sư phát nguyện lấy tất cả công đức đạt được trọn đời hồi hướng vãng sinh Tây phương. Rồi Sư chí tâm niệm Phật thì liền thấy chư Phật và bồ-tát đến rước. Sư ngồi thẳng thị tịch.

Ghi chú

Trong kinh ghi: “Những nghiệp đã gây tạo, dù trải qua trăm nghìn kiếp cũng không mất, khi hội đủ điều kiện thì phải tự chịu quả báo”. Sư Pháp Hỷ vô ý tạo nghiệp ác, nhưng vì được vãng sinh Tịnh độ nên không đền mạng cho con trỉ. Bởi vì, một khi đã được sinh về Tịnh độ thì vĩnh viễn không còn bị luân hồi. Làm gì có điều kiện để gặp lại? Nếu như người đã chứng quả Vô sinh nhẫn rồi trở lại Ta-bà làm lợi ích cho chúng sinh, dù phải đền nợ cũ thì dẫu bị đao bén chặt đầu, cũng

[62] Giáo quán 教觀 (Thuật ngữ): Tức giáo tướng và quán tâm. Giáo tướng là giáo pháp suốt một đời của đức Thích-ca, mà mình phân tích, phán đoán theo tông nghĩa. Quán tâm là quan niệm về chân lí do tông phái mình lập ra. Như tông Thiên Thai lấy Ngũ thời bát giáo làm Giáo tướng, lấy Nhất tâm tam quán làm Quán tâm.

như giồng chém gió xuân, đầu thể nói giồng với hàng phàm phu trong sáu đường được!

26.Thích Quán Đỉnh

Sư tự là Pháp Vân, họ Ngô, người ở Nghĩa Hưng, Thường Châu. Tổ tiên năm đời đời đến Đông Âu tị nạn, nên gia đình Sư ở Chương An, Lâm Hải.

Thuở còn nằm nôi, mẹ niệm danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, Sư cũng nhép miệng niệm theo, từng tiếng rõ ràng dễ nghe. Pháp sư Tuệ Chứng ở chùa Nhiếp Tịnh biết được, nói:

- Đó chính là túc duyên tu tập đời trước nên mới được như vậy!

Năm bảy tuổi, Sư làm đệ tử ngài Tuệ Chứng, ngày ngày được ngài chỉ dạy, chẳng bao lâu thì trưởng thành. Khi pháp sư qua đời, Sư đến học đạo ở Thiên Thai, huân tập giới, định, bật hết vọng niệm.

Khoảng niên hiệu Chí Đức (583 – 586) nhà Trần, Sư đến ở nơi ngài Trí Giả tại chùa Quang Trạch. Sau đó, họ Trần suy sụp, thế lực thuộc về nhà Tùy. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) nhà Tùy, Sư theo ngài Trí Giả đến ở chùa Thiên Chúng. Ba năm sau, Sư theo ngài Trí Giả quay về. Sư theo hầu ngài mười bảy năm, đến khi ngài mang bệnh, Sư nhận di chúc và tín vật đặc biệt của Tấn vương.

Đầu niên hiệu Nhân Thọ (601), Tấn vương lên ngôi, Sư được vua quý trọng, Phật pháp ngày càng rạng rỡ, đài điện, chùa chiền được sửa sang. Sư lại nhận chiếu vào nội cung giảng kinh Tịnh Danh, Pháp hoa... Ba năm hoằng hóa, sáu cung đều kính ngưỡng. Hai năm sau nữa, Sư trở về Thiên Thai.

Đến ngày 7 tháng 8 niên hiệu Trinh Quán thứ 6 (632) nhà Đường, Sư viên tịch tại chùa Quốc Thanh, thọ 72 tuổi.

Trước lúc mất, Sư có bệnh, trong phòng có hương thơm, Sư vui mừng nói:

- Đây là hương của hoa senbáu, ta sẽ theo đó đi.

Rồi Sư ở trước tượng Phật, niệm A-di-đà Phật mười lần, niệm ba lần danh hiệu hai vị bồ-tát Quán Âm, Thế Chí và Thanh tịnh hải chúng bồ-tát. Sau đó, Sư ngồi xuống, chấp tay trước ngực an nhiên viên tịch.

27. Tuệ Thành

Sư Tuệ Thành, sống vào đời Tùy, người ở Chi Giang, thường tụng kinh A-di-đà, tu pháp quán Tây phương suốt ba mươi năm, thường ngồi không nằm. Mỗi khi Sư nhập định đều thấy hoa sen và cây báu ở cõi Tịnh độ. Đêm Sư mạng chung, có người nằm mộng thấy Sư ngồi trên hoa sen, lặng lẽ đi về hướng tây.

28. Đạo Dụ

Vào triều Tùy có sư Đạo Dụ ở chùa Khai Giác chuyên niệm Phật A-di-đà. Sư có tạo tượng Phật A-di-đà bằng gỗ chiên-đàn cao ba tấc. Sau đó, Đạo Dụ bỗng nhiên chết qua bảy ngày thì sống lại và kể rằng: “Lúc đầu thấy một hiền giả vãng sinh bên ao báu. Hiền giả ấy nhiễu quanh hoa ba vòng, hoa liền nở ra, vị ấy bước vào ngôi. Tôi cũng nhiễu ba vòng quanh hoa, nhưng hoa không nở. Tôi đưa tay vạch hoa ra, nó liền héo và rụng xuống. Phật A-di-đà bảo: ‘Người hãy trở về nước kia, sám hối các tội lỗi, tắm gội bằng nước thơm. Khi sao Mai mọc, ta sẽ đến đón người. Vì sao người tạo tượng ta quá nhỏ vậy?’ Tôi trả lời: ‘Tâm lớn thì thấy tượng lớn, tâm nhỏ thì thấy tượng nhỏ’. Tôi vừa nói xong, tượng liền trùm khắp hư không”.

Sau đó, Sư liền y theo lời dạy mà tắm gội bằng nước thơm, nhất tâm sám hối, thưa với đại chúng rằng: “Xin hãy niệm Phật cho tôi”.

Khi sao Mai mọc thì hóa Phật đến đón Sư. Ánh sáng chiếu khắp nhà, mọi người đều thấy. Khi ấy, Sư qua đời nhằm năm Khai Hoàng thứ 8 (588).

Ghi chú

Tâm lớn thì tượng lớn; tâm nhỏ thì tượng nhỏ. Như vậy, tâm như uế tức mọi thứ đều như uế, tâm trong sạch thì mọi thứ đều trong sạch. Sư Đạo Dụ thấy một Đức Phật đầy khắp cả hư không. Trước đó, các Sư Tăng Nhu, Tuệ Quang cũng thấy nhiều Đức Phật đầy khắp cả hư không. Bởi vì, một tức là nhiều, nhiều tức là một, chẳng có sự hơn kém nhau.

29. Trí Thuần

Sư họ Mạnh, người Đại Lục, Triệu Châu. Thuở nhỏ, tính Sư trong sáng ngay thẳng, thích ẩn cư nơi suối rừng, lạy thiền sư Trù ở Vân Môn làm thầy. Chẳng bao lâu sau thì xuất gia, Sư càng lạnh nhạt với thế tục. Suốt hơn mười hai năm, cả ngày Sư luôn trầm lặng tựa như người câm. Những lời Sư nói ra đều là giới, là định; Sư mong được tu chứng giai vị Tam thừa. Thiền sư Trù thấy thế bảo:

- Con đối với việc đời hậu như không còn vướng mắc, từ nay về sau ta có thể dạy Phật pháp cho con.

Do đó, mỗi ngày Sư đều học được những điều mới về giáo nghĩa quyền và thật của Tam thừa, và rèn luyện thêm phẩm hạnh của một vị tăng. Mỗi khi vọng tình^[63] dấy khởi, Sư rút dùi sắt nhọn đâm vào dùi để răn mình giữ gìn chính niệm. Dù là phạm một lỗi nhỏ, Sư cũng làm như thế. Nhờ vậy, Sư không bị đắm nhiễm bởi các trần lao nghiệp chướng.

Trước đó, Sư cùng với pháp sư Đàm Tuân cùng tu thiền định, trải qua hơn mười năm gạn lọc, chân chưa từng bước ra khỏi cửa. Sau này, nghe nói núi Hứa Đình ở Tán Hoàng rừng sâu hẻo lánh, Sư liền đến ẩn tu. Khi biết việc ấy, nhiều người đã vận chuyển vật thực đến cúng dường, Sư đều tránh mặt. Hỏi nguyên do thì Sư trả lời:

- Ở núi rừng có hạt dẻ, hạt sồi, đủ dùng cho cả năm, đâu có gì thiếu thốn!

Ấy là lối sống giản dị của Sư. Bản tính Sư lại rất mực nhân từ, đối với muôn loài chúng sinh, dù là nhỏ bé như dế, kiến, Sư cũng chưa từng làm tổn hại chúng, huống gì các loài khác. Gặp người đang ăn thịt, Sư liền bảo:

- Trong lục đạo, chúng sinh có hình thù khác nhau, người cũng đã từng mang những hình thể đó. Muôn loài đều có sinh mệnh, đều là cha mẹ, đều là thân trước kia của người. Ăn thịt của chúng là ăn thịt cha mẹ mình, uống máu của chúng là uống máu mình. Sao người không nghĩ đến cha mẹ, bản thân của mình mà khởi lòng thương xót chúng?

Nghe qua lời giảng dạy, người đó chợt hối cải.

[63] Vọng tình 妄情: Nhận thức và kiến giải hư vọng, sai lầm của phàm phu.

Một hôm, người thợ săn đang đuổi bắt chim trĩ, chim bay vào trong phòng Sư, Sư tha thiết khuyên người thợ săn tha cho nó, nhưng ông không nghe. Thế là sư cắt lỗ tai của mình đưa cho thợ săn, nói rằng:

- Ta không thể khuyên được bởi vì ông tham thịt, ta nguyện đem tai này đổi lấy sự sống của chim trĩ!

Người thợ săn thấy vậy thất kinh. Về sau, ở Hứa Đình, mười người đã có đến tám chín người bỏ nghề săn bắn.

Sư ở Hứa Đình đã lâu, dân làng sống ở chân núi kéo đến cung kính nương tựa, nhưng Sư không thích, liền vào hang núi phía nam núi Chương Hồng chuyên tâm tu thiền định.

Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười đời Tùy (590), Văn đế biết Sư là người tu hành khắc khổ, nên đặc biệt truyền chiếu:

- Hoàng đế kính thăm thiền sư Trí Thuận ở hang phía nam núi Chương Hoàng! Mùa đông buốt lạnh, đạo vị vững vàng, hết lòng hóa độ chúng sinh, thành tựu hạnh nghiệp thù thắng. Với nguyện lực này trăm hết sức vui mừng, nay lệnh quan tri phủ Khai Phong là Lu Nguyên Thọ truyền ý chỉ của trăm, triệu thỉnh thiền sư về cung đình.

Sư dâng biểu tạ ơn vua, lấy cớ bị bệnh để chối từ. Dân chúng khâm phục đức độ nên dựng chùa thỉnh Sư ở.

Về sau, Sư đến ở chùa Đại Lâm, Lô Sơn. Ngày trước, ngài Tuệ Viễn có lập Tịnh xã Liên Đài để tu, đến bảy giờ sáng tích vẫn còn nguyên vẹn. Sư tiếp nối theo giáo pháp đó, tu tập mười sáu pháp quán, hằng ngày Sư luôn chú tâm vào các quán môn.

Đến cuối năm, tăng tục ở Dự Chương thỉnh Sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Sư nói:

- Kinh này là giáo nghĩa của tông Tịnh Độ, mà Tịnh Độ là pháp tu của tôi nên đâu thể chối từ!

Năm ngày sau khi giảng kinh xong, Sư lâm bệnh. Một hôm, đang lúc bệnh, Sư thấy hàng trăm chim anh vũ, khổng tước bay đến niệm danh hiệu Phật, niệm các pháp ba-la-mật. Tiếng hót thánh thót, du dương vang vọng, khiến Sư gắng sức ngồi dậy, bảo các đệ tử:

- Chim anh vũ, không tước cùng nhau bay đến, lại cất tiếng niệm Phật, niệm pháp hiện đang ở trước mặt ta. Đây nhất định là Đức Phật A-di-đà thị hiện để báo trước sẽ đến tiếp dẫn. Ta sẽ đi trong ngày hôm nay!

Quả nhiên trong ngày hôm ấy Sư viên tịch.

30. Tuệ Hải

Sư Tuệ Hải, sống vào đời Tùy, ở chùa An Lạc, Giang Đô, rất giỏi kinh luận, chuyên tâm niệm Phật. Bảy giờ, có một vị tăng tên Đạo Thuyền từ Tề Châu đến có mang theo một bức họa Phật A-di-đà, nét vẽ sắc sảo, ở Trung Quốc chưa có. Khi hỏi thì vị ấy đáp: “Đây là bồ-tát Ngũ Thông trụ chùa Kê-đầu-ma ở Thiên Trúc, bay lên hư không, đến thế giới An Lạc kia, vẽ Đức Phật rồi mang về đây”. Tuệ Hải cảm động trước sự gặp gỡ này, Sư cung kính đỉnh lễ, liền thấy ánh sáng rực rỡ lạ kì. Lúc ấy, Sư theo mẫu đó ra sức vẽ lại một bức và siêng năng niệm Phật nguyện sinh về nước Đức Phật kia. Sau đó, Sư bị bệnh nhẹ, vào một đêm, bỗng nhiên Sư ngồi dậy, như thường lệ xoay mặt về hướng tây đỉnh lễ, rồi ngồi kết già đến sáng thì thị tịch, dáng vẻ nghiêm trang như đang còn sống.

Ghi chú

Thế giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, cũng không thể nương vào hư không mà đến được. Vì lòng chí thành của Tuệ Hải cảm đến Đức Phật. Việc ấy Đạo Thuyền làm sao biết được! Đó chẳng phải là sư Tuệ Hải được xếp vào bậc Hiền thánh của Tịnh độ rồi sao!

31. Thích Chân Tuệ

Sư họ Trần, người ở Bình Lục, Thiểm Chi.

Vào khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-600) đời Tùy, Sư nhàm chán thế tục, xin xuất gia với thiền sư Thanh ở tại quê nhà. Sau, sư đến Nghiệp Đô thụ giới cụ túc nơi luật sư Hồng; lại nghe thiền sư Tuân ở Vệ Châu thâm ngộ Phật pháp Đại thừa nên Sư đến nương theo tu học.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng, Sư đi về hướng tây, trên đường đi gặp một trăm con hươu trắng ở sườn núi, nhân đó Sư dừng lại nghỉ ngơi, thì nghe có người bảo:

- Chọn nơi ở thanh vắng thì Bồ Bản là tuyệt nhất!

Sư nghe nói thế, liền đến Ma Cốc ở Bồ Bản xây dựng ngôi chùa, phát triển thành nơi tu Tịnh độ. Lúc bắt đầu sự nghiệp lớn, Sư từng ăn củ hoàng tinh, không ăn cơm hơn một trăm ngày, nhiếp tâm quán tưởng Tịnh độ. Sau, Sư quay lại an cư ở Bàn Cốc. Nơi hang núi này có hồ dữ, đã bốn năm phá hại dân làng, nhưng từ khi Sư đến hồ liền bỏ đi.

Đến ngày bảy tháng mười, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một (591) nhà Tùy, Sư lâm bệnh. Sau khi viên tịch, Sư được an táng ở phía nam Bàn Cốc, thọ 47 tuổi, tăng lạp 35.

Ban đầu, Sư rất thích nghiên cứu kinh điển, lâu ngày thành thói quen. Sau khi biết được các thứ lớp của chín phẩm Tịnh độ, Sư liền tu tập theo. Lại sợ lòng chưa kiên cố mà bị ma chướng bên ngoài quấy nhiễu, Sư than:

- Phàm phu tạp niệm rối loạn chẳng chuyên nhất, nếu không nhờ Thánh lực thì ta nương tựa vào đâu?

Rồi, Sư kiến tạo cảnh Tịnh độ, lập phương đàn^[64]. Trong đàn đặt một đài cao, trang trí châu ngọc phía trong, phía ngoài phối hợp với nhau, bốn phía dựng bốn bảo tràng^[65], trên mỗi bảo tràng có màn lưới châu báu óng ánh lẫn nhau. Đức Phật Vô Lượng Thọ ở giữa, bồ-tát Quan Âm, Thế Chí ở hai bên. Ở phía dưới, đất bằng lưu-li xanh biếc, dây sắc vàng giăng khắp để phân chia lối đi. Bên lối đi có trang trí cờ bảy báu, cờ chia ra tám hướng đều giống như nhau, đúng như trong kinh ghi có thất bảo, kim tràng, đất lưu li...

Trước khi vào đó để quán tưởng theo các hình tượng, Sư đều tắm rửa sạch sẽ. Lát sau bước ra, Sư rất thư thái, chính niệm, trang nghiêm như là được chư Phật hóa hiện lúc nào cũng đang ở trước mặt Sư vậy.

Vào đêm vãng sinh, Sư bảo đệ tử:

- Ta có một ít công phu với Tịnh độ, không ngờ đêm nay ta được thấy trước hoa sen, có hoa nở, có hoa búp, tựa như sắp đón ta, dếp ta đang ở trên hư không.

[64] Phương đàn 方壇: Đàn Mạn-đê-la hình vuông.

[65] Bảo tràng 寶幢: Loại cờ xí được đính bằng vật quý báu, dùng để trang nghiêm Phật và bồ-tát.

Không lâu sau, mọi người nghe có tiếng chuông ngân, tiếng gió thổi bốn phía, ánh sáng lạ bỗng nhiên xuất hiện, lúc đó Sư viên tịch.

32. Thích Pháp Trí

Vào đời Tùy Văn đế (581-618), Sư đến học ở Đông Việt. Những bậc am tường giáo nghĩa Đại thừa, Tiểu thừa, Sư đều lễ làm thầy, vì vậy Sư trở thành người bác học đa văn, người đời ít ai sánh bằng. Cuối đời Tùy, Sư cho rằng pháp môn tu tập thẳng tắt nhất không gì bằng niệm Phật. Do đó, sớm tối Sư niệm Phật không gián đoạn suốt bảy năm.

Sư suy nghĩ:

- Phạm một tội đột-kết-la phải chịu tội trong một trung kiếp, điều này đáng tin, vì hẳn là thế. Nhưng xưng niệm một câu A-di-đà Phật sẽ diệt được vô lượng tội nặng trong ức kiếp, thì ta có chút nghi ngờ.

Có người bảo với Sư:

- Chớ có tự nghi ngờ, giáo pháp dạy niệm Phật lâu ngày sẽ có công đức, khi có công đức thì nghiệp chuyển hóa, nghiệp đã chuyển hóa thì tam-muội phát sinh. Nay ông không tin, tức là nghi ngờ giáo pháp của Phật. Nghi giáo pháp thì đức tin không có chỗ nương tựa, đã không có chỗ nương tựa thì tâm tự loạn, tâm đã loạn thì mất chính niệm. Đó là tội phi báng, là nhân đọa vào địa ngục, vậy thì sao lại khởi lên sự nghi ngờ như thế?

Nghe qua, Sư tỉnh ngộ, đến đài Đâu-suất ở chùa Quốc Thanh, tuyệt hẳn các duyên, nhất tâm niệm Phật, niệm đến chuyên nhất. Sư thường được cảm ứng, thấy Bồ-tát Quan Âm và Thế Chí cùng hiện đến. Một hôm, Sư lại thấy ánh sáng của thiên quan^[66], bảo bình^[67], chiếu vào thân Sư. Sư báo cho tăng tục, người thân rằng:

- Ta sẽ vãng sinh Tịnh độ vào một ngày gần đây, ai có thể sắm sửa thức ăn để tiễn biệt ta không?

Mọi người đều cười, nói:

[66] Thiên quan 天冠: Mũ bồ-tát Quan Thế Âm, trên mũ có hóa Phật.

[67] Bảo bình 寶瓶: Trên mũ của bồ-tát Đại Thế Chí có bảo bình.

- Nếu đúng như vậy thì chúng tôi đâu có tiếc một bữa cơm! Chỉ ngại Sư không thể vãng sinh thôi!

Rồi họ hẹn ba ngày sau sẽ tổ chức bữa ăn. Ngày ấy, sau khi thụ trai xong, Sư cũng không bệnh gì cả, do đó, có người nghi ngờ việc Sư vãng sinh, và khởi tâm khinh nhờn. Đến chiều tối, mọi người ở lại chờ xem Sư vãng sinh. Khoảng gần nửa đêm, Sư ngồi trên giường dây niệm Phật, rồi an nhiên viên tịch. Đêm ấy, có ánh sáng sắc vàng từ hướng tây chiếu xuống, tỏa sáng đến vài trăm dặm. Những người đánh cá ở trên sông tưởng rằng trời đã hừng đông, thuyền này ngóng thuyền kia, tất cả đều kinh ngạc. Thật lâu sau trời mới sáng.

Ghi chú

Đức Phật dạy: “Lời nói của Ta như mật đựng trong chén, giữa và xung quanh đều ngọt, nên các ngươi phải tin nhận”. Cho nên tin một điều ác nhỏ sẽ đọa vào địa ngục, mà không tin niệm một danh hiệu Phật được sinh về Tây phương thật đáng gọi là tà kiến. Những năm gần đây, người thích trì chú, nghe nói công dụng của thần chú có thể dời núi lấp biển, sai khiến quỷ thần, cầu chi được nấy, vì thế nên vội tin; khi nghe nói đến công đức của cõi Tịnh độ, có thể thẳng tiến lên bậc Thánh, vượt qua ba cõi, thì thờ ơ không để ý đến. Đó là những người tà kiến. Thật là đáng thương!

33. Thích Trí Diễm

Sư họ Chu, người ở quận Ngô. Mẹ họ Trương, lúc mang thai Sư, bà mộng thấy mình lên đỉnh tháp của chùa Thông Huyền, nhìn toàn cảnh hư không mà chẳng chút sợ hãi. Lúc chào đời, Sư là đứa bé có thân hình tuần tú.

Năm 8 tuổi, Sư xuất gia nơi pháp sư Cừ chùa Thông Huyền.

Năm 12 tuổi, Sư tụng kinh Pháp hoa liên tục sớm tối suốt ba năm. Sư nói:

- Phải tung cánh đi khắp bốn phương học hỏi, chứ đâu nên ở mãi chốn quê mùa chỉ làm cho sự hiểu biết của mình hạn hẹp thế này!

Năm 16 tuổi, Sư đi về phương bắc đến nương nơi pháp sư Trì học luận Thành thật. Chưa được hai năm, pháp sư đã nhận lời mời đi về phương nam.

Sư lại đi về hướng đông đến pháp sư Tước ở chùa Trang Nghiêm tiếp tục nghiên cứu luận Thành thật.

Đến niên hiệu Chí Đức thứ ba (585) đời Trần, vua ban chiếu cả ba tôn giáo cùng luận nghị tại chùa Kiến Nhân ở kinh đô. Nhiều người cùng nhau tranh luận suốt bảy đêm, nhưng chỉ có Sư biện luận là được vua khen ngợi. Sau nhà Trần suy sụp, nhà Tùy lên thay, Thượng thư lệnh, Sở quốc công Dương Tố Tả, quan Bộc xạ, Chắt quốc công Tô Uy đều kính trọng Sư. Đến đời Đường, Sư xiển dương Phật pháp càng mạnh mẽ.

Vào độ tuổi trung niên, Sư thực hành sám Pháp hoa Phổ Hiền, tụng hơn ba vạn bộ Pháp hoa, tu ba phúc Tịnh độ và các quán tưởng. Sư cùng với hơn năm trăm vị tăng tục ở trong và ngoài châu, cứ mỗi tháng nhóm họp một lần, liên tục như thế suốt mười năm, một lòng chí thành trước sau như một. Một hôm mọi người cùng đến phía bắc Khuông Phụ thệ nguyện vãng sinh, ngoài ra không có một niệm gì khác.

Tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634), Sư lâm bệnh. Trong lúc bệnh, Sư thấy một vị Phạm tăng tay cầm bình báu đến trước mặt nói:

- Ta là Vô Biên Quang, về sau ở cõi Tịnh độ sẽ gọi ta là Công Đức Bảo Vương.

Sư kể lại việc đó với chúng tăng:

- Vô Biên Quang tức Thế Chí, Công Đức Bảo Vương là danh hiệu thành Phật của Ngài. Từ nơi nhân mà nói quả là để khuyến khích. Tôi nhất định sẽ đi về Tây.

Ngày ấy, Sư vãng sinh tại chùa Đông, Vũ Khâu, thọ 71 tuổi. Người lớn kẻ nhỏ trong châu đều hết lòng thương tiếc, lễ lạy, an táng Sư ở ngọn núi phía nam chùa này.

34. Hòa thượng Thiện Đạo

Hòa thượng Thiện Đạo họ Chu, người Tứ châu, sống vào đời Đường. Vào khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-649), gặp đạo tràng Cửu Phẩm của thiền sư Tây Hà Xước, Sư vui vẻ nói: “Đây đúng là pháp thiết yếu để vào Phật đạo. Tu các pháp môn khác đều là đường vòng khó thành tựu, chỉ có pháp môn niệm Phật này mới nhanh thoát khỏi sinh tử”. Vì thế, Sư siêng năng chịu khó, ngày đêm lễ Phật tụng

kinh, đồng thời khích lệ đại chúng tu tập. Mỗi khi Sư vào thất qui lạy, niệm Phật, hễ chưa kiệt sức thì không dừng nghỉ; khi ra thất thì diễn thuyết cho mọi người nghe về pháp môn Tịnh độ. Hơn ba mươi năm Sư không ngủ, có thức ăn ngon thì đưa xuống nhà bếp, đồ ăn dở để mình dùng. Sư đem tiền tín thí cúng dường chép 100.000 quyển kinh A-di-đà và vẽ 300 bức tranh toàn cảnh Tịnh độ, sửa sang những phòng ốc bị hư, đốt đèn sáng luôn, giữ ba y một bát, không sai người mang, chỉ đi một mình, sợ bàn chuyện thế tục. Người được Sư giáo hóa rất đông; có người tụng kinh A-di-đà mười vạn đến năm mươi vạn biến, có người một ngày niệm danh hiệu Phật một vạn đến mười vạn biến, người đắc Niệm Phật tam-muội và được vãng sinh Tịnh độ nhiều không sao kể xiết. Có người hỏi:

- Niệm Phật sẽ vãng sinh Tịnh độ chăng?

Sư đáp:

- Niệm Phật thì sẽ được toại nguyện như điều mình niệm.

Nói xong, Sư niệm Phật một tiếng thì có một luồng ánh sáng từ trong miệng phóng ra; niệm mười đến một trăm lần cũng phát ra ánh sáng như vậy. Sư làm một bài kệ để khuyên mọi người:

Dần dà tóc bạc da nhăn
Mắt mờ đi đứng khó khăn
Dầu cho vàng ngọc đầy nhà
Đâu khỏi già, yếu, bệnh khổ
Dù ông có bao nhiêu vui
Cũng không tránh khỏi vô thường
Chỉ có tu theo đường tắt
Phải niệm Phật A-di-đà.

Về sau, Sư lại nói với mọi người: “Thân này thật đáng chán, ta sắp vãng sinh rồi”. Sư liền trèo lên cây liễu, xoay mặt về hướng tây cầu nguyện: “Xin Phật tiếp dẫn con, Bồ-tát giúp đỡ con, khiến cho con không mất chính niệm, được vãng sinh Tịnh độ!”. Nói xong, Sư buông tay rơi xuống và thị tịch. Hoàng đế Cao Tông biết được việc ấy, ban cho chùa một bức hoành đề chữ: “Quang Minh”.

Ghi chú

Hòa thượng Thiện Đạo, được người đời truyền tụng là hóa thân của Phật A-di-đà. Sư không những tự mình thực hành tinh nghiêm mà còn làm lợi ích rộng khắp cho chúng sinh muôn đời sau, khiến mọi người phát khởi lòng tin. Nếu Sư không phải hóa thân của Phật A-di-đà thì cũng là các ngài Quán Âm, Phổ Hiền. Thật tốt đẹp thay! Thật vĩ đại thay!

35. Trí Khâm

Sư Trí Khâm, sống vào đời Đường, chuyên tu thiền định. Sư lại xướng lạy đến một trăm lần danh hiệu của một vạn năm nghìn vị Phật. Về sau, Sư đứng trước tháp A-dục Vương ở Liễu Châu, đốt một cánh tay cầu sinh Tịnh độ. Vào lúc nửa đêm, đệ tử của Sư tên Tăng Hộ thấy trước sân tự nhiên có ánh sáng, liền hỏi:

- Người nào cầm đuốc đó?

Hỏi đến ba lần như thế. Bỗng trong hư không có tiếng bảo rằng:

- Ta đến đón thiền sư Trí Khâm.

Tăng Hộ liền mở cửa sổ ra, thấy thân Phật chiếu sáng, có tràng phan, bảo cái đầy cả hư không và thấy sư Trí Khâm từ từ bước theo Phật.

Ghi chú

Việc đốt thân, đốt tay trong kinh Đại thừa thường nhắc đến, nhưng đây là việc làm của bồ-tát đạt được sức nhẫn, chứ chẳng phải việc làm của hàng sơ phát tâm. Người cầu sinh về Tây phương, phải học theo hạnh tham thiền, lễ Phật của ngài Trí Khâm, không nhất định phải học theo việc đốt tay của Sư. Những người can đảm đốt tay để trị các tật xấu, việc ấy cũng rất nhiều. Người xưa nói: “Khéo học theo gương Liễu Hạ Huệ^[68]”. Không nhất thiết phải đốt tay!

36. Thích Tuệ Nhật

Sư họ Tân, người ở Đông Lai.

[68] Liễu Hạ Huệ 柳下惠: Là một quan đại phu nước Lỗ thời Xuân Thu. Tương truyền rằng vào một đêm giá rét khủng khiếp có một cô gái bị lạnh đến xin tá túc nhà ông, vì cứu cô gái, ông ta ôm cô gái ngủ suốt đêm nhưng không khởi dục tình.

Khoảng đời vua Thái Tôn nhà Đường, Sư xuất gia. Khi gặp được ngài Nghĩa Tịnh từ Ấn Độ về, Sư sớm tối học hỏi, nên thông đạt được Phật thừa. Mỗi lần nghe ngài Nghĩa Tịnh giảng về những di tích của Như Lai ở Ấn Độ, Sư xúc động mạnh nhưng vì đường xá xa xôi nên đành ôm ấp chí nguyện.

Vào khoảng niên hiệu Đại Túc đời Vũ Tắc Thiên (701), Sư đáp thuyền vượt biển đông nam, qua các nơi như: Côn Lôn, Phật Thệ, châu Sư Tử, v.v... ba năm mới đến Ấn Độ. Ở đó, Sư đi học hỏi các bậc thiện tri thức trong vòng mười ba năm, tiếp nhận giáo pháp, không để một ngày luống qua vô ích. Sư đi chiêm bái các di tích ở núi Tuyết, Song Lâm. Suốt bốn năm, trải vô vàn gian nan, cảm nhận sâu xa nỗi thống khổ của thế giới Ta-bà, nhân đó Sư nói:

- Cõi nào, phương nào có vui không khổ? Pháp gì, hạnh gì mau thấy được Phật?

Sư đi khắp nơi hỏi các vị Tam tạng ở Thiên Trúc, họ đều tán thán pháp môn Tịnh độ. Các ngài nói:

- Vị giáo chủ cõi Tịnh độ có lòng đại bi và nguyện lực sâu rộng, nếu có ai muốn vãng sinh thì đều được như ý nguyện.

Sư nghe xong vui mừng ghi nhớ. Sau đó, nhân dịp đến nước Kiện-đà-la ở miền Bắc Ấn, Sư biết tượng đức Quan Âm trên một ngọn núi ở phía đông bắc kinh thành ấy rất thiêng, hễ có ai chuyên tâm cầu nguyện, Bồ-tát đều hiện thân. Sư phát nguyện quên ăn bỏ ngủ, không tiếc thân mệnh trong bảy ngày lễ thỉnh Bồ-tát. Đến ngày thứ bảy, lúc chưa đến nửa đêm, đức Quan Âm hiện thân màu vàng tía ở trên hư không, thân cao một trượng, ngồi trên tòa sen báu, đưa tay phải xoa đầu Sư, nói:

- Ông muốn truyền bá chính pháp làm lợi ích chúng sinh, muốn sinh về nước của Phật A-di-đà thì hãy chuyên niệm thì sẽ được sinh như nguyện. Ông nên biết, pháp môn Tịnh độ vượt hơn mọi công hạnh.

Nói xong, Bồ-tát biến mất.

Sư vì tuyệt thực đã lâu, nên thân thể suy yếu, mỗi mệt, do đó Sư càng thấy thân tâm nhẹ nhàng. Từ lúc Sư đi Tây Trúc đến khi trở về mất hết 21 năm, trải qua hơn 70 nước. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy (719), Sư mới về đến Trường An, dâng trình tượng Phật và kinh điển, khiến vua cảm động, vua tuyên dương công đức của Sư và sắc ban hiệu “Từ Mẫn Tam Tạng”. Sư tinh cần tu trì pháp môn Tịnh độ, từng biên soạn Tịnh độ văn kí, năm quyển, được người đương thời kính tín.

Nếu nói về nhiệt tâm dẫn dắt người tục, thì Sư gần bằng các ngài Đạo Xước, Thiện Đạo ...

Niên hiệu Thiên Bảo thứ 7 (748) đời Đường, Sư viên tịch tại chùa, thọ 69 tuổi. Di thể Sư được an táng ở Tây Lĩnh, Bạch Lộc Nguyên. Trước khi viên tịch ba ngày, Sư tự nói:

- Ta thấy hoa sen sáng như mặt trời!

37.Thích Pháp Chiếu

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai (767) đời Đường, Sư ở chùa Vân Phong thuộc Hành Châu. Sư là người có hạnh từ bi, nhẫn nhục, giữ giới, tu định, được người đương thời nường theo tu tập.

Một hôm, Sư đang dùng cơm ở tầng đường, thấy trong bát có mây năm sắc, trong mây có ngôi chùa, phía đông bắc chùa có ngọn núi lớn, trong núi có suối, phía bắc suối có cánh cửa đá. Cách cửa khoảng năm dặm có một ngôi chùa với tấm biển vàng ghi: “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Mặc dù chính mắt trông thấy nhưng lòng Sư còn phân vân.

Vào một ngày khác, lúc thụ trai, Sư lại thấy trong bát có mây năm sắc, trong mây có vài ngôi chùa, không có núi rừng và các thứ đơ bản, chỉ thuần là thế giới màu vàng ròng, lại có ao, vườn, lầu gác, các châu báu đan xen nhau, có hàng vạn chúng bồ-tát ở trong đó. Ở chính giữa có vô số tướng trạng thù thắng cõi nước nghiêm tịnh của chư Phật. Sư thấy thế rất vui mừng, hỏi về những điều đó. Lúc ấy có hai vị tăng là Gia Diên và Đàm Huy đáp:

- Chư Phật biến hóa, không thể lấy phàm tình mà suy lường được. Nếu luận về hình thế núi sông thì đó chính là núi Ngũ Đài!

Vào mùa hạ niên hiệu Đại Lịch thứ tư (769) đời Đường, Sư đến chùa Hồ Đông ở Hoành Châu lập đạo tràng Ngũ hội niệm Phật. Đến ngày mồng hai tháng sáu năm này, mây lành năm sắc trùm khắp cả ngôi chùa. Trong đám mây có các lầu gác, trên gác có vài vị Phạm tăng, thân cao hơn một trượng đang cầm tích trượng đi nhiều. Sư lại thấy Đức Phật A-di-đà cùng hai vị bồ-tát thân tướng cao lớn ngang bằng cõi hư không.

Đến tối, Sư gặp một cụ già ở ngoài đạo tràng. Cụ già nói:

- Trước kia ông đã phát nguyện đến thế giới Kim Sắc diện kiến và đỉnh lễ Đức Đại Thánh, nay sao lại không đi?

Sư đáp:

- Thời cuộc khó khăn, đường sá hiểm trở nên mới thôi, không biết làm thế nào?

Cụ già nói:

- Chỉ cần lòng gấp muốn đi thì sẽ đi đến, chứ có gì là gian nan?

Sư chưa kịp trả lời, cụ già đã biến mất. Sư cho rằng điều mình thấy thật kì diệu nên lại phát nguyện: “Nguyện thân con được gặp Đại Thánh, dù cho phải đi xuyên qua đồng lửa lớn, vượt qua dòng sông băng giá, con quyết không nản lòng”.

Ngày mười ba tháng tám năm ấy, Sư cùng một số bạn đồng chí hướng bắt đầu cuộc hành trình từ Nam Nhạc, quả thật không gặp sự hiểm trở nào.

Đến ngày mồng năm tháng tư niên hiệu Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến được huyện Ngũ Đài. Xa xa, Sư trông thấy có ngôi chùa, ở phía nam có vài luồng ánh sáng. Ngày mồng sáu, Sư đến chùa Phật Quang, khung cảnh ở đây hoàn toàn giống với những gì Sư đã thấy trong bát. Vào canh tư đêm ấy, lại có luồng ánh sáng lạ từ hướng bắc lóe sáng. Sư không đoán định được luồng ánh sáng ấy, liền hỏi:

- Đây là điềm gì, lành hay dữ?

Vị tăng ở đó đáp:

- Đó là ánh sáng không thể nghĩ bàn của Đại Thánh để nhiếp hộ thân tâm của thầy, có gì phải hỏi?

Sư nghe nói thế liền chỉnh sửa uy nghi, đến một ngôi chùa ở phía trước, cách khoảng năm dặm về phía đông bắc chùa ấy đúng là có ngọn núi, trong núi có dòng suối, phía bắc suối có cửa đá. Bên cửa có hai đứa bé khoảng chừng tám chín tuổi, hình dáng xinh đẹp, tên là Thiện Tài và Nan-đà, dẫn Sư vào cửa. Sư đi tiếp về hướng bắc khoảng năm dặm lại thấy cánh cửa bằng vàng, trên cửa có lầu, bên cạnh lầu có chùa, trên cửa chùa có tấm bảng vàng lớn ghi: “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”.

Khuôn viên chùa rộng khoảng hai mươi dặm, có hơn một trăm viện, mỗi viện đều có bảo tháp, mặt đất bằng vàng ròng, tòa sen, cây ngọc đầy khắp trong đó. Sư đi vào giảng đường thấy phía tây có bồ-tát Văn-thù, phía đông có bồ-tát Phổ Hiền đều ngồi trên tòa sư tử cao. Âm thanh thuyết pháp vang vọng bên tai. Có hàng vạn bồ-tát đi nhiễu xung quanh đức Văn-thù và Phổ Hiền. Sư đứng trước hai Bồ-tát đĩnh lễ, hỏi:

- Phàm phu thời mạt pháp hiểu biết kém cỏi, tâm địa Phật tính không nhờ đâu phát khởi, chẳng biết tu hành pháp môn nào là cốt yếu. Cúi mong Đại Thánh giải trừ mối nghi cho con!

Bồ-tát Văn-thù đáp:

- Điều ông hỏi lúc này quả là thích hợp. Trong các pháp môn tu hành, không pháp môn nào hơn niệm Phật. Ta trong kiếp quá khứ cũng do niệm Phật mà thành tựu Nhất thiết chủng trí. Do đó, tất cả các pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa, thiên định sâu xa, cho đến biến trí tuệ Chính biến tri của chư Phật đều từ niệm Phật mà phát sinh.

Sư hỏi:

- Con phải niệm như thế nào ạ?

Đáp:

- Phía tây thế giới này có Đức Phật A-di-đà, nguyện lực của Đức Phật ấy không thể nghĩ bàn. Ông nên liên tục niệm Phật, đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung nhất định được vãng sinh về đó.

Lúc ngài Văn-thù nói lời này, hai vị đại Bồ-tát duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu và thụ kí cho Sư:

- Ông nhờ pháp môn niệm Phật không thể nghĩ bàn này mà cuối cùng sẽ chứng được Vô thượng giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn mau giải thoát thì nên niệm Phật!

Bấy giờ, hai vị bồ-tát thuyết kệ tụng. Sư nghe rồi lòng càng hân hoan.

Ngài Văn-thù nói tiếp:

- Ông có thể lần lượt đi đến các viện của bồ-tát đĩnh lễ để được chỉ dạy.

Sư vắng lời đến từng nơi đỉnh lễ thụ giáo. Kế đến, Sư vào vườn hoa thất bảo; ra khỏi vườn, Sư đến trước mặt Đại Thánh đỉnh lễ rồi trở về. Sư lại thấy ở phía trước là Thiện Tài và Nan-đà đến tiễn ra ngoài cửa, Sư làm lễ từ giã, khi ngẩng đầu lên thì hai vị đã biến mất.

Đến ngày mười ba, Sư cùng hơn năm mươi vị tăng đến động Kim Cương, nhưng không còn thấy chỗ của Đại Thánh nữa. Bất chợt Sư thấy vùng đất ấy bao la, trang nghiêm thanh tịnh, cung điện được làm bằng các bảo vật lưu ly. Trong cung điện ấy có bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền cùng hàng vạn bồ-tát, Phật-đà-ba-lị^[69] cũng ở trong đó. Sau khi đã thấy, Sư theo chúng tăng trở về chùa.

Canh ba đêm đó, tại căn lầu phía tây viện Hoa Nghiêm, Sư lại thấy một ngôi chùa ở giữa hẻm núi phía đông có năm ngọn đèn, tỏa sáng hơn một thước vuông.

Sư nguyện:

- Nguyện năm ngọn đèn phân thành một trăm ngọn hướng về một mặt.

Đèn liền phân ra đúng như vậy.

Sư lại nguyện:

- Nguyện phân thành một nghìn ngọn đuốc.

Kết quả đèn cũng phân ra như ý nguyện, hàng hàng đối nhau, ánh sáng giao thoa chiếu sáng khắp cả núi rừng.

Sư lại đến trước động Kim Cương mong gặp Đại Thánh. Gần hết canh ba, Sư gặp một vị Phạm tăng xưng là Phật-đà-ba-lị, dẫn Sư vào chùa.

Đến ngày mồng một tháng mười hai, khi vào đạo tràng niệm Phật ở viện Hoa Nghiêm, bỗng Sư sực nhớ đến hai vị bồ-tát Văn-thù và Phổ Hiền đã từng bảo rằng Sư sau cùng sẽ chứng được Vô Thượng Giác, và thụ kí cho Sư niệm Phật A-di-đà nhất định được vãng sinh. Do đó, Sư nhất tâm niệm Phật. Đang lúc chính niệm, Sư thấy phía trước có vị Phạm tăng đi vào đạo tràng nói:

- Đai sen của ông ở cõi Tịnh độ đã sinh, ba năm sau sẽ nở, ông sẽ sinh vào đó. Những điều ông thấy trước đây ở các ngôi chùa trong rừng trúc, sao ông không nói cho mọi người cùng biết.

[69] Phật-đà-ba-lị 佛陀波利 (S: Buddhapāli): Tên một vị sa-môn nước Kế Tân, dịch ý là Giác Hộ.

Sư nghe nói thế liền nhớ lại những gì đã thấy ngày trước, nhân đó thuê thợ khắc lại vào đá. Và tại nơi đã thấy ngôi chùa trong rừng trúc, Sư liền xây dựng chùa đặt hiệu là Trúc Lâm. Ngôi chùa xây xong, Sư nói:

- Việc đã làm xong, sao ta còn chân chừ ở đây?

Chẳng bao lâu sau Sư viên tịch. Xét lại lời Phạm tăng đã nói trước kia thì quả đúng là ba năm.

Lúc Sư đến ở chùa Hồ Đông mở đạo tràng Ngũ hội niệm Phật^[70], cảm ứng tương mây lành và lầu gác báu, lại thấy Đức Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát khắp cả hư không. Lại nữa, Ngũ hội niệm Phật ở Tinh Châu này cảm đến trong cung vua, Đại Tông hoàng đế cũng nghe tiếng niệm Phật. Vua bèn sai người đi tìm thì thấy Sư đang giảng dạy rất nhiều người, liền mời vào kinh thành để dạy cho những người trong cung niệm Phật. Khi dạy cho mọi người trong cung niệm Phật, Sư cũng lập Ngũ Hội, nên Sư được gọi là pháp sư Ngũ Hội.

Ghi chú

Cảm điềm mộng trước, thấy cảnh trí sau, điều này rõ ràng thật đáng tin. Như thế, các pháp môn tu khác không bằng pháp môn Niệm Phật, là lời của ngài Văn-thù chỉ dạy. Việc ấy không đáng tin sao?

Báo ba năm trước hoa sen đã chờ sẵn là chỉ cho lúc mới khởi lòng tin, đang ở trong nhụy hoa sen, tùy theo mình siêng năng hay lười biếng mà hoa tươi hoặc héo, điều này không đủ để tin ư! Than ôi! Thảm hiện điềm linh dị phù hợp với lời thụ kí của bồ-tát Văn-thù mà Sư lập lên Ngũ hội niệm Phật, âm thanh thấu suốt Cửu trùng. Há chẳng phải nhờ vào bi nguyện mà sinh ra hay sao?

38. Thích Thiều Khang

Sư họ Châu, người Tiên Đô, Tấn Vân. Mẹ họ La, Lúc mang thai Sư, bà mộng thấy đạo chơi ở núi Đỉnh Hồ, được ngọc nữ trao cho hoa sen xanh và nói:

[70] Ngũ hội niệm Phật 五會念佛: Năm hội niệm Phật được phân biệt theo âm điệu cao thấp và nhịp phách nhanh chậm. Nghi thức niệm Phật này do ngài Pháp Chiếu mô phỏng theo sự diễn tả “Gió thổi cây báu phát ra năm thứ âm thanh” mà lập ra làm cho kẻ đạo người đời ham thích cõi Tịnh độ. Năm hội niệm Phật này có tác dụng; trừ 5 khổ, dứt 5 cái, đoạn 5 đường, thanh tịnh 5 nhãn, đầy đủ 5 căn, thành tựu 5 lực, chứng Bồ-đề, đầy đủ 5 giải thoát, có thể mau chóng thành tựu 5 phần pháp thân...

- Hoa cát tường này trao cho bà, bà sẽ sinh quý tử!

Ngày Sư chào đời có ánh sáng xanh đầy phòng, mùi thơm tựa như hương hoa sen. Thuở còn nằm nôi, Sư có đôi mắt xanh, môi hồng, khác với các đứa trẻ bình thường. Từ buổi sơ sinh, Sư tuyệt nhiên không nói.

Người xem tướng bảo:

- Đứa bé này thật kỳ lạ, không thể suy lường được, tôi không biết được vì sao nó không nói!

Lên bảy tuổi, mẹ dẫn Sư lên chùa Linh Sơn, đến chính điện, bà chỉ vào tượng Phật, cười hỏi Sư:

- Con kính Phật không?

Sư đáp:

- Đức Phật Thích-ca của chúng ta, ai mà không kính?

Người mẹ nghe nói thế lấy làm lạ, vì kể từ khi sinh ra đến lúc ấy Sư chưa từng nói bao giờ. Do đó, cha mẹ cho Sư xuất gia.

Năm mười lăm tuổi, sư tụng năm bộ kinh như: Pháp hoa, Lăng-nghiêm v.v... Sư đến chùa Gia Tường ở Việt Châu học tập và nghiên cứu giới luật.

Sau, Sư đến chùa Long Hưng ở Thượng Nguyên, nghe giảng kinh Hoa nghiêm và các bộ luận như Du-già ...

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư đến chùa Bạch Mã^[71] ở thành Lạc Dương, thấy bản văn trong điện nhiều lần phóng ra ánh sáng, Sư không ngờ được, đến tìm xem thì thấy đó là bản văn Tây phương hóa đạo của ngài Thiên Đạo^[72] khi xưa.

Sư nguyện:

- Nếu con có duyên với Tịnh độ thì hãy khiến cho bản văn này tiếp tục phát ra ánh sáng!

[71] Chùa Bạch Mã (Bạch Mã tự 白馬寺): Chùa ở phía đông huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, được xây dựng vào năm 75 triều đại vua Minh Đế đời Đông Hán.

[72] Thiên Đạo 善導: Cao tăng Trung Quốc sống vào đời Đường, người ở Lâm Truy, tỉnh Sơn Đông. Sư là tổ thứ hai của tông Tịnh độ. Sư chuyên niệm Phật, siêng năng tinh tấn khổ hạnh, chứng được niệm Phật tam-muội, ở trong định thấy cảnh trang nghiêm của Tịnh độ. Sư thị tịch vào ngày 14 tháng 03 năm 681 (có thuyết nói ngày 27), hưởng thọ 69 tuổi.

Chưa dứt lời, ánh sáng lại chiếu ra rực rỡ.

Sư nói:

- Kiếp thạch có thể mòn, nhưng lời nguyện của con không bao giờ đổi.

Nhân đó, Sư đến Trường An, chiêm lễ di tượng của ngài Thiện Đạo, lúc thiết lễ cúng bồng thấy tượng ngài bay lên hư không, bảo Sư rằng:

- Ông y theo lời ta phổ độ chúng sinh, nhờ công đức này mà sinh về An Dưỡng.

Sư nghe lời đó như có được sự ấn chứng. Sư tiếp tục đến chùa Quả Nguyện ở Giang Lăng. Trên đường đi, Sư gặp một vị tăng bảo rằng:

- Thầy muốn giáo hóa thì nên đến xứ Tân Định.

Vị ấy nói rồi biến mất. Sư đi đến Mục châu, mọi người chưa biết đến Phật nên chưa theo sự hướng dẫn của Sư. Sư quyên tiền dẫn dụ trẻ em niệm Phật, bảo:

- Đức Phật A-di-đà chính là bậc thầy lành dẫn đường cho các con, nếu niệm danh hiệu Phật một câu ta sẽ cho một đồng tiền!

Nghe nói niệm Phật được tiền, lũ trẻ liền theo Sư niệm Phật. Hơn một tháng sau, trẻ con niệm Phật để được tiền càng đông, Sư bảo với chúng:

- Niệm Phật mười câu thì được thưởng tiền!

Các đứa trẻ ở Mục châu cũng theo lời quy định đó. Như thế được một năm thì số nam nữ bất kể già trẻ, sang hèn hễ gặp Sư đều niệm “A-di-đà Phật”. Cho nên, người ở Mục châu cùng nhau niệm Phật khắp cả đường sá.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ mười (794), Sư thành lập đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô Long^[73], xây đàn Tam Cấp, nửa đêm tập hợp mọi người lại niệm Phật. Trong thời tu tập của đạo tràng, Sư đều đích thân thăng tòa, rồi bảo mọi người nhìn về phía Sư, Sư niệm lớn “A-di-đà Phật” rồi mọi người cùng nối tiếp niệm hòa theo. Lúc Sư xướng lên, đại chúng nhìn thấy có một vị Phật từ trong miệng Sư bay ra, niệm liên tục mười lần thì có mười vị Phật liên tiếp như xâu chuỗi. Sư hỏi:

- Các vị thấy Phật không? Nếu ai thấy Phật người ấy nhất định sinh Tịnh độ.

[73] Núi Ô Long (Ô Long sơn 烏龍山): Núi ở cách thành Nghiêm Châu (nay là huyện Kiến Đức, tỉnh Chiết Giang), Trung Quốc 3 km về phía bắc. Vào năm 794, pháp sư Thiếu Khang, một trong năm vị tổ Tịnh độ, từng vào núi này lập đạo tràng Tịnh độ, nổi tiếng ở đời.

Trong vài nghìn người niệm Phật đó cũng có người không thấy.

Ngày mồng ba tháng mười niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai mươi một (805), Sư dẫn dò mọi người phải tinh tiến cầu sinh An Dưỡng, nhằm chán cõi Diêm-phù-đề.

Sư nói tiếp:

- Nếu bây giờ các con thấy được hào quang mới thật là đệ tử của ta!

Nói xong, Sư liền phóng vài luồng ánh sáng lạ rồi viên tịch. Đại chúng xây tháp ở đài Tử Nham.

Niên hiệu Càn Hựu thứ ba (950) đời Hậu Hán, thiền sư Đức Thiệu^[74] ở núi Thiên Thai trùng tu lại bảo tháp. Người đời nay phần nhiều đều cho rằng ngôi tháp đó thờ hậu thân của ngài Thiệu Đạo.

Ghi chú

Có người nghi ngờ việc Phật tử trong miệng Sư bay ra, họ cho là điều quái lạ. Than ôi! Đức Thế Tôn lúc gặp voi say trên đầu năm ngón tay xuất hiện năm con sư tử ánh sáng màu vàng, Thế Tôn nói: “Ta đâu có tâm chế ngự voi! Vì từ vô lượng kiếp đến nay, Ta tu pháp từ bi, nhẫn nhục, tự nhiên có năm con sư tử xuất hiện, Ta cũng không hay biết”. Nay thấy Đức Phật tử trong miệng pháp sư Đài Nham Khang bay ra, đây cũng do lòng kính ngưỡng từ vô lượng kiếp đến nay dẫn đến mà thôi. Đâu có gì lạ! Ở thế gian có những vị thầy tà dạy mọi người, ban đêm ngòi đốt hương chí thành cầu nguyện sẽ thấy Đức Phật hiện, bèn cho là có cảm ứng. So sánh giữa hai việc tà và chính thật xa vời, người tu tịnh nghiệp không thể không hiểu rõ điều này.

39. Thích Tự Giác

Sư người Vọng Đô, Bắc Lãng.

[74] Đức Thiệu 德韶: Thiền sư Trung Quốc, sống vào đời Tống, họ Trần, là tổ thứ hai của tông Pháp Nhãn, người Long Xuyên, Xứ Châu, Chiết Giang. Sư xuất gia năm 15 tuổi, đến năm 18 tuổi thụ giới Cụ túc. Sau đó sư đi tham học với 54 vị thiện tri thức, cuối cùng nối pháp ngài Pháp Nhãn Văn Ích ở Lâm Xuyên. Về sau, sư được Ngô Việt vương Tiên Hoằng Thục thỉnh về Hàng Châu, tôn làm quốc sư. Sau, sư đến chùa Thiên Thai Bát-nhã, xây dựng mấy mươi đạo tràng. Sư thị tịch vào năm 972, thọ 82 tuổi.

Năm mười tuổi, Sư làm đệ tử ngài Trí Khâm chùa Khai Nguyên, nơi quận Sư cư trú. Ngài xét thấy Sư có ý chí hơn người nên đặt tên là Tụ Giác. Nhân đó, ngài nói đùa:

- Tên đây ý nghĩa, hẳn có được lợi ích gì chăng?

Sư trả lời:

- Hạt giống Phật do nhân duyên sinh khởi, con đâu thể quên lời dạy của thầy!

Niên hiệu Chí Đức thứ hai (757) đời Đường, Sư thụ giới Cụ túc. Sau, đến chùa Thiên Pháp ở Linh Thọ học các kinh luật của Tiểu thừa và Đại thừa, Sư phân tích, giải thích rõ ràng. Thời gian sau, Sư suy nghĩ:

- Việc đời vô số, mỗi ngày càng nhiều. Nếu vào Thái Sơn có được am tranh trên tảng đá để ở thì cũng đủ lắm rồi!

Niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), Sư đến viện Trùng Lâm phía tây huyện Bình Sơn, nói:

- Núi vắng không người, phiền muộn chẳng sinh, phiền muộn chẳng sinh chẳng phải là hợp với lời Phật dạy vô văn ư?

Ở đây từ trước đã có quỷ thần nên suốt ba năm Sư giảng pháp cho họ nghe.

Niên hiệu Đại Lịch thứ năm (770), trời hạn hán, giặc cướp nổi lên như ong, lại thêm núi rừng rậm rạp, cọp sói đầy đầy. Sư nhật quả rừng, ngày chỉ ăn một bữa. Tiết độ sứ Trương Chiêu ở Hằng Dương nhận thấy trời đại hạn, biết Sư sống kham khổ tinh tấn, thường có cảm ứng điềm lành, nên đích thân vào núi thưa:

- Trương Chiêu không có tài trị quốc, gây họa lụy đến nhân dân, đã ba năm nắng hạn, không một giọt mưa. Tôi tự trách bản thân mình không giúp ích gì cho trăm họ!

Ông lại nói:

- Nghe nói Long Vương cùng quyền thuộc theo Sư nghe pháp nên quên việc làm mưa. Mong Sư từ bi xót thương mọi người thì Trương Chiêu không còn lo lắng nữa!

Sư liền đốt hương, hướng nhìn đầm nước từ xa chú nguyện:

- Mong Long vương làm mưa thấm nhuần. Nếu không như thế thì Long vương lấy gì làm đức?

Trong khoảnh khắc, từ bốn phía mây đen nổi lên, trời trút cơn mưa lớn. Năm ấy, nhân dân ở Hằng Dương bội thu mùa vụ.

Từ khi xuất gia đến bây giờ, có lần Sư đã phát bốn mươi chín lời nguyện. Lời nguyện thứ nhất là nhờ bồ-tát đại bi Quán Thế Âm để Sư gặp được Đức Phật A-di-đà. Do đó, Sư quyên góp tịnh tài, đúc tượng Đại Bi Quán Thế Âm cao bốn mươi chín thước và xây một ngôi chùa để tôn trí. Khi chùa xây xong, Phật sự đã thành, Sư đến trước tượng Đại Bi Quán Thế Âm cúi đầu rơi lệ nguyện rằng:

- Thánh tượng đã đúc, chùa đã xây xong, con nguyện nương thánh lực sớm sinh An Dưỡng!

Canh ba đêm ấy, Sư chợt thấy có hai luồng ánh sáng lành, ở giữa luồng ánh sáng sắc vàng ấy có Đức Phật A-di-đà cưỡi mây đi xuống, bên cạnh có bồ-tát Quán Âm và Thế Chí. Phật đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư, nói:

Giữ gìn bản nguyện kiên cố
Lợi ích chúng sinh làm đầu,
Ao báu là nơi vãng sinh
Ai cũng được như nguyện!

Thoáng chốc, ánh sáng mất, đám mây tan hoàn toàn không còn dấu vết.

Ngày rằm tháng bảy niên hiệu Đại Lịch thứ mười một (776), Sư nhìn thấy một người hiện nửa thân hình trên đám mây, có hình dạng giống như Tì-sa-môn. Vị đó cúi xuống nói với sư:

- Đã đến lúc ông về An Dưỡng rồi!

Ngay ngày đó, Sư đem việc ấy kể lại, đồng thời khuyên bảo đệ tử tinh tấn tu hành, dũng mãnh trong giáo pháp của Như Lai, không sinh tâm biếng nhác.

Sau đó, Sư đến trước tượng Đại Bi Quán Thế Âm ngồi kết già viên tịch. Đệ tử muốn đặt Sư vào linh cữu đưa về núi cũ, nhưng mọi người ở châu này nài thỉnh giữ lại, nên đã xây tháp Sư ở phía nam chùa Đại Bi.

40. Thích Tề Hàn

Sư tự là Đẳng Chí, họ Thẩm, ở Ngô Hưng. Cao tổ của Sư làm quan Tế tửu nước Trần, tăng tổ^[75] làm quan Tư mã ở châu Ngụy nước Tùy, tổ khảo^[76] không làm quan.

Thuở nhỏ, Sư đến chùa chơi, bước lên đất thanh tịnh, bỗng nhiên xúc động biết được đời quá khứ của mình, chỗ Sư ở của đời quá khứ hiện ra rõ ràng trước mắt. Nhân đó, Sư phát tâm xuất gia.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ tám (749) đời Đường, Sư trụ ở chùa Vĩnh Định thuộc quê nhà.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ chín (750), Sư mở đàn Ngũ Phần ở chùa Khai Nguyên.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768), tăng và tục ở hai châu Chuyên Lê, Vũ Khâu quy tụ ngày càng đông, nhưng tính của Sư không chạy theo thời thế, chẳng thích gàn gỏi người tiếng tăm, mỗi khi ở trong thất thì yên lặng như không người, chỉ khổ công tu học không bỏ phí thời gian. Sư tinh thông nghĩa lí các kinh luật như Pháp hoa... không chút nghi ngờ, lại còn xiển dương Phật pháp, dẫn dắt người sau. Có lần, Sư nói với ngài Kiêu Nhiên^[77] ở Ngô Hưng:

- Tất cả những gì ta thấy biết đều đem chỉ dạy cho người, dù một chút việc thiện ta cũng đều hồi hướng về Tịnh độ!

Niên hiệu Đại Lịch thứ mười (775), nhân có bệnh, Sư vào đạo tràng Lưu Thủy Niệm Phật^[78] thấy được cảnh Tịnh độ hiện tiền trong một niệm. Ra khỏi đạo tràng, Sư liền làm bài kệ:

Con nước trôi chừ, Lăn tăn sóng gợn,
Đóa hoa sen chừ, Tỏa rực ánh sáng,
Cưỡi ánh sáng chừ, Đi tới cùng ai!

Lúc rời đạo tràng, làm kệ xong, Sư bảo đệ tử:

[75] Tăng tổ: Ông cố nội.

[76] Tổ khảo: Ông nội.

[77] Kiêu Nhiên 皎然: Vị tăng Trung Quốc, sống vào đời Đường, người Trường Thành, họ Tạ, tự Thanh Trú. Sư từng nhiều lần soạn văn bia cho các tổ sư Thiên tông thời kì đầu, như: Đạt-ma đại sư pháp môn nghĩa tán, Nhị Tông thiền sư tán, Năng Tú nhị tổ tán, Chí công tán, Đại Thông hòa-thượng pháp môn nghĩa tán, Hạc Lâm hòa-thượng pháp môn nghĩa tán, v.v... tất cả đều được đưa vào Toàn đường văn quyển 917, quyển 918.

[78] Lưu Thủy Niệm Phật 流水念佛: Phương pháp niệm Phật liên tục không gián đoạn như dòng nước chảy.

- Điều thiện chớ nên bỏ, thời giờ chớ để luống qua. Các con có lòng tin kiên cố đối với An Dưỡng là tốt rồi!

Đệ tử thưa:

- Chúng con không dám quên lời thầy dạy!

Sư nói tiếp:

- Chẳng quên Phật đạo, đức độ của các con từ đây mà phát khởi!

Có người nói:

- Hòa-thượng lia đời vì sao lại bệnh?

Sư nói:

- Lúc sắp ra đi, bậc Thánh cũng không tránh khỏi bệnh, huống gì ta!

Nói xong, Sư quay lại nhìn tượng Phật, rồi an nhiên viên tịch.

Sư viên tịch tại Đông tự ở Hồ Khâu vào ngày hôm ấy, thọ sáu mươi tám tuổi đời, ba mươi sáu tuổi đạo.

41. Thích Thần Hạo

Sư tự là Thường Khánh, họ Từ, tổ tiên thuộc người Bắc Tề. Ông nội đã từng phụng sự cho nhà Trần, nên gia đình ở quận Ngô. Sư có khí tiết phi phàm, phong thái siêu thoát.

Thuở nhỏ, Sư theo hầu ngài Hoài Nhất. Vào niên hiệu Thiên Bảo thứ sáu (747) nhà Đường, vua ban chiếu mỗi quận chỉ được độ ba người xuất gia, chọn lấy người nổi bật, có đức hạnh, đạo nghiệp hơn người. Sư là người được đề cử đầu tiên trong quận.

Sau, Sư nương nơi ngài Đàm Nhất ở Cối Kê, nghiên cứu sâu xa tạng luật. Sư than:

- Sự phòng hộ trong giới luật là để ngăn ngừa tự thân, nhưng chúng tăng ngày nay bỏ gốc theo ngọn. Ta chưa từng được nghe nói về người tự muốn sửa đổi. Sao ta lại vất vả chạy ngược chạy xuôi để nhận lấy sự chê cười của mọi người nhỉ?

Sư trở về chùa Phúc Nguyên ở Bao Sơn sống đời tiêu dao tự tại, làm một sĩ nhân có chí hướng cao thượng, vui theo cuộc sống du phương. Tiếng tăm của Sư vang dội một thời.

Niên hiệu Càn Nguyên thứ nhất (758) thời Đường, vua ban chiếu cho hai mươi bảy ngôi chùa, mỗi chùa đề cử bảy vị đại đức chuyên về giới luật. Sư vâng chiếu miễn cưỡng giảng dạy giới luật. Quan Thích sử Khai Châu là Lục Hướng và đệ tử mộ đạo là quan Cấp sự Trung Nghiêm Duyệt, quan Lễ bộ thị lang Lưu Thái Chân, quan Đại lí bình sự Trương Tượng, quan Liêm sử Lí Quân đều khâm phục đức độ của Sư, cho rằng ở đời không ai sánh bằng.

Về già, Sư thành lập Tây Phương pháp xã^[79] để cho tăng tục tu tập. Trong đạo tràng ấy, người nào không thể xa lìa niệm tục để thanh tịnh sáu căn thì phần lớn đều bỏ cuộc. Lúc đó người ta cho rằng trong rừng chiên-đàn ấy, những cây tầm thường sẽ tự khô héo.

Tháng mười niên hiệu Trinh Nguyên thứ sáu (790), Sư lâm bệnh. Đến ngày mồng năm tháng mười hai, Sư di chúc cho đệ tử Duy Lượng:

- Ta sẽ đi trong đêm nay, với tâm nguyện vãng sinh Tịnh độ. Con hãy chuẩn bị. Chín phẩm sen vàng dẫn đường đưa ta đến Cực Lạc!

Đêm ấy, điềm Tịnh độ âm thầm hiện ra trước mắt, Sư liền tắm rửa, thay y phục rồi viên tịch. Ba ngày sau, nơi thất Sư ở mùi thơm vẫn còn.

42. Thích Thiệt Trụ

Sư họ Hoài, người Bắc Dã, Doanh Châu. Thuở nhỏ, thông suốt giáo nghĩa Phật học, trội hơn bạn đồng học thời bấy giờ. Sư đã từng đến Ngô Trung, gặp pháp sư Tuệ Tĩnh giảng kinh Niết-bàn trước thính chúng tăng và tục hơn nghìn người chăm chú lắng nghe. Giữa hơn nghìn người ấy, Sư cùng với pháp sư đàm luận, hỏi đáp qua lại, nghĩa lí phần lớn nghiêng về Sư. Từ đó, tiếng tăm của Sư lan truyền khắp các quận.

[79] Tây Phương pháp xã 西方法社: Đoàn thể tăng tục lấy việc đọc tụng và nghiên cứu kinh Pháp hoa làm hạnh tu chính yếu, do ngài Thần Hạo (716-790) ở Bao sơn, quận Ngô sáng lập vào khoảng năm Trinh Nguyên (785-804) đời Đường.

Vào niên hiệu Nhân Thọ thứ ba (603) đời Tùy, Văn hoàng đế ra chiếu chỉ tuyển chọn năm mươi ba vị danh tăng, đem xá-lợi chia cho năm mươi ba quận. Sư có tài năng nên cũng được đưa vào dự tuyển, và được tuyển chọn. Qua kì ứng tuyển ấy, tiếng tăm Sư vang xa, nhưng Sư chỉ đơn độc một mình, ít tham gia vào việc đời, tình thân thích, bạn bè đều lợt lạt, chỉ để tâm đến Tịnh độ, dốc hết tâm lực huân tu đạo nghiệp. Nơi Sư ở có tượng A-di-đà và hai tượng Bồ-tát thường phóng hào quang sáng rực khắp trong ngoài, người trông thấy không ai không tán thán, mà Sư cả đời cũng không kể ra.

Vào niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (602), Sư lâm bệnh. Đến niên hiệu Vũ Đức thứ ba (620) đời Đường, bệnh thuyên giảm, Sư nói:

- Bệnh của ta đã lành nhưng tuổi thọ sắp hết.

Sau đó, Sư lại lâm bệnh nặng. Sư nói:

- Ta đối với Phật đạo vốn không có tâm biếng lười nên không lo chẳng sinh Tịnh độ.

Nói rồi Sư bảo tăng chúng quét dọn phòng thất, trang nghiêm chờ đến giờ vãng sinh. Đêm ấy, chư tăng ở lại bên cạnh Sư, Sư chột ngồi dậy chấp tay nguyện:

- Phật dùng bốn mươi tám lời nguyện để tiếp độ con, hữu tình cũng được nhờ, như bản nguyện của Phật.

Lại nói:

- Chúng sinh trong nhiều kiếp không gặp được Phật, không nghe chính pháp. Nay con may mắn được ánh quang minh của Phật chiếu đến, con nương theo lời nguyện không để luống qua.

Nói xong Sư thị tịch.

43. Thích Thần Tổ

Sư tự là Thiệu Tắc, họ Vương, ban đầu ở Thái Nguyên, sau ở Minh Điều, ấp An.

Sư xuất gia từ nhỏ, kết bạn đạo với pháp sư Đạo Kiệt, am tường văn tự nghĩa lí ít ai sánh bằng. Những người thông đạt lúc bấy giờ đều rất nể trọng Sư.

Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy (605 – 616), Sư giảng luận A-tì-đàm hơn bốn mươi lần, giảng luận Thành thật hai mươi lần, thời gian còn lại giảng các tiểu bộ, hầu như không có thời gian rảnh rỗi. Sư thường nói:

- Nếu tôi giảng kinh giúp cho người giải trừ được mê tối, nguyện thân này sau khi mất sẽ được sinh về An Dưỡng.

Sư là người nghiêm túc, khiêm nhường, không khoe khoang bản thân, nghe việc thiện của người dường như việc thiện mình, nghe điều ác của người, cũng như điều ác của mình.

Ngày ba mươi tháng hai, niên hiệu Trinh Quán thứ 17 (643) nhà Đường, nhân có chút bệnh, Sư bảo đệ tử:

- Ta đã khắc cốt ghi lòng, gieo nhân Tịnh độ, nay đã lâm bệnh, may là không bị các khổ. Các con lấy gì để giúp ta?

Lại bảo đệ tử lớn tiếng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Sư lắng tâm nghe, rồi tự mình niệm A-di-đà Phật và danh hiệu của hai vị bồ-tát Quan Âm, Thế Chí và danh hiệu của các bồ-tát trong hải hội. Sư niệm đi niệm lại nhiều lần.

Lại bảo một người xướng lớn lên, cả chúng tăng tụng theo.

Đến nửa đêm, Sư ngồi ngay ngắn viên tịch.

44. Thích Tuệ Tuyên

Sư Tuệ Tuyên sống vào đời Đường, xuất gia ở Tương Xuyên, Sư từng truyền bá Tam luân đại kinh^[80]. Đến ngày mùng 8 tháng 4 niên hiệu Trinh Quán thứ 23 (650), vào một đêm Sư nằm mộng thấy Sơn thần đến bảo: “Không bao lâu nữa Pháp sư sẽ vãng sinh về Tây phương!”.

Đến ngày 14 tháng 7, Sư giảng kinh Vu-lan-bồn^[81] vừa xong, chấp tay lại và nói: “Lúc sống thụ nhận vật của tín thí, nay cần phải bỏ hết, dù vật nhỏ như cọng lông

[80] Tam luân đại kinh 三輪大經 : Tức là kinh của ba thời giáo: A-hàm, Bát-nhã, Pháp hoa.

[81] Kinh Vu-lan-bồn (盂蘭盆經. S: Ullambana-sūtra): Kinh 1 quyển, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, Trung Quốc, là kinh điển thuộc Phương Đẳng bộ, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 16. Nội dung kinh này, đại đệ tử của Phật là Mục-kiền-liên vì bất nhẫn khi thấy mẹ bị đọa vào đường ngạ quỷ, chịu khổ, nên ngài thưa hỏi Phật cách giải cứu, Phật dạy ngày rằm tháng 7 là ngày chúng tăng Tự tứ, hãy dùng thức uống ăn ngon quý, ngũ quả cúng dường Phật tăng trong 10 phương thì mẹ ông sẽ được thoát li khổ nạn.

trở lên đều đem ra giúp cho người nghèo khổ, cô độc trong mười phương và các đạo khác”. Nói xong, Sư ngồi trên pháp tòa mà thị tịch.

Ghi chú

Thuở xưa, ngài Đạo Sinh thuyết pháp vừa xong, đại chúng thấy cây phát trần rơi xuống đất, Ngài ngồi tựa trên ghế mà thị tịch, giống như đang nhập định. Sự việc của sư Tuệ Tuyền cũng giống như thế. Than ôi! Ngày thường sống không có đạo lực, đến lúc sắp mạng chung có thể gắng sức được ư!

45. Thích Hoài Ngọc

Hoài Ngọc^[82] sống vào đời Đường, người ở Thai Châu. Sư luôn mặc áo vải thô, ngày ăn một bữa, thường ngồi không năm, tụng kinh A-di-đà ba mươi vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), Sư thấy Đức Phật và bồ-tát khắp trong hư không, có một người cầm đài bạc đến rước. Sư nói: “Tôi một đời niệm Phật, thế ngồi được đài vàng, tại sao không như ý?”. Lúc ấy, Thánh chúng liền biến mất. Từ đó, Sư càng thêm tinh tấn niệm Phật hơn. Hai mươi một ngày sau, có người đưa cao đài vàng đến và nói: “Vì Sư tinh tấn niệm Phật nên được sinh về Thượng phẩm! Sư hãy ngồi ngay thẳng mà chờ đợi”.

Ba ngày sau có ánh sáng lạ khắp phòng, Sư nói với đệ tử: “Tôi vãng sinh về Tịnh độ”. Nói xong, Sư mỉm cười mà thị tịch. Quan Thái thú Đoàn Hoài Nhiên làm kệ khen rằng:

[82] Hoài Ngọc 懷玉: Cao tăng Trung Quốc, thuộc tông Tịnh độ, sống vào đời Đường, họ Cao, người Đan Châu (Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang). Sư ở chùa Dũng Tuyền, Thái Châu (Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), giữ gìn giới luật rất nghiêm minh. Sư tụng kinh A-di-đà 30 vạn lần, mỗi ngày niệm danh hiệu Phật năm vạn tiếng. Ngày mùng 9 tháng 6 năm 742, Sư nằm mộng thấy Thánh tượng cõi Tây phương, biết sắp mạng chung, Sư liền viết bài kệ:

“Thanh tịnh trong sáng không bụi nhơ.
Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ
Tôi nay tu hành trải nhiều kiếp
Hiện ở Diêm-phù nhằm các khổ
Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp
Xa hẳn Ta-bà về Tịnh độ”.

Viết kệ xong, Sư thị tịch. Quan Thái thú là Đoàn Hoài Nhiên làm kệ ngợi khen và an táng Sư rất trọng hậu.

Pháp sư niệm Phật lên Sơ địa
Phật quốc sinh ca hai lần đến
Chỉ có cây hòe xưa trước cửa
Đài vàng máng nặng khiến cành oằn.

Ghi chú

Có người nói: “Đài bạc đến rồi ẩn mất, Đài vàng theo ý nguyện lại đến, đâu thể nào quả báo không có căn cứ? Bởi vì người lựa chọn”. Có người thông hiểu đáp: “Đây chính là nghĩa vạn pháp do tâm, theo cảm mà có ứng. Vả lại, xe lửa địa ngục đã xuất hiện mà nhất tâm niệm Phật mười tiếng còn được vãng sinh, thiên chúng đến rước. Hết lòng thệ nguyện sinh về Tịnh độ thì tướng thiện và ác, Thánh và phàm ngăn cách còn có thể chuyển nghiệp trong chốc lát, hướng gì vàng bạc giá trị không khác nhau bao nhiêu!

46. Thích Đạo Ngang

Sư Đạo Ngang sống vào đời Đường, người ở quận Ngụy, thờ pháp sư Linh Dụ làm thầy. Sư thường đến ở chùa Hàn Lăng Sơn giảng kinh Hoa nghiêm và Địa luận thấu suốt ngọn ngành, chí cầu sinh về Tây phương, nguyện sinh An Dưỡng. Sau đó, Sư tự biết mình sắp đến ngày mạng chung, dự tính vào tháng 8, nhưng mọi người chưa hay biết.

Đến ngày mùng 1 tháng 8, thân không mắc bệnh, bỗng Sư hỏi đại chúng đã đến giờ Ngọ trai chưa? Hỏi xong, Sư lên tòa cao, thân có tướng lạ, trong lò hương có hương thơm lạ, hướng dẫn đại chúng thụ giới bồ-tát, lời lẽ khẩn thiết, người nghe run sợ. Sư Đạo Ngang ngửa mặt lên cao trông thấy thiên chúng rất đông thổi tiêu, đánh đàn réo rắt. Sư nói với thiên chúng: “Trời Đâu-suất-đà^[83] đến nghinh đón tôi. Nhưng thiên đạo là gốc của sinh tử, còn tôi không muốn sinh lên trời, chỉ cầu sinh Tịnh độ. Tại sao sự chí thành của tôi không được toại nguyện?”. Sư vừa nói xong, nhạc trời liền biến mất. Sư lại thấy người mang hương hoa, đàn hát từ phương tây đông đúc như mây, bay nhảy mà đến vây quanh trên đỉnh đầu, tất cả đại chúng đều trông thấy. Sư Đạo Ngang nói: “Nay Đức Phật và Thánh chúng ở cõi Tây phương

[83] Trời Đâu-suất-đà (Đâu-suất-đà thiên 兜率陀天): Cõi trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục, rộng tám vạn do tuần, vị trí ở giữa trời Dạ-ma và trời Lạc Biến Hóa, cách trời Dạ-ma mười sáu vạn do tuần. Tuổi thọ của chư thiên ở cõi trời này khoảng 4.000 năm, một ngày một đêm ở đây tương đương với 400 năm ở nhân gian.

đến rước, việc này mới đúng với ý nguyện của tôi”. Chỉ thấy tay cầm lư hương buông xuống, Sư đã thị tịch trên tòa cao, dưới chân có hàng chữ Phổ Quang Đường... Mọi người xa gần đều kính ngạc, ngợi khen.

Ghi chú

Khước từ cõi trời mà cầu sinh Tịnh độ. Ngày trước có Quang Công, sau này có Hồng Công và Đạo Ngang. Bởi vì ba người này trong lúc khẩn cấp mà còn có thể dạy luật cho bốn chúng, ngồi trên tòa cao mà thị tịch. Tướng lành quá nhiều làm hoa mắt, kính tâm mọi người. Ôi! Lạ lùng thay!

47. Đạo Xước

Sư họ Vệ, người ở Văn Thủy, Tinh Châu.

Từ lúc xuất gia, Sư học khắp các bậc thầy danh tiếng. Sau, nghe thiền sư Toàn hạnh giải song toàn, Sư hết lòng kính phục.

Sau đó, Sư ở chùa Huyền Trung, Bích Cốc, là nơi ở trước kia của ngài Đàm Loan đời Hậu Ngụy. Ngài Đàm Loan ở chùa này chuyên tu pháp môn Tịnh độ, đến lúc lâm chung có rất nhiều điềm lành. Người trong quận cho là hi hữu, mới thu góp các sự kiện này lại khắc vào văn bia. Sư gặp bia đá càng thêm tín tâm. Từ đó, Sư nương nơi cảnh tịch tĩnh, lóng lạng các niệm, trì danh hiệu Phật A-di-đà nhiều không đếm xuể. Thông thường mỗi ngày Sư đều niệm bảy vạn lần.

Ở vùng đất giữa sông Tịnh và sông Phần ít có người niệm Phật, đeo chuỗi hạt, Sư khuyên tăng tục niệm Phật, nếu không có tràng hạt thì dùng hạt đậu ghi nhớ số lượng, niệm một tiếng thì lấy ra một hạt đậu, dùng hạt lúa cũng như vậy, sau đó kiểm số hạt ấy. Số hạt mà họ đã niệm nhiều đến vài vạn hạt.

Ngày 8 tháng 4 niên hiệu Trinh Quán thứ ba (629) đời Đường, mọi người vân tập đến chùa mừng ngày Đức Phật đản sinh, thì chợt thấy ngài Đàm Loan, từ thuyên thất bảo trên bầu trời chỉ vào Sư nói:

- Đền báu của ông ở Tịnh độ đã hoàn thành, chỉ còn thân dư báo của ông chưa mãn.

Đồng thời cũng thấy hóa Phật cùng hóa bồ-tát ngự trên hư không, mọi người đều ngạc nhiên, ca ngợi, kính tin, cho đến những kẻ không tin Phật cũng đều kính

ngưỡng. Do đó, khoảng đầu đời Đường, việc tu Tịnh độ ở các quận vùng sông Tinh và sông Phần cũng nhờ Sư mà được hưng thịnh.

Sư có người bạn đồng chí hướng là Đạo Phủ, ở kinh đô đã nhiều năm, cách chùa Huyền Trung rất xa. Mỗi khi gặp nhau, đều hẹn lấy Tịnh độ làm nơi gặp gỡ lâu dài.

Sư viên tịch đã ba ngày, Đạo Phủ hay tin, than rằng:

- Ta thường cho rằng mình đi trước Sư, sao nay lại đi sau?

Lại nói:

- Một hơi thở mong gặp được Phật thì có thể theo kịp!

Ngày hôm ấy, Sư Đạo Phủ ở trước tượng Phật đỉnh lễ phát nguyện, rồi trở về chỗ ngồi để viên tịch.

48. Bảo Tướng

Sư Bảo Tướng sống vào đời Đường, người ở Trường An, Ung Châu. Sư xuất gia năm mười chín tuổi, tu hạnh đầu-đà^[84], đêm ngày sáu thời lễ bái, sám hối được bốn mươi năm. Ban đêm Sư tụng kinh A-di-đà bảy biến, niệm Phật sáu vạn tiếng. Đến khi mắc bệnh, Sư vẫn không bỏ tụng kinh niệm Phật. Sư dặn dò đại chúng: “Niệm Phật là điều trước tiên, chớ để một đời luống qua vô ích, ta sẽ đợi các người ở cõi Tây phương”. Sư lại nói: “Thiền thi thể ta xong, không cần khắc bài minh vào tháp”. Nói xong, Sư thị tịch.

Ghi chú

Ngài Hoài Ngọc một ngày niệm Phật năm vạn câu, ngài Đạo Xước niệm bảy vạn câu, nay ngài Bảo Tướng niệm sáu vạn câu. Ba vị này đều là bậc cao tăng, những thời khóa mỗi ngày có số lượng nhất định. Nay bỗng có người nói: “Đây là việc làm của bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt”. Làm sao có thể như thế được!

[84] Hạnh Đầu-đà (Đầu-đà hạnh 頭陀行, S: dhūta-guṇa): Khổ hạnh tu tập để dứt bỏ sự tham trước y phục, ăn uống, chỗ ở v.v... ngõ hầu điều phục thân tâm.

49. Duy Ngạn

Sư người Giao Thành, Tịnh Châu. Sư thường than thở: ‘Ba cõi không an giống như nhà lửa, nếu chưa vãng sinh An Dưỡng thì đều là đau khổ’. Do đó, Sư siêng năng tu tập mười sáu pháp quán không biết mỏi mệt.

Ngày mồng bảy tháng Giêng niên hiệu Thủy Cung thứ nhất (685) nhà Đường, Sư xuất quán tượng và thấy hai vị bồ-tát Quan Âm, Thế Chí hiện trên không trung, một thời gian lâu mà chưa ản. Sư đĩnh lễ rơi lệ khóc than:

- Thật may mắn cho con, mắt thịt mà thấy được dung nhan của bậc Thánh!

Sư tiếc nuối vì không lưu truyền được hình ảnh này cho đời sau, chợt có hai người tự xưng là họa sĩ đến vẽ tượng. Trong khoảnh khắc, hai Thánh tượng được vẽ xong, và ngay lúc ấy hai họa sĩ cũng biến mất.

Đệ tử lấy làm lạ, hỏi Sư điều đó. Sư nói:

- Họ là họa sĩ ư?

Sư nói tiếp:

- Đến lúc ta về phương Tây rồi, trong hàng đệ tử có ai theo ta thì nói!

Có đứa bé thưa:

- Được lệnh của thầy, ai dám chối từ!

Sư nói:

- Nếu theo thầy, con hãy xin phép cha mẹ.

Cha mẹ đứa bé nghe con nói liền cười và mắng, vì họ không tin.

Đứa trẻ trở về chùa, dùng nước nóng có hương liệu tắm gội, rồi đến trước tượng Phật A-di-đà trải tọa cụ ngồi xuống viên tịch.

Sư hay tin, liền đến vỗ lưng đứa bé nói:

- Con theo hầu ta sao lại đi trước?

Sư bèn đốt hương, cầm bút đến trước bức tượng bồ-tát đã được vẽ lúc trước, viết bài tán:

Đức Quan Thế Âm đón từ xa
Bồ-tát Thế Chí đồng rước qua.
Trên mũ bảo bình hiện hóa Phật,
Trước trán hào quang chiếu sáng lò.
Đến mười phương cõi đều soi khắp.
Đợi sinh chín phẩm, tay cầm hoa
Mong tay từ bi dắt về Cực Lạc.

Làm kệ xong, Sư bảo các đệ tử cùng trợ niệm danh hiệu Phật. Lúc ấy có người chưa đến kịp, Sư nói:

- Không cần đợi nữa.

Sư ngược nhìn về hướng tây rồi viên tịch.

Ghi chú

Việc của Sư Duy Ngạn không phải mê hoặc. Chẳng phải đưa trẻ kia tu tịnh nghiệp từ lâu thì làm sao vãng sinh một cách thần kì như thế? Ông không thấy mười niệm nhất tâm bất loạn sẽ được thành tựu ư? Nếu không như vậy thì do căn lành kiếp trước của đứa trẻ đã thuần thực. Người tu tịnh nghiệp, nếu đời này không được vãng sinh, suy xét việc này có thể tự an ủi mình vậy.

50. Tăng Huyền

Sư người Thọ Dương, Tịnh Châu, sống vào đời Đường.

Lúc còn trẻ, Sư niệm danh hiệu bồ-tát Di-lặc, mong sinh vào nội viện^[85]. Đến năm chín mươi tuổi, được thiền sư Đạo Xước hướng dẫn pháp môn Tịnh độ, Sư chưa tỏ ngộ, chỉ mới bắt đầu hồi tâm. Biết mình tuổi đã xế chiều, công phu tích lũy chưa nhiều, từ đó Sư sớm hôm lễ Phật nghìn lạy, niệm Phật vạn lần, thức ngủ đều tinh tấn, không một mảy may giải đãi, suốt ba năm liền như thế.

Vào niên hiệu Trinh Nguyên thứ chín (794), nhân lâm bệnh nặng, Sư bảo đệ tử:

[85] Nội viện 内院: Khu vực Tịnh độ của bồ-tát Di-lặc ở trời Đâu-suất.

- Ta là người hữu lậu, mới có bệnh tật, nào ngờ được Đức Phật A-di-đà trao hương y, còn bồ-tát Quan Âm, Thế Chí đưa tay báu ra cho ta thấy. Từ đây đi về Tây đều là cảnh Tịnh độ. Ta đi theo Phật đây!

Nói xong Sư viên tịch. Đến bảy ngày sau, mùi hương vẫn còn. Nhân đó, mọi người ở Tịnh châu và Phần châu đều phát lòng tin Tịnh độ.

Lúc ấy ở chùa Ngô Chân phía tây sông Phần, hai pháp sư là Khải Phương và Viên Quả trước đây chỉ tôn trọng Sư vì tuổi cao, nay chính mắt thấy việc đó, liền đổi trước tượng Quan Âm phát lộ sám hối lỗi xưa, đồng thời bẻ cành dương đặt vào tay tượng bồ-tát, phát nguyện rằng:

- Chúng con nếu có duyên với Tịnh độ, thì hãy khiến cho cành dương bảy ngày không héo!

Bảy ngày sau, cành dương vẫn còn xanh tươi, hai vị vui mừng, cả ngày lẫn đêm không lìa quán niệm. Sau vài tháng, vào một đêm trong lúc quán niệm, bỗng nhiên các pháp sư thấy mình đến ao lớn thất bảo, giữa ao có rèm báu lớn, đã vào trong đó, lại thấy hai bồ-tát Quan Âm, Thế Chí ngồi đài hoa báu, phía dưới đài có cả nghìn vạn hoa sen khắp nơi. Đức Phật A-di-đà từ phía tây đi đến ngồi trên tòa sen lớn nhất. Các hoa sen phóng ánh sáng chiếu rực rỡ. Hai pháp sư tiến đến trước Phật đảnh lễ rồi bạch:

- Chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề y theo kinh, niệm Phật được sinh lên đây chăng?

Phật dạy:

- Nếu chúng sinh niệm danh hiệu của ta thì đều được sinh về, không có một người nào niệm Phật mà không sinh.

Hai vị pháp sư lại thấy cõi nước đó đất bằng phẳng như lòng bàn tay, cờ báu, lưới ngọc đan xen lẫn nhau. Lại thấy một vị tăng ngự trên chiếc xe báu vôi vàng đến bảo hai ngài:

- Tôi là Pháp Tạng, vì lời nguyện trước nên đến đón các vị.

Hai pháp sư lên xe đi về phía trước, lại cảm thấy thân mình ngồi trên hoa sen báu, lại nghe Đức Phật Thích-ca và bồ-tát Văn-thù dùng Phạm âm ca ngợi Tịnh độ. Trước mặt thấy có đại điện, trong điện có ba bậc thềm báu. Ở bậc thềm thứ nhất

toàn là bạch y, bậc thứ hai thì nửa tăng nửa tục, còn bậc thứ ba chỉ có tăng không có tục. Đức Phật chỉ vào bậc thứ hai bảo với Khải Phương:

- Đây đều là những người niệm Phật ở cõi Diêm-phù-đề được sinh Cực Lạc. Sao ông không tự cố gắng?

Hai pháp sư Khải Phương và Viên Quả thức dậy, kể hết lại cho các vị đồng tu nghe.

Đến ngày mồng năm, hai ngài không bệnh, chợt nghe tiếng chuông ngân, mới hỏi vị tăng bên cạnh. Vị tăng ấy không nghe được. Hai pháp sư nói:

- Tiếng chuông là việc của chúng ta, chẳng phải của thầy ấy!

Chẳng lâu sau, hai pháp sư cùng viên tịch.

Ghi chú

Đến lúc tuổi già mới tu Tịnh độ mà còn được vãng sinh; người tuổi trẻ có thể biết. Hai ngài Khải Phương, Viên Quả nghe việc vãng sinh của sư Tăng Huyền mà phát tâm, đến lúc lâm chung có hiện điềm lành. Thấy người khác vãng sinh, mình cũng mong được vãng sinh chính là nghĩa này vậy.

51. Thích Hoài Cảm

Sư Hoài Cảm sống vào đời Đường ở chùa Thiên Phúc, thông suốt kinh điển, nhưng lại chưa tin pháp môn Niệm Phật, bèn đến hỏi hòa thượng Thiện Đạo rằng:

- Việc niệm Phật thuộc pháp môn nào?

Hòa thượng đáp:

- Ông cứ chuyên niệm Phật, sẽ tự chứng nghiệm.

Sư lại hỏi:

- Thấy được Phật không?

Đáp:

- Lời Phật dạy sao còn nghi?

Sư bèn nhập đạo tràng niệm Phật, tu tập hai mươi một ngày mà chưa có ứng nghiệm gì, nên tự hận mình tội sâu nặng, muốn tuyệt thực để bỏ mạng. Hòa thượng ngăn không cho. Sau đó, suốt ba năm Sư chuyên tâm niệm Phật, liền được thấy tướng lông trắng của Phật, chứng được Niệm Phật tam-muội. Khi lâm chung được Phật đến đón, Sư chấp tay hướng về phía tây mà qua đời. Sư soạn Vãng sinh quyết nghị luận 7 quyển để lại đời.

Ghi chú

Ngạn ngữ có câu: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”. Vì ta chứng kiến việc của Hoài Cảm, nên mới khuyên nếu người nào tự ràng buộc mình thì phải suy nghĩ lại việc đó.

52. Thích Đức Mĩ

Pháp sư Đức Mĩ sống vào đời Đường, cư trú tại Tây viện chùa Hội Xương. Pháp sư xây Sám đường để tu Bát-chu tam-muội^[86], suốt mùa hạ không nằm, ngồi; hoặc ba năm không nói một lời, hoặc làm như hạnh của bồ-tát Thường Bất Khinh, đỉnh lễ bảy chúng, ăn mặc giản dị, chấm dứt vọng tưởng thế gian, chuyên quán niệm Tây phương, tụng kinh A-di-đà suốt đời không dừng nghỉ. Một thời gian sau, Pháp sư vào phòng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà an nhiên thị tịch.

Ghi chú

Chấm dứt vọng tưởng thế gian thì tâm nhiễm ô không còn. Chuyên nghĩ về Tây phương thì nhân Tịnh độ thành tựu. Người xưa có câu: “Tâm ái không nặng thì không sinh Ta-bà, niệm Phật mà không nhất tâm thì không sinh Tịnh độ”. Quả thật đúng như lời nói!

53. Thích Biện Tài

Sư họ Lí, người Tương Dương sống vào đời Đường. Lúc mẹ Sư mang thai bỗng nhiên bà ghét thức ăn tanh hôi. Đêm Sư chào đời có mùi thơm khắp phòng.

[86] Bát-chu Tam-muội 般舟三昧 (S: Pratyutpannasamādhī): Một loại chính định thành tựu nhờ thực hiện pháp môn tu tập vừa đi vừa niệm Phật vừa quán tưởng. Thực hành Tam-muội này trong khoảng thời hạn qui định (7-90 ngày) thì sẽ thấy được chư Phật.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia nơi thiền sư Tịch ở núi Hiên.

Năm 16 tuổi, xuống tóc tại chùa Đại Vân thuộc châu Sư đang ở, rồi lần lượt đi khắp các quận, học rộng các kinh sách. Sau, nghe pháp môn của luật sư Hoài Uy ở chùa An Quốc tại Trường An được mọi người kính ngưỡng, Sư đến đó nương học, được nhiều thành tựu.

Đến niên hiệu Thiên Bảo thứ mười bốn (755) đời nhà Đường, Huyền Tôn hoàng đế cho rằng người phương bắc có bầm chất bướng bỉnh, lâu dần đã thành thói quen, vào trong các chùa còn nhiều tập nhiễm cưỡi ngựa, bắn cung. Vua lệnh cho Sư dạy bảo, truyền giới để điều phục họ.

Đầu niên hiệu Chí Đức (756), Túc Tông lên ngôi, quan Tể tướng Đỗ Hồng Tiệm v.v... tâu vua thỉnh Sư trụ tại chùa Long Hưng, ban chiếu phong chức Giáo thụ cai quản Sóc phương, khiến cho mọi người theo sự chỉ dạy của Sư, để thay đổi những tập tục bất chính.

An Lộc Sơn nổi loạn, máu tanh vấy khắp Lạc Dương, Hà Nam. Sư mượn cớ bệnh, ba năm im lặng không nói. Sau, An Lộc Sơn thua trận. Túc Tông nhiều lần hạ chiếu thư khen ngợi Sư.

Niên hiệu Đại Lịch thứ ba (768) đời Đường, vua ban chiếu lệnh Sư làm Đại đức ở chùa Chương Tín. Bấy giờ quan Phủ soái Quốc Quốc Thường Công và quan Hộ nhung Nhậm Công ngưỡng mộ Sư nhưng chưa được gặp, đến khi cùng đàm luận với Sư thì họ càng thêm kính phục.

Đối với pháp môn Tịnh độ thì sư âm thầm chuyên tâm tu tập đã hai mươi năm chưa từng nói với ai, đến khi trò chuyện với Nhậm Công, mới nói:

- Huyền thân của tôi cũng đã bóng xế, khi tuổi hết thân hoại, nhất định sẽ sinh Tịnh độ. Kì hạn sinh về Tịnh độ chẳng phải mười năm nữa sao?

Mùa thu niên hiệu Đại Lịch thứ mười ba (778) đời Đường, Sư lâm bệnh. Đến cuối mùa đông vào ngày mồng tám, Sư bảo đệ tử:

- Con đến nói với Nhậm công là sự mong cầu về Tịnh độ của thầy đã được mười năm.

Nhậm công cũng không quên việc đó, nên khi đệ tử của Sư đến báo, ông nói:

- Lẽ nào thầy từ biệt tôi sao?

Rồi vội vàng rủ Thường công đến thăm. Hai vị vừa đến cửa, có người thưa với Sư, Sư nói:

- Đến thì ta đi!

Rồi Sư ngồi kết già an nhiên viên tịch.

Lúc đó, Ấp Tử và Thạch Ngung đang đi tuần trên thành, nghe âm nhạc hợp tấu từ phía tây đến, các mùi hương cũng từ đó bay xuống rất thanh khiết, đến sớm mai mùi thơm càng nhiều hơn.

54. Thích Tri Huyền

Sư tự là Hậu Giác, họ Trần, người Hồng Nhã thuộc châu My. Mẹ họ Ngụy, bà mộng thấy mặt trăng rơi vào bụng mà thụ thai. Thời năm nôi, mỗi lần thấy tượng Phật, Sư rất vui mừng.

Lên năm tuổi, ông nội bảo làm thơ vịnh hoa, Sư liền đọc ra.

Năm bảy tuổi, gặp lúc pháp sư Thái giảng kinh Niết-bàn tại chùa Ninh Di, Sư vào giảng đường nghe pháp thì chợt biết được nhân duyên đời trước. Tối hôm đó, Sư mộng thấy Phật xoa đầu, nhân đó mà phát tâm xuất gia.

Đến năm mười một tuổi, Sư được xuống tóc. Sư đến chùa Tây An thuộc ấp Đường Hưng, được thầy trao cho bộ đại kinh bốn mươi hai quyển, là nghĩa số của đại sư Tuệ Viễn^[87], biện luận về yếu chỉ viên đôn của Đại sư, tổng cộng có một trăm hai mươi lăm vạn chữ, đều bao hàm những ý nghĩa cao sâu. Sư chỉ mới mười ba tuổi đã dám chỉ trích bọn xuất gia bê bối, đã bộc lộ phong cách của bậc lão thành^[88]. Bấy giờ, nghe tiếng tăm của Sư, Thừa tướng Đỗ Nguyên Dĩnh trấn giữ ở Tây Thục thỉnh Sư giảng kinh ở gác Phổ Hiền, trong chùa Đại Bi. Chúng xuất gia, tại gia tập trung đến lắng tâm nghe kinh mỗi ngày cả vạn người, hết mực ca ngợi. Về sau, người Tây Thục không dám gọi thẳng tên Sư mà chỉ gọi họ là Trần Bồ-tát.

[87] Đại sư Tuệ Viễn, đời Tùy ở chùa Tịnh Ảnh, chứ không phải là đại sư Tuệ Viễn sơ tổ tông Tịnh độ, ở Lô Sơn đời Đông Tấn (thế kỷ IV – VI).

[88] Dịch theo Tống Cao Tăng truyện: 皆囊括深奧矣。方年十三指擿緇徒露老成之氣

Sư ở chùa Tịnh Chúng học tập giới luật, thông suốt luận Câu-xá. Sau, theo thầy xuống Tam Hiệp qua Kinh Tương đến chùa Tư Thánh ở kinh đô. Chùa này là nơi cho người tam học ở khắp nơi tập trung về. Sư diễn giảng kinh luận khiến cho tăng cũng như tục đều ngưỡng mộ, người vào đạo mỗi ngày càng nhiều. Vua Văn Tông biết được, truyền Sư vào thăm hỏi, vua rất vừa lòng.

Sau đó, Sư học luận Duy thức với pháp sư Tín ở chùa An Quốc, và học hết tất cả kinh sách ngoại điển của Bách gia chư tử. Sư buồn là tiếng địa phương của mình không thể sửa nên chẳng dám nhận việc giảng kinh. Sư vào núi Tượng Nhĩ tụng chú Đại bi. Một hôm, mộng thấy được vị thần tặng cắt lưỡi đổi cho Sư. Đến sáng, bỗng nhiên Sư nói được giọng của nước Tần. Bấy giờ, quan Bộ hình Nhữ Sĩ Cao ở Lạc Dương, quan Tả thừa Nguyên Dụ, Dương Lỗ Sĩ ở Trường An cùng đến chỗ Sư kết thành Liên Xã.

Vua Vũ Tông trị vì thiên hạ, lúc đầu kính trọng Phật giáo, về sau nghe theo luận bàn phù phiếm mà cho xây đài cúng tế ở núi Bồng Lai cầu được thành tiên. Tuy các quan dân sợ ngăn cản nhưng vua không đổi ý. Nhân tiết Đức Dương nhằm ngày Lập Xuân, chư tăng và đạo sĩ nhóm họp tại điện Lân Đức để luận nghị. Vua cai trị đất nước theo chủ trương của đạo Lão, là theo cách giản tiện thuận phác. Nhân đó, Sư trình bày điều căn bản về việc cai trị giáo hóa của bậc đế vương. Sư nói:

- Tu tập thành thần tiên là của những người rảnh rang ở núi rừng, là việc riêng tốt cho bản thân mình, đó chẳng phải là điều bệ hạ nên ưa chuộng!

Lời nói của Sư trôi chảy, biện luận thao thao, khoảng vài vạn lời trái nghịch ý vua. Tả hộ quân Cừ Sĩ Lương, quan Khu mật Dương Khâm Nghĩa thương tiếc tài năng của Sư, sợ sẽ bị nhà vua trách mắng đuổi đi nên mới giả vờ chê bai Sư. Sư trình bài thơ ca tụng nhà vua hiện mình gồm năm thiên. Thiên cuối có bốn câu:

Sinh thiên vốn có nghiệp sinh thiên
Chưa chắc cầu tiên liền thành tiên,
Lung hạc nghiêng đổ, lưng rồng trượt
Quân vương cai trị cả nghìn năm.

Nhà vua xem bài thơ không hiểu, vẫn cắt giảm số người xuất gia. Sư quay về núi cũ ở Ba Mân. Luật vua ban hành tất cả tăng sĩ phải để tóc mà Sư vẫn giữ gìn giới hạnh ngày càng trong sáng hơn.

Kế tiếp, Sư vào Hồ Nam. Bảy giờ quan Cấp sự là Dương Hán Công kiểm xét Hồ Nam, thỉnh Sư đến ở chùa Khai Nguyên. Kế đó, Tuyên Tông Long Phi Dương Công Tự thuộc Khu mật viện thống lĩnh Tả cấm quân, đưa ra kế sách để gây dựng cơ nghiệp, yêu cầu phục hưng Phật giáo, mới tìm hỏi tin tức của Sư. Bảy giờ, Sư được làm tăng trở lại, trụ ở chùa Bảo Ứng, mọi người chúc mừng, ca ngợi và thỉnh Sư làm thủ tọa tam giáo. Vua lấy dinh thự của phiên vương xây thành chùa Pháp Càn rồi mời Sư ở chùa này.

Niên hiệu Đại Trung thứ ba (849), vào ngày sinh nhật của mình, vua lệnh quan Giám nghị Lý Di Tôn, quan Cấp sự Dương Hán Công cùng với Sư, ba bên cùng nhau luận nghị. Sư tâu:

- Các chùa đã phế bỏ trong nước nên xây dựng trở lại.

Sư có công lao như thế trong việc xây dựng lại các ngôi chùa. Thấy Sư là người tài trí nên vua đặc biệt quan tâm, ban lệnh thợ vẽ hình Sư đặt ở cung cấm. Bảy giờ, tướng quốc Bùi Hưu kết thân với Sư, cùng Sư xiển dương tông chỉ, phát triển Phật pháp.

Niên hiệu Quảng Minh thứ hai (881), Hi Tông tị nạn ở Tây Thục, sai Quách Tuân Thái mang ngọc tỳ đi thỉnh Sư, kiệu Sư đến chỗ vua. Ở đó, Sư tùy nghi luận đáp, nghĩa lí có phần khơi mở được ý vua. Tả quân Dung Điền Lệnh Tư và các đại thần đều kính phục đức độ mà sớm hôm hỏi đạo chẳng kể ngày đêm. Vua muốn biểu dương đức hạnh nên lệnh cho các học sĩ đặt hiệu cho Sư, nhưng đều không hợp ý vua. Vua nói:

- Trẫm dựa vào ý chỉ sâu xa của kinh Pháp hoa là khai thị ngộ nhập mà đặt hiệu. Ngộ là hiểu biết, là sáng tỏ, hiểu biết đạo lớn của Đức Phật, làm sáng tỏ tri kiến của Như Lai.

Vua nói tiếp:

- Ngộ là ngộ được tự tính của mình, rốt ráo thành Phật, nay ta ban hiệu là “Ngộ Đạt Quốc Sư”. Tuy chỉ cưỡng đặt tên nhưng biểu đạt được ý trẫm.

Một năm sau, Sư xin về am cũ ở Cửu Lũng để tiếp tục tu Tịnh độ, được vua chấp thuận.

Ngày 21 tháng giêng năm sau, Sư đang nằm bổng thấy những cảnh mà lúc trước Sư từng dạo qua hiện ra rõ trước mắt. Nhân đó, Sư đốt hương, hướng về phương tây nguyện:

- Những cảnh tượng đó đều chẳng phải là chí nguyện của con, giá mà thấy được cảnh Tịnh độ một lần thì con mãn nguyện.

Sư vừa dứt lời thì trên hư không có tiếng nói:

- Việc tu hành của ngài nhất định sinh An Dưỡng thì lo gì không được mãn nguyện!

Sư nghe nói thế, vui mừng và cảm thấy yên lòng, bảo đệ tử Từ Đăng dâng biểu lên vua. Sư nói với Từ Đăng:

- Ta tu Tịnh độ đã nhiều năm, hôm nay nghe được lời ấy là đã hợp với nguyện xưa của ta rồi!

Sư nằm nghiêng bên phải, thở nhẹ nhẹ mà viên tịch, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

55. Thích Tăng Tạng

Sư người ở Tây Hà, tính tình khiêm nhường, không thích tranh giành. Sư thấy người già thì cung kính, gặp bậc cao đức thì tôn trọng. Hễ việc gì khó khổ thì Sư là người tham gia đầu tiên trong chúng. Sư niệm Phật A-di-đà khoảng hai mươi năm, miệng chưa bao giờ nói lời xấu ác. Sư thường cho rằng để mau thoát khỏi ba cõi thì không gì bằng niệm Phật, cho nên đi như mất, ngồi như quên, ăn uống, ngủ nghỉ Sư vẫn luôn đặt tâm chí nơi An Dưỡng.

Vào khoảng niên hiệu Càn Phù (874 – 879), vua Hi Tông đời Đường, Sư bị bệnh. Thấy ánh sáng của hóa Phật cõi Tịnh độ chiếu vào thân, Sư bảo thị giả đứng bên cạnh:

- Từ vô số kiếp cho đến nay, tội lỗi của thầy nhiều như cát bụi. Vui thay! Ngày nay Thánh chúng phóng quang chiếu đến. Đó chính là giáo chủ cõi Tịnh độ thương xót tiếp dẫn!

Ngày sau, Sư lại nói với chúng tăng:

- Tôi vừa nhắm mắt thì thấy mình đang ở cõi Tịnh độ, gặp các bậc thượng thiện nhân.

Sư kể tiếp:

- Khi tôi đến các ngài rất vui, lại rải hoa cho tôi.

Trải qua thời gian chưa bằng một bữa ăn, Sư lại nói:

- Chư thượng thiện nhân đang gọi tôi. Tôi đi đây!

Sư liền chỉnh lại y phục, nhìn về hướng tây viên tịch.

56. Thích Thọ Hồng

Vào triều nhà Tùy có pháp sư Thọ Hồng, người Tinh Châu, cả đời tinh tấn tu tập, không cầm đến tiền bạc, thường niệm Phật cầu sinh Tịnh độ Tây phương, được thấy Phật A-di-đà. Khi lâm chung, Sư thấy đồng tử nam và nữ từ cõi trời Đâu-suất đến đón. Sư nói: “Ta muốn về Tây phương, không muốn sinh lên trời”. Nói xong, Sư bảo các đệ tử niệm Phật. Một lát sau, Sư nói: “Phật ở Tây phương đến đón ta rồi”. Nói xong, Sư liền qua đời nhằm năm Nhân Thọ thứ tư (604).

57. Thích Pháp Tường

Sư người Trùng Thành, Đồng Châu, có chí tự lập từ bé. Cuối đời Chu Võ, trong số các tăng quan, vị nào thông minh sáng suốt thì được chọn để tuyển dụng. Sư được chọn làm quan nhờ vào tài trí của mình.

Đến đời Tùy, Phật pháp giáo hóa rộng khắp, Sư dâng biểu xin được trở lại làm tăng. Sư đến chùa Đại Hưng Quốc, Dương Đô ở suốt ba mươi năm để suy nghiệm sâu sắc huyền nghĩa kinh điển, và vận dụng rốt ráo nghĩa quyền thật để khai mở trí tuệ cho người tục. Mọi hành động của Sư đều mang lại lợi ích. Mỗi khi có việc phúc thiện, Sư đều hồi hướng về An Dưỡng, cho đến làm một căn phòng, một cái thất, vật dụng, cây, đất, Sư đều chú nguyện.

Niên hiệu Vũ Đức thứ bảy (624) đời Đường, Sư nhuốm bệnh. Đến khi bệnh nặng, đệ tử ở bên cạnh nghe tiếng Sư niệm Phật liên tục, lúc đầu chưa biết, cho rằng Sư bệnh nên niệm Phật để buộc niệm tưởng, nhưng khi đến gần thì thấy vách tường ở phía tây phòng Sư có ánh hào quang sáng rực, ánh sáng hội tụ lại như gương báu.

Tuy ở cõi nước khác nhưng cũng có thể nhìn thấy được, trong ánh sáng ấy có chim tần-già lũ lượt từ bốn phía bay đến.

Sư chỉ vào chim tần-già, hỏi đệ tử:

- Các con có thấy chim tần-già đó không? Nếu thấy chúng thì một ngày nào đó sẽ gặp ta ở cõi Tịnh độ.

Trong chốc lát, ánh hào quang ần mắt, cũng là lúc Sư viên tịch. Sau đó, đệ tử làm lễ trà-tì theo nghi thức của Ấn Độ, rồi thu lấy xá-lợi tôn thờ.

Ghi chú

Sư Pháp Tường thấy chim Ca-lăng-tần-già, lúc trước ngài Trí Thuần thấy chim anh vũ, khổng tước. Có người nghi: “Tại sao các ngài không thấy Phật mà thấy các loại chim?”. Trong kinh dạy: “Vì các loài chim đều do Đức Phật A-di-đà biến hóa ra”. Cho nên biết, y báo và chính báo đều là tướng Tịnh độ. Họ vui mừng không còn nghi nữa.

58. Thích Đại Hạnh

Chẳng rõ Sư họ là gì, niên hiệu Càn Phù đời Đường (874 – 879), giặc cướp quấy nhiễu làm cho dân chúng chẳng được an ổn. Sư bèn đến núi Thái kết cỏ làm áo, hái rau trái làm thức ăn, tu sám Pháp Hoa Phổ Hiền. Trọn ba năm, Sư rất mực tinh thành nên được cảm ứng đức Phổ Hiền hiện thân. Được chứng kiến, Sư càng thêm mừng cho túc duyên của mình, nhân đó càng cố gắng tu niệm pháp Như Lai.

Sư cứ mãi canh cánh bên lòng việc tu hành chưa được chứng đắc nên sớm tối chí thành quên cả ăn uống.

Cuối năm đó, Sư tự nghĩ sự tu hành của mình chưa được chuyên nhất. Lại nghĩ: “Thân huyễn vô thường tất phải hoại diệt, chẳng biết đời sau sinh vào chốn nào”. Sư liền vào thư viện, tâm thành ý kính tỏ bày: “Nay con nguyện vận tâm thành kính chọn lấy kinh văn, nếu được bản kinh văn nào thì con nguyện trọn đời thụ trì bản kinh văn ấy”. Thế rồi, Sư tùy tiện rút lấy một bản kinh. Bản kinh mà Sư rút được là kinh A-di-đà. Từ đó, ngày đêm Sư tụng trì, đặt tâm nơi cõi An Dưỡng. Chưa mãn hai mươi một ngày, vào nửa đêm, Sư thấy đất lưu li sáng sạch hiện ra

trước mắt, bất giác mắt tâm sáng suốt, Sư lại thấy đức A-di-đà cùng hai bồ-tát Quan Âm, Thế Chí và vô số hóa Phật.

Bấy giờ, xa gần đồn tin, sự việc đến tai vua Hi Tông, vua cho mời Sư vào cung để hỏi về điềm lành. Sư thuật lại tường tận. Vua nói:

- Đó là bởi sự tinh tiến mà cảm được như thế.

Vua hạ sắc ban tặng Sư hiệu “Thường Tinh Tiến bồ-tát” và tước “Khai quốc công”.

Năm sau, Sư lâm bệnh, lại thấy đất bằng lưu li hiện ra. Sư nói:

- Ta chẳng quán tưởng mà đất lưu li lại hiện ra, lẽ nào ta vô duyên với An Dưỡng?

Ngay ngày hôm ấy, Sư thị tịch ở nơi thiền thất, có hương thơm lạ trải qua vài tuần, thân thể của Sư không hư hoại.

Ghi chú

Đất lưu li từ trên xuống dưới trong suốt, do phúc đức thanh tịnh của Sư mà cảm ứng. Nhưng ngài Tuệ Vĩnh, Tăng Huyền có hương thơm lạ bảy ngày, ngài Tuệ Thông thì ba ngày, nay sư Đại Hạnh trải qua mấy tuần, ai cũng cho đó là hương thơm của Phạm hạnh^[89]!

59. Thích Minh Thiệm

Sư họ Đỗ, người ở Thạch Áp, Hằng Châu, bản tính cứng cỏi, ngay thẳng, thông kim bác cổ, được người trong làng ca ngợi là có tài trí hơn người.

Sau khi giác ngộ cuộc đời như huyễn, Sư xin xuất gia ở chùa Ứng Giác núi Phi Long. Sau, Sư đến chùa Đại Tập ở Nghiệp Hạ dốc lòng nghiên cứu luận Đại trí độ.

Khi Vũ Văn đế phế bỏ đạo Phật, Sư ẩn cư ở hang núi. Đến lúc Tùy Văn đế khôi phục Phật giáo, Sư đến ở chùa Pháp Tạng tại Tương Châu, nhưng Sư có ý chí siêu quần, nên không muốn tham gia gì khác ngoài việc hương đèn, kinh kệ.

Vào niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (583), vua ban chiếu thỉnh Sư đến trụ trì tại chùa Đại Hưng phiên dịch và truyền bá kinh Phật.

[89] Phạm hạnh 梵行 (S: brahma-caryā): Hạnh thanh tịnh của người xuất gia, tại gia tu tập.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai (606), vua lệnh cho tăng, đạo trong nước phải lễ bái vua quan theo tập tục của người đời. Bấy giờ môn đồ đạo Hoàng Lão đều kính phụng chiếu chỉ lễ bái trước điện, chỉ có chư tăng là không chấp hành.

Vua nói:

- Chiếu lệnh đã ban ra từ lâu, chư tăng cần phải tôn trọng.

Sư tâu:

- Nếu bệ hạ bắt chúng tôi vâng theo lệnh, hành trái với đạo, thì đồng với sự trung thành của chó, ngựa, chúng tôi đâu dám trái lệnh. Giả như Phật pháp được tôn sùng thì giáo pháp sẽ nhiếp phục được thiên hạ. Tăng đồ không do đâu mà lễ bái thế tục!

Vua nói:

- Tăng đồ không thể lễ người tục thì tại sao lại hết mực tôn kính Tống Vũ?

Sư nói:

- Tống Vũ quyền hành bạo ngược, không thực hành việc nhân từ phúc đức, nếu có kẻ trái lệnh thì sẽ bị giết chết phanh thây. Bệ hạ lấy đức của bậc Thánh để cai trị nhân dân, không giết người vô tội, do đó, thần mới dám bày tỏ hết những lời chân thật này.

Vua chấp nhận lời tâu của Sư, liền hủy chiếu lệnh trước đó.

Mọi người cho rằng tính khí Sư cương trực, ngay thẳng không khiếp sợ trước kẻ có thể lực mạnh, nên được cử làm Thượng Tọa ở kinh đô.

Đến đời Thái Tông nhà Đường, Sư đã từng nhận chiếu vào cung để vua tham vấn Phật pháp. Sư dạy:

- Tôn chỉ của đạo Phật là lấy từ bi làm căn bản.

Vua liền hạ lệnh giảm giết thịt súc vật, ở nơi đóng quân đều có điện thờ Phật.

Lúc gần đến tuổi già, Sư chuyên tâm cầu sinh An Dưỡng, có người bảo là tu tập quá muộn màng. Sư nói:

- Thế nào là chậm, mười niệm không quên còn có thể thấy Phật, huống gì ta đã niệm cả muôn nghìn!

Ngày mồng hai tháng mười, niên hiệu Trinh Quán thứ hai (628), Sư có bệnh, bảo đệ tử:

- Vật số có cuối, mệnh số có cùng. Mệnh của ta đến đây là cuối, là cùng vậy!

Lại nói:

- Ta qua đời, nơi sinh về chẳng phải là An Dưỡng sao!

Rồi Sư hẹn gặp khoảng vài trăm người cả tăng lẫn tục. Đến sáng hôm sau tại chùa Hưng Thiện, Sư thiết trai xong và nói lời từ biệt, lúc ấy quan Bộc xạ Phòng Huyền Linh, Tướng quốc Đỗ Như Hối cũng có mặt ở đó. Qua giờ ngọ, Sư quay về chùa, chỉnh sửa oai nghi như đang chờ đợi ai, lát sau chợt nói:

- Phật đến rồi!

Lát nữa lại nói:

- Hai vị bồ-tát cũng đã đến.

Sau đó, Sư đứng thẳng chấp tay, vui vẻ viên tịch.

60. Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ

Sư Diên Thọ họ Tiền (họ hoàng thất ở Ngô Việt), người ở đất Dư Hàng, Hàng Châu, theo thiền sư Thúc Nham xuất gia tại núi Tứ Minh. Sau, Sư đến núi Thiên Thai tham kiến quốc sư Đức Thiệu, tu tập thiền định ngộ được bản tâm, thường hành Pháp hoa sám; vào nửa đêm, Sư nằm mộng thấy bồ-tát Phổ Hiền và tự nhiên trong tay Sư có cành hoa sen. Sư suy nghĩ, chắc là vì nguyện xưa chưa thành, nên Sư đến trước hai vị thầy của mình là Đức Thiệu, Thúc Nham, rồi làm hai cái thẻ; một cái ghi: “Nhất tâm thiền định”; một thẻ ghi: “Vạn hạnh tu Tịnh độ”, rồi Sư một lòng cầu nguyện và rút bảy lần đều trúng thẻ “vạn hạnh tu Tịnh độ”. Từ đó, Sư một lòng chuyên tu Tịnh độ. Sau này, Sư ở chùa Vĩnh Minh, hàng ngày làm 108 việc lợi ích. Đêm đến, Sư vào núi kinh hành niệm Phật, mọi người xung quanh đều nghe có tiếng nhạc trời. Vua Trung Ý khen rằng: “Từ xưa người tu cầu về Tây phương chưa có ai chuyên tâm khẩn thiết như Sư!”. Vua bèn lập ngôi bảo điện

“Tây Phương Hương Nghiêm”, để tỏ lòng thành của mình. Sư trụ trì ở chùa Vĩnh Minh được mười lăm năm, có một nghìn bảy trăm người đệ tử. Sư thường truyền giới Bồ-tát cho đại chúng, cúng thí thức ăn cho quỷ thần, phóng sinh các loài, tất cả đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ, mọi người kính phục và tôn Sư là Di-lặc hạ sinh.

Đến ngày 26 tháng 2 niên hiệu Khai Bảo thứ tám (975), sáng sớm Sư đốt hương và dạy dỗ đại chúng xong, ngồi kết già mà thị tịch.

Sau này có một vị tăng từ Lâm Xuyên đến nhiều quanh ngôi tháp của Sư nhiều năm. Có người thắc mắc hỏi nguyên do. Vị tăng nói: “Lúc ta bệnh đi vào âm phủ, thấy bên trái đại điện có thờ pho tượng một vị tăng, Diêm Vương cung kính đỉnh lễ. Ta hỏi nhỏ một người “Tượng này là ai?”, người ấy đáp: “Đó là thiền sư Vĩnh Minh Thọ ở Hàng Châu. Diêm Vương vì trọng đức của Sư cho nên cung kính đỉnh lễ”.

Ghi chú

Sư Vĩnh Minh mang tâm ấn trực chỉ của Thiền tông được truyền từ Ấn Độ sang, nhưng lại chuyên tâm cầu sinh Tịnh độ. Hạnh nguyện của Sư rộng lớn vô cùng, chẳng những làm lợi cho mình mà còn làm lợi cho người. Sư là gương sáng cho muôn đời. Sư là Di-lặc hạ sinh chăng? Thiên Đạo tái sinh chăng?

61. Thích Chí Thông

Sư họ Trương, người Phù Phong. Cuối đời Hậu Đường, chiến tranh ngày càng gia tăng, Sư cho rằng mình ở chốn vô thường nên càng bị thương thống thiết. Sư đi đến Lạc Hạ (Lạc Dương), gặp được ngài Tam Tạng Phạ-nhật-ra đang hành trì giáo pháp Du-già, ngài nói:

- Ta không truyền thừa mật tạng này của Như Lai thì ta có lỗi.

Nghe vậy, Sư xin xuống tóc xuất gia, nhận Tam Tạng Phạ-nhật-ra làm thầy và được trao truyền giáo nghĩa Mật tạng. Sư mười năm bên thầy siêng năng phụng sự, không chút trễ nãi.

Sau đó, vì muốn lên núi Thiên Thai đạo non La Phù nên Sư đến từ biệt thầy. Thầy nói:

- Binh đao chưa yên mà con bàn việc đi về phương nam, biết làm sao khi con đường còn nhiều nguy hiểm?

Sư thưa:

- Đi bằng thuyền thì đâu có gì trở ngại!

Ngài Phạ-nhật-ra nói:

- Nếu con đến đất Ngô thì ta có thể trao bản Phạn văn, gặp thời thuận tiện thì dịch ra lưu truyền, đây cũng là việc làm của ta vậy. Nói xong, ngài trao bản Phạn văn cho Sư.

Niên hiệu Thiên Phúc thứ tư (939) đời Hậu Tấn^[90], đang lúc vua Thạch Kính Đường trị vì, Văn Mục Vương ở Tiền Đường^[91], vâng lệnh triều đình, với đầy đủ lễ nhạc cung nghinh Sư đến Chân Thân Tháp Tự.

Ở đây chưa được bao lâu, Sư xin đến thăm núi Thiên Thai. Thế rồi, Sư lên Xích Thành, trèo lên Hoa Đỉnh, vừa thấy được bộ Tịnh độ nghi thức của ngài Trí Giả, sư vỗ tay vui mừng vô cùng. Từ đó, Sư không hướng về phía tây mà khạc nhổ, không ngồi quay lưng về hướng tây. Ở Thiên Thai có ngọn núi Chiêu Thủ sừng sững cao vút. Từ trên đỉnh nhìn xuống cách nghìn tầm. Sư leo lên đỉnh, quay lại nói:

- Ta đã lên đến đây, ngay lúc này không xả báo thân để được gặp Phật thì còn đợi ngày nào nữa!

Nói xong, sư nhắm mắt quay về hướng tây bày tỏ đại nguyện và nhớ tưởng đến nhân địa khởi phát hạnh nguyện của Đức A-di-đà. Nguyện xong, Sư gieo mình xuống vực thẳm. Rơi xuống giữa chừng thì như có vị thần đỡ Sư đặt trên cây nên Sư không hề bị tổn thương. Sư nói:

- Sao ta lại còn sống?

Sư định tỉnh rồi lại leo lên đỉnh, và nói:

[90] Hậu Tấn 後晉: Nhà Hậu Tấn truyền được mười một năm (936-946) tổng cộng hai đời (Thạch Kính Đường và Thạch Trọng Quý), rồi bị Khiết Đan diệt. Lưu Trí Viễn, một bộ tướng của Thạch Kính Đường, nhân khi lòng dân oán ghét ngoại tộc Khiết Đan chiếm đóng bèn đem quân đánh đuổi Khiết Đan năm 947 để thành lập nhà Hậu Hán.

[91] Tiền Đường 錢塘: Thuộc tỉnh Chiết Giang.

- Kiếp sống đã nhàm, đại nguyện đã phát, mong Hải Hội Thánh Chúng đến tiếp đón con, chớ để con sống lại lần nữa.

Nói xong Sư lao mình xuống núi. Sư rơi xuống đám cỏ rậm dưới chân núi, ngất đi một lúc lâu rồi tỉnh lại. Tăng chúng trong chùa nghi Sư bỏ đi nơi khác hay bị chó sói làm hại nên theo dấu đi tìm, mới biết Sư muốn xả báo thân. Chư tăng đưa Sư về chùa chữa trị.

Niên hiệu Thiên Phúc thứ sáu (941), Sư xin đi đến núi Pháp Hoa thuộc Việt Châu. Niên hiệu thứ bảy (942), trước lúc viên tịch, Sư thấy bạch hạc, không tước thẳng hàng từ phương tây bay đến. Lại thấy hoa sen rực rỡ nở ra, khép lại trước mắt. Sư nói:

- Bạch hạc, không tước là cảnh Tịnh độ, có hoa sen rực rỡ là nơi ta sinh về. Cõi Tịnh độ sắp rước ta rồi!

Sư đứng dậy lễ Phật, rồi đứng trước bàn Phật viên tịch. Khi hỏa táng, có khói mây năm sắc tạo thành vòng tròn che phủ ngọn lửa. Tại núi Pháp Hoa, Tăng chúng đều nhìn thấy tướng lành này.

Ghi chú

Khắc nhổ tránh hướng tây, ngồi không quay lưng hướng tây, hết lòng như vậy thì không việc gì không thành tựu! Nay dùng tâm khinh mạn, tâm hời hợt mà muốn vãng sinh Tây phương thì rất khó. Có người nói: “Sao mà chấp quá vậy!”. Ôi! Quán mặt trời lặn ở hướng tây^[92] là vì việc vãng sinh trong kinh ghi chép rất rõ ràng. Và lại, Trí Giả đại sư lúc mới sinh ra đã ngồi kết già xoay mặt về hướng tây, thậm chí các bậc hiền tu Tịnh nghiệp đều ngồi xoay mặt về hướng tây thị tịch. Những trường hợp ấy không chấp mà được như vậy sao? Người có tâm tham đắm cảnh ô trược, trọn đời an nhiên ở trong đó, vừa nghĩ đến cõi Cực Lạc, lại lo là chấp trước thì thật quá điên đảo. Ôi! Sao kì lạ quá!

62. Thích Hồng Cử

Sư họ Đường, người Vĩnh Gia, xuất gia ở chùa Long Hưng, quận Cối Kê. Sư đến học đạo ở chùa Bảo Hưng, thành Trường An. Người Trường An cho rằng trong số

[92] Quán mặt trời lặn ở hướng tây: Theo pháp quán đầu tiên trong kinh Quán Vô Lượng Thọ.

những danh tăng kiệt xuất không ai sánh bằng Sư. Nhưng Sư rất khiêm cung và chưa hề tự đắc. Sư đã từng cùng Trần Lưu, Thái Khuê đến chùa Hóa Độ. Chùa này có một văn bia, Sư đọc văn bia mà mắt chỉ xem vài hàng. Thái Khuê lấy làm lạ hỏi Sư:

- Ông có thể đọc thuộc văn bia này sao?

Sư trả lời:

- Thuộc một ít.

Thế rồi, Thái Khuê che bản văn lại, nhưng Sư đọc không sai một từ. Thái Khuê nghi là do Sư tình cờ thuộc được văn bia.

Sau đó, hai người đến chùa Sùng Thánh. Văn bia chùa này gồm có mười tám. Thái Khuê đưa cho Sư đọc qua một lượt, sau đó che bản văn lại, và Sư cũng đọc thuộc lâu y như lần trước. Thái Khuê khen:

- Tôi có nghe nói đến bậc kiệt xuất trong làng Nho, nhưng chưa thấy ai như thế. Hôm nay tôi mới thấy được sự kiệt xuất đó ở nơi ông.

Sư không đáp.

Cuối năm ấy, Sư đến nước Việt. Tăng, ni nước Việt thỉnh Sư làm thầy y chỉ cho cả hai chúng tăng và ni. Đi đến đâu và làm những việc gì, Sư cũng đều thể hiện lòng từ và đức nhẫn. Sư chưa từng chửi chớ, mắng mào huống gì đối với người. Mỗi khi tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Sư hướng tâm đến cảnh giới An Dưỡng, nhiều lần cảm ứng được điềm lành nhưng Sư không hề để tâm và cũng chẳng nói ra.

Niên hiệu Thiên Thành thứ ba (928) đời Đường, sau trận thiên tai lũ lụt, người dân lâm vào cảnh khổ nghèo đói. Một hôm, bọn trộm lén vào thất của Sư, Sư vẫn bình thản nói với chúng:

- Các người chỉ vì thiên tai mới bị khốn khổ chứ không phải như kẻ khác, nhất thời gây ra tội lỗi, nên phải biết ăn năn.

Bọn trộm nghe rồi hổ thẹn nói:

- Đệ tử muốn lén lấy lúc Sư không phòng bị.

Sư nói:

- Người đã đến đây, nhưng chẳng phải là đệ tử của ta, ta sẽ cho người đi, nếu là đệ tử thì phải ở lại.

Niên hiệu Trường Hưng thứ tư (933), đời Đường, đang lúc bình an không bệnh mà Sư nói với đệ tử:

- Cảnh giới thù thắng cõi Tịnh độ vừa rồi hiện đến, ta sắp từ biệt cõi đời, hãy thay y mới cho ta để xong việc của ta”.

Canh ba đêm ấy Sư viên tịch. Thi thể Sư liệm trong quan tài đã ba ngày. Đêm ấy, chợt nghe trong quan tài có tiếng gõ. Đệ tử đến mở nắp quan ra thì Sư ngồi dậy nói:

- Ta đã dặn người thay y mới cho ta, mà người lại làm trái lời ta. Hôm nay hàng Thánh chứng cho rằng y của ta không sạch, nên khó gần gũi với các ngài. Vì vậy ta trở về đây nhờ người thay y lại cho ta. Đệ tử thay xong, Sư nằm thẳng viên tịch như lúc ban đầu.

63. Thích Thiệu Nham

Sư họ Lưu, người Ung Châu, mẹ họ Trương. Lúc mới mang thai Sư, bà mộng thấy điềm rất lạ. Đến lúc chào đời, Sư là đứa bé có tướng mạo khôi ngô, cao lớn.

Năm 18 tuổi, Sư thụ giới Cụ túc nơi luật sư Hoài Huy. Sau, Sư đến Ngô Hội, trụ ở các núi Thiên Thai, Tứ Minh v.v... Sư nghiên cứu sâu rộng các kinh Phương đẳng v.v... gần mười năm. Sư từng được giải mối nghi nhờ thiền sư Đức Thiệu, nhận được tâm yếu nơi thiền sư Văn Ích ở Lâm Châu. Nhân đó, Sư ở lại chùa Hồ Tâm thuộc Tiền Đường chuyên tụng kinh Pháp hoa. Sư từng phát nguyện tụng kinh này một vạn bộ để cầu sinh Tịnh độ. Suốt ngày đêm Sư tinh tấn, chí thành tu niệm nên cảm được hoa sen mọc trên mặt đất. Mọi người khắp cả thành kéo đến xem. Vì nhiều người đến gây ồn náo, nên Sư đã nhổ bỏ hoa sen.

Niên hiệu Kiến Long thứ hai (961) đời Tống, có lần Sư phát nguyện thiêu thân cúng dường Đức Phật A-di-đà và hải chúng thanh tịnh. Tiền vương ở Ngô Việt hết lời khuyên can, Sư mới tạm dừng ý nguyện ấy.

Sau đó, Sư lại lao mình xuống dòng sông Tào Nga cho cá, rùa ăn nhưng người đánh cá vớt lên nên Sư không chết. Lúc cứu Sư, người đánh cá cảm giác như có vật gì nâng đỡ chân Sư giúp trụ an nhiên trên sóng nước dữ dội. Tiền vương biết

được điều này càng thêm kính phục và mến mộ. Vua ban đặc ân xây dựng viện Tịnh độ ở chùa Bảo Tháp tại Hàng Châu cho Sư.

Ngày mồng chín tháng bảy niên hiệu Khai Bảo thứ tư (971), Sư lâm bệnh. Trong cơn bệnh, Sư thấy hoa sen phóng quang chiếu vào thân. Nhân đó, Sư làm mấy bài kệ để chỉ dạy đệ tử. Sư lại nói:

- Tôi phát nguyện tụng kinh Pháp hoa vạn bộ là để mong đến một ngày kia được thác sinh lên đài sen chín phẩm. Nay tôi chưa mất mà đài sen đã đến trước, như vậy nhân tu tập đâu có trái với nguyện của tôi!

Ba ngày sau, lúc sắp viên tịch, Sư vui vẻ an nhiên như có sự chứng đắc.

64. Thích Thủ Chân

Sư người Vạn Niên, Vĩnh Hưng, họ Kì, thuộc dòng dõi chính thống của nhà Hán. Vào khoảng niên hiệu Càn Phù (874 – 875) đời Đường, ông cố của Sư làm quan ở nước Thục nên Sư thuộc người ở Thành Đô.

Năm 20 tuổi, Sư đến chơi chùa Thánh Thọ, thấy thiền sư Tu Tiến đức hạnh thanh cao, mới suy nghĩ: “Ta bỏ vị này thì ai là thầy đây?” Sư liền xuất gia thờ thiền sư làm thầy. Sau, Sư nương nơi ngài Lăng học luận Khởi tín, được ngài Tính Quang truyền trao Pháp giới quán^[93], Sư đều hiểu được yếu nghĩa.

Sau đó, Sư xiển dương Phật pháp được hơn bốn mươi năm, trước sau một lòng chuyên tâm giáo hóa. Sư giảng luận Khởi tín và Pháp giới quán hơn bảy mươi lần, truyền trao ngọn đèn chính pháp, tiếp nối mạng mạch Như Lai. Đệ tử nối pháp của Sư có khoảng hai mươi người. Sư mở đàn Quán đỉnh^[94] năm lần, mở đàn Thủy Lục^[95] hơn hai mươi lần, hơn ba nghìn tăng ni theo Sư cầu pháp. Sư thường vào lúc canh ba, luân kết mật ấn Vô Lượng Thọ vãng sinh, canh năm luân kết thần chú Văn-thù ngũ kệ.

[93] Pháp giới quán 法界觀: Chỉ cho pháp quán nhằm ngộ nhập chân lý của pháp giới do ngài Đỗ Thuận, Sơ tổ tông Hoa Nghiêm lập ra. Pháp quán này có 3 lớp: Chân không quán, Lý sự vô ngại quán, Chu biến hàm dung quán.

[94] Đàn Quán đỉnh: Chỉ cho đàn tràng truyền pháp Quán đỉnh của Mật giáo.

[95] Đàn Thủy lục: Chỉ cho pháp hội bố thí thức ăn cho các loài hữu tình ở dưới nước (thủy) và ở trên cạn (lục) để cứu các qui đói, một trong các pháp hội cúng thí nga qui.

Vào ngày mồng năm tháng năm niên hiệu Khai Bảo thứ ba (970) đời nhà Tống, đang lúc luân kết mật ấn, Sư cảm thấy thân mình đến cõi Vô Lượng Thọ, mở mắt nhìn thấy Phật. Đức Phật chỉ vào hoa sen trong ao, bảo:

- Vào một ngày kia, hoa sen này là cha mẹ của ông. Ông hãy khéo giữ gìn đừng để đến lúc đó hoa bị héo!

Đến niên hiệu Khai Bảo thứ tư (971), Sư bảo đệ tử Duyên Ngộ:

- Như Lai chẳng phải đã từng nói là sinh tử vô thường sao? Tôi đã già, tuổi ông cũng đã xế bóng. Tôi muốn thuận theo thế tục, dự định xây hai ngôi tháp có được không?

Duyên Ngộ thưa:

- Lời dạy của thầy ai mà chẳng cho là đúng.

Vào ngày mùng 5 tháng 10 năm ấy, bắt đầu khởi công xây tháp, đến ngày mùng 1 tháng 11 thì hoàn thành. Ngày hôm sau, Sư gọi đệ tử và chúng tăng đến nói:

Sáu nẻo đều khổ chìm trôi
Muôn nghiệp là nhân luân hồi.

Sư bảo đại chúng cùng niệm Phật A-di-đà, vừa dứt tiếng niệm Phật lại tiếp lời tán tụng. Sư ở trước tượng Phật A-di-đà cúi đầu niệm:

- Mong Phật dùng bốn mươi tám lời nguyện tiếp độ con và chúng hữu tình không bỏ sót một ai!

Phát nguyện xong, Sư cầm hoa, hương ở trước chính điện bày tỏ cúng dường, nguyện cũng giống như lúc đầu. Sau đó, Sư hỏi:

- Canh ba chưa?

Đệ tử đáp:

- Đã canh ba rồi!

Sư liền ngồi xuống, thân thần an nhiên viên tịch.

65. Thích Ngộ Ân

Sư tự là Tu Ki, người Thường Thục, Cô Tô, mẹ họ Trương. Một hôm, bà nằm mộng thấy có vị Phạm tăng bảo:

- Tôi muốn nhờ bà làm mẹ!

Sau đó, bà mang thai.

Thuở bé, Sư không thích vui chơi đùa giỡn. Năm mười ba tuổi, Sư nghe chư tăng tụng kinh A-di-đà, liền phát tâm xuất gia.

Khoảng niên hiệu Trường Hưng (930-933) đời Hậu Đường, Sư được xuống tóc. Sau, đến trụ tại chùa Tuệ Tụ ở Côn Sơn nghiên cứu sâu rộng năm bộ luật^[96].

Khoảng niên hiệu Thiên Phúc (936-943) đời Hậu Tấn, Sư theo ngài Hạo Đoan ở chùa Linh Quang học tập các kinh và hiểu được sâu xa yếu nghĩa, có tài hùng biện không ai sánh kịp. Tuy giáo nghĩa lục tức^[97], tam quán của tông Thiên Thai mọi người chưa lĩnh hội được mà Sư đã âm thầm thấu hiểu.

Về già, Sư nương nơi ngài Chí Nhân ở Tiền Đường, thông suốt yếu nghĩa huyền diệu của các bộ kinh lớn như kinh Pháp hoa, kinh Kim quang minh... Học giả thời bấy giờ đều kính phục, gọi Sư là “Nghĩa Hồ”. Sư cả đời sống thanh bần, ngày ăn một bữa, chẳng giữ tiền bạc, không chứa y dư. Mỗi lần chùa bố-tát^[98], tăng chúng vân tập rất đông. Lúc sắp bố-tát, Sư thường dạy “Tịnh độ chính là hành nghiệp thù thắng”.

[96] Năm bộ luật (Ngũ bộ luật: 五部律): Năm bộ luật thuộc 5 bộ phái khác nhau do 5 vị đệ tử của ngài Ưu-ba-cúc-đa (Tổ phó pháp thứ 5 của Thiên tông Ấn Độ) truyền bá vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập diệt. Gồm Đàm vô đức bộ, Tát-bà-đa bộ ngũ, Di-sa-tắc bộ, Ca-diếp-di bộ, Ma-ha tăng-ki bộ.

[97] Lục tức 六即: Sáu hành vị của bồ-tát Viên giáo do tông Thiên Thai thiết lập, tức là sáu giai đoạn hợp thành một thể với chân lí. Gồm: 1. Lí tức: hết thấy chúng sinh đều trụ trong Phật tính Như lai tạng; 2. Danh tự tức: chỉ cho giai vị bồ-tát nghe đạo Bồ-đề rồi từ trong danh ngôn khái niệm mà được thông suốt rõ ràng; 3. Quán hạnh tức: giai vị bồ-tát đã hiểu rõ danh tự rồi khởi tu quán hạnh, tâm quán sáng tỏ, lí và tuệ tương ứng; 4. Tương tự tức: chỉ cho giai vị bồ-tát đã được lục căn thanh tịnh, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc, chế phục được vô minh, chỉ và quán trong sáng tĩnh lặng giống như thực chứng; 5. Phần chứng tức: giai vị bồ-tát đã đoạn một phần vô minh mà chứng Trung đạo; 6. Cứu cánh tức: giai vị bồ-tát đoạn trừ được phẩm vô minh cuối cùng, chứng được thực tướng của các pháp, tức là Diệu giác, quả vị rốt ráo cao nhất của Viên giáo.

[98] Bố-tát 布薩 (S: poṣadha, upavasatha, upoṣadha, upavāsa): Nghĩa là các vị ti-kheo cứ mỗi nửa tháng tập họp đông đủ ở một chỗ, thỉnh vị ti-kheo thông thạo giới luật nói giới bản Ba-la-đề-mộc-xoa để xét lại những hành vi trong nửa tháng vừa qua xem có phù hợp với giới bản không, nếu có ai phạm giới thì ra trước chúng tăng xin sám hối, để các ti-kheo đều được ở yên lâu dài trong giới thanh tịnh, nuôi lớn pháp lành, thêm nhiều công đức.

Đêm mừng một tháng tám niên hiệu Ung Hi thứ ba (986) đời Tống, Sư thấy có vài luồng ánh sáng trắng từ dưới giếng phóng lên, chớp tắt bất thường. Nhân đó, Sư bảo các đệ tử:

- Chớp tắt bất thường, sinh tử cũng như vậy.

Sau đó, Sư nhịn ăn, không nói, chuyên tâm niệm Phật. Ba ngày sau, Sư chợt thấy một vị Phạm tăng thân hình to lớn, cầm lu đi quanh ngôi thất của Sư ba vòng. Sư hỏi, vị tăng đáp:

- Tôi là Quán Đỉnh^[99] đã lên cõi Tịnh độ lâu rồi, vì pháp môn ngài tu tập đồng với chí hướng của tôi nên tôi đến viếng thăm.

Lát sau, đệ tử Sư đến, vị tăng liền biến mất.

Ngày hôm sau, Sư thăng tòa kể lại những điều mình đã thấy, rồi giảng giải Chỉ quán và ý nghĩa chính yếu của các kinh cho các đệ tử, văn từ nghĩa lí thông suốt. Sư nói:

- Xưa nay người ta thường nói, hơi thở ngắn ngủi như chớp mắt khó giữ. Thế mà ta đã duy trì được thân mạng đến ngày hôm nay đây!

Vào ngày ấy, Sư ngồi viên tịch nơi giảng đường Chỉ Quán. Đến nửa đêm, các vị tăng trong chùa như Văn Uyển, Hữu Hưng... nghe trên bầu trời có tiếng ca ngâm kinh kệ, dường như vắng vắng về hướng tây.

Ghi chú

Không tham tiền tài, ăn uống là tâm ý trong sạch ngay thẳng; nằm ngồi không cầu thả là tâm luôn cung kính, cẩn thận; không lìa y bát là giữ tâm trân trọng; bỏ-tát rơi lẹ, là lòng tin khẩn thiết. Bốn tâm này đều là nhân Tịnh độ, nhờ đó nên Sư được vãng sinh. Cho đến lúc khuyên bảo mọi người, Sư cũng nói về Tây phương Tịnh độ và Nhất thừa viên giáo, đồng thời Sư cũng thực hành pháp ấy. Sư Ngô Ân quả là người thâm nhập pháp môn Niệm Phật!

[99] Quán Đỉnh 灌頂 (561-632): Cao tăng Trung Quốc sống vào đời Tùy, người Chương An, Lâm Hải, họ Ngô, người đời gọi ngài là đại sư Chương An.

66. Pháp Sư Viên Tịnh Thường

Sư Tịnh Thường sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, xuất gia lúc bảy tuổi. Trong thời gian giáo hóa, Sư trụ tại chùa Nam Chiêu Khánh. Sau đó vì mến mộ phong cách của Lô Sơn, Sư cắt máu chép phẩm Tịnh hạnh trong kinh Hoa nghiêm, đồng thời đổi “Liên xã” thành “Tịnh Hạnh”. Các vị sĩ đại phu dự hội tự xưng là đệ tử Tịnh Hạnh, trong đó Vương Văn Chính công là người đứng đầu. Bấy giờ, các quan, khanh, bá, mục hơn 120 người và có khoảng 1000 vị từ-kheo tham dự. Quan Hàn lâm Tô Dị Giản viết bài tựa phẩm Tịnh hạnh. Ông ta nói: “Dù tôi trải tóc để cho người bước lên, hoặc khoét thân để cầu pháp vẫn không từ nan, huống gì công hiến một chút học thức nhỏ nhoi này mà tiếc sao!

Đến ngày 12 tháng 1 niên hiệu Thiên Hi thứ tư (1020), Sư ngồi ngay thẳng niệm Phật, lúc ấy có rất nhiều người hô to là Đức Phật đến. Sư an nhiên thị tịch.

Ghi chú

Sơ tổ Tuệ Viễn, nhị tổ Thiện Đạo, sau này có ngài Nam Nhạc, Ngũ Hội, Đài Nham, Vĩnh Minh, cuối cùng là tổ thứ bảy của tông Tịnh độ. Các ngài giáo hóa hưng thịnh rực rỡ từ xưa đến nay. Tuy xét kỹ về mặt tự tu thì không vị nào chẳng siêng năng tinh tấn và lấy đó để dạy người, còn sa-môn ngày nay chỉ biết khuyên người mà không biết khuyên mình, lại muốn được như các bậc tiền bối, há không điên đảo sao?

67. Thích Tịnh Quán

Sư Tịnh Quán sống vào đời Tống, cư trú tại am Tịch Quang, Gia Hòa, tu Tịnh độ sám pháp hơn mười năm. Sư nói với đệ tử: “Hai mươi bảy ngày nữa ta sẽ mạng chung”. Hai ngày trước khi đi, Sư thấy hoa sen màu hồng, ngày sau lại thấy sen vàng khắp tịnh thất, trong mỗi hoa sen đều có đứa bé hóa sinh ngồi trên đó và có giải lụa đẹp buộc qua. Ngày cuối cùng, Sư vào khám ngồi ngay thẳng, bảo đại chúng niệm Phật, trong chớp lát thì Sư thị tịch.

Ghi chú

Người niệm Phật biết trước giờ mình chết bởi vì nghiệp duyên ở cõi Ta-bà vừa dứt thì thắng duyên ở Tịnh độ sẵn chờ, cho nên tự nhiên thánh cảnh hiện ra. Như ngài

Tuệ Viễn biết trước bảy ngày nữa sẽ ra đi; nay sư Tịnh Quán biết hai mươi bảy ngày nữa sẽ lìa trần, cả hai đều giống nhau.

Người đời sống không lo tu nhân tích đức; đến khi chết sắp phải chịu khổ lại lo trau chuốt, trang điểm, đó chỉ làm trò cười cho người trí. Thế nhưng, người tự thiêu thì chần động khắp nơi mà không biết đó là thân cận ma quỷ, tin theo tà bậy nên bị trôi lăn trong đường ác. Thật đáng xót thương! Những kẻ ngu muội kia còn làm cho những người không biết chính đạo cung kính, ngưỡng mộ và cầu khẩn với họ. Việc này thật tai hại khủng khiếp!

Tôi tập hợp những câu chuyện vãng sinh, vì sao không thấy có người nào đang sống mà đốt thân mình? Mong các bậc trí giả xem xét tập truyện này và truyền bá khắp nơi để cứu vớt những kẻ ngu muội.

68. Sám Chủ Từ Vân

Sư Tuân Thức sống vào đời Đường, người sống ở huyện Lâm Hải, Thai Châu, học cao hiểu rộng, nổi tiếng tỉnh Chiết Giang. Sư một lòng cầu sinh Tịnh độ, thường tu tập Bát-chu tam-muội, học tập cực khổ suốt chín mươi ngày đến nỗi bị nôn ra máu, lúc vào đạo tràng, hai chân lở loét, Sư lấy cái chết để bày tỏ tâm nguyện của mình.

Bỗng một hôm, Sư nằm mộng thấy bồ-tát Quán Âm đưa ngón tay vào miệng Sư lôi ra mấy con trùng, đồng thời nước cam lồ tuôn ra từ đầu ngón tay Ngài rót vào miệng Sư. Khi tỉnh lại, Sư cảm thấy thân tâm mạnh khỏe, vui vẻ bệnh tật tiêu trừ. Sư liền viết ra bộ Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện và Tịnh độ sám pháp lưu hành ở thế gian. Vào niên hiệu Thiên Thánh đời Tống (1032), lúc sắp thi tịch, Sư đốt hương lễ Phật, xin chư Phật chứng minh việc vãng sinh Tịnh độ của mình. Đến chiều tối, Sư ngồi ngay thẳng thi tịch, mọi người thấy có một ngôi sao lớn rơi xuống trên đỉnh Linh Thứu. Người đương thời gọi Sư là Từ Vân sám chủ.

Ghi chú

Sư siêng năng khổ nhọc, soạn ra sám văn để chẳng những tự mình thực hành mà còn để lại muôn đời sau, xưa nay chỉ có một người mà thôi. Cho đến được bồ-tát Quán Âm đưa tay vào miệng lấy côn trùng ra rồi rót nước cam lồ vào miệng, nếu không siêng năng chí thành làm sao có thể được như vậy?

69. Sớ Chủ Tông Thản

Sư Tông Thản sống vào đời Tống, người ở Lê Thành, Lộ Châu. Năm mười lăm tuổi, Sư nổi tiếng khắp nơi về giảng kinh thuyết pháp. Về già, Sư cư trú tại thị trấn Thanh Đài, Đường Châu, chuyên tu niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ba nghiệp^[100] thanh tịnh, giữ bốn oai nghi^[101] tề chỉnh, chưa từng lãng quên.

Đến ngày 27 tháng 4 niên hiệu Chính Hòa thứ tư (1113), Sư nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà dạy: “Người chỉ còn thuyết pháp sáu ngày nữa, sẽ được vãng sinh Tịnh độ!”. Khi thức dậy, Sư kể việc này cho đại chúng nghe. Đến ngày mùng 4 tháng 5, Sư nhóm chúng và dạy: “Nhân duyên có hợp thì có tan, chắc chắn có lúc phải chia tay. Cõi Tịnh thù thắng, ta chỉ đợi một lát nữa, xin đại chúng niệm Phật giúp ta vãng sinh!”. Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, bầu trời vang rền tiếng sấm, mây trắng bao phủ mặt đất ba ngày mới tan. Lúc ấy, trên tay Sư cầm chuỗi mã não, chuỗi quán quanh tay, đại chúng cố gỡ nhưng không được. Việc cảm ứng của Sư rất nhiều, được ghi chép đầy đủ ở các sách.

Ghi chú

Sấm là tiếng rống của pháp âm, mây là bóng mát từ bi, chuỗi mã não trên tay gỡ không được là biểu thị sức mạnh của niệm lực.

70. Tông Chủ Từ Chiêu

Sư Tử Nguyên, hiệu Vạn Sự Hưu sống vào đời Tống, người ở Ni Sơn, Bình Giang. Lúc nhỏ, Sư tu tập pháp chỉ quán, trong lúc thiền định nghe tiếng quạ kêu thì ngộ đạo. Sư làm kệ tụng rằng:

Hơn hai mươi năm tìm trên giấy
Tìm đi tìm lại mãi trầm ngâm
Bỗng nhiên nghe được tiếng quạ kêu
Mới biết trước kia dụng tâm sai.

[100] Ba nghiệp (Tam nghiệp 三業, S: tīṇi karmāṇi): Gồm thân, khẩu và ý nghiệp.

[101] Bốn oai nghi (Tứ oai nghi 四威儀, S: catur-vidhā īryā-pathāḥ): Bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Đây là phép tắc mà ti-kheo, ti-kheo-ni phải tuân giữ, tức là những động tác đi, đứng, nằm, ngồi hàng ngày phải nghiêm cẩn, không được buông lung và giải đãi để giữ gìn sự nghiêm túc và trang trọng.

Từ đó, Sư hết lòng giáo hóa, khuyên người niệm Phật, thay thế cho tất cả chúng sinh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sinh Tịnh độ. Sư lập Bạch Liên Sám đường, giảng về tứ độ^[102], tam quán^[103], tuyền Phật đồ^[104], khai thị yếu chỉ Liên tông. Dù gặp thuận duyên hay nghịch cảnh, Sư cũng không động niệm. Cao Tông hoàng đế nghe tiếng, cho mời Sư vào cung, ban hiệu là “Từ Chiêu”. Sau này, ngày 23 tháng 3, tại Đạc Thành, Sư nói với chúng đệ tử: “Nhân duyên giáo hóa của ta đã hết, đến lúc phải ra đi”. Nói xong, Sư chấp tay thị tịch. Sau khi trà-tì, thân được vô số xá-lợi. Tháp của Sư được vua ban hiệu là “Tối Thắng”.

71. Thích Pháp Trì

Sư Pháp Trì sống vào đời Tống, cư trú ở chùa Hóa Độ, thường tu Di-đà sám, nguyện mau lìa khỏi Diêm-phù, sớm sinh về Tịnh độ. Về sau, Sư chỉ bị bệnh nhẹ, nhưng lại sụt sùi, rơi lệ, mong Đức Phật rủ lòng tiếp dẫn! Sư cố gắng niệm Phật không dứt, bỗng thấy thân Phật cao một trượng sáu đứng ở trên ao, Sư tự nói: “Ta đã được sinh lên trung phẩm!”, đồng thời xoay mặt về hướng tây thị tịch.

Ghi chú

Người đời không ai mà không muốn sống lâu, nay Sư muốn mau mạng chung để cầu sinh Tịnh độ, chẳng phải quá chán rồi sao? Tuy nhiên, người phát nguyện thì có thể được. Còn những người nhảy xuống biển hoặc gieo mình từ trên vách núi xuống hay chất củi tự thiêu đều là ma sự.

72. Thích Bản Như

Sư Bản Như, hiệu Thần Chiêu, sống vào đời Tống, cư trú tại chùa Thừa Thiên, Đông Sơn và kết giao với quận thú Trương Tuân. Một hôm, Sư thăng tòa thuyết pháp và từ biệt đại chúng. Sau khi rời khỏi tòa, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch.

[102] Tứ độ 四土: Bốn cõi Phật theo chủ trương của ngài Trí Khải thuộc tông Thiên Thai. 1. Phạm thánh đồng cư độ; 2. Phương tiện hữu dư độ; 3. Thật báo vô chướng ngại độ; 4. Thường tịch quang độ.

[103] Tam quán 三觀: Không quán, Giả quán và Trung quán của tông Thiên Thai lập ra.

[104] Tuyền Phật đồ 選佛圖: Bức họa du hí được vẽ theo lí chuyển mê khai ngộ bằng các danh tướng của Phật giáo.

Bấy giờ, người đánh cá trên sông thấy có một vị tăng đứng trên đám mây lành đi về hướng tây. Năm sau, mở tháp ra thấy dung mạo của Sư vẫn giống như lúc còn sống, có hoa sen mọc trước tháp.

73. Pháp Sư Cơ

Pháp sư Cơ sống vào đời Tống, theo học với ngài Bảo Vân, cư trú tại chùa Thái Bình Hưng Quốc, siêng năng niệm Phật. Một hôm bị bệnh, Sư dạy cho chúng đệ tử về yếu chỉ của pháp môn Tịnh độ, bỗng đại chúng thấy ở phương tây chiếu sáng, trên không trỗi nhạc. Sư nói: “Đức Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát Quán Âm, Thế Chí cùng đến”. Nói dứt lời, Sư nằm nghiêng bên hông phải, xoay mặt về hướng tây mà thị tịch. Chúng đệ tử nằm mộng thấy Phật A-di-đà thụ kí cho Sư làm “Siêu Thế Như Lai”; có người thấy Sư ngồi trên đài hoa sen xanh. Thiên sư Pháp Trí khen rằng: “Sư nằm bệnh nói yếu chỉ, lâm chung thấy Phật A-di-đà, thật là đáng kính!”.

Ghi chú

Có người nghi rằng: “Pháp sư Cơ tại sao được thụ kí?”. Ôi! Chính Sư thấy Đức Như Lai Vô Lượng Quang, lại được Phật hiện tiền thụ kí thành Phật. Ông biết điều đó chẳng?

74. Thích Nhược Ngu

Sư Nhược Ngu sống vào đời Tống, cư ngụ tại Tiên Đàm, Vân Xuyên, xây dựng lâu Vô Lượng Thọ, siêng năng tu tập và khuyên kẻ tăng, người tục niệm Phật suốt ba mươi năm. Sư kết bạn với hai vị Đạo Thế, Tác Chương. Đạo Thế là một thi sĩ nổi tiếng nhưng rất ham danh, còn sư Nhược Ngu và Tác Chương chỉ việc thực hành đem lợi ích cho chúng sinh. Một hôm, Sư nằm mộng thấy một vị thần đến nói: “Bạn đồng học của ông là Tác Chương đắc Phổ Hiền hạnh nguyện tam-muội, đã sinh về Tịnh độ. Ông ấy đang đợi ông”. Nhược Ngu nghe nói như thế, tắm rửa, chỉnh trang pháp phục, bảo đại chúng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Sư ngồi ngay thẳng và nói: “Tịnh độ đã hiện ra trước mắt. Ta đi đây”. Sư nói kệ xong và thị tịch. Kệ rằng:

Xưa nay không nhà, trở về đâu?
Trong mây có lối ai hay biết
Nước chảy, trăng tà núi phía tây
Chính là lúc hết mộng Tiên Đàm.

Sư lại nói:

Trên không lưới báu dính nghìn hoa
Trong mộng thấy ao sen bảy báu
Đến được chốn Tây phương an ổn
Không còn điều gì phải hoài nghi.

Ghi chú

Sư Nhược Ngu, Đạo Thế và Tác Chương là bạn thân với nhau, nhưng Đạo Thế vì đam mê thi phú, theo đuổi danh vọng nên không được vãng sinh Tịnh độ. Người nào muốn rũ bỏ tài trí văn chương, xa lìa duyên trần, cầu sinh Tịnh độ thì phải ghi nhớ điều này.

75. Thích Trí Lễ

Sư Trí Lễ, hiệu Pháp Trí, sống vào đời Tống, cư ngụ tại Nam Hồ. Sư soạn bộ Diệu tông sao để giải thích sáng tỏ ý nghĩa của quán tâm, quán Phật. Vào ngày rằm tháng 2 mỗi năm, Sư lập hội bố-thí, trì giới, niệm Phật, có khoảng một vạn người đến tham dự. Sư lại soạn bộ Dụng tâm giải để nói về Nhất tâm tam quán^[105] và ý nghĩa của Tứ Tịnh độ. Sau đó, đến ngày mùng 1 tháng Giêng, Sư lập Quang minh sám, lễ hội cử hành đến ngày mùng 5, Sư bỗng nhóm đại chúng lại thuyết pháp. Thuyết pháp xong, Sư niệm danh hiệu Phật A-di-đà mấy trăm tiếng, rồi an nhiên thị tịch.

Ghi chú

[105] Nhất tâm tam quán 一心三觀: Trong một niệm tâm mà viên tu ba quán Không, Giả, Trung nhất tâm chi tâm năng quán; Tam quán là Không quán, Giả quán, Trung quán. Biết rõ một tâm niệm vốn bất khả đắc bất khả thuyết mà trong nhất tâm tu cả ba quán: Không, Giả, Trung nên gọi là Nhất tâm tam quán. Đây là phép quán của tông Thiên Thai.

Sư Tri Lễ soạn bộ Diệu tông sao, nói về tịnh quán, hoàng dương giáo pháp tông Thiên Thai, nhưng lúc mạng chung, ngồi niệm Phật mà thị tịch. Há giống với kẻ chỉ biết nói suông ư?

76. Thích Hữu Nghiêm

Sư Hữu Nghiêm sống vào đời Tống, trụ ở chùa Sùng Thiện, Xích Thành, Thái Châu, Sư theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Chiếu. Những năm gần cuối đời, Sư dựng một thảo am dưới gốc cây Tra, nên gọi là Tra Am. Suốt đời chuyên tu tịnh nghiệp, Sư có trứ tác Hoài An Dưỡng cố hương thi, được lưu truyền đến bây giờ. Tháng 4, mùa hạ niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc thứ nhất (1101), trước lúc lâm chung, Sư thấy trong ao báu có hoa sen lớn, nhạc trời từ bốn phương trỗi lên, Sư bèn làm bài thơ Tiễn quy Tịnh độ để dạy chúng. Bảy ngày sau, Sư ngồi kết già thị tịch, trên đỉnh tháp của Sư có ánh sáng như mặt trăng, chiếu sáng suốt ba đêm mới hết.

Ghi chú

Thuở xưa, sư Pháp Tường có ánh sáng như gương hiện trên tường nhà, nay sư Hữu Nghiêm có ánh sáng như mặt trăng hiện trên đỉnh tháp. Đây đều là điềm lành của những bậc có thân tâm trong sáng. Có vị hiện điềm lành ánh sáng chiếu khắp phòng, có vị hiện điềm lành ánh sáng màu vàng chiếu dài trên sông hàng trăm dặm. Ôi! Những việc như thế lẽ nào là giả sao?

77. Thích Tuệ Minh

Tuệ Minh sống vào đời Tống, hiệu là Hối Am, Sư học đạo với ngài Tuệ Quang. Những năm cuối đời, Sư ở lại chùa Thường Chiếu, Súc Sơn, chuyên tu tịnh nghiệp; mỗi ngày Sư tụng kinh Pháp hoa, Lăng-nghiêm, Viên giác và niệm danh hiệu Phật A-di-đà vạn câu.

Vào mùa xuân, năm Kỉ Mùi niên hiệu Khánh Nguyên (1195), Sư bị bệnh và gọi đệ tử lại dặn: “Ta học kinh Đại thừa, cầu sinh Tịnh độ, nay nguyện kia đã thành tựu”. Nói rồi, Sư ngồi xếp bằng thị tịch. Lúc ấy, mọi người nghe có nhạc trời từ phía tây vọng lại, cứ vang mãi trên đầu; thiêu xong có vô số xá-lợi năm màu.

78. Sư Tán

Sư Tán sống vào đời Tống, người ở Ung Châu, là một vị xuất gia trẻ tuổi. Năm lên mười bốn tuổi, Sư đã bắt đầu niệm Phật không dứt, bỗng nhiên Sư bệnh nặng và qua đời. Một lát sau, Sư sống lại, nói với thầy và cha mẹ: “Phật A-di-đà đã đến rồi, con theo Ngài đây”. Những người bên cạnh thấy trong hư không xuất hiện đài báu, có ánh sáng lạ năm màu. Sư nhìn về hướng tây và thị tịch.

79. Hai vị sa-di

Vào đời Tùy, ở chùa Khai Hóa, Tinh châu có hai vị sa-di. Một hôm vị sa-di nhỏ hỏi vị sa-di lớn rằng:

- Thế nào? Huynh tu Tịnh độ nhé!

Vị sa-di lớn tuổi hơn vui vẻ đồng ý.

Thế rồi, hai vị sa-di cùng nhau tu tập trải qua năm năm, thì vị sa-di lớn qua đời, được vãng sinh đến Tây phương gặp Đức Phật A-di-đà. Sa-di lớn bạch rằng:

- Con còn một sư đệ đồng tu, chẳng biết có được sinh về đây không?

Phật dạy:

- Ông nhờ vị sa-di nhỏ khuyên phát tâm niệm Phật mà còn được vãng sinh. Sao lại còn nghi ngờ vị kia? Nay ông trở về Diêm-phù, gắng niệm thêm danh hiệu ta. Ba năm sau, hai người sẽ đồng được đến nơi đây gặp ta.

Vị sa-di lớn liền được sống lại, thuật rõ lại việc gặp Phật với vị sa-di nhỏ và mọi người. Từ đó hai ông càng chuyên cần tu niệm. Ba năm sau, cả hai vị sa-di đều được tâm khai, nhãn tịnh, đồng thấy Bồ-tát đến đón. Bảy giờ khắp mặt đất rung chuyển, hoa trời rưới khắp hư không. Hai vị sa-di theo nguyện mà đồng thời vãng sinh.

80. Thích Liễu Nhiên

Pháp sư Liễu Nhiên sống vào đời Tống, hiệu là Trí Dũng. Sư ở chùa Bạch Liên đến 24 năm. Một đêm nọ, Sư mộng thấy hai con rồng bay lượn đùa giỡn trên không trung, một con biến làm vị thần đến nói với Sư: “Bảy ngày nữa Sư sẽ vãng sinh”. Sau khi tỉnh dậy, Sư nhóm chúng thuyết pháp. Sư nói: “Đại Thư ghi ‘Nhờ sức niệm Phật mà được sinh về Cực Lạc’. Tất cả mọi người nên siêng năng niệm Phật”. Nói xong, Sư tắm rửa thay y phục và bảo mọi người tụng kinh A-di-đà, khi mọi người tụng đến đoạn “Tây phương thế giới”, bỗng nhiên Sư thị tịch. Lúc ấy, những người trong chùa Năng Nhân đều nghe có tiếng nhạc trời và ánh sáng chiếu lên như ngọn đuốc, tỏa sáng cả bầu trời.

81. Thích Tư Chiếu

Thích Tư Chiếu sống vào đời Tống, là nhà nghiên cứu tôn giáo. Sư chuyên tâm tu tịnh nghiệp, mỗi đêm vào canh tư, Sư thức dậy niệm danh hiệu Phật lớn tiếng, làm cho những tì-kheo lười biếng không được ngủ yên. Sư y theo 48 lời nguyện của tì-kheo Pháp Tạng^[106], tập hợp kẻ tăng người tục mở hội niệm Phật suốt ba mươi năm. Vào một ngày kia, Sư mắc bệnh, nằm mộng thấy thân màu vàng một trượng sáu của Đức Phật, liền nhóm họp đại chúng niệm Phật. Bỗng nhiên, Sư cố sức niệm Phật cùng mọi người rồi đưa tay kết ấn và ngồi thị tịch. Sau khi thiêu xong, răng và xương của Sư không bị cháy.

82. Thích Trí Liêm

Sư Trí Liêm sống vào đời Tống, trụ ở chùa Hóa Độ, Thượng Ngu. Lúc còn trẻ, Sư đi khắp nơi tham học tất cả các tông phái, đến khi lớn tuổi, Sư chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tây phương. Tháng 8 mùa thu, mới đổi niên hiệu Khánh Nguyên (1195), Sư từ biệt chúng và nói: “Tôi mộng thấy Phật A-di-đà và thấy đại chúng vây quanh nghe Ngài thuyết pháp, Đức Phật dạy: ‘Này các thiện nhân! Các người phải chuyên tâm tu tịnh nghiệp cầu sinh về nước Ta’. Và tôi đã thấy được tướng tốt của Phật; nhất định tôi sẽ vãng sinh”.

Nói xong, Sư làm bài kệ:

[106] Tì-kheo Pháp Tạng 法藏比丘 (S: Bhikṣu Dharmakara): Tiền thân của Phật A-di-đà.

Nhạn bay ngang trời
Bóng in dưới nước
Không sinh không diệt
Hoa sen nước kia.

Viết xong bài kệ, Sư quay người về hướng tây kết ấn và thị tịch.

83. Thích Trí Thâm

Sư Trí Thâm sống vào đời Tống, hiệu là Từ Xuyên. Sư học ở Hải Nguyệt, sau đó trở về Gia Hòa mở Trường Đường cung cấp các thứ cần dùng cho mọi người suốt hai mươi năm để họ chuyên tâm niệm Phật. Sư thường lấy pháp tu tịnh nghiệp chỉ dạy mọi người; người được vãng sinh rất đông. Sau đó, bỗng nhiên Sư phát bệnh, nhưng khách đến thăm hỏi, Sư vẫn tiếp chuyện như ngày thường. Khi khách vừa ra khỏi cửa thì Sư thị tịch. Có người thấy đám mây tía bay về hướng tây và biến mất.

84. Thích Pháp Nhân

Sư Pháp Nhân sống vào đời Tống, cư trú tại chùa Quảng Thọ, Tây Minh. Sư chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ suốt ba mươi năm. Sau đó, Sư có bệnh, tập hợp đại chúng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, đến đêm thứ ba Sư nói với chúng đệ tử: “Tôi sắp đi đây!”. Có người thỉnh Sư để lại kệ tụng, Sư viết:

Ta với Di-đà vốn không hai
Hai và không hai thấy đều lìa
Ta thấy Di-đà như thế ấy
Cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn.

Viết xong, Sư gắng gượng dậy ngồi ngay thẳng và thị tịch.

Ghi chú

Tâm ta niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì nhất định vãng sinh về nước của Ngài. Tức dùng phàm tâm mà thấy được Phật tâm, thì việc sinh về nước của Phật đâu có gì khác! Đâu có gì khác nên lìa hai, rõ ràng nên lìa không hai, lìa hai nên không

tìm cầu từ người khác, lia không hai nên không ngại việc cầu sinh Tịnh độ. Lia hai nên phàm tình dứt sạch, lia không hai nên thánh giải đều quên. Như thế người thấy được Phật thì suốt ngày Ta-bà chính là cả ngày Tịnh độ; niệm niệm Thích-ca ra đời, thời thời Di-lặc hạ sinh, ấy mới thật là người đã thấy được Phật A-di-đà. Ngược lại, nếu không được như vậy thì hằng ngày tuy đối mặt nhưng cách xa như mây trắng ở nghìn dặm.

85. Thích Trí Tiên

Sư Trí Tiên sống vào đời Tống, hiệu Chân Giáo, cư trú tại chùa Bạch Liên^[107], giảng đạo suốt mười ba năm. Sư thường hướng về phương tây đỉnh lễ và niệm danh hiệu Phật A-di-đà, chưa từng xao lãng. Sư nhờ chur tăng ở Quán Đường tụng kinh A-di-đà, tụng chưa hết quyển thì Sư đã thị tịch. Chur tăng ở chùa Năng Nhân^[108] gần đó đều nghe tiếng nhạc trời vang vọng. Sáng sớm hôm sau, mọi người mới biết Sư thị tịch.

86. Thích Tông Lợi

Sư Tông Lợi sống vào đời Tống, cư trú tại Bích Chiêu, Tân Thành, tu Niệm Phật tam-muội suốt mười năm. Về sau, Sư vào núi Đạo Vị dựng một thảo am đặt tên là Nhất Tướng. Sư ở đó hơn mười năm. Một hôm, Sư gọi đệ tử đến và nói: “Ba ngày liền tôi thấy hoa sen xanh khắp trên hư không”. Sư lại nói: “Đức Phật đến”. Nói rồi, Sư làm bài kệ:

Tôi chín mươi tuổi đầu bạc trắng
Trên đời trăm tuổi mấy ai nào?
Đạo nhân Nhất Tướng về chôn cũ
Đài vàng quét sạch, thoát càn khôn.

[107] Chùa Bạch Liên (Bạch Liên tự 白蓮寺): Chùa ở phía tây huyện Thanh Phố, Giang Tô, phía nam huyện Côn Sơn, bên cạnh hồ Điện Sơn ở núi Điện, Trung Quốc. Khoảng năm 1163-1164, đời Tống, chùa này được sư Tử Nguyên lập, ban đầu chùa có tên là Bạch Liên Quán đường, tứ chúng đệ tử trong chùa được Sư hướng dẫn tu pháp môn Thập lục quán để cầu sinh Tịnh độ, do đó chùa còn có tên Bạch Liên sám đường. Khoảng năm 1165-1173, vua Hiếu Tông ban cho chùa tấm bằng hiệu là Bạch Liên tự.

[108] Chùa Năng Nhân (Năng Nhân tự 能仁寺): Chùa ở dưới ngọn Đơn Phương, phía tây dãy núi Nhạn Đãng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tương truyền, vị tổ khai sơn chùa này là ngài Nặc-cự-na. Năm 976, đời Tống, sư Toàn Liễu kết am Phù Dung để ở. Năm 999, mới xây dựng chính điện, năm 1001, chùa cất thêm ngôi tháp Bách Bảo, được vua ban tên là chùa Thừa Thiên. Đến năm 1142, Quận thú Diêm Khâu Hân tâu lên vua xin đổi thành Năng Nhân thiền viện, trở thành đại đạo tràng ở vùng núi Nhạn Đãng.

Nói xong, Sư an nhiên thị tịch.

87. Thích Tề Ngọc

Sư Tề Ngọc sống vào đời Tống, hiệu Tuệ Giác, lúc đầu Sư trụ tại chùa Bảo Tạng, Sáp Xuyên, sáng lập hội Tịnh độ ở đây. Sau đó, Sư đến trụ tại Thượng Trúc. Một hôm, vào nửa đêm Sư đến trước tượng Đức Phật A-di-đà đỉnh lễ và niệm danh hiệu Ngài. Một ngày kia, Sư gọi vị thủ tọa đến nói: “Trước giường của tôi xuất hiện nhiều tháp báu, đó không phải là nguyện của tôi. Tôi muốn sinh về Tịnh độ thôi, ông có thể vì tôi mà nhóm họp đại chúng niệm Phật không?”. Vị thủ tọa liền thỉnh chuông, tăng chúng nhóm họp hơn trăm vị, Sư nói: “Tôi đã thấy Phật”. Nói dứt lời, Sư nhắm mắt ngồi ngay thẳng thị tịch.

Ghi chú

Nhiều tháp báu cũng là nước Phật. Vì sao sư Tề Ngọc cho là không phải ý nguyện? Thuở xưa, hoàng hậu Vi-đề-hi xem khắp cõi Tịnh độ nhưng chỉ cầu sinh An Dưỡng. Bởi vì không chuyên tu thì công đức không thành tựu, biết như thế mới bàn đến Tây phương.

88. Thiền Sư Viên Chiếu Bản

Sư Tông Bản sống vào đời Tống, người ở Vô Tích, Thường Châu. Ban đầu, Sư theo tu học với thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Sư niệm Phật có chút tinh ngộ. Sau đó, Sư dời về Tịnh Từ, phụng chiếu chỉ vào trụ trì chùa Tuệ Lâm ở Đông Kinh và Sư được vua mời vào điện Diên Hòa để tuyên dương yếu chỉ Thiền. Hằng ngày, Sư mật tu tịnh nghiệp. Pháp sư Lô Phong Tài xuất thân đến Tịnh độ thấy một hoa sen rất đẹp, hỏi ra mới biết hoa sen này đợi thiền sư Tịnh Từ Bản sinh về. Lại có ngài Tư Phúc Hi đến chùa Tuệ Lâm đỉnh lễ Sư và cúng vàng rồi đi. Mọi người hỏi nguyên do. Sư nói:

- Tôi ở trong định thấy hoa sen vàng. Có người nói: “Là đợi sư Tịnh Từ Bản”. Lại có vô số hoa sen và có người nói: “Là đợi những người được Sư độ”. Có những bông hoa bị héo, có người nói: “Đó là những người đã thoái chí”.

Có người xin Sư truyền bí quyết làm sao để được nêu tên ở liên cảnh. Sư cười đáp: “Dù ở tại tông môn cũng nên chuyên tu Tịnh độ”. Về sau, Sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch. Sư được vua ban tên thụy là Viên Chiếu thiền sư.

Ghi chú

Thuở xưa, ngài Trung Phong^[109], Thiên Như^[110] cho Thiền và Tịnh độ lý tuy là một nhưng dụng công thì không thể đồng thời. Ngày nay, có người nói: “Thiền, Tịnh song tu là thế nào?”. Bởi vì chữ “kiêm” có hai nghĩa: chữ kiêm có nghĩa là hai chân cùng lúc bước lên hai chiếc thuyền, thì thật không thể được. Chữ kiêm có nghĩa là viên thông không ngăn ngại thì có gì là không thể? Huống hồ, ngoài thiền không có Tịnh độ, thì Tịnh độ chính là tâm, vốn chẳng phải hai thứ. Sao lại gọi đó là “kiêm” được?

89. Thiền Sư Đại Thông Bản

Sư Thiện Bản sống vào đời Tống, nhờ thi kinh Hoa nghiêm mà được xuất gia. Sư vâng chiếu vua đến trụ trì chùa Pháp Vân và được ban hiệu là Đại Thông. Sau đó, Sư trở về chùa Tượng Ô ở Hàng Châu chuyên tu tịnh nghiệp. Một hôm, trong lúc nhập định, Sư thấy Phật A-di-đà hiện thân sắc vàng. Sáng hôm sau, Sư nói với đệ tử: “Tôi chỉ sống được ba ngày nữa thôi”. Đến thời gian đã định, Sư ngồi ngay thẳng quay về hướng tây niệm Phật và thị tịch.

90. Luật Sư Linh Chi Chiếu

Sư Nguyên Chiếu sống vào đời Tống, cư trú tại Linh Chi, truyền bá luật học, dốc lòng tu tịnh nghiệp, niệm Phật mãi không dừng. Một hôm, Sư bảo đệ tử tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện. Sư ngồi ngay thẳng thị tịch. Lúc ấy, ngư dân ở Tây Hồ đều nghe trên không trung có tiếng nhạc.

[109] Trung Phong 中峰: Tức thiền sư Minh Bản.

[110] Thiên Như 天如: Tức thiền sư Duy Tắc, đệ tử của ngài Trung Phong Minh Bản.

91. Luật Sư Thanh Chiếu

Sư Tuệ Hanh sống vào đời Tống, trụ ở chùa Diên Thọ, Vũ Lâm. Ban đầu, Sư theo luật sư Linh Chi học luật và chuyên tu Tịnh nghiệp suốt mười sáu năm. Sư thường khuyên mọi người nên siêng năng niệm Phật. Sư xây bảo các, tôn trí tượng Tam thánh^[111] rất đẹp. Bấy giờ, có người làm công quả tên Hữu Giang nằm mộng thấy tòa báu từ trên không trung bay xuống và nghe có tiếng nói rằng luật sư Tuệ Hanh sẽ ngồi trên tòa này. Bấy giờ, có cư sĩ Hữu Tôn ở Thích Xã biết trước giờ sắp chết nên đến từ biệt Sư, rồi trở về nhà kết ấn mà qua đời. Sư đến đốt hương và trở về nói với đệ tử: “Hữu Tôn đã đi, ta cũng đi đây!”. Nói xong, Sư tập hợp chúng niệm Phật và Sư nói bài kệ:

Miệng luôn niệm Di-đà
Niệm niệm tưởng bạch hào
Giữ tâm không lui sụt
Chắc chắn sinh An Dưỡng.

Nói kệ xong, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch. Sư được người đời sau suy tôn là Thanh Chiếu luật sư.

Ghi chú

Sáu mươi năm chuyên tu tịnh nghiệp, lúc lâm chung hiện điềm lành, đâu có gì đáng nghi. Có người cậy sức lúc còn trẻ gây nhiều tội lỗi nên không có được điềm lành vãng sinh Tịnh độ. Thật là lầm lạc biết bao!

92. Thích Tư Mẫn

Sư Tư Mẫn sống vào đời Tống, từng thụ giới pháp với luật sư Linh Chi. Sư chuyên tâm niệm Phật suốt hai mươi năm. Sau này mắc bệnh, Sư thỉnh chúng tăng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ nửa tháng, nhưng mới tụng được ba ngày thì Sư thấy hóa Phật khắp cả hư không. Lúc thị tịch, Sư niệm Phật, tiếng vang khắp bốn phương. Mặc dù thi thể được an trí trong khám giữa trời hè oi bức trải qua bảy ngày nhưng vẫn không bị đổi màu, lại có hương thơm lan tỏa khắp hư không.

[111] Tam thánh 三聖: Phật A-di-đà, bồ-tát Quán Thế Âm, bồ-tát Đại Thế Chí.

93. Thích Hi Trạm

Sư Hi Trạm sống vào đời Tống, người ở Sơn Âm. Lúc nhỏ, Sư là một nho sinh, bỗng nhàm chán đời sống thế tục, bỏ đi xuất gia. Sư cùng với tì-kheo tên Oánh xây dựng điện Vô Lượng Thọ Phật ở Nguyễn Đỗ và chuyên tu tịnh nghiệp. Sư không bao giờ ngồi quay lưng về phía tây. Sau đó, Sư thường thấy Phật và hai vị bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí. Vào một đêm nọ, Sư ngồi ngay thẳng quay mặt về phương tây kết ấn, niệm Phật và an nhiên thị tịch.

94. Pháp Sư Đăng

Pháp sư Đăng sống vào đời Tùy, thường giảng kinh Niết-bàn ở chùa Hưng Quốc, Tinh Châu. Những người đến nghe giảng kinh, Sư đều khuyên họ niệm Phật cầu vãng sinh. Sư thị tịch vào niên hiệu Khai Hoàng thứ 12 (592). Lúc Sư tịch có hương thơm lạ lan tỏa khắp hư không, đến lúc tiễn đưa Sư, có ánh sáng và mây thơm bủa khắp thôn làng.

95. Thích Tăng Nhai

Sư sống vào thời Hậu Chu (557- 581) ở chùa Đa Bảo thuộc Ích châu. Bản tính Sư thường ít nói, không thích vui đùa. Mỗi khi dạo chơi núi rừng thì ở đó suốt cả ngày. Có người hỏi lí do, Sư trả lời:

- Vì tôi nghĩ con người cần phải nhẫn.

Về sau Sư đến phía tây thành, đốt năm ngón tay trái. Tăng tục nghìn vạn người theo khóc lóc. Sư nói:

- Ta giữ tâm bồ-tát, nên không khóc.

Có người hỏi đau không?

Sư trả lời:

- Tâm đã không đau thì ngón tay làm sao đau?

Khi lửa cháy đến lòng bàn tay thì tủy chảy ra. Có người hỏi sao Sư chịu đựng được?

Sư bảo:

- Vì chúng sinh không nhẫn được, nên nay ta muốn khuyên mọi người nhẫn điều không thể nhẫn, đốt vật không thể đốt.

Sư lại bảo mọi người rằng:

- Trong đời mạt pháp, mọi người khinh mạn, bạo ngược, ngu dốt, xem tượng Phật như thân khúc cây, nghe kinh điển như gió thoảng qua tai ngựa. Ta đốt tay, hủy thân, vì muốn khiến cho họ tin sâu Phật pháp.

Sư dạy đệ tử rằng:

- Sau khi ta diệt độ, các con nên chu cấp cho những người bệnh, những người xấu xí và súc sinh. Những vị ấy phần nhiều là chư Phật và Bồ-tát phương tiện hóa hiện.

Nếu không phải bậc có đại tâm bình đẳng thì đâu thể cung kính tất cả chúng sinh. Có người thấy hoa trời rải xuống Tăng Nhai, bấy giờ Sư chia y bát, tích trượng cho sáu trăm vị tăng, rồi cười hư không đi về phương tây.

96. Pháp sư Tạng

Sư Tăng Tạng sống vào đời Tống, người ở Phần Châu, suốt đời không nhận sự lễ bái của kẻ tăng người tục. Sư chuyên tu Tịnh độ. Lúc Sư sắp thị tịch, có thiên chúng thứ lớp trời nhạc đến rước nhưng Sư không theo. Đến khi thấy Phật A-di-đà đến, Sư mới từ biệt đại chúng và thị tịch.

97. Pháp sư Cô Sơn Viên

Sư Trí Viên sống vào đời Tống, cư ngụ tại Cô Sơn, Tây Hồ. Sư thông hiểu các kinh, chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Sư sớm giải bộ kinh A-di-đà và làm lời sao cho bộ Tây tư để khuyến khích mọi người phát tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Khi Sư thị tịch, đệ tử đem bình bát của Sư hợp táng cùng thi thể. Mười lăm năm sau, do mưa lâu ngày núi lở, mộ của Sư cũng bị quật lên khỏi lòng đất; người ta nhìn thấy bình bát và thi thể của Sư chẳng những vẫn như xưa mà móng tay, chân và râu tóc dài ra thêm.

Ghi chú

Danh tiếng của Sư mãi về sau vẫn còn truyền tụng không ngớt, thế vì sao nói lâm chung không được vãng sinh? Cứ xét những điềm lành hiện ra khi Sư lâm chung cũng quá đủ để chứng minh cho việc tu tập của Sư rồi. Chính vì nghiệp lành kiên cố nên việc được vãng sinh là chắc chắn, đâu còn nghi ngờ gì nữa!

98. Thích Nguyên Tịnh

Sư Nguyên Tịnh sống vào đời Tống, người ở đất Hàng, xuất gia lúc 12 tuổi. Sau này, Sư cư trú tại chùa Long Tĩnh. Thời bấy giờ, các bậc hiền tài như Triệu Thanh Hiến, Tô Văn Trung rất kính trọng Sư. Lúc sắp mạng chung, Sư vào am Phương Viên và nói với mọi người: “Bảy ngày nữa tôi rũ bỏ nợ trần, sở nguyện đã thành tựu”. Bảy ngày sau, Sư nói kệ dạy đại chúng, rồi ngồi kết già thị tịch.

99. Dụ Di-đà

Sư Tư Tịnh sống vào đời Tống, họ Dụ, người ở Tiền Đường, hiệu là Tịnh độ Tử. Buổi sáng, Sư hầu pháp sư Anh và giảng kinh Pháp hoa. Buổi chiều chuyên tâm niệm Phật. Những lúc rảnh rỗi, Sư vẽ tượng Phật. Mỗi lần vẽ, Sư vào tịnh thất yên tĩnh tập trung quán tưởng, đến khi nào thấy được ánh sáng của Phật A-di-đà mới đặt bút xuống vẽ.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng, nhằm năm Đinh Tị (1137), Sư ngồi ngay thẳng nhất tâm niệm Phật suốt bảy ngày và an nhiên thị tịch.

Ghi chú

Trước khi vẽ tượng Phật đều quán tưởng Phật, có mấy người làm được việc như vậy? Bởi vì, có thể vẽ người có mặt người thân hổ chứ đâu thể vẽ người ở Tịnh độ! Như vậy, họa sĩ vẽ tượng Phật, vì sao không được vãng sinh?

Có người hỏi: “Có chắc người vào thất đều hoàn toàn thanh tịnh, quán tưởng đều hoàn toàn vắng lặng không? Huống gì họa sĩ vẽ ra muôn hình vạn trạng! Sư Dụ Di-đà cho đến lúc già chỉ quán Phật, vẽ Phật, chứ không vẽ bất cứ tranh ảnh gì khác. Việc vẽ Phật của sư Dụ Di-đà đến nay vẫn còn lưu truyền, chớ chẳng phải là những lời lẽ bịa đặt.

100. Thích Mông Nhuận

Thích Mông Nhuận, tự là Ngọc Cương, đắc pháp nơi thiền sư Cổ Nguyên. Những năm cuối đời, Sư về ở am Bạch Liên trên đỉnh Phong Hoàng, đóng cửa niệm Phật. Lúc Sư lâm chung, có hóa Phật đến đón và có hương thơm lạ phảng phát khắp phòng.

101. Vân Ốc

Sư Thiện Trụ sống vào đời Nguyên, tự là Vân Ốc, người ở đất Tô. Sư bế quan ngày đêm sáu thời niệm Phật. Sau đó, Sư mắc bệnh rất lâu mà không thuyên giảm. Khi Sư lâm chung có hương thơm lạ phảng phát khắp phòng. Sư có soạn hai tác phẩm là: An Dưỡng truyện và Cốc Hương tập được lưu truyền ở đời.

102. Chỉ Quán Chủ

Sư Chỉ Quán Chủ sống vào đời Nguyên, tự là Biệt Tông, người ở đất Hàng, giới đức cao vời. Sư dựng Quán Thất ở phía nam núi Long, chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Dù trong lúc chạy loạn, Sư vẫn không quên niệm Phật. Một hôm, Sư không có bệnh, sau khi tắm rửa sạch sẽ ngồi ngay thẳng và thị tịch. Trong tập Hành Nghiệp của pháp sư Chi Vân Nhân có ghi rất rõ việc này.

103. Thích Đàm Ý

Sư Đàm Ý sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, làm nghề thầy thuốc, đến lúc tuổi già chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Sư đem tiền của dành dụm được bấy lâu cúng Phật và thiết trai cúng dường chư Tăng, tạo tượng, xây nhà tắm. Sư làm như thế suốt hai mươi năm. Sau đó, Sư bị bệnh nhẹ nhưng không dùng thuốc mà chỉ mời bảy vị tì-kheo đến niệm Phật. Niệm đến ngày thứ hai thì Sư thấy hoa sen lớn như tòa nhà, sang ngày thứ ba thì thấy vị tì-kheo người Ấn Độ đến bên giường hỏi thăm. Đến lúc nửa đêm, mọi người nghe tiếng niệm Phật nhỏ dần và thấy Sư an nhiên thị tịch.

104. Thích Thái Vi

Sư Thái Vi sống vào đời Tống, lúc nhỏ xuất gia với pháp sư Pháp An ở Tiên Đường. Thầy vừa trao cho Sư quyển kinh A-di-đà, chẳng mấy chốc Sư đã thuộc lòng. Đến khi thụ giới Cụ túc xong, Sư chỉ đóng cửa niệm Phật, siêng năng không chút xao lãng. Sư thường đi dạo phía sau núi. Một hôm, bỗng Sư nghe tiếng sáo liền hoát nhiên khai ngộ. Vì thế, Sư luôn giữ bên mình một ống sáo để tự vui. Có một người tên Lăng Giám Bạc cũng chuyên tu tịnh nghiệp, ông ta gọi Sư là Tịnh độ hương trưởng. Một hôm, ông ta đến gõ cửa và thưa với Sư:

- Tịnh độ hương đệ muốn gặp Ngài.

Thái Vi nói:

- Ngày mai sẽ gặp nhau ở Tịnh độ. Bây giờ phải gấp rút niệm Phật thôi.

Sáng hôm sau, mọi người lấy làm lạ, vì không thấy Sư đến khát thực. Họ cùng nhau đến xem thì thấy ống sáo, bình bát, ghế ngồi đều đã bị đốt cháy và Sư ngồi kết già trên đất thị tịch.

Ghi chú

Luôn giữ ống sáo bên mình để tự vui, vì thế người xưa tạm ghi lại và cho đó là nguyên nhân khiến Sư tỏ ngộ. Từ đó, Sư chỉ dùng ống sáo để làm Phật sự mà thôi. Thiên sư Câu-chi được công án “Thiền một ngón tay” của hòa thượng Thiên Long nên suốt đời chỉ đưa ngón tay để dạy người. Ngài Đoan thấy múa sư tử mà tâm bừng sáng nên thường mặc y năm màu. Ngoài ra, những kẻ đọc kinh Lăng-nghiêm sai lệch mà không chịu sửa đổi cách ngắt câu thì đó là bọn si mê, càn bướng. Đừng bắt chước theo họ.

105. Thích Dụng Khâm

Sư Dụng Khâm sống vào đời Tống, trụ ở chùa Thất Bảo, thuộc Tiên Đường. Sư theo học luật với ngài Đại Trí. Một hôm, Sư nghe ngài Đại Trí dạy chúng: “Sống thì hoằng truyền luật học, chết sinh về Cực Lạc, người xuất gia học đạo phải làm như vậy mới gọi là tròn hạnh nguyện”. Sư liền phát tâm cầu sinh Tịnh độ, một lòng không thay đổi. Mỗi ngày Sư niệm Phật ba vạn câu. Sư từng xuất thần đến cõi Tịnh độ, thấy Phật và Bồ-tát có nhiều tướng lạ. Một hôm, Sư gọi thị giả lại và

bảo: “Ngày mai tôi về Tây phương”, rồi Sư nhóm chúng niệm Phật. Sáng sớm hôm sau, Sư ngồi ngay thẳng chấp tay nhìn về phương tây mà thị tịch.

106. Cứu Pháp Hoa

Sư Khả Cứu sống vào đời Tống, người ở Minh Châu, Sư thường tụng kinh Pháp hoa và nguyện sinh về Tịnh độ, cho nên người đương thời gọi Sư là Cứu Pháp Hoa. Vào niên hiệu Nguyên Hựu thứ tám (1093), Sư tròn tám mươi một tuổi. Một hôm Sư ngồi ngay thẳng mà thị tịch. Trải qua ba ngày, bỗng nhiên Sư sống lại và nói với các đệ tử: “Tôi đã thấy cảnh Tịnh độ, giống như trong kinh nói, trên mỗi đài sen đều có ghi tên của những người sẽ vãng sinh. Một đài vàng ghi tên Huân Công tại viện Quảng Giáo ở phủ Thành Đô, một đài ghi tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu; một đài ghi tên “Khả Cứu” và một đài bạc ghi tên Từ Đạo Cô ở Minh Châu. Nói dứt lời, Sư lại thị tịch. Năm năm sau, Từ Đạo Cô qua đời, lúc ấy, có hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Mười hai năm sau thì đến lượt Tôn Thập Nhị Lang qua đời, có nhạc trời từ trên không trung đến đón rước. Những gì xảy ra đều giống như lời của sư Khả Cứu đã nói.

Ghi chú

Ghi tên trên hoa sen, có việc này là vì nhiều người đã chứng kiến. Là giả hay là thật? Ôi! Dùng huyền tâm niệm huyền Phật, lấy huyền hoa ghi huyền danh, cho đến được thụ kí thành Phật; thế thì có cái gì chẳng phải huyền? Tôi đây cũng huyền sinh vậy! Như thế, vì sao phải bàn luận là giả hay thật!

107. Thích Tổ Huy

Sư Tổ Huy sống vào đời Nguyên, trụ ở Thành Phật Các thuộc quận Tứ Minh. Sư gặp bất cứ ai cũng chỉ nói câu: “A-di-đà Phật thuyết diệc thuyết bất đắc”. Vì thế, người đương thời gọi Sư là “Thuyết Bất Đắc hòa thượng”. Bấy giờ, vợ chồng Huyện úy huyện Ngân là Vương Dụng Hưởng rất sùng kính Sư. Một hôm, Sư đến nhà từ biệt vợ chồng họ và nói: “Ngày mai tôi đi”. Sáng hôm sau, mọi người nhóm họp đông đủ, Sư vào điện Phật ngồi ngay thẳng và nói muốn ăn dưa chín. Sau khi ăn hết trái dưa, Sư niệm Phật và thị tịch.

108. Thích Sở Kì

Sư Sở Kì sống vào đời Minh, người ở đất Thục, dốc lòng tin về Tây phương. Một hôm, Sư đến Yên Kinh (Bắc Kinh), tình cờ nghe được tiếng trống trên lầu, bỗng nhiên đại ngộ. Đầu niên hiệu Hồng Vũ thứ ba (1371), Sư phụng chiếu đến kinh đô thuyết pháp, nhà vua rất vui. Về sau, Sư xây một cái thất đặt tên là Tây Trai và chuyên tâm tu tịnh nghiệp. Sư từng thấy hoa sen lớn đầy cả thế giới, Đức Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen và có các bậc Thánh ngồi xung quanh. Trước khi thị tịch, Sư làm bài kệ dạy chúng và nói: “Tôi đi đây!” Có người hỏi:

- Thầy đi đâu?

Sư đáp:

- Về Tây phương.

Có người lại hỏi:

- Tây phương có Phật, Đông phương không có Phật sao?

Sư hét lớn một tiếng rồi an nhiên thị tịch.

109. Thích Bảo Châu

Sư Bảo Châu sống vào đời Minh, thường qua lại vùng Gia Hòa và quận Hàng, dù mùa hạ hay mùa đông, Sư cũng chỉ mặc một y. Sư khát thực để sống, không ngủ một nơi nào cố định. Hằng ngày Sư chỉ niệm Phật mãi không ngớt. Nếu có ai gọi, Sư mới trả lời, rồi tiếp tục niệm Phật. Sư không bao giờ nói lời vô bổ. Sau đó, ở chùa Hải Môn bỗng xuất hiện một người giống như kẻ điên, ở lại trong chùa hơn nửa tháng, bị chư tăng quở trách: “Những gì ông làm hằng ngày nên làm gương cho người đời, vì sao ông lại như thế?” Sư Bảo Châu nói: “Nói như vậy thì tôi đi đây!”. Sau khi tắm xong, Sư an nhiên đứng mà thị tịch.

110. Tì-Kheo Minh Bản

Vào đời Đại Minh có vị tăng tên Minh Bản ở chùa Tĩnh Gia, Thông Châu. Sư vốn có chí hướng cao xa, phạm hạnh thanh bạch, đặt hết tâm tư vào việc giảng dạy. Sau này, Sư không giảng kinh thuyết pháp nữa mà chỉ chuyên tâm niệm Phật cầu

sinh Tịnh độ. Ngày đêm sáu thời tụng niệm lễ bái, Sư làm như vậy nhiều năm liền mà không hề ngưng nghỉ. Một hôm, Sư mắc bệnh nhẹ, tự biết giờ ra đi đã đến nên Sư báo cho mọi người biết rồi an nhiên qua đời. Lúc ấy có hương thơm lạ lan tỏa suốt bảy ngày mới hết.

Tổng Luận

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói có ba bậc vãng sinh. Trong đó, bậc thượng dành cho người bỏ nhà, lìa xa đời sống thế tục làm sa-môn, một mực chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Bỏ nhà, lìa xa đời sống thế tục là thân xuất gia. Một mực chuyên tâm niệm Phật là tâm xuất gia. Thân tâm đều thanh tịnh, lo gì không được vãng sinh Tịnh độ!

Có tì-kheo ngông cuồng tự cho rằng: “Chỉ có hai chúng tại gia mới được tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ. Ta là sa-môn, vì sao bị xem thường như thế?”. Hoặc có người nói: “Chỉ có những vị căn tính chậm lụt trong hàng tăng lữ mới được tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ. Ta thông pháp, ngộ tông, vì sao bị xem thường như thế?”.

Ôi! Những kẻ ngông cuồng ấy, chẳng những xa lìa chư Tổ mà còn cách biệt các bậc trưởng lão. Có người truyền bá kinh pháp, tiếng tăm chấn động trời người; có người nắm giữ tâm ấn Tổ sư làm cho đạo pháp lưu truyền mãi muôn đời. Những người chẳng biết gì về tông và giáo thì chẳng phải sa-môn. Ngoài những kẻ không biết gì về Tịnh độ, chẳng có tông và giáo, chẳng phải sa-môn, ta đều cho đó là hạng người ngông cuồng.

Quyển 2

II. VUA QUAN VÃNG SINH

1. Vua Nước Ô Tràng

Vua nước Ô Tràng, những lúc rảnh rỗi việc triều chính, thường thích nghiên cứu Phật pháp. Vua từng nói với các vị cận thân: “Trẫm là vua của một nước, tuy hưởng phúc lạc nhưng cũng không tránh khỏi vô thường. Nghe nói cõi Tịnh độ ở Tây phương có thể an dưỡng tinh thần, trẫm phải phát nguyện sinh về nước ấy”. Từ đó, ngày đêm sáu thời, vua chuyên tâm niệm Phật. Vua cũng thường xuyên cúng Phật và thiết trai cúng dường chư tăng, đích thân vua và hoàng hậu dâng cúng thức ăn cho chư tăng. Vua làm như vậy suốt ba mươi năm mà không bỏ một ngày nào.

Khi vua băng hà, sắc mặt rất tươi tỉnh và có hóa Phật đến đón. Những điềm lành lúc ấy rất nhiều.

Ghi chú

Vào đời mạt pháp, người không có địa vị nghe pháp mà tin nhận, hành trì thì nhiều; ngược lại, người có địa vị nghe pháp mà phát khởi lòng tin, thực hành thì rất ít. Người có địa vị cực kỳ tôn quý như vua chúa, quan lại nghe pháp mà phát lòng tin, thực hành lại càng ít hơn là vì sao? Vì địa vị càng cao thì tham dục càng lớn; tham dục càng lớn thì sự đắm nhiễm càng nặng. Đời nay, hiếm có người quyền cao chức lớn mà tránh được sự cám dỗ của tham vọng. Vì thế, người hưởng thụ dục lạc của hàng vua chúa mà không quên niệm Phật cầu sinh Tây phương, nếu chẳng phải nhiều đời đã gieo trồng duyên lành thì làm sao làm được như vậy! Mặc dù từ xưa đến nay, những bậc vua chúa để tâm nghiên cứu kinh điển Phật giáo rất nhiều, nhưng vì sao không thấy ghi chép lại? Bởi vì, ở đây chỉ nói về chuyện vãng sinh Tịnh độ, cho nên không ghi chép lại.

2. Tống Thế tử

Ngụy Thế tử sống vào đời Tống, cả ba cha con Thế Tử đều tu pháp môn niệm Phật, chỉ có người vợ không chịu tu. Con gái của Thế tử qua đời năm lên mười bốn tuổi. Qua đời được bảy ngày thì bỗng nhiên cô sống lại và nói với mẹ: “Con thấy trong

ao bảy báu ở Tây phương đã có hoa sen của cha và hai anh em con. Sau khi cha và hai anh em con qua đời sẽ sinh vào đó. Chỉ riêng mẹ chưa có hoa sen. Vì thế con mới trở về báo cho mẹ biết, mong mẹ để ý”. Nghe con gái nói như thế, bà vô cùng cảm động, liền phát khởi lòng tin niệm Phật không từ mệt nhọc. Sau khi qua đời, bà cũng được vãng sinh Cực Lạc.

Ghi chú

Người mẹ ban đầu thiếu duyên ở Tịnh độ, nhưng cuối cùng cũng được sinh về Cực Lạc. Như thế, vãng sinh hay không là do tin hay không tin mà thôi. Trong Kinh ghi: “Chỉ trừ những người nào không có lòng tin thì không được vãng sinh”.

3. Tham quân Lưu Di Dân

Lưu Di Dân sống vào đời Tấn, người ở Bành Thành, là hậu duệ của Sở Nguyên Vương nhà Hán. Ông mồ côi cha từ thuở nhỏ, một lòng lo phụng dưỡng mẹ, nổi tiếng là người có hiếu. Ông tự phụ cho mình tài ba nên không giao du với bọn tầm thường. Ông làm Tham quân ở phủ, chẳng được bao lâu lại vội lui về ở ẩn. Tạ An, Lưu Dụ nhiều lần tiến cử ông, nhưng ông cự tuyệt không vào triều. Vì thế, ông được vua ban tước hiệu là “Di Dân”.

Sau đó, ông vào Lô Sơn tham dự đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Tuệ Viễn. Ông trứ tác “Niệm Phật tam-muội thi” để bày tỏ lòng chí thành của mình. Nhiều lần ở trong định, ông thấy hào quang của Đức Phật chiếu xuống đất và làm cho đất có màu vàng. Mười lăm năm sau, cũng tại Lô Sơn, ông lại thấy Phật A-di-đà phóng hào quang giữa hai chặng lông mày, rồi duỗi tay xuống vỗ về ông. Lúc ấy, ông cầu nguyện: “Làm sao để được Đức Như Lai xoa đầu và lấy y trùm cho con!”. Cầu nguyện vừa dứt lời, bỗng chốc Phật duỗi tay xoa đầu và lấy y trùm lên người ông.

Vào một ngày khác, ông lại thấy mình vào ao bảy báu^[112], trong ao có hoa sen xanh, sen trắng, nước ao trong suốt. Lúc ấy, bỗng xuất hiện một người, trên đầu có vòng hào quang, giữa ngực có chữ 卍 chỉ nước trong ao và nói: “Đây là nước đủ

[112] Bảy báu (Thất bảo 七寶, S: sapta ratnāni): Bảy thứ ngọc báu ở thế gian. Các kinh nói bảy thứ báu khác nhau, theo kinh A-di-đà và luận Đại trí độ 10 thì bảy thứ báu là: Vàng, bạc, lưu li, pha-lê, xa cừ, xích châu, mã não.

tám công đức^[113] ông có thể uống”. Di Dân liền múc uống, cảm thấy nước mát và ngọt. Sau khi tỉnh dậy, ông vẫn còn nhớ rất rõ và có hương thơm lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Ông nói với mọi người:

- Đã đến lúc tôi về Tịnh độ rồi.

Nói xong, ông đến trước tượng đốt hương, lễ Phật và khấn nguyện:

- Con nhờ Đức Thích-ca chỉ dạy, mới biết có Phật A-di-đà. Hương thơm này trước hết con dâng cúng dường Đức Thích-ca Như Lai, sau là cúng dường Phật A-di-đà và kinh Diệu pháp liên hoa, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được sinh về Tịnh độ!

Khấn nguyện xong, ông ngồi xoay mặt về hướng tây, chấp tay qua đời. Lúc ấy, nhằm niên hiệu Nghĩa Hy thứ sáu (410)^[114].

Ghi chú

Lời tựa của kinh Quán Vô Lượng Thọ ghi: “Chính nhân của tịnh nghiệp là lấy việc hiếu dưỡng cha mẹ làm đầu”. Vì thế nên biết, người bất hiếu dù niệm Phật suốt ngày, Phật cũng không hoan nghinh. Nay Di Dân ngay từ lúc còn rất nhỏ đã biết hiếu dưỡng mẹ; chẳng những thế, ông còn trụ sâu trong thiền định và nhiều lần cảm ứng hiện điềm lành. Do đó, có thể biết ông ấy nhất định sẽ được vãng sinh vào phẩm vị cao. Người tại gia tu tịnh nghiệp phần đông đều cho ông là gương sáng của muôn đời.

4. Mậu tài^[115] Trương Dĩ

Trương Dĩ sống vào đời Tấn, người ở Tầm Dương, ông thông thạo cả tiếng Trung Quốc lẫn tiếng Phạn. Ông giỏi văn chương, thi đỗ tú tài, triều đình nhiều lần mời ông vào giữ chức “Tán kị thường thị”, nhưng ông đều từ chối. Về sau, ông vào Lô Sơn tu tịnh nghiệp trong đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Tuệ Viễn. Niên hiệu

[113] Nước tám công đức (Bát công đức thủy 八功德水): Nước có tám đặc tính thù thắng. Ở cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà có ao thù thắng, nước trong ao có tám thứ công đức. Tám đặc tính đó là: Trong trẻo, mát mẻ, ngọt ngon, mềm nhẹ, thấm nhuần, an hòa, trừ đói khát, nuôi lớn các căn.

[114] Truyện Linh ứng vãng sinh Tây phương tịnh độ ghi là Nghĩa Hy thứ 15.

[115] Mậu tài 茂才, Cg: Tú tài: Danh vị khoa bảng dành cho người thi đậu kì thi Hương, nhưng ở bậc dưới.

Nghĩa Hi thứ 14 (418), ông từ biệt mọi người, vào tịnh thất ngồi ngay thẳng và qua đời.

5. Học sĩ^[116] Trương Kháng

Trương Kháng sống vào đời Tống, hễ làm được bất cứ việc thiện gì ông đều hồi hướng lên Đức Phật. Ông phát nguyện tụng mười vạn biến Đại bi đà-la-ni để cầu sinh Tịnh độ. Năm 60 tuổi, bị mắc bệnh nặng, nên ông nhất tâm niệm Phật. Một hôm, ông gọi người nhà đến nói: “Tây phương Tịnh độ đang ở trước nhà; Phật A-di-đà ngồi trên hoa sen, có đừa bé đứng trên đất vàng lễ Phật”. Nói xong, ông niệm Phật rồi qua đời. Đừa bé là cháu của Trương Kháng đã qua đời năm ba tuổi.

Ghi chú

Tâm tịnh thì Tây phương hiện ra trước mắt, tâm uế thì địa ngục theo bên mình. Tâm của Trương Kháng đã hoàn toàn thanh tịnh nên thấy Phật ở trước nhà, sao lại còn nghi ngờ?

6. Tư sĩ Vương Trọng Hồi

Vương Trọng Hồi sống vào đời Tống, làm quan đến chức Tư sĩ tham quân ở Quang Châu. Một hôm, ông hỏi Vô Vi Tử Dương Kiệt: “Vì sao trong kinh dạy người cầu sinh Tịnh độ, nhưng tổ sư lại dạy tâm là Tịnh độ, không nhất định phải cầu?”.

Dương Kiệt đáp: “Ông thử tự suy nghĩ, nếu ở cõi Phật thì không có tịnh, không có uế, cần gì phải cầu sinh! Còn ngược lại, nếu chưa thoát khỏi cảnh chúng sinh, đâu thể không chí tâm niệm Phật để xa lìa cõi uế mà cầu sinh về cõi tịnh!”. Tư Sĩ vỡ lẽ, vui vẻ cáo từ.

Hai năm sau, lúc Dương Kiệt làm Thái thú ở quận Đan Dương, bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy Tư sĩ Vương Trọng Hồi nói: “Trước kia nhờ ông chỉ bảo, nên tôi đã được vãng sinh, hôm nay đặc biệt đến tạ ơn ông”. Vài ngày sau có tin báo tang đến, nội dung nói: “Tư sĩ Vương Trọng Hồi biết trước bảy ngày nữa sẽ mạng

[116] Học sĩ 學士: Tên một chức quan về văn học thời xưa.

chung nên ông từ biệt bà con họ hàng rồi qua đời”. Quả thật, đúng như những gì Dương Kiệt đã mộng thấy!

7. Huyện úy Mã Tử Vân

Mã Tử Vân sống vào đời Đường, thi đỗ Hiếu liêm, được tiến cử làm chức Huyện úy ở Kinh Ấp. Sau đó, ông áp tải tiền của, châu báu về kinh đô, trên đường đi gặp bão, tàu bị chìm nên ông bị bắt giam. Trong thời gian bị giam giữ, ông chuyên tâm niệm Phật. Năm năm sau, ông được trả tự do. Từ đó, ông vào chùa Nam Lăng Sơn ở ẩn. Một hôm, ông nói với mọi người: “Tôi một đời siêng năng niệm Phật, nay duyên lành ở Tây phương đã chín muồi, nhất định vãng sinh về nước An Dưỡng”.

Sáng hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, mặc đồ mới, ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật, có hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Ông mỉm cười và nói: “Phật đến rước tôi”. Nói vừa dứt lời, ông qua đời.

Ghi chú

Thân bị giam cầm, tâm chuyên niệm Phật, cuối cùng được ân xá. Cũng giống như trong phẩm Phổ môn của kinh Pháp hoa ghi: “Người bị giam cầm, xiềng xích niệm danh hiệu bồ-tát Quán Âm thì liền được thả ra”. Nay năm dục trời buộc, thế chẳng phải đang bị giam cầm sao? Niệm Phật một tiếng diệt trừ được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp, lẽ nào đó chẳng phải là bí quyết để thoát tội sao? Người đăm đuối trong năm dục, không biết niệm Phật thì mãi mãi chịu tội không có thời hạn ân xá. Thật đáng thương xót!

8. Phó quận Cổ Thuần Nhân

Cổ Thuần Nhân sống vào đời Tống, người Hiệp Xuyên, làm quan phó quận Dĩnh Châu. Ông chuyên tâm tu tịnh nghiệp, trường trai niệm Phật. Sau đó, chỉ bị bệnh nhẹ, ông ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây mà qua đời. Lúc ông qua đời, trên đỉnh đầu có vòng tròn sáng và hương thơm lạ phảng phất khắp phòng.

9. Trợ giáo Trương Dịch

Trương Dịch sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, làm quan đến chức Trợ giáo. Ông thụ giới bồ-tát và cầu học pháp môn Tịnh độ với luật sư Viên Tịnh. Từ đó, ông dốc lòng niệm Phật, nguyện sinh về cõi An Dưỡng. Cứ mỗi lần niệm Phật, ông niệm thật lớn, đến khàn tiếng vẫn không thôi. Một hôm, ông thưa với luật sư Viên Tịnh: “Trong định con thấy chim tần-già trắng bay lượn trước mặt”. Ba năm sau, ông xoay mặt về hướng tây, ngồi ngay thẳng niệm Phật và qua đời.

Ghi chú

Vì sao chỉ thấy chim tần-già mà không thấy Phật? Bởi vì, ban đầu chỉ tạm thấy thế thôi, cuối cùng rồi sẽ thấy Phật! Đó chẳng phải dần dần đi vào cảnh giới tốt đẹp hay sao?

10. Quốc học Vương Long Thư

Vương Nhật Hưu sống vào đời Tống, người ở Long Thư, ông thanh liêm, chính trực và thông hiểu kinh sử. Một hôm, ông vứt bỏ tất cả và nói: “Những gì mà tôi học đây đều không phải là pháp cứu cánh, mục đích của tôi là cầu sinh Tây phương”. Từ đó, suốt mười sáu năm liền ông siêng năng niệm Phật, ăn mặc thô sơ đạm bạc, mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy đến nửa đêm mới ngủ. Ông có viết Long Thư Tịnh độ văn^[117] để khuyên người đời niệm Phật.

Ba ngày trước khi chết, ông đi từ biệt tất cả mọi người và nói: “Chẳng còn gặp nhau nữa”. Đến kì hạn, sau khi đọc sách xong, như thường lệ ông đỉnh lễ và niệm Phật, bỗng nhiên ông niệm A-di-đà Phật thật lớn và nói: “Phật đến rước tôi”. Nói vừa dứt lời, ông đứng thẳng mà qua đời, giống như cây trồng. Người trong làng nằm mộng thấy có hai người mặc đồ xanh đến dẫn ông đi về hướng tây. Từ đó, nhà nhà đều thờ cúng ông”.

Ghi chú

Ở Long Thư, ông khuyên mọi người phát tâm niệm Phật cầu sinh Tây phương. Ông là người cương trực, thành khẩn bậc nhất, chẳng phải nói suông mà luôn làm

[117] Long Thư Tịnh độ văn 龍舒淨土文: Tác phẩm, 12 quyển, do ông Vương Nhật Hưu người đất Long Thư (Thư Thành, An Huy) soạn vào năm 1160, đời Nam Tống, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 47. Nội dung sách này ghi chép những kinh luận, truyện kí có liên quan đến việc vãng sinh Tây phương Tịnh độ.

đúng như lời nói. Đến lúc ông lâm chung có những điều kì đặc đáng làm gương sáng cho muôn đời. Than ôi! Há chẳng phải những bậc thánh nhân Tịnh độ vào chợ đuổi tay cứu người sao?

11. Tư gián Giang Công Vọng

Giang Công Vọng sống vào đời Tống, người ở Điều Đài, làm quan đến chức Gián nghị, ông chỉ ăn rau quả và chuyên tu. Ông soạn Bồ-đề văn và Niệm Phật phương tiện văn để khuyến khích người xuất gia và tại gia tu tập.

Ông có một người con chẳng may chết sớm. Một hôm, nó hiện về báo mộng: “Đại nhân tu tập đã có kết quả, ở âm phủ có một bức hoành chữ vàng ghi rằng: Quan tri phủ Nghiêm Châu là Giang Công Vọng, giữ chức Tư gián, khát ngưỡng giáo lý khổ, không của đạo Phật, nên siêng năng tu tập, tâm không đắm nhiễm, mọi cử chỉ đều đúng với Phật pháp, nói năng như chính pháp, im lặng như chính pháp, sau khi xả báo thân, nhất định vãng sinh Tịnh độ”. Cuối niên hiệu Tuyên Hòa (1125), ông đang giữ chức quan Tham tri cho Quảng Đức quân. Một hôm, ông không bệnh, ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

Ghi chú

Có người cho rằng: “Việc đề bức hoành dưới âm phủ, e là không có thật!”. Ôi! Tượng của ngài Vĩnh Minh thường được vẽ dưới âm phủ, như vậy, chuyện vị tăng nhiều quanh tháp kể lại là có thật, đâu riêng gì Giang Công Vọng mà nghi ngờ!

12. Đại phu Cát Phồn

Cát Phồn sống vào đời Tống, người ở Trùng Giang, lúc nhỏ đã thi đậu khoa cử, làm quan đến chức Triều tán^[118]. Phàm chốn công đường hay nhà riêng, ông đều xây dựng tịnh thất, thiết trí bàn Phật. Ông thường vào thất tụng kinh, lễ Phật, cảm ứng xá-lợi từ trên không trung rơi xuống. Thường ngày, ông đem pháp tu Tịnh nghiệp khuyến khắp người xuất gia hay tại gia tu tập, mọi người tin và thực hành theo rất đông. Một hôm, có vị tăng nhập định xuất thần đến cõi Tịnh độ, thấy ông Cát Phồn ở đó.

[118] Triều tán 朝散: Chức quan từ ngũ phẩm trở xuống gọi là Triều tán đại phu.

Về sau, ông không có bệnh, ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

Ghi chú

Những vị quan tin Phật thì rất nhiều, nhưng phần đông chỉ vì tránh sự hiềm khích của thế gian nên họ không để lộ ra bên ngoài. Trái lại, Cát Phồn thì ở chốn công đường mà vẫn không quên thiết trí tượng Phật, đó là thể hiện lòng tin chân thật với Phật pháp của Cát Phồn! Sau này, ông ta ngồi ngay thẳng mà qua đời, đây không phải là ngẫu nhiên vậy.

13. Trung quan Lí Bình

Lí Bình sống vào đời Tống, làm Trung quan ở Thiệu Hưng, quản lý Viện Ngự Dược. Lúc đầu, ông học thiền với ngài Tịnh Từ Huy, có chút tỉnh ngộ. Đến già, tình cờ ông đọc được bộ Long Thư Tịnh độ văn, từ đó phát tâm hàng ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Ông cùng các vị như: Các Trường Nguyên, Mỹ Điện Trường, Lâm Sư Văn v.v... khoảng vài chục người lập hội tu Tịnh độ tại chùa Truyền Pháp. Bỗng một hôm ông bệnh, nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà đem viên quang màu vàng rờng đội lên đầu ông. Bảy ngày sau, ông lại thấy hoa vàng khắp phòng. Rồi ông dặn dò, từ biệt người thân và ngồi ngay thẳng kết ấn mà qua đời.

14. Tuyên nghĩa Hồ Nhân

Hồ Nhân sống vào đời Tống, làm quan đến chức Tuyên nghĩa. Hằng ngày, tuy tin tưởng Phật pháp, nhưng chưa hiểu rõ về pháp môn Tịnh độ. Năm tám mươi bốn tuổi, ông bị bệnh nặng, người con đến mời thiền sư Thanh Chiếu đến chỉ dạy. Ngài Thanh Chiếu hỏi Hồ Nhân:

- Ông biết an thân lập mạng ở đâu không?

Hồ Nhân đáp:

- Tâm tịnh tức Phật độ tịnh.

Ngài Thanh Chiếu hỏi:

- Từ xưa đến nay ông có vọng tưởng nhiễm ô không?

Hồ Nhân đáp:

- Đã ở tại thế gian ai mà không có tạp niệm.

Ngài Thanh Chiếu nói:

- Như vậy thì làm sao đạt được tâm tịnh tức Phật độ tịnh?

Hồ Nhân nói:

- Niệm một câu danh hiệu Phật làm sao có thể diệt được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp?

Ngài Thanh Chiếu nói:

- Đức Phật A-di-đà phát thệ nguyện tu hành trong vô lượng kiếp, uy đức rộng lớn, ánh sáng và thần lực không thể nghĩ bàn, do đó, niệm một câu danh hiệu Phật thì diệt được vô lượng tội, giống như ánh nắng mặt trời làm tan sương tuyết. Như thế, còn nghi ngờ nữa sao?

Hồ Nhân liền tỉnh ngộ. Trong ngày đó, ông thỉnh chư tăng đến nhà niệm Phật. Ngày hôm sau, ngài Thanh Chiếu lại đến. Ông ta hỏi: “Sao Ngài đến muộn thế?” Hai vị Đại sĩ đến từ lâu rồi.

Bấy giờ, ngài Thanh Chiếu bảo đại chúng niệm Phật lớn tiếng, Hồ Nhân chấp tay mà qua đời.

Ghi chú

Hồ Nhân được vãng sinh là nhờ gặp ngài Thanh Chiếu. Việc người con đến mời ngài Thanh Chiếu đáng được cho là đại hiếu! Ở đời có người chấp vào sự yêu thương nhỏ nhặt mà phá trai giới của cha mẹ, thật là sai lầm vậy.

15. Đề hình Dương Vô Vi

Dương Kiệt sống vào đời Tống, người ở châu Vô Vi, hiệu Vô Vi Tử. Lúc trẻ đã thi đỗ, làm quan đến chức Thượng thư chủ khách lang coi về hình ngục ở Lương Chiết. Ông rất tôn sùng Phật pháp, tỏ ngộ thiên tông. Ông nói: “Căn cơ của chúng sinh có cao thấp, chỉ có pháp môn Tịnh độ Tây phương là dễ hiểu dễ tu, chỉ cần nhất tâm quán niệm thâm nhiếp vọng tâm và nương vào nguyện lực của Phật thì

nhất định sẽ vãng sinh nước An Dưỡng”. Ông từng viết bài tựa Thiên Thai thập nghi luận^[119] và A-di bảo các kí, An Dưỡng tam thập tán, Tịnh độ quyết nghị tập để hoằng truyền giáo quán Tây phương, dìu dắt chúng sinh đời sau. Đến lúc tuổi già, ông vẽ tôn tượng Phật A-di-đà cao một trượng sáu để quán tưởng. Đến ngày sắp mạng chung, Phật A-di-đà đến rước, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời. Ông có nói bài tụng:

Sống cũng không có gì để lưu luyến,
Chết cũng không có gì để buông bỏ,
Chi, hồ, giả, đã trong hư không minh mông,
Đem cái làm đến với cái làm Tây phương Cực Lạc.

Ghi chú

Đọc bài tụng của Vô Vi Tử, có người cho rằng: “Vô Vi Tử tham thiền thấy được chân tính mà lại lấy cõi Tịnh độ làm chỗ quay về”. Đến ngay một lời nói “Đem cái làm đến với cái làm” hàm chứa không ít ý nghĩa. Than ôi! Đâu có được các bậc tài ba ở nhân gian đều đạt đến cái làm này!

16. Quan sát Vi Văn Tấn

Vi Văn Tấn sống vào đời Tống, tính tình thanh cao, chân thật, ông lập đạo tràng Tịnh Nghiệp hóa độ mọi người. Một hôm, vào tháng 6, ông ngồi kết già xoay mặt về hướng tây, chấp tay niệm Phật mà qua đời. Lúc ông qua đời, có hương thơm lạ lan tỏa khắp nơi, mọi người đều ngửi thấy.

17. Lộ công Văn Ngạn Bác

Văn Ngạn Bác sống vào đời Tống, ông và pháp sư Tịnh Nghiêm nhóm họp mười vạn người lại lập hội Tịnh độ ở Kinh thành. Lúc sắp mạng chung, ông ngồi niệm Phật an nhiên qua đời.

[119] Luận Thiên Thai thập nghi (Thiên Thai thập nghi luận 天台十疑論): Cg: Thập nghi luận: Luận 1 quyển, do ngài Trí Khải soạn vào đời Tùy, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 47. Nội dung tác phẩm y cứ vào pháp môn vãng sinh Tịnh độ A-di-đà mà nêu ra 10 câu hỏi, sau đó theo thứ tự giải đáp.

18. Thị lang Mã Vu

Mã Vu sống vào đời Tống, ông nội của Mã Vu là Trung Túc công. Khi còn làm thái thú ở Hàng Châu, ông nội của Mã Vu được Từ Vân sám chủ dạy niệm Phật. Vì thế tất cả mọi người trong gia đình đều tôn sùng, kính ngưỡng Phật. Mã Vu chí tâm niệm Phật suốt hai mươi lăm năm. Đến niên hiệu Sùng Ninh (1102) bị bệnh nhẹ, ông tắm rửa thay y phục ngồi ngay thẳng và qua đời. Lúc ông qua đời có làn khí như chiếc dù màu xanh từ cửa phòng bay vào hư không và biến mất. Tất cả mọi người trong nhà đều mộng thấy ông vắng sinh thượng phẩm.

19. Thiếu sư Chung Li

Chung Li Cận sống vào đời Tống, khi ông còn làm quan Đề hình ở Chiết Tây, gặp được ngài Từ Vân sám chủ thì hết lòng tin về Tịnh độ. Sau đó, ông giữ chức Tri phủ ở Khai Phong, khi ra ngoài thì hết lòng tận tụy phụng sự đất nước, lúc về nhà thì không quên niệm Phật. Bỗng một hôm, ông thúc dục người nhà đỡ ông dậy, tắm rửa, thay y phục rồi ngồi ngay thẳng mà qua đời. Cả nhà thấy ông ngồi trên hoa sen xanh, thiên nhạc đón rước đưa về phương tây.

20. Thừa vụ Diêm Bang Vinh

Diêm Bang Vinh sống vào đời Tống, người ở Trì Châu, suốt hai mươi năm trì chú Vãng sinh và niệm Phật. Lúc sắp mạng chung, người trong nhà mộng thấy Đức Phật phóng quang đến rước Diêm Bang Vinh. Sáng hôm sau, thấy ông ngồi kết già quay mặt về hướng tây, bỗng đứng dậy đi vài bước rồi đứng lại mà qua đời.

21. Triều tán Vương Trung

Vương Trung sống vào đời Tống, người ở Gia Hòa, lập Bạch Liên xã ở Tây Hồ; không phân biệt hiền ngu, giàu nghèo, tăng tục, những người nguyện vãng sinh, ông đều mời tham dự Bạch Liên xã. Ông có soạn bản văn Khuyến tu lưu hành ở đời. Sau này, ông không bệnh, ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

22. Đại phu Chung Li Cảnh Dung

Chung Li Cảnh Dung sống vào đời Tống, làm quan đến chức Triều đình đại phu, thường tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, niệm Phật mãi không thôi. Khi về hưu, ông làm một am tranh bên cạnh vườn Nghi Chân Đông. Ông từng nói: “Không biết Di-đà thì Di-đà ở Tây phương bên ngoài. Biết được Di-đà thì Di-đà ở tại nhà mình”. Một hôm, ông mời vị tăng tên Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện, ông đốt hương cung kính lắng nghe, hai tay kết ấn mà qua đời.

23. Quận thú Tiền Tượng Tổ

Tiền Tượng Tổ sống vào đời Tống, hiệu Chỉ Am, lúc trấn giữ ở Kim Lăng, lấy việc tu Tịnh độ làm tâm niệm. Ở quê nhà, ông từng xây dựng mười nơi tiếp đãi khách đều đặt tên Tịnh độ Cực Lạc, đồng thời xây liêu phòng Chỉ Am Cao Tăng để mời các vị tăng đến đàm đạo. Từ khi từ chức Tả thừa tướng trở về, ông siêng năng tu tịnh nghiệp.

Đến tháng 2 niên hiệu Gia Định thứ tư (1211), ông bị bệnh nhẹ, có viết bài kệ:

Hoa sen thơm từ cõi Phật đến
Trên đất lưu li màu trong suốt
Tâm ta thanh tịnh hơn như thế
Hôm nay xa thấy hoa sen nở.

Ba ngày sau, có vị tăng đến thăm, ông nói: “Tôi không tham sống, không sợ chết, không sinh lên trời, không sinh làm người, chỉ cầu sinh về Tịnh độ”. Nói xong, ông ngồi kết già mà qua đời. Sau đó, có người nằm mộng nghe trên không trung có tiếng nói rằng: “Tiền thừa tướng đã vãng sinh trong hoa sen ở Tây phương với danh hiệu là Bồ-tát Từ Tế”.

24. Huyện lệnh Mai Nhữ Năng

Mai Nhữ Năng sống vào đời Tống, người ở Thường Thục, làm quan đến chức Huyện lệnh, chuyên tu tịnh nghiệp. Bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy có một vị tăng trao cho một trăm tờ giấy có viết hai chữ “nhị bát”. Ông đem việc này đến hỏi

thầy Đông Linh Chiếu. Đông Linh Chiếu nói: “Nhị bát” tức là “thập lục”. Há chẳng phải ám chỉ kinh Thập lục quán ư!

Ngay lúc ấy, có một vị ti-kheo đem quyển kinh trao cho ông, rồi biến mất. Từ đó, ông siêng năng tụng kinh, niệm Phật và ông tự lấy tên là Vãng Sinh, để tỏ bày chí nguyện. Bảy giờ, trong áp có tượng đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu do ngài Đạo Sinh dựng đã lâu, ông cúng một vạn tiền để tô vẽ, tu sửa lại pho tượng.

Lúc ấy, trong cái ao trước chùa bỗng mọc lên hai hoa sen trắng, mỗi hoa có một trăm cánh. Mùa đông năm ấy, ông không bệnh mà qua đời.

25. Học dụ Tả Định Quốc

Tả Định Quốc sống vào đời Tống, hiệu Tĩnh Trai, làm quan đến chức Học dụ ở châu. Ông thường niệm Phật và đọc các kinh Tịnh độ. Mỗi tháng vào ngày mùng 3 và 8, ông nhóm họp người xuất gia và tại gia lại tụng kinh niệm Phật.

Đến niên hiệu Gia Định thứ tư (1211), ông nằm mộng thấy một đứa trẻ mặc áo xanh nói: “Đức Phật bảo tôi đến đón ông, ba ngày nữa ông sẽ vãng sinh về Tịnh độ”. Đến ngày thứ ba, ông tắm rửa thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật và qua đời.

26. Giám nghị Phùng Tế Xuyên

Phùng Tiếp sống vào đời Tống, hiệu Tế Xuyên, người ở Toại Ninh, thi đỗ Thái học ra làm quan. Ban đầu, ông học đạo ở chốn thiền lâm, đến già chuyên tu tịnh nghiệp. Ông soạn Tây phương văn và Di-đà sám nghi. Sau này ông làm quan đến chức Cấp sự trung thống lĩnh quân đóng bên sông Lô, tỉnh Vân Nam. Ở đó, ông tập hợp kẻ tăng người tục lập hội Hệ Niệm^[120] và cuối cùng là ông làm quan Tri châu tại Cung Châu.

Về sau, ông thiết lập một cái tòa cao ở trong sảnh đường hướng về cung vua kính cẩn lễ bái. Rồi ông mặc tăng y, bước lên tòa từ tạ tất cả vị quan lại xong, đặt cây gậy ngang đầu gối mà qua đời.

[120] Hệ niệm 繫念: Chuyên tâm niệm Phật.

Ghi chú

Theo Truyền đăng lục^[121] ghi: “Ban đầu ông tham vấn với ngài Long Môn Viễn, sau đó lại tham vấn ngài Diệu Hỉ, hai ngài ấy đều là bậc đã chứng ngộ”. Ông biết trước giờ chết nên lên tòa giảng từ các quan lại và cầm cây gậy đặt ngang đầu gối mà qua đời.

Ông được tự tại, nổi tiếng, rõ ràng có bản lĩnh như các bậc đại lão của Tông môn. Nhưng vì sao đều không nói đến việc niệm Phật vãng sinh? Bởi vì các nhà trước thuật lập ra nhiều giáo nghĩa khác nhau, mỗi người lại thuộc tông môn khác nhau, vì thế, họ chỉ chú trọng đến tông môn của mình mà thôi. Như người chú trọng về pháp môn “Trực chỉ nhân tâm” thì tự nhiên họ chỉ chọn lấy pháp môn “Liễu minh tâm địa” mà lược bỏ pháp môn Tịnh độ.

Cũng giống như ngài Hoài Ngọc quyết lấy đài vàng, đến khi ngài Viên Chiếu được ghi tên trên hoa đài, nhưng những vị ấy vẫn không được ghi lại trong bộ Truyền đăng lục này. Vì những vị này chỉ chú trọng cầu sinh Tịnh độ.

Cho nên biết, người nào khi sống chuyên niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì khi qua đời nhất định sẽ được vãng sinh. Nhưng những người đã thấy rõ bản tâm, đạt được tự tại thì càng tự tại trong việc vãng sinh.

Giống như nói, người đã thấy được Phật A-di-đà thì còn lo gì không được khai ngộ!

Thí dụ như, nếu nói trọng về đức thì Nhan Hồi là người đứng đầu về những người có đức, nhưng lại chẳng được kể vào những người tham gia chính trị. Còn nói trọng về tài thì Nhan Hồi cũng thuộc vào hàng những người tài giỏi đủ sức phò tá cho vua, nhưng lại cũng không kể vào hàng những người có đức. Sở dĩ có sự khác biệt này cũng vì không cùng hàng ngũ vậy.

Vì thế, người tu tịnh nghiệp xin hãy giữ vững lòng tin chớ có hoang mang!

27. Thị lang Vương Mẫn Trọng

Vương Cổ sống vào đời Tống, tự là Mẫn Trọng, người ở Đông Đô, làm quan đến chức Lễ bộ thị lang. Ông là người có lòng nhân từ đôn hậu thương người thương

[121] Truyền đăng lục 傳燈錄: Gồm 30 quyển, do sa-môn Đạo Ngạn soạn vào đời Ngô, nhằm thời vua Tống Chân Tông, niên hiệu Cảnh Đức thứ nhất. Nội dung là truyền thừa pháp từ Đức Thích-ca đến các vị tổ.

vật. Ban đầu ông theo học thiền và thấu tỏ được yếu chỉ thiền tông. Sau đó, ông lại tỏ ngộ được sự thù thắng của pháp môn Tịnh độ. Ông soạn ra bộ Trục chỉ Tịnh độ quyết nghi tập, 3 quyển. Thường ngày ông siêng năng niệm Phật, xâu chuỗi không khi nào rời khỏi tay; những khi đi, đứng, ngồi, nằm, ông đều lấy việc quán tưởng Tây phương Tịnh độ làm Phật sự.

Một hôm, có vị tăng xuất thần đến Tịnh độ thấy Vương Cổ và Cát Hệ cùng ở đó. Như vậy, việc vãng sinh của ông là có chứng cứ rõ ràng.

28. Tiên sĩ Ngô Tín Tầu

Ngô Tử Tài sống vào đời Tống, tự là Tín Tầu. Sau khi từ quan ông làm sẵn một cái quan tài, ban đêm vào nằm trong đó và bảo đồng tử gõ lên quan tài hát rằng: “Ngô Tín Tầu! Hãy quay về! Ba cõi không an, không nên ở lâu, Tây phương Tịnh độ có đài sen. Hãy quay về!”. Rồi ông tự họa theo đồng tử. Về sau ông không bệnh mà qua đời.

29. Thiếu phó Bạch Cư Dị

Bạch Cư Dị sống vào đời Đường, làm quan đến chức Trung đại phu thái tử thiếu phó. Ông sửa nhà ông lại thành chùa lấy tên là chùa Hương Sơn; vì thế mà ông có hiệu là Hương Sơn cư sĩ. Về già, ông mắc chứng bệnh phong thấp, ông bỏ ra ba vạn tiền lương hưu của mình để vẽ toàn bộ cảnh y báo chính báo trang nghiêm ở thế giới Tây phương Cực Lạc theo sự mô tả trong kinh Vô Lượng Thọ. Người nào trông thấy cũng đều đỉnh lễ phát nguyện. Ông có làm bài kệ tán như sau:

Thế giới Cực Lạc cõi thanh tịnh
Không có đường ác và các khổ
Nguyện như thân con, người già bệnh
Cùng sinh chỗ Phật Vô Lượng Thọ.

Ghi chú

Có người kể lại rằng: “Bấy giờ, ở núi Bồng Lai có người tên Lạc Thiên. Lạc Thiên già từ bằng bài kệ:

Sông núi không phải ta quay về
Nếu về, ta về trời Đâu-suất.

Nhưng nay ta đã bỏ cõi trời Đâu-suất chỉ cầu sinh Tịnh độ Tây phương. Đâu cho rằng đãi cát tìm vàng, càng đãi thì càng tinh sao!

30. Đô tổng Trương Luân

Trương Luân sống vào đời Tống, làm quan Đô tổng quản ở Chiết Giang. Đến giờ vắng sinh Tịnh độ, ông niệm Phật thật lớn. Cả nhà từ lớn đến nhỏ đều được ông chỉ dạy niệm Phật. Ông cho người đào ao trồng sen; mỗi ngày tất cả vợ con niệm Phật một vạn biến. Hoàng đế Hiếu Tông đích thân viết hai chữ “Liên Xã” ban tặng cho ông.

31. Học sĩ Tô Thức

Tô Thức sống vào đời Tống, hiệu là Đông Pha, làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ. Sau ngày rời kinh đô xuống phía nam, ông có vẽ một bức tượng Phật A-di-đà, đi đâu cũng đeo theo bên mình. Có người hỏi. Ông đáp: “Đây là công cứ vắng sinh Tây phương của Tô Thức! Vì mẹ tôi là Trình thị đã qua đời, nên tôi lấy cây trầm, bông tai, tiền của bà để lại nhờ họa sĩ Hồ Tích vẽ tượng Phật A-di-đà để cầu cho bà được sinh về Tịnh độ”.

Ghi chú

Lão Tuyên, vì cầu cho vong linh mẹ, từng tạo tượng sáu vị bồ-tát ở viện Cực Lạc, vì ông ấy tìm hiểu với pháp môn rất mật thiết. Bởi vì tâm hướng về Tam bảo của Tô Thức rất chân thực. Về sau, có người khắc Tây phương công cứ, lại thêm vào những lời lẽ không trang nhã và cho rằng tự Tô Thức nói ra; đây là lời vu khống. Vì thế, những người có hiểu biết phải biết phân biệt chớ vì những chuyện ngụy tạo ấy mà bỏ luôn những việc có thật.

32. Thừa tướng Trương Vô Tận

Trương Thương Anh sống vào đời Tống, nhờ vợ là Hương thị khuyến khích nên ông mới chú ý đến kinh điển Phật giáo. Ông có hiệu là Vô Tận cư sĩ, từng soạn Phát nguyện văn, trong đó có ghi: “Nghĩ về thế giới này, năm thứ như uế làm loạn tâm, nếu không có năng lực nhận thức đúng đắn, thấy rõ nguyên nhân và không thể tỏ ngộ được tự tính duy tâm thì phải kính cẩn tuân theo lời đức Thích-ca Mâu-ni dạy, chuyên tâm niệm Phật A-di-đà, cầu Ngài dùng nguyện lực tiếp rước, khi qua đời được vãng sinh Cực Lạc, giống như thuyền xuôi theo dòng chảy chẳng tốn sức chèo mà vẫn cập bến vậy!”

Ghi chú

Vô Tận theo học và ngộ lý Thiền với ngài Đâu-suất Duyệt, nhưng lại chuyên tâm niệm Phật cầu sinh An Dưỡng. Việc này cần phải suy xét lại cho kỹ lưỡng.

Bốn người từ ông Bạch Cư Dị cho đến ông Vô Tận này, mặc dù đều có hiện điềm vãng sinh Tây phương, nhưng chưa thấy sử sách ghi chép rõ ràng. Thế nhưng, xét nhân suy ra quả, nếu họ không sinh về Tịnh độ thì sinh về đâu?

33. Thiếu phủ Châu Cương

Vào đời Đại Minh có người tên Châu Cương, quê ở Kinh đô, sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho giáo^[122]. Ông trúng tuyển kì thi hương nhưng ba lần thi chức Xuân quan đều không đỗ. Vì thế, ông chỉ nhận chức quan Nhị phủ. Sau đó, ông từ quan trở về chuyên tu Tịnh độ. Mỗi ngày niệm Phật ba vạn tiếng, ông niệm suốt mười lăm năm mà không chút ngại khó hay mỏi mệt. Đến lúc sắp qua đời, ông ngồi trên giường hai tay lần chuỗi niệm Phật mãi không dứt và có hương thơm lạ phảng phất khắp phòng. Bỗng nhiên ông nói: “Đức Phật đến rồi”. Rồi ông niệm Phật liên tục và qua đời.

Tổng Luận

Tôi nghe người xưa có nói: “Hàng quan lại, học sĩ là những người thông minh, tài giỏi hơn người, phần đông họ là những vị từ-kheo tái sinh”.

[122] Nho giáo 儒教, Cg: Khổng giáo: Một tôn giáo lớn ở Trung Quốc, tôn đức Khổng Tử (552 - 479 trước Tây lịch) làm giáo chủ.

Mặc dù vậy, đã có sự nghi ngờ về việc tái sinh của những vị này. Nhưng số người mê không trở lại với đạo thì rất nhiều; những người không quên nhân đời trước thì rất ít. Vì sao như vậy? Vì trong đời ác năm trước có quá nhiều điều kiện làm cho con người thoái tâm, các hiền giả cũng khó mà thoát khỏi. Chẳng hạn như, Tô Đông Pha là thân sau của Giới thiên sư. Tăng Lỗ Công là thân sau của Thanh thiên sư. Như hậu thân của Triết thiên sư là một người tham đắm giàu sang, đến nỗi phải âu sầu khổ não.

Tô Đông Pha được gần gũi Phật pháp mà Tăng Lỗ Công không bằng ông. Hậu thân của Triết thiên sư càng mê muội hơn. Vì thế, xưa nay những bậc tri thức thường khuyên mọi người bỏ năm thứ như uế mà cầu sinh Tịnh độ. Vậy thì, từ Lưu Di Dân trở xuống các bậc quân tử đều được vãng sinh là không nhiều sao?

III. NHỮNG XỬ SĨ VẮNG SINH

1. Chu Tục Chi

Chu Tục Chi sống vào đời Tống, người ở Nhạn Môn, mới mười hai tuổi đã thuộc năm kinh^[123], rành ngũ vĩ^[124] nên có hiệu là Thập Kinh Đồng Tử. Công danh, quyền cao chức trọng ông đều chẳng màng đến, chỉ thích ở nơi thanh vắng. Ông thờ ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn làm thầy và tham gia vào đạo tràng Bạch Liên xã.

Khi Văn Đế lên ngôi có mời ông đến đàm đạo, thảo luận. Vua rất vui khi bàn luận với ông. Có người hỏi:

- Ông là xử sĩ, sao còn lui tới trong cung?

Ông nói:

- Người có chí theo đuổi chốn quan trường thì dù trời đất, sông nước thênh thang đối với họ cũng như gông cùm, xiềng xích. Trái lại, kẻ chẳng màng quyền lợi, công danh thì dù ở giữa triều đình hay phố chợ đối với họ cũng như đang ở chốn núi non hoang vắng, u nhàn.

Vì thế, người thuở ấy gọi ông là Thông Ân tiên sinh. Về sau, ông đến cư trú tại Chung sơn, chuyên tâm niệm Phật. Càng về già ông càng siêng năng niệm Phật

[123] Năm kinh (Ngũ kinh 五經): Năm bộ kinh của Nho giáo là Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu.

[124] Ngũ vĩ 五緯, Cg Ngũ tinh: Năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; tức chỉ thiên văn.

hơn. Bỗng một hôm, ông ngược mặt lên trời nói rằng: “Phật đến rước tôi!”. Nói rồi, ông chấp tay và qua đời.

Ghi chú

Chu Tục Chi đã xem chốn triều đình, phố chợ giống như núi non, thì cũng có thể xem Ta-bà giống như Tịnh độ. Thế nhưng, ông vẫn siêng năng niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Ông đích thực là người biết cân nhắc lợi hại.

Người xưa có câu: “Núi non, đồng bằng đều là Tây phương, ai chưa đến nhà, xin chớ hí luận”.

2. Trịnh Mục Khanh

Trịnh Mục Khanh sống vào đời Đường, người ở Vinh Dương, cả nhà đều tu niệm Phật. Khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713), ông bị bệnh nặng, có người khuyên nên ăn cá, thịt cho mau khỏe, nhưng ông kiên quyết không ăn. Biết mình không sống nữa, ông đốt hương cầu vãng sinh thì bỗng có hương thơm lạ xông lên ngào ngạt, ông an nhiên qua đời. Cậu ông là Thượng thư Tô Đĩnh nằm mộng thấy trong ao báu có hoa sen nở và thấy Trịnh Mục Khanh ngồi trên đó.

3. Trương Nguyên Tường

Trương Nguyên Tường sống vào đời Đường, thường ngày ông chuyên tâm niệm Phật mãi không dứt. Một hôm, ông vợ nói với người nhà: “Đức Phật A-di-đà đang đợi, sau bữa ăn trưa xong, tôi sẽ đi với Ngài!”. Ăn trưa xong, ông đốt hương ngồi kết già xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

4. Tôn Lương

Tôn Lương sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, sống ẩn dật để xem Đại Tạng. Đặc biệt, ông rất thông thạo ý nghĩa của kinh Hoa nghiêm. Ông thụ giới bồ-tát với luật sư Đại Trí và mỗi ngày niệm Phật đến vạn tiếng. Ông niệm như vậy suốt hai mươi năm mà không lúc nào ngừng nghỉ. Bỗng một hôm, ông bảo người nhà thỉnh

chư tăng đến niệm Phật để trợ giúp cho ông vãng sinh. Chư tăng đến niệm Phật chưa được bao lâu thì ông nhìn lên trời nói rằng: “Phật và bồ-tát mang hoa sen đến rồi!”. Nói dứt lời, ông nằm xuống và qua đời.

Ghi chú

Hoa nghiêm hiệp luận ghi:

Bồ-tát cầu sinh Tịnh độ vẫn chưa thông suốt được đại đạo Nhất thừa. Thế thì, Tôn Lương đã nắm được nghĩa lý cốt tủy của kinh Hoa nghiêm, vì sao còn cầu sinh Tịnh độ?

Bởi vì, trong bộ Hoa nghiêm hiệp luận nói cốt để phá trừ chấp kiến cho hàng phàm phu chấp tướng. Đây là người mới thông hiểu Sự Tịnh độ mà chưa thấu tỏ được Lý Tịnh độ. Còn Tôn Lương thì cả Sự lẫn Lý đều đã thông suốt; nghĩa là đối với ông thế giới Hoa Tạng và Cực Lạc Tây phương chỉ có một chứ chẳng phải hai. Cho nên, Tôn Lương cầu sinh về đó là sự thật, chẳng có gì phải nghi ngờ. Những ai luận bàn về việc vãng sinh Tịnh độ phải lấy phẩm Hạnh nguyện của kinh Hoa nghiêm làm cơ sở, và dùng bộ Hiệp luận để tham khảo.

5. Nguyên Tử Bình

Nguyên Tử Bình sống vào đời Đường, ông ở trong chùa Quan Âm, Kinh Khẩu, chuyên tâm niệm Phật. Bỗng một hôm, nghe trong không trung có tiếng nhạc, ông liền ngồi xoay mặt về hướng tây và qua đời. Lúc ấy, có hương thơm lạ ngào ngạt suốt mấy ngày không hết.

6. Dữu Tiễn

Dữu Tiễn sống vào đời Lương, người ở Tân Dã. Vua Lương Võ cho gọi ông vào cung làm chức Hoàng môn thị lang nhưng ông không vào. Ngày đêm sáu thời ông chuyên tâm niệm Phật. Một đêm nọ, ông thấy vị đạo nhân tự xưng là Nguyên Công, gọi Dữu Tiễn là Thượng Hạnh tiên sinh và trao cho ông một nén hương rồi bỏ đi. Bốn năm sau, Nguyên Công lại đến, ông liền qua đời. Bấy giờ, trong không trung có tiếng bảo rằng: “Thượng Hạnh tiên sinh đã sinh về An Dưỡng!”.

7. Tống Mãn

Tống Mãn sống vào đời Tùy, người ở Thường Châu, ông dùng đậu để đếm số lần niệm Phật. Số đậu mà ông tích chứa được qua ngày tháng niệm Phật là ba mươi thạch^[125]. Vào tháng 9, niên hiệu Khai Hoàng thứ tám (588), sau khi thiết trai cúng dường chư Tăng xong, ông ngồi ngay thẳng qua đời. Lúc ấy, mọi người thấy hoa trời rải xuống và mùi hương thơm lạ, thấy ông nương hư không bay về hướng tây.

8. Ông già Phần Dương

Ông già Phần Dương sống vào đời Đường, ông đến núi Pháp Nhãn và ở nhờ trong một căn phòng trống, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật. Niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631), lúc ông sắp qua đời, có ánh sáng chiếu soi khắp nơi, ông ngồi xoay mặt về hướng tây qua đời. Có người thấy ông ngồi trên đài hoa bay đi.

9. Nguyên Tử Tài

Nguyên Tử Tài là người đời Đường, sống trong chùa Quán Âm ở Nhuận Châu, chuyên tụng kinh A-di-đà và niệm Phật. Bỗng một hôm, ông mắc bệnh nhẹ, ban đêm nghe trong không trung có hương thơm và tiếng nhạc, lại thoảng nghe như có tiếng người nói rằng: “Nhạc đơn giản đã qua, nhạc êm dịu sẽ đến, ông nên chuẩn bị đi!”. Nghe dứt lời, ông niệm Phật và qua đời. Lúc ông qua đời, có hương thơm lạ phảng phất liên tục suốt mấy ngày không dứt.

10. Ngô Tử Chương

Ngô Tử Chương sống vào đời Nguyên, người ở Tô Châu. Gia đình ông nhiều đời làm nghề thuốc. Ông cùng với anh là Tử Tài theo học với hòa thượng Vân Ốc, siêng năng niệm Phật. Cả nhà của ông rất tôn sùng Phật pháp. Đến niên hiệu Chính Gian, ông không bị bệnh, ngồi chấp tay niệm Phật và qua đời.

[125] Ba mươi thạch (Tam thập thạch 三十石): Thạch là đơn vị cân đo thời xưa. Một thạch bằng 120 cân. Vậy 30 thạch là bằng 3600 cân, số lượng không phải ít.

11. Hà Đàm Tích

Hà Đàm Tích sống vào đời Nguyên, năm lên mười tám tuổi thụ giới bồ-tát và chuyên tâm niệm Phật. Một đêm nọ, vào lúc canh tư ông nghe tiếng trống, lập tức ngồi dậy tụng kinh, niệm Phật. Có người bảo:

- Còn sớm quá!

Ông nói:

- Tôi thấy Phật đem phước và hoa đến rước.

Nói dứt lời, ông nhắm mắt qua đời.

12. Vương Điền

Vương Điền sống vào đời Tống, hiệu là Vô Công Tẩu, người ở Tứ Minh. Dù là yếu chỉ Thiền tông hay giáo môn của Thiên Thai, ông đều thông suốt cả. Ông có soạn bộ Tịnh độ tự tín lục. Những ngày cuối đời, ông chuyên tâm niệm Phật và ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời. Lúc ấy, có hương thơm lạ xông lên ngào ngạt. Sau khi hỏa thiêu xong, thâu được 108 viên xá-lợi lớn như hạt đậu.

13. Phạm Nghiễm

Phạm Nghiễm sống vào đời Tống, người ở Nhân Hòa, không màng đến việc thế gian. Con của ông không gánh vác nổi chuyện gia đình, nhưng ông vẫn không quan tâm đến mà chỉ nói: “Từ nay ta chỉ là khách trong gia đình này thôi!”. Hằng ngày, ông tụng kinh Pháp hoa, niệm Phật A-di-đà không chút xao lãng. Bỗng một hôm, ông nằm mộng thấy bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà phóng ánh sáng màu vàng đến và báo ông rằng: “Sáng mai vào giờ Mão, ông sẽ mạng chung!”. Sáng hôm sau, Phật và bồ-tát đến rước, Phạm Nghiễm ngồi ngay thẳng chấp tay qua đời.

14. Lục Nguyên Đạo

Lục Nguyên Đạo sống vào đời Tống, hiệu là Tĩnh Am cư sĩ, cư ngụ tại Hoành Khê, Minh Chi. Sáng sớm thức dậy, ông đốt hương ngồi thiền, mắt không nhìn chỗ nào khác. Trước khi lễ Phật, tụng niệm ông tự đọc bài kệ:

Sáng sớm rửa tay mở kính ra
Không cầu nhiều phúc và trừ tai
Việc đời chấm dứt không lưu luyến
Kiếp hỏa sáng soi mùa một hồi.

Sau này, ông niệm Phật, tụng kinh không nhanh không chậm, âm thanh nối nhau như xâu tràng hạt, mỗi ngày tụng một biến kinh Pháp hoa và niệm danh hiệu Phật A-di-đà một vạn tiếng, một lòng cầu sinh Tây phương. Ngày mùng 6 tháng 4, ông tắm rửa, thay y phục xong liền qua đời. Hưởng thọ 85 tuổi. Khi tắt liệm bỗng nghe có hương thơm của hoa sen xông lên ngào ngạt, mọi người đều không biết hương thơm ấy từ đâu bay lại. Lúc đến gần để đặt nắp quan tài thì biết là hương thơm từ trong miệng của ông bay ra.

15. Tôn Trung

Tôn Trung sống vào đời Tống, người ở Tứ Minh, sớm ưa thích cõi Tây phương. Ông xây một cái am ở phía đông Quận Thành để niệm Phật. Một thời gian sau, ông bị bệnh, thỉnh một trăm vị tăng đến niệm Phật liên tục; bỗng ông nhìn lên hư không chấp tay kết Song ấn, rồi an nhiên qua đời. Tất cả người trong thành đều nghe có tiếng nhạc và hương thơm lạ, dần dần bay về hướng tây rồi biến mất. Ba người con của ông bắt chước theo ông niệm Phật và cũng ngồi vắng sinh.

16. Thẩm Thuyên

Thẩm Thuyên sống vào đời Tống, nhà ở Tiền Đường, ông cùng với vợ tên Thi Thị chuyên tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Thường ngày nếu làm được việc lành gì

đều hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Về sau, hai vợ chồng lần lượt qua đời đều cảm ứng hóa Phật cầm tích trượng^[126] tiếp dẫn đi.

17. Đường Thế Lương

Đường Thế Lương sống vào đời Tống, người ở Cối Kê, giữ giới nghiêm cẩn, siêng năng niệm Phật. Về già, ông bị bệnh nhưng vẫn không dừng niệm Phật. Ông tụng kinh A-di-đà hơn mười vạn lần. Một hôm, ông nói với người trong nhà: “Phật đến rước tôi!”. Nói xong, ông lễ Phật và ngồi ngay thẳng qua đời.

Bấy giờ, có một người tên Lợi Hành nghỉ qua đêm trong núi Đạo Vị, nằm mộng thấy ở phía tây có ánh sáng lạ và tràng phan, hoa đẹp, nhạc trời, đồng thời nghe trên không trung có tiếng bảo rằng: “Đường Thế Lương đã vãng sinh Tịnh độ!”.

18. Ké Công

Ké Công sống vào đời Tống, là một thợ rèn ở Đào Nguyên, Tứ Minh. Năm 70 tuổi thì hai mắt ông bị mờ. Bấy giờ, trong làng có ông Học dụ Tả Định Quốc ấn tống tám Phách khóa đồ để khuyên người niệm Phật. Lúc đầu, Ké Công nhận được một tấm, ông niệm ba mươi sáu vạn câu, khi niệm đến tám thứ tư thì hai mắt sáng lại. Ông niệm suốt ba năm được mười bảy bản. Một hôm, ông đang niệm Phật thì đột ngột qua đời. Trải qua nửa ngày, ông sống lại và nói: “Đức Phật dạy chia sáu bản cho Học dụ Tả Định Quốc là người đầu tiên khuyến đạo; một tấm biểu cho ông Lí Nhị là người in”. Ông dặn con đến cảm ơn họ. Nói xong, ông tắm rửa, thay y phục xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

19. Trần Quân Chương

Trần Quân Chương sống vào đời Nguyên, người ở Hoàng Nham, hiền từ ít nói. Năm bốn mươi tuổi, ông cùng với Thất Diệp Thị tụng kinh Pháp hoa và chuyên tâm niệm Phật. Năm sáu mươi tuổi, ông bị bệnh nặng. Một đêm, ông bảo người con tên Cảnh Tinh đỡ ngồi dậy, ông nói:

[126] Tích trượng 錫杖 (S: khakkhara, khakharaka): Chiếc gậy mà vị ti-kheo mang theo khi đi đường. Đây vốn là vật dùng để xua đuổi rắn độc, trùng độc hoặc rung lên khi khát thực, khiến cho thí chủ nghe biết. Đời sau, tích trượng trở thành một trong các pháp khí của thiên lâm.

- Cha đi đây.

Người con hỏi:

- Cha đi đâu?

Ông đáp:

- Chẳng có chỗ nào để đi.

Ông lại nói: “Sau khi cha chết nên thiêu theo cách người xuất gia”. Nói xong, ông chấp tay niệm “Nam mô A-di-đà Phật” và qua đời.

20. Trương Thuyên

Trương Thuyên sống vào đời Tấn, là anh em bà con của Trương Dĩ. Ông có phẩm chất thanh cao, tinh thần thoát tục. Trong lúc cày bừa ông luôn mang kinh theo bên mình không tạm rời. Nhiều lần ông được mời ra làm quan nhưng đều từ chối. Ông chỉ vui với cái nghèo của mình. Về sau, ông được đề cử giữ chức Huyện lệnh huyện Tầm Dương, ông cười nói: “Người xưa chọn những nơi vắng vẻ để an thân”. Vậy, bỏ cái khí tiết của mình để nhận lãnh bổng lộc thì có gì là vinh quang?

Rồi ông vào Lô Sơn, tham gia đạo tràng Bạch Liên xã của ngài Tuệ Viễn và chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, thông hiểu rất nhiều kinh luận. Đến niên hiệu Cảnh Bình thứ nhất (423), đời Tống, ông không bệnh, nằm xoay về hướng tây niệm Phật và qua đời.

21. Khuyết Công Tắc

Khuyết Công Tắc người nước Tấn. Ông vào tu trong đạo tràng Bạch Liên xã ở Lô Sơn và qua đời ở đó. Sau đó, một người bạn của ông cư trú tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, làm lễ cúng giỗ cho ông, nửa đêm bỗng toàn bộ chính điện chùa Lâm Mộc đều biến thành màu vàng ròng và trong hư không có tiếng bảo: “Tôi là Khuyết Công Tắc. Tôi cầu sinh về Cực Lạc nay đã được vãng sinh rồi”. Nói dứt lời, ông liền biến mất.

Ghi chú

Những người lúc lâm chung hiện điềm lành rất nhiều. Nhưng người qua đời rồi sau đó mới hiện ánh sáng màu vàng ở nơi khác; trong không trung báo mộng đã vắng sinh như trường hợp của ông Khuyết Công Tắc thì thật là hiếm có.

22. Lý Tri Dao

Lý Tri Dao sống vào đời Đường, rất giỏi về giáo lý Tịnh độ. Ông tập hợp được nhiều người mở Ngũ hội niệm Phật. Sau đó, ông mắc bệnh, bỗng nói: “Phật đến rước tôi”. Rồi ông tắm rửa, thay y phục và bảo người mang lò hương ra sảnh đường để ông lễ Phật. Bỗng ông nghe trong không trung có tiếng nói: “Có người dẫn ông về Tịnh độ, người đó dắt ông đi trên cầu vàng”. Nghe xong, ông lên giường ngồi ngay thẳng và qua đời. Lúc ấy, mọi người nghe có hương thơm lạ.

23. Cao Hạo Tượng

Cao Hạo Tượng sống vào đời Lương, quê ở Đông Bình, ông đóng cửa tĩnh tọa chuyên tụng kinh Vô Lượng Thọ. Một hôm, trong khi thiền định, ông thấy thân mình ngồi trên hoa sen hồng ở trong hồ. Ban đầu chưa thấy Đức Phật, nhưng sau đó không lâu, ông thấy mình đứng trên hoa sen thành tâm lễ Phật, rồi quán tưởng Phật có ánh sáng màu vàng từ xa chiếu lại.

Vào một đêm nọ, ông thấy chúng bồ-tát đến rước và ngay lúc đó ông qua đời.

Ghi chú

Ngày xưa có hai vị tăng quán tưởng hoa sen nở và búp, về sau cả hai đều được vắng sinh Tịnh độ. Hạo Tượng thấy mình ngồi trên hoa sen hồng, đó cũng là vị thành tâm quán tưởng nên mới được như vậy!

24. Từ Lục Công

Từ Lục Công sống vào đời Tống, người ở Gia Hưng, làm nghề nông. Hai vợ chồng ông ăn uống đạm bạc, chuyên tâm niệm Phật. Năm bốn mươi tuổi, biết trước mình sắp chết nên ông làm sẵn cái khám. Sau khi thay y phục, ông mang giày cỏ vào ngồi ngay thẳng trong khám. Bỗng chốc ông nói: “Phật đến rước tôi”. Nói dứt lời, ông qua đời.

25. Lục Tuấn

Lục Tuấn sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường. Lúc trẻ ông phục vụ cửa quan một thời gian khá lâu, sau đó ông bỏ đi và chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Mỗi ngày ông đến trước Phật đỉnh lễ sám hối, nước mắt lăn dài trên má. Có người bạn đồng tu đến nói cho ông nghe điều kiện để được sinh về Tịnh độ. Mới nói được hơn mười câu, ông nghẹn ngào rơi lệ. Khi sắp lâm chung, ông mời luật sư Viên Tịnh đến giảng về Tây phương Tịnh độ và tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Khi tụng đến Thượng phẩm^[127], bỗng luật sư Viên Tịnh nói:

- Ông có thể đi được rồi đó!

Lục Tuấn nói:

- Phật và bồ-tát chưa đến, tôi phải đợi các Ngài.

Một lát sau, bỗng nhiên ông đứng dậy đi đến chiếc giường trúc, ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây và qua đời.

Ghi chú

Kinh Vô Lượng Thọ ghi: “Người nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà mà cảm động rơi lệ, ấy là thiện căn đời trước của người đó đã chín muồi”. Sự rung động, nghẹn ngào rơi lệ của Lục Tuấn vốn xuất phát từ đáy lòng rồi thể hiện ra ngoài mặt mũi, chắc chắn ông sẽ được vãng sinh. Nay đâu thể cười cợt mà bàn luận về Tịnh độ.

26. Hoàng Đả Thiết

Hoàng Công sống vào đời Tống, người ở Đàm Châu, ông xuất thân từ quân ngũ. Ông sống bằng nghề thợ rèn. Trong khi trui rèn, ông luôn miệng niệm Phật không dứt. Một hôm, không bị bệnh, ông nhờ người hàng xóm viết giúp bài tụng:

Chập chập cheng cheng,
Luyện lâu thành cứng
Thái bình sắp đến
Tôi về Tây phương.

[127] Thượng phẩm 上品: Pháp quán thứ 14 trong Thập lục quán.

Nói vừa dứt lời, ông qua đời. Bài tụng ấy được lưu truyền khắp Hồ Nam và từ đó có rất nhiều người niệm Phật.

Ghi chú

Hoàng Công là một trường hợp đặc biệt, không người nào có thể làm như ông. Chỉ là miệng không ngừng niệm Phật, nhưng ở đời có mấy ai chịu làm như thế, mà cứ đi tìm sự cầu kì, cao siêu. Ôi! Chẳng phải đó là không thích cách đơn giản, lại đi tìm cách khó khăn sao?

27. Liên Hoa Thái công

Liên Hoa Thái công sống vào đời Minh, người đất Việt, cả đời sống hiền lành, chất phác, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật không chút xao lãng. Sau khi qua đời, trên nắp quan tài bỗng mọc lên một đóa hoa sen. Bà con thân thuộc trong làng đều rất ngạc nhiên. Vì thế, ông có hiệu là Liên Hoa Thái Công.

28. Cư sĩ Hoa

Cư sĩ Hoa sống vào đời Minh, người Giang Can, tính tình nhân hậu, chất phác, thật thà và ngay thẳng. Khi còn ở tuổi trung niên, được giao làm chức Chư tử, về già ông ở một mình không màng thế sự, sáng tối chỉ chuyên tâm niệm Phật. Đến lúc sắp lâm chung, ông biết trước giờ chết, liền tắm rửa, thay đổi y phục, đến chỗ làm việc, chỉnh lại áo mũ, ngồi ngay thẳng, từ biệt mọi người rồi qua đời. Trước đó, con ông đã chuẩn bị sẵn một cỗ quan tài, nhưng đến khi ông chết thì đổi lại cái khám, giống như cái khám thường dùng để tắm liệm các sa-môn. Ngày đưa tiễn ông đi an táng, người đến xem đông nghịt, kẻ xa người gần đều ngưỡng mộ ông.

29. Cư sĩ họ Cố

Vào đời Đại Minh có người tên Cố Nguyên, quê ở Kim Lăng, tự lấy hiệu là Bảo Tràng cư sĩ. Lúc trẻ ông đã có tài thi phú, giỏi thảo thư. Đến tuổi trung niên ông một lòng chuyên tu tịnh nghiệp. Sau đó, ông bị bệnh nhẹ, liền cho mời tất cả bạn đạo tăng tục tổ chức hội “Thập niệm A-di-đà Phật” xướng niệm liên tục.

Một hôm, ông nói với mọi người:

- Tôi nhất định sẽ vãng sinh.

Mọi người hỏi:

- Vì sao ông biết chắc như vậy?

Ông nói:

- Tôi thấy Phật A-di-đà hiện thân đầy trong hư không, thấy thế giới kim sắc của Ngài và thấy Đức Phật lấy y ca-sa trùm lên người tôi. Tôi cũng thấy mình ngồi trong hoa sen.

Lúc ấy, mọi người đều nghe có hương thơm của hoa sen. Các con ông đau buồn khóc than không dứt. Cư sĩ nói: “Các người nói tôi đi đâu? Nơi nào cũng chính là nơi này. Nếu ở đây đã sáng tỏ thì bất cứ nơi nào cũng rõ ràng”.

Ông lại nói với mọi người: “Các vị đừng nói nhiều mà nhiều loạn tâm tôi, chư Phật đã đến ở trên hư không đợi rước tôi, qua canh ba tôi sẽ đi”. Đến canh ba, ông vui vẻ mỉm cười mà qua đời. Tiên sinh Thiếu Tông Bá và Ân Thu Minh đều có ghi lại chuyện vãng sinh của ông.

Ghi chú

Thân đã ngồi trong hoa sen thì chắc chắn sẽ vãng sinh. Nơi đâu cũng chính nơi này, đi thì thật không đi. Nếu cư sĩ Bảo Tràng vãng sinh đương nhiên không sinh vào trung phẩm và hạ phẩm.

30. Tổ Hương

Vào đời Minh có người tên Tổ Hương, quê ở Tân Dụ, Giang Tây, cư trú tại chùa Long Đàm, Sơn Đông, chuyên tu tịnh nghiệp. Bảy giờ, có cư sĩ Vương Kiệt dựng một thảo am và mời ông đến đó ở. Ở chưa được bao lâu, ông nói với Vương Kiệt:

- Vào ngày nọ tôi sẽ về nhà.

Mọi người đều nài nỉ ông ở lại.

Tổ Hương nói:

- Tôi về nhà An Dưỡng.

Đến ngày ấy, ông trải tòa ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời. Thi thể ông được mọi người đặt trong khám đưa vào núi, bỗng nhiên phát ra lửa và tự thiêu cháy.

31. Quách Đại Lâm

Vào đời Đại Minh có người tên Quách Đại Lâm, quê ở Thang Âm, là người ngay thẳng, trong sạch, thanh cao, có tâm thoát tục. Về sau, ông gặp được một vị tăng dạy niệm Phật. Từ đó, ông một lòng cầu sinh Tịnh độ.

Năm ông bảy mươi sáu tuổi, một hôm ông không bệnh nhưng bỗng nhiên từ biệt các con và nói: “Giờ Ngọ ngày mai cha sẽ đi”. Ngày mai, đến giờ đã định ông ngồi ngay thẳng mà qua đời.

32. Lưu Thông Chí

Vào đời Đại Minh có người tên Lưu Thông Chí, quê ở kinh đô, siêng năng, tha thiết niệm Phật. Năm năm mươi hai tuổi, ông mắc bệnh và càng cố gắng niệm Phật nhiều hơn. Bấy giờ, có người hàng xóm tên là Lý Bạch Trai đã qua đời trước, sau đó Lưu Thông Chí mới tắt thở, từ sáng đến trưa bỗng nhiên sống lại và nói với người nhà rằng: “Tôi vừa thấy một chiếc thuyền, người trên thuyền bảo là thuyền này đi về Tịnh độ. Trên thuyền đó chở ba mươi sáu người, Lý Bạch Trai cũng có mặt trên thuyền. Tôi cũng ở trong số ba mươi sáu người đó, nhưng do y phục của tôi chưa được sạch sẽ, lại quên mang tràng hạt, nên các người kia bảo tôi trở lại thay y phục và lấy tràng hạt. Thuyền đang cập bến chờ tôi”.

Người nhà vội vàng thay y phục và lấy tràng hạt đeo vào cổ ông, bỗng chốc ông qua đời.

33. Nho sinh Đường Thể Như

Vào đời Đại Minh có người tên Đường Diên Nhậm, quê ở Lan Khê thuộc tỉnh Chiết Giang, hiệu là Thể Như cư sĩ, bản tính hiếu thảo, thuần hậu, chất trực. Thuở nhỏ ông được vào học ở các trường và rất có tiếng tăm. Một hôm, ông nhận ra cái học thế gian cũng chỉ là vô thường. Từ đó, ông dốc lòng đến với đạo. Ông đến

tham học với ngài Vân Thê và được ngài chỉ cho pháp môn Niệm Phật tam-muội. Kể từ đó, ông nỗ lực tu hành. Ông hành trì suốt mười ba năm không một ngày xao lãng và chỉ dốc lòng cầu sinh Tây phương.

Đến niên hiệu Vạn Lịch, nhằm năm Quý Mão (1603), ông ngộ diệu lý của Phật pháp. Vào một buổi sáng giữa mùa đông lúc ông 60 tuổi, bỗng ông gọi các con lại nói: “Vào ngày 11 tháng giêng, cha sẽ đi”. Trước đó mấy ngày, ông vẫn lễ Phật tụng niệm như ngày thường. Đến ngày đã định, ông rửa tay, súc miệng, chỉnh y phục, ngồi ngay thẳng, tay kết ấn, miệng niệm Phật, mỉm cười và qua đời, như nhập thiền định.

Ghi chú

Khi Cư sĩ sắp qua đời, các người con hỏi:

- Việc đại nhân qua đời có cần báo cho ngài Vân Thê biết để ghi vào trong truyện vãng sinh không?

Cư sĩ nói:

- Nhất định phải báo cho thầy tôi biết, nhưng đừng nói quá, nên nói đúng sự thật. Thậm chí có ghi vào truyện hay không, việc ấy thầy tôi tự có ý kiến. Chớ đừng vì không được ghi vào truyện mà có thái độ giận hờn và oán hận.

Than ôi! Như thế có thể thấy được công phu hàm dưỡng của ông ấy, suốt đời tin tưởng tuyệt đối vào Tịnh độ, không chút nghi ngờ và mỉm cười mà qua đời. Như vậy chắc chắn ông sẽ vãng sinh, đâu có gì phải nghi ngờ!

34. Nho sinh Dương Gia Y

Vào đời Đại Minh có người tên Dương Gia Y, tự là Bang Hoa, quê ở Thái Hòa, là con của một gia đình danh giá. Năm mười ba tuổi, ông đã biết giữ giới không sát sinh, dù đó là chấy rận cũng không hề làm tổn thương. Năm hai mươi ba tuổi, đến Nam Ung học tập không được bao lâu sau, ông bị bệnh.

Vào ngày mùng 9 tháng 10 năm Ất Tị, niên hiệu Vạn Lịch (1605), ông qua đời. Trước khi qua đời, ông nằm mộng thấy mình đi đến địa ngục, gặp Địa Tạng đại sĩ ở điện Minh Dương. Khi tỉnh dậy, ông lo phóng sinh và mời chư tăng về nhà tụng kinh, niệm Phật.

Một hôm, ông gọi người đến và bảo: “Tôi sắp đi rồi. Hoa sen xanh đã hiện ra trước mắt tôi, lẽ nào không phải là cảnh Tịnh độ sao?”. Từ đó, ông ngày đêm niệm Phật không dứt. Một hôm, ông bảo mọi người tắt ngọn nến và nói: “Mọi người nhờ nến để thấp sáng, nhưng tôi không cần nến. Tôi thường ở trong ánh sáng”.

Có người hỏi:

- Ông thấy điều gì?

Ông nói:

- Hoa sen nở bốn màu.

Hỏi:

- Ông có thấy Đức Phật A-di-đà không?

Đáp:

- Tôi thấy Đức Phật A-di-đà hiện thân một nghìn trượng.

Hỏi:

- Ông thấy bồ-tát Quán Thế Âm không?

Đáp:

- Bồ-tát Quán Thế Âm cũng hiện thân cao lớn bằng thân Đức Phật A-di-đà.

Hỏi:

- Ông thấy bồ-tát Thế Chí không?

Đáp:

- Không thấy.

Nói dứt lời, đột nhiên ông đứng phắt dậy niệm hương và liên tục xưng tán: “Công đức của Phật A-di-đà không thể nói, không thể nói, không thể nói! Tôi đã được sinh lên thượng phẩm rồi”. Nói xong, ông an nhiên qua đời.

Ghi chú

Bang Hoa có chí hiếu học, từng đọc qua tất cả các loại sách. Về sau, ông chỉ chuyên tâm nghiên cứu kinh sách Phật. Đặc biệt, chỉ để tâm nghiên cứu pháp môn Tịnh độ của Phật giáo. Đến lúc sắp qua đời, ông nói: “Công đức của Phật A-di-đà không thể nói!”. Ông nói ba lần như vậy. Đó là ông ta thấy thật, nói thật.

Người anh kế của ông là Gia Tô thuật lại việc vãng sinh của ông và thề rằng: “Nếu tôi nói xằng bậy sẽ bị đọa vào địa ngục Bạt thiết”. Anh của ông cũng thấy thật, nói thật. Vậy những ai không tin về Tịnh độ hãy nên suy nghĩ lại.

35. Nho sinh Hác Hi Tải

Vào đời Đại Minh có người tên Hác Hi Tải, quê ở Tiền Đường, pháp danh Quảng Định, là người trung tín, khiêm nhường. Ở trường học, ông thường lấy đức hạnh để khuyên dạy học trò. Đến cuối đời, ông nương theo Phật, sớm tối ngồi thiền, tụng kinh không biết mệt mỏi. Tháng 2, mùa xuân năm Tân Hợi, niên hiệu Vạn Lịch (1611), ông bị bệnh. Mỗi khi ngủ dậy, ông thường nói: “Tôi nằm mộng thấy tôi vào ở trong núi cầu gặp Phật, nhưng chưa gặp được Phật mà chỉ thấy rất nhiều loại chim tụ tập”.

Nhiều ngày như vậy, đến ngày 27 vào giờ ăn cơm, ông bỗng ngẩng đầu nhìn ra ngoài cửa sổ và gọi người con là Thế Hàn lại nói: “Hôm nay đặc biệt là ngày hệ trọng”. Rồi ông quay lại bảo người nhà chuẩn bị tiền bạc cho ông. Một lát sau, ông lại nói: “Trước đây ta sợ gặp quan có việc cần dùng đến tiền, nhưng nay không cần dùng nó nữa”. Đến canh ba đêm đó, ông nói: “Có hai đồng tử đến rước ta. Ta thấy Đức Phật ngồi trên đài hoa sen hiện ra trước mắt”. Nói dứt lời, ông nằm thối cát tường mà qua đời.

36. Cư sĩ Qua Quảng Thái

Vào đời Đại Minh có cư sĩ Qua Dĩ An, pháp danh Quảng Thái, quê ở Tiền Đường, bản tính hiếu thảo, hay làm thiện, tu nhân tích đức, nhưng ông làm một cách thâm lặng không muốn mọi người biết. Đến lúc tuổi già, ông dốc lòng phụng thờ Phật. Ông cùng với ngài Linh Chi và nhiều vị tăng, tục khác, mỗi năm vào hai ngày

xuân xã^[128] và thu xã^[129] cùng nhau kết hợp niệm Phật. Ông thường tụng Hoa nghiêm và Tịnh độ ngũ kinh.

Một hôm, ông bỗng nói với mọi người: “Sắp đến ngày đi rồi, nên tôi phải chuẩn bị tư lương để về Tây phương”. Nói rồi, ông vào tịnh thất thiết lập thời khóa tụng niệm, sớm tối hành trì không dừng. Ông dự định sẽ ra đi vào ngày 21 tháng Chạp. Hai đêm trước khi ông qua đời, vợ con vây quanh nghẹn ngào, ông mỉm cười nói: “Có sinh ắt có diệt, sao lại ử rữ như thế! Tôi mới xuất thần đến Tịnh độ, đích thân hầu hạ Đức Phật A-di-đà. Các người chớ vì chút tình cảm mà làm loạn chính niệm của tôi”. Rồi ông dặn đi dặn lại kẻ tăng, người tục niệm Phật trợ lực cho ông, đừng để xen tạp niệm.

Đến ngày giờ đã định, ông lặng lẽ ra đi.

Ghi chú

Có vị tăng xuống âm phủ thấy Cư sĩ ngồi yên trong tịnh thất, kinh sách để đầy ghế, ngoài sân có nhiều trúc vàng, đá núi, cảnh trí đẹp vô cùng chẳng khác động tiên.

Đáng lẽ Cư sĩ phải sinh về Cực Lạc rồi, tại sao còn ở dưới âm phủ? E là thường ngày tha thiết tụng kinh, nhưng vì chí nguyện tụng kinh của ông chưa mãn, do đó, sau khi mãn nguyện sẽ vãng sinh!

37. Cư sĩ họ Đỗ

Vào đời Đại Minh có cư sĩ họ Đỗ, quê ở huyện Uyển Bình, phủ Thuận Thiên. Ông ở ẩn trong một trai đường đồ nát của chùa Thụy Quang thuộc Tây Sơn, chẳng màng đến chuyện gia đình, chuyên tâm niệm Phật suốt ba mươi năm.

Một hôm, có người cùng làng với ông tên Đồng Quảng Sách đến chỗ ông. Cư sĩ hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Quảng Sách đáp:

- Từ Hàng Châu đến đây.

Cư sĩ hỏi tiếp:

[128] Xuân xã 春社: Ngày Mậu sau ngày Lập xuân năm ngày gọi là ngày Xuân xã.

[129] Thu xã 秋社: Ngày Mậu sau ngày Lập thu năm ngày gọi là ngày Thu xã.

- Ông là người Hàng Châu. Vậy ông có biết ngài Châu Hoàng ở chùa Vân Thê không?

Quảng Sách đáp:

- Ngài Vân Thê là thầy của tôi.

Đổi đáp đến đó, cư sĩ chấp tay niệm Phật, không nói thêm lời nào. Trước khi sắp qua đời ông lễ sám suốt chín ngày liền. Khi lễ đến đoạn sám văn khấn thiết, tự nhiên ông rơi lệ, nghẹn ngào. Từ đó, ông không ăn, chỉ uống ít nước. Đến khi lễ sám xong, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời. Mười ngày trôi qua mà dung mạo của ông vẫn tươi tắn như lúc còn sống. Nhiều người trông thấy có mây năm màu bao quanh trên nhà ông.

38. Cư sĩ Tôn Đại Vu

Vào đời Đại Minh có người tên Tôn Thúc Tử, pháp danh Đại Vu. Từ nhỏ, ông đã tỏ ra là một người thông minh, lanh lợi, dũng cảm. Năm mười hai tuổi, theo cha là cư sĩ Kính Ngô đình lễ bốn mươi tám lời nguyện trước tượng Đức Phật A-di-đà. Sau đó, ông vào chùa Vân Thê thụ trì năm giới. Khi trở về nhà, ông tuyệt đối không ăn những thức ăn có ngũ tân và máu thịt. Ông không giao du với ai, cũng không tụng đọc nữa, chỉ chuyên tâm niệm Phật. Vì nhất quyết lấy cho được đài vàng, nên ông siêng năng, chịu khổ không tiếc thân mạng.

Không lâu sau, ông nằm mộng thấy có hai vị ti-kheo cầm hoa sen dùng nhất tâm Tịnh độ ấn khả. Lại thấy đạo nhân^[130] tụng kinh Kim cương suốt một ngày một đêm. Ông bỗng giật mình ngồi dậy và nói: “Đức Phật A-di-đà, bồ-tát Quán Thế Âm đều đến rước tôi”. Nói dứt lời, ông kết Kim cương quyền ấn, đồng dạy niệm danh hiệu Phật A-di-đà mấy tiếng rồi an nhiên qua đời.

Bấy giờ, nhằm ngày 11 tháng 11 năm Tân Hợi, niên hiệu Vạn Lịch (1611). Ông có trước tác Tịnh độ thập nhị thời ca lưu truyền ở đời.

Chuyện vãng sinh của ông được ghi lại rõ ràng, đầy đủ trong Tây sinh truyện của Ngô Thái Sử.

Ghi chú

[130] Nguyên văn ghi là 化人.

Ngô Thái Sử và cư sĩ Quán Ngã đều cho rằng mộ của Đại Vu quanh năm mọc nấm linh chi. Năm ông qua đời, quả thật có loại nấm linh chi lớn bằng cái đầu, quý như vàng, như ngọc, như bánh xe màu hồng phấn. Có thể nói đó là bằng chứng của điềm lành vãng sinh. Vì thế, Tôn Thúc Tử được ghi vào trong Tây sinh truyện. Lời nói của Trương giả Thái Sử là chân thật, nên tôi (Châu Hoằng) mới ghi lại đây.

39. Cư sĩ họ Ngô

Vào đời Đại Minh, có vị cư sĩ họ Ngô, quê ở Nhân Hòa, húy là Đại Ân, biệt hiệu là Ngưỡng Trúc. Ông là người hiếu thảo, thành thật, thích tu nhân tích đức, hay phóng sinh, cứu giúp, che chở những người gặp cảnh nghèo khó. Nhờ vậy mà cảm được quả báo ở trong tối thì gặp ánh sáng, thuyền ngược gió gặp nguy hiểm mà được bình an. Và từ đó, ông một lòng hướng về giáo pháp, ngày đêm siêng năng tụng kinh, niệm danh hiệu Phật A-di-đà không biết mệt mỏi.

Ngày mùng 3 tháng 5, niên hiệu Vạn Lịch thứ 40 (1612), ông từ biệt mọi người, ngồi kết già mà qua đời. Ngày ấy, trong nhà có hương thơm lạ, thần sắc của ông tươi sáng. Điềm lành vãng sinh của ông về sau được Ấn Trì Nghiêm Quân ghi lại đầy đủ trong truyện.

40. Thập Như cư sĩ

Vào đời Đại Minh có cư sĩ họ Ngô, quê ở Tân An, húy là Kê Huân, tự là Dụng Khanh, biệt hiệu là Thập Như cư sĩ. Bản tính ông ít nói, cứng rắn như thân cây, thẳng thắn như tên bắn, thích làm các việc thiện. Ông thích làm việc thiện mà không hề biết chán giống như sương rơi. Những năm cuối đời, ông để tâm nghiên cứu Phật pháp, trì chú Vãng sinh, niệm hồng danh Đức Phật A-di-đà. Mỗi ngày ông đều đặt ra thời khóa, dù nóng hay lạnh ông vẫn thực hành đầy đủ không để gián đoạn.

Có lần ông bị rơi xuống sông, nhưng có một vật gì đó đỡ chân, ông bị trôi đi mười dặm, bỗng ông nhảy vọt lên đứng trên thuyền. Bấy giờ, mọi người đều cho rằng, ông nhờ nguyện lực của Phật mới có được việc như thế. Sau đó, đột nhiên sau lưng ông mọc một cái mụn độc. Có nhiều người cũng bị mụn như vậy nhưng họ đều không chịu nổi sự đau đớn đó. Nhưng cư sĩ vẫn điềm nhiên nói cười như người không có bệnh gì. Không lâu sau, ông chính niệm qua đời.

Bấy giờ, bạn của con ông tên Dư Chương Tử là người thiện tín đã kể chuyện của ông. Vì lời nói chân thật nên tôi (Châu Hoằng) thuật lại việc của ông vãng sinh như vậy.

Tổng Luận

Có người hỏi:

- Vì sao không nghe nói Tịnh Danh và Bàn Uẩn cầu vãng sinh Tịnh độ?

Đáp:

- Ông hãy tự đánh giá, nếu thấy mình không bằng hai người đó thì cầu vãng sinh là chuyện tất nhiên, không cần phải bàn luận. Giả sử Đức Kim Túc Như Lai tái sinh cũng đâu ngại gì không gặp được Phật A-di-đà! Nếu không được như vậy thì Tịnh Danh đâu thể hầu cận Đức Phật Thích-ca, và Bàn Uẩn cũng không cần tham kiến Mã Tổ. Và lại, chẳng phải Tịnh Danh đã nói “Tâm tịnh thì cõi nước tịnh” sao? Chẳng phải Bàn Uẩn nói “Không làm bạn với vạn pháp” sao? Một mai ông đặt chân lên tịnh địa, ông sẽ tự nghĩ không ngờ “Tự mình vốn thanh tịnh”. Rồi ông sẽ tự nghĩ “Không ngờ mình không làm bạn với vạn pháp, không ngờ Tịnh Danh và Bàn Uẩn thường ở Tịnh độ”. Đâu còn gì để nghi ngờ!

IV. TÌ-KHEO NI VÃNG SINH

1. Tì-kheo-ni Đại Minh

Tì-kheo-ni Đại Minh ở Duyên châu nghe thiên sư Đạo Xước giảng kinh Vô Lượng Thọ và được dạy cho pháp môn Niệm Phật. Trước khi niệm Phật, Ni sư luôn thay y phục sạch sẽ, và súc miệng bằng nước trầm hương. Ni sư giữ thời khóa niệm Phật trong tịnh thất suốt ba, bốn năm không gián đoạn. Hoàng hậu của Văn Đế rất kính trọng Ni sư. Khi Ni sư lâm chung, mọi người đều thấy trong thất có ánh sáng và mùi hương trầm thủy lan tỏa khắp phòng. Trong chốc lát lại có ánh sáng như đám mây lờ mờ bay về hướng tây rồi tan mất.

Ghi chú

Thuở xưa, có vị tì-kheo ni chép kinh Pháp hoa với tâm cung kính giống như ni sư Đại Minh, về sau được cảm ứng điềm linh dị. Lại có hai vị tăng tụng kinh dưới âm phủ, chí thành lễ lạy cũng có cảm ứng điều kì diệu. Thế thì không có gì phải lấy làm lạ về những việc như thế này! Thời nay, có mấy ai niệm Phật được giống như tì-kheo ni Đại Minh! Giả sử, mọi người đều niệm Phật như tì-kheo ni Đại Minh, thì tôi chẳng tin một nghìn người mà không vãng sinh cả nghìn, một vạn người mà không vãng sinh cả vạn!

2. Tì-kheo-ni Tịnh Chân

Tì-kheo-ni Tịnh Chân sống vào đời Đường ở chùa Tích Thiện, Trường An, suốt đời mặc y bá nạp đi khát thực, không hề sân hận. Ni sư tinh chuyên niệm Phật và tụng kinh Kim cương đến mười tám ngàn lần.

Tháng bảy năm Hiên Khánh thứ 5 (660), Ni sư bị bệnh, bèn gọi đệ tử đến dạy rằng:

- Trong năm ngày ta được thấy Phật A-di-đà mười lần. Ta còn hai lần thấy đồng tử dạo chơi trên hoa sen báu ở thế giới Cực Lạc. Lại có Thánh tăng năm lần thụ kí ta sẽ làm Phật, và được vãng sinh phẩm thượng.

Sư ngời kết già mà tịch. Đến sáng Ni sư tỉnh lại bảo đệ tử rằng:

- Ta được quả vị Bồ-tát, đi khắp mười phương đễ cúng dường chư Phật.

Ni sư nói xong liền thị tịch, ánh sáng chiếu khắp chùa.

3. Tì-kheo-ni Ngô Tính

Tì-kheo-ni Ngô Tính sống vào đời Đường, ở Lô Sơn chuyên tâm niệm Phật và thành khẩn cầu vãng sinh. Một hôm, bỗng nhiên nghe trong hư không có tiếng nhạc, ni sư nói với những người xung quanh:

- Tôi đã được trung phẩm thượng sinh và thấy những người cùng siêng năng niệm Phật đều có hoa sen chờ sẵn. Vì thế mọi người phải tự nỗ lực niệm Phật.

Nói vừa dứt lời, ni sư thị tịch. Bấy giờ nhằm năm Đại Lịch thứ 24 (890).

Ghi chú

Vì sao hai vị tì-kheo ni ấy biết chắc mình đã được sinh vào thượng phẩm và trung phẩm? Một là bên trong tự xét biết việc làm của mình sâu cạn thế nào, hai là bên ngoài xét những điềm cảm ứng hơn kém thế nào. Như thế, có thể cho là giả dối được sao?

4. Tì-kheo-ni Năng Phụng

Tì-kheo-ni Năng Phụng sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, chuyên tu tịnh nghiệp. Ni sư nhiều lần mộng thấy Phật phóng quang chiếu đến thân mình và nghe trong hư không có tiếng khuyển bảo, an ủi. Một hôm, ni sư nói với đồ chúng: “Đã đến lúc tôi vãng sinh Tịnh độ rồi”. Không lâu sau, mọi người nghe tiếng ni sư niệm Phật rất lớn, vội chạy đến xem thì thấy ni sư ngồi chấp tay xoay mặt về hướng tây thị tịch. Lúc ấy, có hương thơm lạ khắp phòng và nhạc trời nhỏ dần đi về hướng tây.

5. Tì-kheo-ni Pháp Tạng

Tì-kheo-ni Pháp Tạng sống vào đời Tống ở chùa Kiến Phúc thuộc Kim Lăng, rất siêng năng niệm Phật. Ni sư thường nói với bạn học là Vân Kính: “Tôi lập thân hành đạo, chí hướng về Tây phương”.

Một hôm, bỗng Ni sư bị bệnh. Lúc đầu, Ni sư thấy Phật A-di-đà và các Thánh chúng đến thăm. Sau đó, mọi người đều thấy ánh sáng chiếu khắp chùa, lúc ấy Ni sư qua đời.

6. Tì-kheo-ni Pháp Thắng

Ni sư ở huyện Ngô, tinh tấn tu tập thiền định và niệm Phật. Ni sư khuyên kẻ đạo người tục đều nên tu Tịnh độ. Khi bị bệnh, Ni sư tự biết không thể qua khỏi, lại mộng thấy một vị tăng đến bảo:

- Bệnh ngươi không qua khỏi, phải chuyên niệm Phật!

Ni sư lại còn thấy có hai vị tăng mặc áo bầy vai, cầm hoa đứng trước giường. Ni sư nói:

- Có ánh sáng chiếu khắp thân ta

Nói xong Ni sư liền thị tịch.

Tổng luận

Phật vì Ma-ha-ba-xà-ba-đề^[131] mà cho nữ giới xuất gia, nhưng cũng than rằng chính pháp vì thế mà bị suy giảm. Giả sử, người nữ xuất gia mà ai cũng đều được như năm người vừa kể trên thì chính pháp sẽ không rạn vỡ hơn sao? Nhưng thực tế thì không được như vậy! Thế nên, lời Phật huyền kí quả là chẳng sai! Ôi! Nam giới chân chính xuất gia từ xưa đến nay còn không được thành tựu nhiều, huống gì nữ giới. Riêng tôi cảm nhận việc này như vậy!

V. PHỤ NỮ VÃNG SINH

1. Tỳ Hoàn hậu

Hoàng hậu của Tỳ Văn đế mồ côi cha mẹ từ nhỏ, mặc dù ở trong cung vua nhưng rất nhàm chán thân phận phụ nữ. Bà ngày đêm siêng năng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Hoàng hậu qua đời vào ngày Giáp Tý, tháng tám. Bấy giờ, ở phía bắc cung Vĩnh An, từ trên không trung có nhiều loại âm nhạc tự nhiên trỗi vang và có hương thơm lạ ngào ngạt khắp phòng. Thấy vậy, vua mới hỏi ngài Xà-đề-tu-na:

- Đây là điềm lành gì?

Ngài Xà-đề-tu-na đáp:

- Tịnh độ có Phật hiệu là A-di-đà. Hành nghiệp của hoàng hậu cao quý nên được sinh về cõi nước của Đức Phật ấy, vì thế mới hiện điềm lành này.

Ghi chú

Từ bỏ sự sung sướng, sự yêu thương quý chuộng trong chốn cung cấm mà tha thiết cầu sinh Tịnh độ; xưa có hoàng hậu Vi-đề-hi, nay có hoàng hậu của Văn đế.

[131] Ma-ha-ba-xà-ba-đề 摩訶波闍波提 (S: Mahāprajāpatī. P: Mahāpajāpatī): Di mẫu của thái tử Tất-đạt-đa và là em gái của hoàng hậu Ma-da. Ma-da là con của vua Thiện Giác thành Thiên Tí ở Ấn Độ thời xưa. Sau khi Thích Tôn thành đạo 5 năm, vua Tịnh Phạn cũng mệnh chung, bà dẫn Da-du-đà-la và 500 người nữ thuộc chủng tộc Thích-ca đến Đức Phật xin xuất gia. Qua lời thỉnh cầu của A-nan, Đức Phật hứa khả. Đây là những vị Tỳ-kheo ni đầu tiên trong giáo đoàn của Phật.

2. Bà họ Diêu

Bà Diêu sống vào đời Đường, được bà Phạm Hạnh khuyến khích niệm Phật nên khi lâm chung thấy Phật và bồ-tát đến rước đi. Khi Phật đến rước, bà thưa với Phật: “Con chưa từ biệt bà Phạm Hạnh, xin Phật hãy trụ trong hư không đợi con giây lát”. Bỗng chốc, bà Phạm Hạnh đến, bà Diêu từ biệt và đứng thẳng qua đời.

Ghi chú

Đến lúc lâm chung mà còn nhớ từ biệt bà họ Phạm là không quên gốc gác, Phật trụ trong hư không để đợi bà Diêu là thường tùy thuận chúng sinh. Đứng thẳng qua đời cũng là một hiện tượng lạ vậy!

3. Vợ của Ôn Tĩnh Văn

Vợ của Ôn Tĩnh Văn sống vào đời Đường, người ở Tinh Châu, bà bị bệnh nằm liệt giường đã lâu. Tĩnh Văn khuyên bà niệm Phật. Trải qua một năm, bỗng bà thấy được cõi Tịnh độ. Bà nói với chồng: “Tôi đã thấy Phật, tháng sau tôi sẽ đi”. Và bà dặn cha mẹ mình: “Nay con được theo Phật vãng sinh, cha mẹ phải phát nguyện chuyên tâm niệm Phật, ngày sau sẽ gặp nhau ở Tây phương”. Nói vừa dứt lời thì bà qua đời.

4. Bà Hồ Trường

Bà Hồ Trường sống vào đời Tống, họ Lý, quê ở Thượng Ngu. Sau khi chồng qua đời, ngày đêm bà to tiếng niệm Phật và tụng kinh A-di-đà, khoảng hơn mười năm. Một hôm, bà thấy có vị tăng được che lọng lụa đào đến nói với bà: “Mười lăm ngày nữa, vào giờ Tí bà sẽ vãng sinh”.

Bà Trường hỏi:

- Sư là ai?

Vị tăng nói:

- Ta là người mà bà niệm đó!

Bà Trương liền đi thăm và từ biệt tất cả người thân. Đến kì hạn, tự nhiên có hương thơm lạ và ánh sáng chiếu đến, bà Trương ngồi ngay thẳng mà qua đời. Thi thể của bà được giữ lại bảy ngày mới hỏa táng. Sau khi hỏa táng, người ta nhặt được răng trắng như bạch ngọc, lưỡi như sen hồng, tròng mắt tròn như quả nho, tất cả đều rất rắn chắc không hư hoại và thu được xá-lợi nhiều vô số kể. Ngày hôm sau, chỗ thiêu thi thể của bà bỗng mọc lên một đóa hoa giống như hoa bạch anh túc.

Ghi chú

Các căn không hư hoại, xá-lợi nhiều vô số. Người đời thường chê trách thân thể ngũ lậu của người nữ, phải chăng không thể có những điều ấy sao?

5. Bà họ Trịnh

Bà họ Trịnh sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, hằng ngày tụng kinh Quán Âm và niệm Phật không ngắt. Sau đó, bà mắc bệnh nặng nên bảo người nhà tắm giúp. Sau khi tắm xong, bà ngồi xoay mặt về hướng tây và hỏi người nhà: “Mọi người có nghe tiếng khánh không? Các vị Thánh ở Tịnh độ vừa mới đến”. Rồi bà chấp tay, vẻ vui mừng nói tiếp: “Phật và Bồ-tát đến; Bồ-tát Quán Âm tay cầm đài vàng, Đức Như Lai đưa tôi lên ngồi trên tòa”. Nói dứt lời, bà nhẹ nhàng ra đi.

6. Bà lão họ Trần

Bà lão họ Trần sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, theo luật sư Linh Chi cầu thụ Bồ-tát giới^[132]. Bà chuyên tâm niệm Phật và mỗi ngày lễ Phật cả nghìn lạy. Từng có xá-lợi rơi xuống nơi bàn tụng kinh của bà. Khi sắp qua đời, bà thấy Đức Phật đến rước. Bà quay sang nói với người bên cạnh chưa được nửa câu thì đã an nhiên qua đời.

7. Bà họ Hoàng

Bà họ Hoàng sống vào đời Tống, người ở Tứ Minh, chồng chết khi bà còn trẻ. Sau khi an táng chồng xong, bà trở về nhà cha mình ở và chuyên tu tịnh nghiệp. Khi

[132] Bồ-tát giới 菩薩戒. Cg: Đại thừa giới: Giới pháp mà Bồ-tát Đại thừa thụ trì. Nội dung Bồ-tát giới nói về tam tụ tịnh giới, tức là ba nhóm: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới.

sắp qua đời, bà thấy Đức Phật đến rước. Lúc ấy, bà kết ấn và đi kinh hành, bỗng đứng thẳng mà qua đời. Người nhà sàng lấy một ít tro ở trên đất để kiểm nghiệm nơi bà vãng sinh thì thấy trong đồng tro mọc lên một hoa sen.

Ghi chú

Lấy tro cốt của bà để chứng minh cho những việc chưa rõ ràng. Chỉ mình bà thấy Phật đến rước. Kết ấn và đứng chết thì chắc chắn được sinh vào trong hoa sen.

8. Phu Nhân họ Vương

Phu nhân của Kinh Vương họ Vương, sống vào đời Tống, chuyên tu tịnh nghiệp, sớm hôm tha thiết, chí thành niệm Phật. Những người hầu hạ bà phần nhiều đều bắt chước bà niệm Phật. Chỉ có một nàng hầu lười biếng, ngạo mạn không chịu niệm Phật nên bị phu nhân quở trách. Nàng ta cũng biết lỗi ăn năn sám hối và siêng năng niệm Phật. Một hôm, nàng ta không bệnh nhưng đột nhiên qua đời.

Sau khi qua đời, nàng báo mộng với một người hầu khác: “Nhờ phu nhân chỉ bảo, nay tôi đã được sinh về An Dưỡng!”. Sáng ra, người hầu kia kể lại chuyện nằm mộng cho phu nhân nghe, nhưng phu nhân không tin. Bỗng chốc phu nhân cũng nằm mộng thấy mình cùng với nàng hầu ấy dạo chơi trong ao báu, thấy một chiếc thiên y thêu hoa tung bay, trên đó có viết chữ: “Dương Kiệt mặc áo quan ngồi trên một hoa sen”. Một hàng chữ nữa: “Mã Vu lại thấy đài vàng chiếu sáng rực rỡ”. Người hầu chỉ và nói: “Phu nhân sẽ sinh về nơi này”. Phu nhân mộng thấy như vậy nên càng siêng năng tu tập niệm Phật hơn. Năm 81 tuổi, nhằm ngày Khánh đản, bà thắp đèn, đốt hương, đứng nhìn tượng bồ-tát Quán Thế Âm. Mọi người làm nghi thức dâng lễ mừng thọ xong, bà an nhiên đứng mà qua đời.

Ghi chú

Biên tập đến đây đã biết được người nữ đứng qua đời gồm có ba vị, đài vàng chiếu sáng rực rỡ cũng được sinh lên thượng phẩm. Ai nói phụ nữ khuê các không được vãng sinh?

9. Phu Nhân họ Phùng

Phu nhân họ Phùng sống vào đời Tống, ở quận Quảng Bình. Lúc nhỏ, thân nhiều bệnh tật, được thiền sư Từ Thụ Thâm dạy cho cách trì trai giới^[133] và niệm Phật, bà tin sâu và nỗ lực thực hành suốt mười năm không chút lười biếng. Một hôm, bỗng bà chán cõi đời này. Có người thấy lạ, mới hỏi bà. Bà nói: “Tôi vốn ở cảnh giới thanh tịnh, nhưng vì thất niệm nên mới sinh xuống cõi này. Nay duyên trần đã hết, tôi sẽ vãng sinh Tây phương. Đâu có gì lạ!”.

Đến ngày mạng chung, bà tắt thở được một lúc rồi sống lại và nói với người trong nhà: “Tôi đã sinh về Tịnh độ, thấy cảnh giới của Đức Phật giống như trong kinh Hoa nghiêm và kinh Thập lục quán đã nói”. Nói xong, một hồi lâu bà mới qua đời. Ba ngày sau, thân thể bà vẫn hồng hào giống như đang còn sống, có hương thơm lạ lan tỏa ngào ngạt.

10. Cô gái họ Vương

Vào đời Tống, ở Cát An có cô gái họ Vương, mỗi ngày tụng các kinh A-di-đà, Kim cương, Quán Âm và chuyên tâm niệm Phật.

Khi mẹ cô qua đời, mặc dù đã tẩn liệm rồi, nhưng máu huyết vẫn chảy ra. Vì cứu độ mẹ, cô phát nguyện: “Nếu con có tâm hiếu thì nguyện cho những chất ô uế kia không còn chảy nữa!”. Cô vừa nói dứt lời thì máu liền ngưng chảy. Sau này, cha của cô lấy thêm vợ kế, họ cùng nhau tu tịnh nghiệp. Sau đó, cô bị bệnh, gia đình thỉnh tăng đến nói pháp quán Tịnh độ. Nghe xong, cô tắm rửa sạch sẽ, nằm thếp cát tường và đưa tay nắm lá phan trên tay bồ-tát Quán Âm, rồi an nhiên qua đời. Người mẹ kế sàng tro cốt ở trên đất để chứng nghiệm chỗ cô vãng sinh thì thấy trong đống tro ấy có mấy hoa sen mọc lên.

11. Bà họ Chu

Bà Chu Thị Diệu Thông sống vào đời Tống, là con gái của Chu Nguyên Khanh. Do xúc động với điềm lành của người mẹ ngồi trên đài hoa vãng sinh nên bà chuyên tâm niệm Phật, cầu sinh An Dưỡng. Lúc bị bệnh, bà thỉnh tăng hành trì

[133] Trai giới 齋戒 (S: uposadha): Giữ gìn thanh tịnh thân tâm và cẩn thận ngăn ngừa sự buông lung hoặc chỉ riêng cho Bát quan trai giới hay chỉ riêng cho giới quá Ngọ không ăn.

pháp sám hối. Bà tự thấy mình mặc y phục mới, sạch đẹp, ở trên lầu cao lễ Phật, niệm Phật và nói với người nhà: “Mọi người phải siêng năng tu Tịnh nghiệp, ta ở Tây phương đợi các người”. Nói xong, bà nằm nghiêng bên phải, xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

12. Bà Chu Hạnh

Bà Chu Hạnh sống vào đời Tống, người ở châu Thái Bình. Lúc còn trẻ, bà chuyên tâm niệm Phật không chút xao lãng. Một đêm nọ, bà qui niệm Phật, rồi an nhiên qua đời. Mọi người xung quanh thấy mấy vị tăng dẫn bà bay lên hư không đi về hướng tây.

13. Nghi nhân^[134] họ Lục

Nghi nhân họ Lục sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, vợ của quan Triều đình Vương Dư. Bà thường tụng kinh Pháp hoa, hết lòng cầu sinh Tịnh độ, mỗi ngày lễ Phật sám hối một hội và niệm Phật một vạn tiếng, suốt ba mươi năm. Một hôm, nhân lúc bệnh nhẹ, bà bỗng nghe tiếng trống trời vang lên, bà giật mình, liền ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây, hai tay kết ấn mà qua đời.

Ghi chú

Kết ấn mà qua đời, không riêng gì chư tăng mới có, mà ở người nữ cũng thường thấy. Đó là điềm lành của những người tâm không tán loạn, thân không phóng túng. Ôi! Người nữ nào có thể bắt chước vị này, mỗi ngày chí thành lễ Phật sám hối một hội và niệm Phật một vạn tiếng, suốt ba mươi năm, tâm không thay đổi, thì tôi tin chắc rằng, người ấy nhất định sẽ vãng sinh Tịnh độ.

14. Bà họ Cung

Bà họ Cung sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, suốt ngày niệm Phật và tụng kinh A-di-đà. Sau này bị bệnh, bà thỉnh luật sư Hanh đến khai thị. Luật sư khai thị chưa xong thì bà ngồi ngay thẳng mà qua đời. Bấy giờ, có người tở già họ Vu cũng

[134] Nghi nhân 宜人: Vợ quan lớn, tức là vợ của quan từ Triều phụng đại phu lên đến Triều nghi đại phu được vua phong chức là Nghi nhân.

niệm Phật mãi không ngớt. Một hôm, bà nằm mộng thấy bà họ Cung đến nói: “Tôi đã vãng sinh Tịnh độ, bảy ngày nữa bà sẽ vãng sinh”. Quả nhiên, đúng bảy ngày sau bà họ Vu qua đời.

15. Bà họ Châu

Bà họ Châu sống vào đời Tống, người ở Tráp Xuyên, niệm Phật suốt ba mươi năm. Sau này, bà bỗng nhịn ăn bốn mươi ngày, chỉ uống nước niệm Phật. Một hôm, bà nằm mộng thấy ba vị tăng đều cầm hoa sen và nói: “Lúc trước tôi vì bà mà trồng hoa này, nay bà sẽ được vãng sinh”. Khi thức dậy, bà thỉnh chư tăng đến trợ niệm và bà ngồi ngay thẳng mà qua đời.

16. Bà họ Hạng

Bà họ Hạng tên Diệu Trí sống vào đời Tống, người ở huyện Ngân. Chồng bà chết sớm, có hai đứa con gái, bà đều cho xuất gia. Bà siêng năng niệm Phật. Một hôm, bà chợt nói: “Tôi muốn ngồi qua đời, đừng làm quan tài cho tôi”. Con gái nói: “Đức Phật dùng quan tài ai nói gì đâu”. Người mẹ tỏ ra vui vẻ. Trong chốc lát có hương thơm khắp phòng, bà ngồi kết ấn mỉm cười mà qua đời.

17. Thiếu nữ họ Bùi

Thiếu nữ họ Bùi sống vào đời Tống, người ở Phần Dương, chuyên tâm niệm Phật. Đến ngày sắp mạng chung, cô đốt hương và nói: “Đức Phật mang đài sen đến rước tôi, tôi sẽ vãng sinh”. Cô vừa nói dứt lời, liền có hoa trời rải xuống, cô ngồi an nhiên qua đời.

18. Bà họ Thẩm

Bà họ Thẩm sống vào đời Tống, người ở Từ Khê, lúc nhỏ đã ăn chay niệm Phật. Sau đó, bà về làm dâu nhà họ Chương nhưng một lòng không thay đổi, và bà đã từng phát gạo và áo quần để giúp người đói rét. Sau này bị bệnh nhẹ, bà nỗ lực niệm Phật, bỗng thấy Đức Phật, bồ-tát, chư thiên và Thánh chúng hiện ra trước

mắt, lại có một nghìn ngọn đèn thấp sáng nối liền nhau như hình cầu vồng. Hôm đó, bà nằm thê cát tường mà qua đời.

19. Bà họ Tôn

Bà họ Tôn sống vào đời Tống, người ở Tứ Minh, góa chồng sớm. Bà chuyên tâm niệm Phật suốt ba mươi năm không chút xao lãng. Một hôm bị bệnh nhẹ, bà nằm mộng thấy tám vị tăng đi nhiều quanh phòng lễ sám, tự thấy mình mặc áo lụa đi theo các vị tăng ấy. Khi thức dậy, bà tắm rửa, thay y phục sạch sẽ, thỉnh chư tăng đến hành trì pháp sám hối. Bà ở trước đại chúng, ngồi ngay thẳng tụng kinh A-di-đà đến câu “nhất tâm bất loạn”, tay trái kết ấn mà qua đời. Mọi người xa gần đều nghe trên hư không có tiếng nhạc.

20. Bà họ Lâu

Lâu Thị Tuệ Tĩnh sống vào đời Tống. Bà là vợ của Tụ bạc Chu Nguyên Khanh và từng xem qua bộ Truyền đăng lục, tâm địa thấu suốt nên hết lòng nương theo pháp môn Tịnh nghiệp làm chỗ chân tu, niệm Phật mãi không dứt. Đến lúc tuổi già bị bệnh, bà bỗng thấy một đài sen màu tía, hóa Phật vô số và nghe mùi hương lạ thơm khắp phòng. Bấy giờ, bà bảo người trong nhà hãy gấp rút niệm Phật, trong chốc lát thì bà qua đời.

21. Bà họ Tần

Tần Thị Tịnh Kiên sống vào đời Tống, nhà ở Tùng Giang, nhàm chán thân nữ, nên tuy ở chung với chồng nhưng bà siêng năng giữ trai giới. Bà thường xem các bộ kinh như: Hoa nghiêm, Pháp hoa, Kim quang minh^[135], Bát-nhã, không để thời gian luống qua vô ích. Bà ngày đêm hành trì Di-đà sám, lễ Phật một nghìn lạy, trải qua một thời gian lâu thì có ánh sáng chiếu vào nhà. Bấy giờ, bà an nhiên ngồi xoay mặt về hướng tây mà qua đời.

[135] Kinh Kim quang minh (Kim quang minh kinh 金光明經, S: Suvarṇaprabhāsottama-sūtra): Kinh, 4 quyển, do ngài Đàm-vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 16. Nội dung gồm 19 phẩm, chủ yếu nói về sự hộ vệ quốc gia của chư Thiên và các Thiện thần.

22. Bà họ Chung

Bà họ Chung sống vào đời Tống, người ở Gia Hòa, thường tụng kinh A-di-đà và niệm Phật suốt hai mươi năm liền. Một hôm, bà nói với đứa con: “Ta thấy vô số hoa sen trắng lớn và các bậc Thánh đứng ở trên đó”. Nói xong, bà ngồi ngay thẳng mà qua đời.

23. Thiếu nữ họ Tôn

Thiếu nữ họ Tôn sống vào đời Tống, người ở Tiền Đường, thường niệm Phật và trì chú. Nhân lúc bị bệnh, cô thỉnh luật sư Thanh Chiêu đến và nói: “Con bệnh đã lâu, nhàm chán cõi đời này, muốn cầu vãng sinh. Xin luật sư giảng cho con nghe về nhân duyên Tịnh độ”. Cô nghe giảng xong, lòng rất vui mừng. Tối đến, cô nằm mộng thấy luật sư bung chén thuốc cho cô uống, mồ hôi tuôn ra, cô cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng.

Ba ngày sau, cô nói với người chăm sóc: “Tôn giả Ca-diếp đến đây, ngồi trên một tòa sen vàng”. Nói vừa dứt lời, cô nhắm mắt kết ấn mà qua đời.

24. Thiếu nữ họ Lương

Thiếu nữ họ Lương sống vào đời Tống, người ở Phần Dương, hai mắt đều bị mù. Một hôm, cô gặp vị sa-môn khuyên niệm Phật. Cô niệm Phật như vậy suốt ba năm thì hai mắt sáng ra. Một hôm, cô bỗng thấy Đức Phật và bồ-tát cầm tràng phan, bảo cái đến rước. Hôm ấy cô mạng chung.

25. Bà họ Hoàng

Bà họ Hoàng sống vào đời Tống, người ở Hồ Sơn, thường trì kinh Kim cương, Pháp hoa và chuyên tâm niệm Phật. Một hôm, bà bị bệnh liệt, chỉ uống nước không ăn gì. Bảy giờ, có vị tăng tu tập ở thất gần đó nằm mộng thấy bà đến nói: “Con sắp vãng sinh Tây phương”. Hai ngày sau, bà ngồi ngay thẳng xoay mặt về phía tây niệm Phật và qua đời. Lúc ấy, mọi người đều thấy có đám mây hồng phủ trên nhà của bà.

26. Bà họ Trần

Bà họ Trần sống vào đời Tống, quê ở Quảng Bình, cắt tóc giống người xuất gia, ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, được mọi người gọi là Đạo Giả. Sau này, trong lúc bệnh tật, bà mời rất đông kẻ tăng người tục đến nhà niệm Phật. Trải qua hai ngày, bà bỗng chấp tay an nhiên mà qua đời.

27. Bà họ Thôi

Bà Thôi làm nhũ mẫu cho nhà họ Lương vào đời Tống, quê ở Đông Bình, Truy Châu. Bà ăn chay trường, nhưng rất ngu muội, không thể cùng bạn bè tranh luận hơn thua. Người chủ là phu nhân Triệu chuyên tâm học thiền, nhưng bà Thôi ngày đêm hầu cạnh phu nhân âm thầm chí thành niệm danh hiệu Phật A-di-đà không chút xao lãng. Bà không cảm tràng hạt nên không biết niệm mấy nghìn tiếng. Năm 72 tuổi, bị bệnh thổ tả nằm mãi trên giường, nhưng bà vẫn siêng năng niệm Phật hơn. Lúc rảnh rỗi, bà bỗng ngâm kệ:

Tây phương một lối thích tu hành
Trên không bít lối, dưới phẳng bằng
Lúc đi không cần mang giày vớ
Từng bước hoa sen tự đỡ chân.

Miệng bà cứ ngheo ngao mãi như thế. Có người hỏi:

- Đó là lời của ai?

Bà đáp:

- Của tôi.

Người kia hỏi:

- Lúc nào bà đi?

Bà đáp:

- Đến giờ Thân tôi đi.

Quả nhiên, đến giờ Thân bà qua đời. Lễ hỏa thiêu của bà được cử hành như pháp của các vị tăng. Lúc hỏa thiêu xong, lưởi bà vẫn còn nguyên vẹn và có hình giống như hoa sen.

28. Thiếu nữ họ Ngô

Thiếu nữ họ Ngô sống vào đời Tống, là một Huyện quân^[136]. Cô giữ trai giới nghiêm cẩn và có người hầu cận cũng rất siêng năng niệm Phật. Một hôm, cô bỗng thấy hoa sen vàng nâng bàn chân ba vị Thánh Tây phương, vài ngày sau thì thấy đầu gối, vài ngày sau nữa thấy thân và vài ngày sau nữa mới thấy mặt mũi của ba vị Thánh, ở giữa là Đức Phật A-di-đà, hai bên là bồ-tát Quán Âm và Thế Chí; lại thấy cõi nước, đèn điện, phòng ốc rõ ràng như đường chỉ trong lòng bàn tay. Những cảnh tượng ấy hiện rõ ràng trước mắt suốt ba năm. Sau này, bỗng bà bị bệnh, tự nói mình được vãng sinh và qua đời.

Ghi chú

Thiếu nữ họ Ngô lúc nào cũng thấy Phật, việc ấy có không? Nếu căn cứ vào sức tu tập tinh tiến, xét theo lí thì đương nhiên có việc này. Nhưng giữa ma và Phật phải phân biệt rõ ràng, tà và chính phải rạch ròi. Người nữ gặp việc này phải nhanh chóng đến hỏi các bậc cao minh.

29. Bà họ Trịnh

Trịnh Thị Tịnh An sống vào đời Nguyên, quê ở Tiền Đường, chuyên tâm niệm Phật suốt ngày không chút xao lãng. Lúc bị bệnh, bà nghe trên hư không có tiếng bảo rằng: “Đã đến lúc bà phải ra đi, không được chậm trễ”. Bà lại thấy thân Đức Phật màu vàng, liền phấn chấn hẳn lên, ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng tây, gọi người con gái xuất gia của bà đến tụng kinh A-di-đà. Bấy giờ, bà an nhiên qua đời. Con gái của bà nằm mộng thấy mẹ đến nói: “Mẹ đã sinh về Tịnh độ, con phải nghe lời các bậc tu hành”.

30. Bà họ Chu

Bà họ Chu sống vào đời Nguyên, người ở chợ Bảo Tràng, huyện Ngân, chuyên tâm tu Tịnh độ. Vào đầu năm bà giữ im lặng, không nói lời nào, ngày đêm thường ngồi, kéo dài đến trọn một tháng mới thôi. Vào tháng sáu của mùa hạ thì ban phát

[136] Huyện quân 縣君: Hiệu của vua ban cho người phụ nữ.

nước trà, trải qua một thời gian dài không ngừng nghỉ. Một hôm, bà nằm mộng thấy có lá sen lớn che kín cả chợ, tự thấy mình cầm tràng hạt đi kinh hành niệm Phật trên lá sen. Sau này, bà bị bệnh nhẹ, ban đêm có người hàng xóm thấy tràng phan, bảo cái bay vào trong nhà bà. Đến lúc trời vừa sáng, bà ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời.

31. Bà họ Tiết

Vào thời Đại Minh có bà họ Tiết, là con gái của nhà thế tộc ở Vũ Đường. Khi sinh bà, mẹ bà nằm mộng thấy sao Trường Canh chui vào bụng. Về sau, bà về làm dâu ở nhà họ Chu, sinh được năm người con thì chồng qua đời. Bà ở vậy thủ tiết nuôi con và hằng ngày thờ cúng Quan Âm đại sĩ. Một hôm, bà đốt hương cúng dường, khói hương quyện tỏa thành hình hoa sen. Mọi người đều lấy làm lạ. Từ đó, bà chuyên tâm niệm Phật và bố thí không biết mệt mỏi. Bà niệm Phật suốt mười lăm năm không bỏ ngày nào.

Tháng năm, niên hiệu Vạn Lịch, nhằm năm Đinh Hợi (1575), bà mắc bệnh. Thầy thuốc bảo đem cháo sữa đến nhưng bà nhất định không dùng. Bà dứt hẳn cơm nước lẫn thuốc thang từ đó. Đến ngày mùng 6 tháng 9, bà cho mời chư tăng đến nhà cử hành lễ sám. Bà lại nói: “Bốn ngày nữa, việc của tôi sẽ hoàn tất”. Nói rồi, bà hướng về tượng Đức Phật A-di-đà ngày đêm chuyên tâm niệm danh hiệu Ngài. Đồng thời, bà căn dặn các con trai phụ giúp bà và cấm tuyệt đối không cho phụ nữ vào phòng. Bảy giờ, đúng vào ngày mùng 9 tháng 9, bà lấy nước hương vẩy lên y phục sạch và cái ghế ngồi để tịnh hóa. Sáng sớm hôm sau, bà lấy nước rửa tay, tụng Cam lộ chân ngôn, mặc áo sạch sẽ, đội mũ Chí công, quỳ mãi trước tượng Phật A-di-đà và niệm danh hiệu của Ngài. Rồi bà đốt hương đọc bài kệ xưng tán Phật, xưng Tam quy y, lạy ba lạy, lần chuỗi niệm Phật 108 lần. Đến giờ Ngọ, bà ngồi ngay thẳng kết ấn qua đời. Bà chết mà thân khí vẫn tươi tỉnh, so với khi còn sống thì rạng rỡ hơn nhiều.

Lúc ấy, những người đứng bên cạnh đều nghe có hương thơm của hoa sen ngào ngạt khắp phòng. Các con trai bà theo như lời dặn đưa thi thể mẹ họ vào khám. Ngày đưa đám bà có mấy nghìn người đến xem, ai nấy đều vui vẻ đình lễ. Điềm lành vãng sinh của bà ở các bản truyện khác đều có ghi lại.

Ghi chú

Người mẹ trước khi chết đã dặn các con chuẩn bị cái khám, không cần quan tài, không rước sát thân, không đốt giấy tiền vàng bạc, không giết muông sinh để cúng tế. Các con bà đều nghe theo không dám làm trái.

Tôi (Châu Hoàng) nghe: Thuở xưa có một người ngồi chết, đứa con sợ trái với danh giáo nên mới kéo chân người cha duỗi ra, bất thành linh người cha lấy tay đánh người con. Người con sợ quá nói rằng: “Con giúp cha ngồi chết”. Nay chúng ta xem các con bà Chu làm như thế nào! Trước khi người mẹ trút hơi thở cuối cùng, bà đợi tôi đến truyền giới nhưng tôi đến trễ. Người mẹ nói: “Thời giờ đã đến mẹ không đợi nữa”. Nói dứt lời, bà nhắm mắt qua đời. Nhiều người cho rằng bà vì hận mà chết. Họ đâu biết rằng, tuy tôi chưa xuống thuyền nhưng đã làm pháp yết-ma^[137] rồi. Ôi! Các bậc thiện nhân đều ở chung một chỗ. Mẹ con bà Chu há chẳng phải cũng giống như vậy sao!

32. Phụ nữ họ Hứa

Vào thời Đại Minh có một thiếu phụ họ Hứa, quê ở quận Hàng Châu. Bà là người hiền lành, chất phác, suốt ngày chỉ biết niệm Phật. Khi sắp qua đời, bà gọi người nhà đến và từ biệt họ. Sau đó, bà mặc y phục sạch đẹp, ngồi ngay thẳng, tay cầm thiên mục bạch hoa tự cài lên đầu mình rồi an nhiên qua đời.

Tổng Luận

Cõi nước Cực Lạc thật không có người nữ. Người nữ đã được vãng sinh về đó nhất định đều có hình tướng như nam giới. Nay có người vẽ bức tranh Cửu phẩm^[138] ở Tây phương trong đó có hình tướng người nữ, như vậy là sai lầm. Ấy chỉ là căn cứ vào cái nhân xưa còn lại mà vẽ thành bức tranh có đủ các loài đồng sinh mà thôi, chứ ở trong cảnh giới thanh tịnh tìm hình bóng người nam còn không có, huống chi người nữ!

[137] Yết-ma 羯磨 (S: karman): Các việc làm có liên quan đến giới luật như thụ giới, sám hối, kết giới tức chỉ cho tác pháp sinh thiện diệt ác. Lúc thụ giới, nhờ yết-ma mà giới tử thành tựu được giới thể. Nội dung yết-ma gồm có bốn thứ: Pháp (tác pháp yết-ma), Sự (tất cả sự thật về yết-ma), Nhân (người có liên quan đến yết-ma) và Giới (nơi thực hành yết-ma).

[138] Cửu phẩm 九品: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ; trung thượng, trung trung, trung hạ; hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.

Tuy nhiên, người nữ lại có ba khuyết điểm. Thứ nhất, hiếu với cha mẹ chồng không bằng hiếu với cha mẹ mình. Thứ hai, đối xử với người ở không như đối xử với con cháu mình. Thứ ba, biết bố thí nhưng không biết ngăn chặn cái tâm tham của mình. Biết mến mộ thân nam nhưng không biết chừa bỏ cái tính nết đàn bà của mình. Chỉ biết hăng hái vào chùa phụng sự sa-môn nhưng không biết tìm lại chính mình. Biết rõ ba điều này, mặc dù chưa ra khỏi cõi Ta-bà nhưng chắc chắn được làm từ-kheo, vì sao lại lo không vãng sinh Tịnh độ?

33. Bà lão họ Vu

Vào đời Đại Minh có bà lão họ Vu, là mẹ của Vu Quý ở thôn Châu Thiệu, Xương Bình, Bắc Kinh. Bà đã niệm Phật trong một thời gian rất lâu. Một hôm, bà giặt y phục sạch sẽ và nói với con rằng: “Mẹ sắp sinh về Tịnh độ rồi”. Người con không tin. Đến kì hạn, bà lấy cái ghế đặt giữa sân và ngồi trên ghế mà qua đời. Lúc ấy, có hương thơm lạ, thiên nhạc, người trong làng đều nghe biết.

34. Bà họ Phương

Vào đời Đại Minh có bà họ Phương, là vợ của ông Chư sinh^[139] Ngô Ứng Đạo. Năm ba mươi tuổi, chồng bà qua đời. Từ đó, bà một lòng theo đạo Phật và chuyên tu cầu sinh Tịnh độ. Bấy giờ, có một bà lão cũng trì trai, giữ giới theo hầu bà suốt hai mươi năm.

Đến niên hiệu Vạn Lịch, nhằm năm Ất Dậu (1585), lúc ấy bà Phương tròn năm mươi tuổi. Bà mắc bệnh nhẹ nên cho gọi bà lão đến bên cạnh niệm Phật mãi không dứt, không nói một lời và không làm chuyện gì khác. Một ngày trước khi qua đời, bà tắm rửa sạch sẽ, thay y phục. Sáng sớm hôm sau, bà đốt hương lễ Phật, rồi trở lại ngồi trên giường và qua đời.

Ông Tử Dụng Tiên đồ tiến sĩ chưa từng nói dối với ai, đã thuật lại cho tôi (sư Châu Hoằng) nghe đầy đủ việc này.

[139] Chư sinh 諸生: Sinh viên đã nhập học Quốc Tử Giám.

35. Bà Trương

Vào đời Đại Minh có bà họ Đào, là vợ kế của cư sĩ Trương Thủ Ước ở Trường Thủy. Sở dĩ ông Trương tin và phụng thờ Phật là do bà khuyến khích cảm hóa. Hàng ngày bà Trương tụng kinh không gián đoạn. Một hôm, nhân ông Trương đến Phổ Đà sơn đình lễ Bồ-tát Quán Thế Âm, bà Trương ở nhà nói với hai người con: “Hằng ngày mẹ tham cứu hai câu ‘Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật’ nay mới tỏ ngộ. Ngày mùng 4 mẹ sẽ đi”. Đến kì hạn đã định, bà ngồi ngay thẳng mà qua đời.

Ngày hôm sau, ông Trương trở về, tẩm liệm bà. Một lát sau, trên nắp quan tài bỗng xuất hiện năm đóa sen xanh. Ông ấy vô cùng ngạc nhiên, lấy làm hồ thẹn và tự trách rằng: “Mình sống chung với nhau mà tôi chẳng hề biết đạo hạnh của bà như thế”. Mọi người gần xa đều thấy biết việc này, không ai không khen ngợi, ngưỡng mộ.

36. Mẹ của Tôn Danh

Vào đời Đại Minh có mẹ của Trung quan Tôn Danh suốt đời trì trai, giữ giới và chuyên tâm niệm Phật. Đến lúc tuổi già, bà mắc bệnh nhẹ, tự biết giờ đi đã đến. Bà nói với người con: “Mẹ muốn ngồi chết”. Con bà khóc than xin bà đừng đi nhưng không được. Bà bảo làm sẵn cho bà một cái khám, đến giờ bà vào khám ngồi ngay thẳng mà qua đời.

37. Bà họ Chu

Vào đời Đại Minh có bà họ Chu, quê ở Gia Định, Ngô Quận, là vợ của cư sĩ Trần Tuấn Xuyên. Bà vốn là người có tính hiền từ, hiếu thảo, một lòng hướng về Tam bảo.

Năm bà 81 tuổi, con bà cầu học với ngài Vân Thê trở về và chỉ bà phương pháp niệm Phật vãng sinh. Từ đó, bà dành hết tâm tư chuyên tu tịnh nghiệp. Niệm Phật được hai năm, bỗng nhiên bà bị bệnh. Ba ngày trước khi qua đời, trước phòng của bà tự nhiên có người gọi tên bà ba lần thật lớn. Lúc ấy, bà nói: “Có hai người mặc y phục màu xanh ở đây”. Vì bệnh lâu ngày nên sức khỏe bà rất yếu, vậy mà bỗng nhiên bà bật dậy ngồi ngay thẳng.

Các con khuyên bà nên nằm nghỉ. Bà liền nằm xuống theo thể cát tường và qua đời. Các con rước thi thể bà đặt nằm giữa nhà, thì tự nhiên thi thể tự xoay về hướng tây. Bấy giờ, mọi người đều rất ngạc nhiên, họ cho rằng, vì sự siêng năng, chí thành tu tập của bà nên cảm ứng như vậy.

Ghi chú

Hác Hi và bà họ Chu đều có điềm lành thấy đồng tử mặc y phục màu xanh, tức sẽ sinh lên cõi trời hoặc sinh vào cõi người. Sau đó không lâu, một là thấy Phật ngồi trên đài sen, hai là không quên xoay về hướng tây, thì sẽ sinh về Tịnh độ. Nếu như hai tướng ấy đều hiện cùng một lúc thì hoặc là chưa xác định được sinh về đâu, hoặc không được vãng sinh, hoặc thời gian vãng sinh còn xa.

38. Bà họ Từ

Vào đời Đại Minh có người đàn bà họ Từ, quê ở Gia Định làm dâu họ Lục, chồng mất sớm, ở góa, chuyên tu tịnh nghiệp. Ngày trước chồng bà bỏ ra nghìn lượng vàng cho vay, sau khi ông ấy qua đời, bà đốt hết giấy tờ, cũng không lấy lại vàng. Ngoài ra, bà còn đem tất cả đồ trang sức của mình cho hết mọi người. Bà thường đến trước Phật lễ lạy, tụng niệm không dứt.

Bỗng một đêm, bà gọi người hầu lại và bảo: “Người nhìn xem hướng đông có phát ánh sáng không? Đã đến lúc ta vãng sinh rồi, các người hãy trợ niệm cho ta”. Nói xong, bà chấp tay đồng dạ niệm Phật và qua đời.

VI. NGƯỜI ÁC VÃNG SINH

1. Trương Thiện Hòa

Vào đời Đường có người tên Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu. Đến lúc sắp qua đời, ông thấy một bầy trâu nói tiếng người đến đòi mạng. Lúc ấy, ông vô cùng sợ hãi, vội gọi vợ lại và bảo: “Bà mau đi thỉnh chư tăng đến làm lễ sám hối cho tôi”.

Chư tăng đến nhà nói với ông:

- Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Người nào khi sắp lâm chung thấy tướng ác hiện ra mà chí tâm niệm Phật thì liền được vãng sinh”.

Thiện Hòa nói:

- Cảnh địa ngục hiện ra rất nguy cấp, không còn kịp lấy lư hương nữa!

Nói rồi tay phải ông cầm lư, tay trái cầm hương đốt, ngồi xoay mặt về hướng tây chuyên tâm, tha thiết niệm Phật. Niệm chưa được mười tiếng, ông tự nói: “Phật đến rước tôi!” Nói dứt lời, ông trút hơi thở cuối cùng.

Ghi chú

Trong lúc thấy cảnh địa ngục hiện ra trước mắt, dùng tay làm lư hương; ấy là vì gặp tình thế quá bức bách nên lòng mới thành khẩn, ý mới tinh chuyên cũng không có niệm thứ hai vậy. Dù nói chỉ cần mười niệm nhưng vẫn hơn những người rỗng rã niệm Phật cả trăm nghìn vạn ức niệm mà không nhất tâm. Những người như vậy nhất định sẽ vãng sinh. Theo lí thì thật đúng như thế. Có người nghi ngờ ông là bô-tát thị hiện nên mới làm được như thế. Nhưng sự thật hoàn toàn không phải như vậy!

2. Trương Chung Quỷ

Vào đời Đường có người tên Trương Chung Quỷ, làm nghề giết gà. Lúc ông bệnh nặng thấy một người mặc áo lụa đào xua bầy gà đến mổ ông, máu chảy đầy mặt, đau đớn không sao chịu nổi.

Bấy giờ, có vị từ-kheo đến nhà bài trí tượng Phật và bảo ông niệm Phật. Bỗng chốc, có hương thơm phảng phất khắp phòng và ông nhẹ nhàng qua đời.

3. Hùng Tuấn

Vào đời Đường có người tên Hùng Tuấn, quê ở Thành Đô, ông can đảm, dũng cảm hơn người, nhưng không giữ giới luật. Ông từng bỏ đạo để gia nhập quân đội. Sau khi xuất ngũ, ông trở lại làm tăng. Một hôm, ông đọc kinh, thấy trong kinh ghi: “Niệm một tiếng danh hiệu Phật thì diệt được tội nặng sinh tử trong tám mươi ức

kiếp”. Đọc đến đó, ông vô cùng mừng rỡ và thốt lên rằng: “Có điều này để ta nương nhờ rồi!”.

Từ đó, tuy vẫn làm ác nhưng ông thường niệm Phật không dứt. Đến tháng 2 năm Đinh Mùi, ông đột ngột qua đời. Nhưng trải qua một đêm ông bỗng sống lại và kể rằng:

- Tôi đã xuống âm phủ, gặp Diêm vương. Diêm vương nói: ‘Ta bắt làm người. Thường ngày người niệm Phật nhưng vốn không có lòng tin sâu sắc. Nay ta tha cho người trở lại nhân gian, nhưng phải siêng năng niệm Phật hơn’.

Nhiều người chứng kiến việc như vậy, họ cho rằng ông ta lọt lưới địa ngục. Sau đó, ông vào núi, trì trai, giữ giới và niệm Phật suốt bốn năm. Đến tháng 3 năm Đinh Hợi, khi chur tăng đều có mặt, ông nói:

- Đến giờ tôi phải đi rồi. Các ngài trở vào thành nếu gặp người thân của tôi thì báo cho họ biết là Hùng Tuấn nhờ niệm Phật nên được vãng sinh Tịnh độ rồi, chớ cho rằng tôi là người lọt lưới địa ngục.

Nói rồi, ông ngồi ngay thẳng mà qua đời.

Ghi chú

Đồ dơ và sạch không thể đựng chung trong một cái bát, thì làm sao có trường hợp người vừa làm ác vừa niệm Phật mà được vãng sinh! Ôi! Xét lại câu nói: “Có điều này để ta nương nhờ rồi”, trong ấy nói, niệm một tiếng danh hiệu Phật thì diệt được vô lượng tội. Bởi vì lòng tin đã ăn sâu vào xương tủy thì chỉ một niệm mà sức nặng đến vạn cân, cho nên đến khi lâm chung chuyển nghiệp được vãng sinh. Như vậy, sao lại nghi ngờ?

4. Duy Cung

Vào đời Đường, có vị tăng tên Duy Cung sống ở chùa Pháp Tính. Ông ta tính tình ngang ngược, xem thường người trên, hiếp đáp kẻ dưới, kết bạn với kẻ thiếu tu cách, bọn cờ bạc, rượu chè thường tụ tập trước cổng chùa. Những lúc rảnh rỗi ông lại niệm Phật.

Bấy giờ, trong chùa có vị ti-kheo tên Linh Khuy thường giúp đỡ cho bọn người xấu này. Người dân trong làng nói:

Linh Khuy làm ác,
Duy Cung theo gót,
Ngàn tầng địa ngục,
Cùng vào không chán.

Duy Cung nghe vậy liền nói với họ:

- Tuy tôi gây nhiều tội nghiệp không có chỗ trốn thoát, nhưng Đức Phật A-di-đà ở cõi Tịnh độ thương tôi mắc phải lỗi lầm mà cứu ra khỏi cảnh lâm than. Lẽ nào tôi lại bị rơi vào đường ác sao?

Đến niên hiệu Càn Ninh thứ hai (895), Duy Cung mắc bệnh nặng. Linh Khuy đến thăm, từ ngoài đi vào thấy đoàn nhạc công tuổi trẻ, mặc y phục rất đẹp. Linh Khuy hỏi:

- Các vị từ đâu đến?

Họ đáp:

- Từ Tây phương đến rước Duy Cung thượng nhân.

Bấy giờ, một vị trong số những người ấy lấy trong bụng ra một cái bình bằng vàng. Trong bình có hoa sen còn búp nhỏ như nắm tay, bỗng chốc nó nở xòe ra lớn dần như cái mâm, tỏa rực ánh sáng. Những người ấy chạy nhanh về hướng chùa và đột nhiên biến mất. Khi Linh Khuy về đến chùa thì nghe trong chùa có tiếng chuông và Duy Cung đã qua đời.

5. Oánh Kha

Vào đời Tống có người tên Oánh Kha, xuất gia học đạo ở Dao Sơn, Tráp Xuyên, nhưng lại tha hồ ăn uống rượu thịt. Bỗng một hôm, ông sực nhớ phạm hạnh của mình không vẹn toàn, sợ bị đọa lạc luân hồi sinh tử. Ông bảo những người ở chung đọc cuốn Tịnh độ vãng sinh truyện do thiền sư Giới Châu biên soạn cho ông nghe. Đọc truyện nào ông cũng đều gật đầu đồng ý. Sau đó, trong phòng của mình, ông đặt một cái ghế xoay về hướng tây rồi tuyệt thực và ngồi niệm Phật suốt ba ngày. Một đêm, ông nằm mộng thấy Phật đến nói:

- Ông còn sống được mười năm nữa, phải nên siêng năng niệm Phật.

Oánh Kha thưa:

- Dù cho con sống thêm một trăm năm thì cũng sống trong cõi Diêm-phù như uest này, mà ở cõi này dễ mất chính mạng. Con chỉ nguyện sớm được sinh về An Dưỡng để hầu hạ các bậc Thánh.

Phật nói:

- Nếu chí nguyện của ông đã như vậy thì ba ngày sau Ta sẽ đến rước ông.

Kỳ hạn ba ngày đã đến, ông tập hợp mọi người tụng kinh A-di-đà và nói: “Phật và đại chúng đều đã đến”. Nói dứt lời, ông lặng lẽ qua đời.

6. Trọng Minh

Vào đời Tống có người tên Trọng Minh, cư ngụ tại chùa Báo Ân thuộc Sơn Âm, thường phá giới, phạm trai. Một thời gian sau, ông mắc bệnh và gọi người bạn đồng học tên là Đạo Ninh lại và nói:

- Nay tâm thức tôi rối loạn, có thuốc gì chữa trị được không?

Đạo Ninh nói:

- Ông nên quán tưởng hơi thở niệm Phật.

Trọng Minh làm theo y như lời Đạo Ninh chỉ, được bảy ngày thì sức lực đã cạn kiệt. Đạo Ninh lại bảo, ông hãy quán tưởng hình tượng Phật như ở trước mặt. Ông quán tưởng được một hồi lâu, bỗng thấy hai vị bồ-tát, kế đến thấy Đức Phật, rồi ông nhắm mắt qua đời.

7. Ngô Quỳnh

Vào đời Tống có người tên Ngô Quỳnh, quê ở Lâm An. Ban đầu ông xuất gia làm tăng, nhưng sau đó lại hoàn tục. Ông kết hôn hai lần và sinh được hai người con. Ông làm nghề bán rượu thịt, không việc gì không làm. Ông thường đứng bếp, hay giết gà, vịt v.v..., nhưng mỗi khi cầm dao lên ông đều xưng: “A-di-đà Phật! Người hãy thoát khỏi thân này đi!”. Ông vừa xưng niệm danh hiệu Phật vừa xuống dao.

Mỗi khi cắt thịt, miệng ông luôn niệm Phật không dứt. Về sau, trên mắt ông nổi hai khối u như hai quả trứng gà và nó lớn rất nhanh, thật dễ sợ. Ông cắt một cái thảo am rồi ở cách li với vợ con. Từ đó, ông lo niệm Phật, lễ sám không kể ngày đêm.

Đến niên hiệu Thiệu Hưng thứ 23 (1153), ông nói với mọi người rằng: “Ngày mai vào giờ Tuất tôi sẽ đi”. Nghe vậy, mọi người đều cười nhạo ông. Đến chiều tối, ông đem cái áo vải thô đổi lấy rượu uống. Uống xong, ông viết bài kệ:

Như rượu, đều không
Hỏi gì Thiên tong
Hôm nay, trân trọng!
Gió mát trăng trong.

Viết rồi, ông ngồi ngay thẳng chấp tay niệm Phật và bỗng la to: “Đức Phật đến!”, rồi ông qua đời.

8. Kim Thích

Vào đời Tống có người tên Kim Thích, quê ở Cối Kê, làm nghề đánh cá. Một hôm, bỗng nhiên ông tỉnh ngộ, giữ giới rất nghiêm cẩn, mỗi ngày niệm Phật cả vạn tiếng, trải qua một thời gian lâu mà không hề xao lãng. Sau đó, ông không có bệnh nhưng nói với người nhà: “Phật A-di-đà và hai vị bồ-tát đều đã đến rước tôi. Tôi đi về Tịnh độ đây”. Nói xong, ông đốt hương, ngồi ngay thẳng và qua đời. Người trong làng nghe có hương thơm lạ và tiếng nhạc trời kéo dài suốt ngày mà vẫn không tan.

Ghi chú

Việc của Kim Thích so với hai ông Thiện Hòa, Chung Quỳ hoàn toàn khác. Hai người kia lúc sống tạo nghiệp, đến khi sắp qua đời mới chân thành hối cải. Còn Kim Thích biết sửa đổi lỗi lầm trước và trải qua một thời gian lâu tu tập các nghiệp thiện, cho nên phẩm vị vãng sinh chắc chắn phải hơn hai người kia.

Tổng luận

Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ; nhà tối nhiều năm chỉ cần một ngọn đuốc là sáng. Chắc chắn cõi Tịnh độ không bỏ rơi người ác. Tuy nhiên, phải nên tỉnh ngộ, bỏ ác làm lành, mà thống thiết tự trách mình và trừng phạt lấy mình, hoàn toàn không nên ỷ lại đời nghiệp vãng sinh mà cứ an tâm làm ác để rồi trông mong vào sự may mắn.

Người làm ác ngày xưa lấy đây làm thuốc, người làm ác đời nay bám vào đây nên thành bệnh. Vì thế nên nói, người làm ác ngày xưa tuy gọi là người ác nhưng thực chất là người thiện, còn người làm ác đời nay gọi là người ác thì đúng là người ác. Ôi! Thật đáng buồn thay!

VII. SỨC SINH VÃNG SINH

1. Rồng con

Kinh Bồ-tát xử thai^[140] ghi:

Có một con rồng nói với kim sí điểu^[141] rằng: “Từ khi tôi mang thân rồng tới nay chưa từng sát sinh, cũng không quấy nhiễu các loài ở dưới nước, sau khi qua đời, chắc chắn sẽ sinh về cõi nước của Phật A-di-đà”.

Ghi chú

Có lòng từ không giết hại sinh mạng ấy là tịnh nghiệp chính nhân. Rồng làm theo lời Phật dạy chắc chắn được vãng sinh.

[140] Kinh Bồ-tát xử thai (Bồ-tát xử thai kinh 菩薩處胎經): Cg: Bồ-tát Tỳ-luật thuật thiên giáng thân mẫu thai thuyết Quảng Phổ kinh: Kinh, 7 quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 12. Nội dung kinh này được phân ra 38 phẩm. Quyển 1, lời tựa trình bày Đức Phật vì A-nan vận thân thông mà hiện tướng trạng trong thai mẹ khiến cho A-nan biết ở trong thai cũng giống như cung trời. Hiện thân bồ-tát không bị dấn bụi trần. Lúc bồ-tát ở mười phương nhóm họp, nghe Đức Phật ở trong thai thuyết pháp. Từ đầu đến phẩm thứ 34 Ngài ở trong thai thuyết pháp, hoằng dương tư tưởng tính không. Từ phẩm 35 trở về sau Đức Phật thụ kí cho bồ-tát Di-lặc và dặn dò phân xá-lợi xây tháp thờ cho vua tám nước, chư thiên v.v... Đồng thời phó chúc cho ngài Ca-diếp làm thượng thủ kiết tập kinh điển.

[141] Kim sí điểu 金翅鳥 (S: suparna): Một loài chim giống như chim diều hâu trong thần thoại Ấn Độ. Đây là loài chim được thần thoại hóa, thân to lớn và hung dữ, là chim trời Tỳ-thấp-nô cưỡi, tương truyền lúc nó mới sinh ra, thân nó phát ánh sáng chói lọi, chư thiên lầm tưởng là Hòa Thiên nên kéo nhau đến lễ bái.

2. Chim két

Vào niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường (785-?), có người họ Bùi ở Hà Đông nuôi một con chim két. Nó niệm Phật liên tục, quá giờ Ngọ thì không ăn. Lúc sắp chết, nó niệm Phật mười tiếng rồi tắt thở. Sau khi đốt xác nó người ta nhặt được hơn mười viên xá-lợi, sáng chói mắt. Bấy giờ, có vị tăng tên Tuệ Quán dùng gạch nung xây tháp thờ xá-lợi để tuyên dương sự kì lạ ấy. Quan đầu tỉnh Thành Đô tên Vi Cao làm bài kí sự, có câu: “Thấy rõ được cái tướng không ở nơi vô niệm, thì sau khi chết mới có thể để lại xá-lợi”.

3. Chim sáo

Vào đời Tống có Quán Công ở chùa Chính Đẳng, Hoàng Nham nuôi một con chim sáo biết nói tiếng người, niệm Phật không dứt. Một hôm, nó đứng chết. Khi đào huyệt chôn nó ngay nơi ấy, Quán Công bỗng thấy trên chót lưỡi nó mọc ra một đóa hoa sen màu tía. Luật sư Linh Chi từng làm bài tán ca ngợi nó: “Bị nhốt và chết đứng trong lồng là chuyện bình thường, mọc ra hoa sen tía trên đầu lưỡi mới là chuyện kì lạ”.

4. Chim sáo

Có người ở Đàm Châu nuôi một con chim sáo. Nó thường niệm Phật. Sau khi nó chết, ông ta dùng quan tài chôn cất đàng hoàng. Bỗng nhiên nơi chôn nó mọc lên một đóa hoa sen. Và chính ông ứng khẩu làm bài tụng khen ngợi:

Có con chim linh hiệu Bát Ca
Nghe lời tăng dạy niệm Di-đà
Chết rồi chôn cất, hoa sen hiện
Người chẳng hỏi tâm, biết thế nào?

Ghi chú

Chim két, chim sáo được người dạy niệm Phật nên vãng sinh, ấy là chuyện bình thường thôi. Nhưng sao ngày nay chẳng nghe nói súc sinh được vãng sinh nữa?

Ôi! Ví như người đời đều nghe lời chỉ dạy về niệm Phật, nhưng có người chuyên tâm niệm Phật, có người niệm Phật hời hợt. Vì thế, người niệm Phật thì nhiều mà

người được vãng sinh rất ít. Cũng vậy, trường hợp chim két, chim sáo kia được vãng sinh có gì không hợp lý?

Tổng luận

Có người cho rằng: “Con người khôn lanh, loài vật ngu xuẩn, vì sao chim là loại súc sinh mà được vãng sinh?”. Là vì họ không biết tất cả các loài hữu tình đều có tính giác của Phật, nhưng vì sự mê mờ có dày, có mỏng nên mới có sự phân biệt người và súc sinh. Chứ chẳng phải giữa khôn lanh và ngu xuẩn có sự chênh lệch nhau. Chẳng hạn như: “Chim trĩ nhờ nghe kinh Pháp hoa mà sinh lại đời làm Tăng. Con trâu thấy được thân tướng đức Phật nên sau khi chết được sinh lên cõi trời”. Những chuyện này được ghi lại rõ ràng trong các truyện. Huống gì chúng sinh trong ba đường, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đều có thể sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà. Đây vốn là bản nguyện của từ-kheo Pháp Tạng.

Nhưng khổ nỗi, con người thấy súc sinh được vãng sinh vẫn cứ điềm nhiên không thức tỉnh, đành lòng sống trong cảnh năm trước, giam hãm trong luân hồi. Một hơi thở ra không trở lại thì thay hình đổi dạng trong đường súc sinh, vậy mà không tự biết vì sao phải như thế?

Quyển 3

VIII. CHƯ THÁNH ĐỒNG QUI

1. Lựa chọn sinh về Cực Lạc

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật ghi:

Bấy giờ Vi-đề-hi rơi lệ bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài nói cho con nghe nơi nào không có các điều lo lắng và khổ não để con nguyện sinh về nơi ấy; con không thích ở cõi Diêm-phù-đề xấu ác này nữa!”. Lúc ấy, Đức Thế

Tôn phóng ánh sáng giữa chạng mây chiếu soi khắp thế giới mười phương, các cõi nước của chư Phật đều hiện ra trong đó. Vi-đề-hi xem xong, hướng về Đức Phật bạch: “Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả cõi nước của chư Phật đều thanh tịnh và có ánh sáng, nhưng nay con chỉ nguyện sinh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà!”.

2. Vãng sinh vô số

Kinh Đại Vô Lượng Thọ ghi:

Ngài Di-lặc hỏi Đức Phật:

- Ở thế giới này có bao nhiêu vị bồ-tát vãng sinh Cực Lạc?

Đức Phật đáp:

- Ở thế giới này có sáu mươi hai ức vị bồ-tát Bất thoái chuyển^[142] vãng sinh cõi Cực Lạc; còn bồ-tát tiểu hạnh^[143] thì không thể tính kể. Không chỉ ở cõi Ta-bà này mà các cõi của chư Phật ở phương khác cũng vậy; như cõi nước của Phật Viễn Chiếu có một trăm tám mươi ức vị bồ-tát đều được vãng sinh. Cho đến cõi nước của chư Phật mười phương, bồ-tát vãng sinh cũng nhiều vô số, nếu Ta nói đầy đủ thì một kiếp cũng không thể nói hết được.

Ghi chú

Thế giới này và cõi nước phương khác, bồ-tát vãng sinh nhiều vô số, thế thì, cõi Tịnh độ làm sao dung chứa hết? Ôi! Biển lớn còn chứa hết tất cả trăm sông, hư không hàm chứa cả thiên la vạn tượng và vô biên cõi nước đều nằm trong một lỗ chân lông của bồ-tát Phổ Hiền. Vì thế, một chút đất dính trên đầu mũi kim ở Tịnh độ có thể dung chứa vô số người vãng sinh, há chẳng rộng lớn sao! Vậy còn cõi nước nào rộng lớn hơn sao?

3. Thấy Phật A-di-đà

Kinh Quán Phật tam-muội ghi:

[142] Bất thoái chuyển 不退轉 (S: avinivartanīya): Không thoái chuyển, chỉ sự tu hành không lui sụt cho đến khi thành Phật.

[143] Bồ-tát tiểu hạnh 菩薩小行: Là bồ-tát mới phát tâm.

Sau khi được Đức Phật thụ kí cho vãng sinh về cõi Cực Lạc, Bồ-tát Văn-thù phát nguyện và nói kệ rằng:

Con nguyện lúc mạng chung
Diệt trừ các chương ngại
Thấy được Phật Di-đà
Vãng sinh cõi Cực Lạc.
Sinh về nước kia rồi,
Con đầy đủ đại nguyện,
A-di-đà Như Lai
Hiện tiền thụ kí con.

4. Tu mười nguyện cầu vãng sinh

Kinh Hoa nghiêm ghi:

Bồ-tát Phổ Hiền đưa ra mười đại nguyện ban trải rộng khắp để chúng sinh tu tập cầu sinh Tịnh độ. Ngài nói kệ:

Cầu nguyện lúc con sắp mạng chung
Diệt trừ tất cả các nghiệp chướng
Nhìn thấy Đức Phật A-di-đà
Liên được vãng sinh cõi Cực Lạc.

Ngài lại nói:

Chúng hội Phật kia đều thanh tịnh
Lúc con sinh vào trong hoa sen
Liên thấy Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thụ kí con thành Phật.

Ghi chú

Bồ-tát Văn-thù là thầy của bảy Đức Phật. Mười hạnh nguyện Phổ Hiền là nơi muôn hạnh hướng về mà cầu vãng sinh Tịnh độ. Nhưng hai ngài đều ân cần nhắc nhở. Người phụ tá Đức Phật Thích-ca ở Ta-bà cũng tức là người hầu cận đức A-di-đà ở cõi An Dưỡng. Việc ấy rất rõ ràng. Nếu ai khinh thường Tịnh độ mà không nguyện vãng sinh thì rất sai lầm vậy!

5. Kệ và luận về Tịnh độ

Bồ-tát Thiên Thân, người Thiên Trúc, là tác giả của nhiều bộ luận. Ngài bay lên nội viện của trời Đâu-suất đỉnh lễ và hầu hạ bồ-tát Di-lặc. Sau đó, Ngài lại trú tác bộ Vô Lượng Thọ kinh luận và Tịnh độ kệ. Ngài dùng pháp tu năm môn^[144] để khuyên mọi người cầu vãng sinh.

6. Thỉnh tượng Phật

Bồ-tát Ngũ Thông cư trú tại chùa Kê-đầu-ma ở Thiên Trúc, vận thần lực đến nước An Lạc gặp Đức Phật A-di-đà và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh ở cõi Ta-bà muốn cầu sinh Tịnh độ nhưng không thấy tượng Phật. Thỉnh Ngài giáng trần!

Đức Phật dạy:

- Ngươi hãy về trước đi, Ta sẽ đến.

Lúc bồ-tát trở về thì đã thấy một tượng Phật và năm mươi tượng bồ-tát ngồi tòa sen ở trên ngọn cây. Bồ-tát Ngũ Thông liền cho chép thành truyện và lưu truyền rộng rãi, và đặt tên là Cảm Thông truyện.

Ghi chú

Có người không tin: “Không nhờ thần lực mà có thể đến được nước An Lạc”. Than ôi! Một niệm vãng sinh, không nhọc khảy móng tay. Lẽ nào không được như thế sao!

[144] Năm môn (Ngũ môn 五門): 1. Môn lễ bái, 2. Môn tán thán, 3. Môn tác nguyện, 4. Môn quán sát, 5. Môn hồi hướng.

7. Tạo luận Khởi tín

Bồ-tát Mã Minh là vị tổ thứ 12 của Thiên tông Thiên Trúc, Ngài trứ tác bộ luận Khởi tín^[145]. Cuối quyển luận, ngài nói cầu sinh Tịnh độ là điều thiết yếu nhất.

8. Bồ-tát Long Thọ được thụ kí vãng sinh

Kinh Lăng-già^[146] ghi:

Đại Tuệ! Ông nên biết: “Sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn, đời sau có vị tì-kheo thụ trì pháp của Ta rất nổi tiếng, hiệu là Long Thọ có thể phá các tông hữu và vô để hiển bày pháp Đại thừa vô thượng của Ta khắp thế gian, chúng Sơ hoan hỉ địa, được vãng sinh nước An Dưỡng.

9. Làm lành được vãng sinh

Kinh Đại-bi^[147] ghi:

Đức Phật nói: “Sau khi Ta diệt độ, ở nước Bắc Thiên Trúc có vị tì-kheo tên Kì-bà-già tu tập vô lượng căn lành tối thắng bồ-đề. Sau khi ông mạng chung sinh về cõi nước của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, cách đây trăm nghìn ức thế giới, rồi ở chỗ Đức Phật A-di-đà tiếp tục gieo các căn lành, sau đó được thành Phật, hiệu là Vô Cấu Quang”.

10. Đắc nhãn vãng sinh

Kinh Bồ-tát sinh địa^[148] ghi:

[145] Luận Khởi tín (Khởi tín luận 起信論): Cg. Đại thừa khởi tín luận, do bồ-tát Mã Minh tạo. Có hai người dịch: Một là Chân Đế dịch vào đời Lương, 1 quyển. Hai là Thật-xoa-nan-đà dịch vào đời Đường, 2 quyển. Nội dung khuyên người khởi lòng tin chân chính đối với Tam bảo. Luận này nói lên lý cùng tột của giáo lý Đại thừa.

[146] Kinh Lăng-già (Lăng-già kinh 楞伽經, S: Laṅkāvatāra-sūtra): Cg: Lăng-già-a-bạt-đa-la Bảo kinh, 4 quyển, do ngài Cầu-na-bạt-đa-la dịch vào năm 443, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 16. “Lăng-già” là tên núi; “A-bạt-đa-la” nghĩa là nhập, tức là bộ kinh quý được Đức Thế Tôn nói khi Ngài vào núi Lăng-già, là 1 trong sáu bộ kinh được tông Pháp Tướng y cứ.

[147] Kinh Đại-bi (Đại-bi kinh 大悲經, S: Mahā-karuṇā-puṇḍarīka): Kinh, 5 quyển, do ngài Na-liên-đề-da-xá ở chùa Thiên Bình dịch vào năm 570, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 12. Nội dung kinh này ghi chép lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, truyền trao chính pháp cho tôn giả Ca-diếp và A-nan, đồng thời tuyên dạy công đức cúng dường xá-lợi và cách thức kiết tập.

Đức Phật dạy: “Lúc Ma-sai-kiệt đắc Vô sinh pháp nhẫn^[149] có năm trăm người nam và hai mươi lăm người nữ đều đắc Bất thoái chuyển. Sau khi họ mạng chung đều sinh về nước thanh tịnh của Phật Vô Lượng Thọ”.

Ghi chú

Cầu sinh Tây phương là vì muốn ngộ Vô sinh nhẫn và lên Bất thoái địa. Khi đã đắc Nhẫn và Bất thoái mà lại cầu sinh Tịnh độ là vì Bồ-tát muốn gần gũi Như Lai nên làm như thế. Nay hàng phàm phu bị trói buộc là do sức nhẫn chưa đầy đủ, người bị lui sụt thì nhiều vô kể mà lại không để tâm cầu sinh Tịnh độ là sao? Vì thế gọi họ là những kẻ thật đáng thương xót.

11. Đại nguyện thứ hai

Kinh Bồ-tát nội giới^[150] ghi:

Bồ-tát có ba lời nguyện. Trong đó, lời nguyện thứ hai là: “Con nguyện lúc mạng chung được vãng sinh về nước của Phật A-di-đà”.

12. Niệm Phật diệt tội

Luận Đại trí độ ghi:

Có các vị Bồ-tát tự nghĩ: “Phi báng kinh Đại bát-nhã sẽ bị đọa vào đường ác, trải qua vô lượng kiếp, dù tu tập pháp môn khác cũng không thể diệt được tội”. Sau này họ gặp bậc thiện tri thức dạy niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nên nghiệp chướng tiêu trừ, siêu sinh Tịnh độ.

Ghi chú

[148] Kinh Bồ-tát Sinh địa (Bồ-tát Sinh địa kinh 菩薩生地經): Kinh 1 quyển, do Ngô Chi Khiêm dịch. Nội dung là do trưởng giả Ma-sai-kiệt Thích Chủng thưa hỏi: Tu pháp môn nào cho mau thành Phật? Đức Phật đáp: Hãy dùng Tứ sự của Nhị chủng, đây là pháp tu có thể sinh quả Phật.

[149] Vô sinh pháp nhẫn 無生法忍 (S: anutpattika-dharma-kṣānti): Một trong ba nhẫn, nhẫn thứ tư trong năm nhẫn nói trong kinh Nhân Vương, tức là quán lý không sinh không diệt của các pháp, nhận kỹ lý ấy, an trụ tâm bất động.

[150] Kinh Bồ-tát nội giới (Bồ-tát nội giới kinh 菩薩內戒經): Gồm 1 quyển, do ngài Cầu-na-bạt-ma dịch vào đời Lưu Tống. Nội dung là vào Đức Phật thuyết giới ngày 15. Bồ-tát Văn-thù hỏi: “Bồ-tát đạo, tục mới phát tâm phải tạo công đức gì để Đức Phật nói 12 thời giới pháp?”.

Chí tâm niệm Phật một tiếng thì diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp, điều này rất rõ ràng. Vì sao? Vì chí tâm niệm Phật. Nếu không chí tâm niệm Phật thì tội chướng không tiêu trừ. Chớ nói rằng, lời dạy của bậc thánh không có căn cứ!

13. Ghi tên dự Thăng hội

Thiền sư Trường Lô Trách, noi theo phép tắc của tổ Tuệ Viễn, lập Liên Hoa thăng hội để khuyến mọi người niệm Phật. Một hôm, thiền sư nằm mộng thấy một người mặc áo trắng, chít khăn đen, dung mạo rất đẹp đến vái chào và nói:

- Tôi muốn vào Liên Hoa thăng hội của Ngài. Xin cho tôi ghi tên.

Trường Lô Trách hỏi:

- Ông tên gì?

Người kia đáp:

- Tôi đã ghi tên là Phổ Tuệ rồi - Lại nói tiếp: “Anh của tôi tên là Phổ Hiền, đồng thời cũng xin được ghi tên gia nhập thăng hội”.

Trường Lô Trách tỉnh dậy và xem phẩm Li thể gian trong kinh Hoa nghiêm thì có tên hai vị bồ-tát này, liền đặt tên hai vị ấy đứng đầu thăng hội.

Ghi chú

Phàm tăng mở hội niệm Phật các bậc thánh xưa ghi tên gia nhập nhiều lắm! Tịnh độ không phải là nhân duyên nhỏ. Bởi vì việc lập hội niệm Phật ấy phát xuất từ lòng chân thành nên thâm cảm thông linh ứng, có một điều gì giả dối được sao? Người tự cho mình tốt còn không thêm giả dối, huống gì là cổ thánh! Nay có người cho rằng, sở dĩ gọi là hội niệm Phật là vì Trường Lô Trách thấy việc ấy. Thật là đáng buồn cho họ!

14. Lược nêu các vị tôn túc

Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải là đệ tử nối pháp của Mã Tổ. Sư là trụ cột muôn đời của tông lâm. Sư từng lập ra phương pháp cầu nguyện cho các vị tăng bị bệnh và đưa tiễn những vị tăng đã tịch đều quy hướng về Tịnh độ.

Thiền sư Hoàng Long Tân tham kiến ngài Giác Lão lĩnh hội được tông chỉ, nói pháp dòng phái Hoàng Long. Từ đó, tông phong hưng thịnh, nhưng Sư hết lòng tu tịnh nghiệp. Sư có trứ tác Khuyến niệm Phật văn, được lưu hành ở đời, khiến mọi người phát khởi lòng tin.

Thiền sư Chân Hiết Liễu nói pháp dòng phái của ngài Đan Hà Thuần, là một phái của tông Tào Động. Đến đời Sư thì tông phong hưng thịnh. Sau này, Sư dựng một cái am tranh ở Bồ Đà tên là Cô Tuyết, một lòng cầu sinh Tây phương. Sư giảng thuyết về Tịnh độ để khuyên nhủ bốn chúng tu tập.

Thiền sư Từ Thụ Thâm đặc pháp với ngài Trường Lô Tín. Sư chuyên tâm niệm Phật và cho rằng con đường tắt tu hành không gì qua Tịnh độ! Nên Sư thiết lập đạo tràng Tây Phương, hết lòng khuyên hóa mọi người tu Tịnh độ để đến lúc qua đời được vãng sinh.

Pháp sư Thạch Chi Hiểu nói pháp của ngài Nguyệt Đường Tuân. Sư thông suốt kinh giáo, lấy pháp môn Tịnh độ để dạy người. Sư từng sưu tầm các bộ sách trong Đại tạng nói về Tịnh độ; trong số đó có Lạc bang văn loại^[151] được lưu hành ở đời.

Thiền sư Tịch Đường Nguyên học thiền với ngài Mật Am Kiệt. Sư dốc lòng hành trì pháp môn Niệm Phật tam-muội, cảm đến thần Kim Giáp từ trên trời bay xuống. Một hôm, Sư nằm mộng thấy hoa sen đỏ từ dưới đất mọc lên. Do đó Liên Tông rất thịnh hành ở khắp mười châu.

Thiền sư Trung Phong Bồn đặc pháp với ngài Cao Phong Diệu, mọi người rất ngưỡng mộ Sư như Thái Sơn và sao Bắc Đẩu. Sư có trứ tác Hoài Tịnh độ thi gồm 100 bài, được lưu truyền ở đời.

Đãi chế Vương Dĩ Ninh tự xưng là đệ tử của Phật A-di-đà.

Hàn lâm Triều Duyệt Chi trả lời thư Triệu Tử Ngang, xưng tán Tây phương Tịnh độ là chân ngữ, thật ngữ.

Đãi chế Trần Quán viết bi kí Tịnh độ Viện của chùa Diên Khánh, trong đó ông cực lực tán dương pháp môn Niệm Phật.

[151] Lạc bang văn loại 樂邦文類: Tác phẩm, 5 quyển do ngài Tông Hiểu (1151-1214) biên soạn vào đời Nam Tống, Trung Quốc, hoàn thành vào năm 1200, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 47. Nội dung biên tập những bài văn trọng yếu có liên quan đến các kinh luận của tông Tịnh độ, cho đến những trước thuật, thi kệ và truyện kí của các vị tăng.

Tông chủ Ưu-đàm cư trú tại Thiện Pháp đường của chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Ông có trứ tác bộ Liên tông bảo giám^[152] và phụng chiếu khắc bản lưu hành ở đời làm cho pháp môn Tịnh độ được trung hưng.

Ghi chú

Bắt đầu từ ngài Bách Trượng, cuối cùng đến Ưu-đàm; trải qua nhiều đời các bậc tôn túc không ai mà không tu pháp môn Tịnh độ. Thật hưng thịnh quá!

Tổng luận

Thiền sư Thiên Như nói: “Người đời nay xem thường pháp môn Tịnh độ, chẳng phải là xem thường bọn đàn ông, đàn bà ngu dốt mà chính là xem thường các vị bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy”. Cho nên tôi mới tập hợp các kinh để chứng thật những lời nói này. Hoặc có người còn nghi ngờ: “Hàng bồ-tát đạo lực đã lớn, gần giống với Phật rồi thì không nhất thiết phải cầu sinh Tịnh độ”. Ôi! Nếu chưa đạt được giai vị Diệu giác^[153], dù ở giai vị Đẳng giác^[154] một ngày cũng không thể xa lìa Phật, huống là hàng phàm phu!

Bởi vì, cũng như người xưa từng nói:

- Người có chức tước càng cao thì càng gần gũi với vua chúa; ngược lại, bọn khuân vác, kẻ cày bừa làm bạn với ngư phủ, tiều phu tự cho là đủ rồi, hoàn toàn không mong đến cung vua và miệng họ thao thao rằng: “Vị minh chủ đó không đáng để chúng tôi gần gũi”.

Thật đáng nực cười!

[152] Liên tông bảo giám 蓮宗寶鑑: Cg: Lô Sơn Liên tông bảo giám niệm Phật chính nhân. Tác phẩm, 10 quyển, do ngài Phổ Độ biên soạn vào đời Nguyên, Trung Quốc, được xếp vào Đại Chính tạng, tập 47. Sách này dựa trên tông chỉ Niệm Phật tam-muội của ngài Lô Sơn Tuệ Viễn để soạn thành.

[153] Diệu giác 妙覺: Giai vị cuối cùng trong quá trình tu hành của bồ-tát Đại thừa, đã trừ sạch vô minh, chứng được trí tuệ không thể nghĩ bàn. Đây là 1 trong 42 giai hoặc 52 vị bồ-tát.

[154] Đẳng giác 等覺: Giai vị cùng tột của bồ-tát đạt được trí tuệ và công đức gần như Phật.

IX. SINH TỒN CẢM ỨNG

1. Quỷ không dám ăn

Khi Đức Phật còn ở đời, có một nước ở gần với nước La-sát^[155], người trong nước ấy bị La-sát tha hồ bắt ăn thịt. Vua ra lệnh từ nay tất cả người trong nước, cứ mỗi gia đình một ngày, theo thứ tự thay nhau đem người đến cho quỷ La-sát, chớ để cho nó giết càn.

Bấy giờ, có một gia đình theo đạo Phật, chỉ sinh được một đứa con, đến phiên gia đình ấy đem con dâng cho La-sát. Lúc đưa con đi, hai ông bà gào khóc thảm thiết và căn dặn người con phải chí tâm niệm Phật, vì oai lực của Phật sẽ làm cho quỷ La-sát không đến gần được. Sáng hôm sau, đến xem, thấy người con vẫn còn, họ vui mừng dẫn về nhà. Và kể từ đó không còn nạn bị quỷ La-sát ăn thịt nữa. Tất cả mọi người trong nước đều rất vui mừng.

2. Nằm mộng thấy mình thông minh biện luận vô ngại

Thiền Sư Nam Nhạc Tuệ Tư sống vào đời Tùy, hết lòng thờ Phật. Một hôm, thiền sư nằm mộng thấy Đức Phật A-di-đà thuyết pháp cho nghe. Từ đó, thiền sư trí tuệ thông minh hơn người, biện tài vô ngại.

3. Xả bỏ oán thù

Thiệu Bưu sống vào đời Đường, quê ở Trấn Giang, là một nho sinh thời bấy giờ. Một hôm, ông nằm mộng thấy mình đến phủ Nhất Công, mọi người gọi là An phủ sứ ti. Một lát sau, có một vị quan ra hỏi:

- Ông biết vì sao ông không thi đỗ chẳng?

Thiệu Bưu đáp:

- Tôi không biết.

[155] La-sát 羅刹 (S: rākṣasa): Loại ác quỷ trong thần thoại Ấn Độ, được thấy ghi đầu trong bộ Lê-câu-phê-đà. Tương truyền La-sát nguyên là tên gọi dân tộc Thổ Trú ở Ấn Độ, sau khi người Arya chinh phục Ấn Độ, La-sát trở thành một Đại danh từ chỉ kẻ ác, dần dần dùng gọi chung cho loài ác quỷ. Quỷ La-sát có sức thần thông, có thể bay nhanh trong hư không hoặc đi nhanh trên mặt đất, bạo ác đáng sợ.

Nhân đó, vị quan dẫn ông đi về phía trước, Thiệu Bru thấy con hào nhỏ đang bị nấu ở trong một cái vạc lớn. Con hào ấy nói tiếng người và gọi tên ông. Thiệu Bru sợ hãi liền niệm Phật A-di-đà. Khi mới mở miệng niệm thì thấy con hào nhỏ biến thành chim hoàng tước bay đi. Sau đó, Thiệu Bru ra thi trúng tuyển làm quan đến chức An phủ.

Ghi chú

Sát sinh thì tài lộc đến muộn, niệm Phật thì giải được oán thù. Nay nho sinh cứu con vật từ trong vạc ra. Người cầu xin quỷ thần giúp đỡ mà không biết niệm danh hiệu của Đức Phật thì sự mưu tính đó cũng dở. Người hiền pháp môn quý báu này biết việc ấy cũng là nhờ vào kinh sách.

4. Hai vợ chồng thấy Phật

Cát Tề Chi sống vào đời Tống, quê ở Cú Dung, là con cháu của Trĩ Xuyên, nhiều đời học theo đạo tiên. Ông có người vợ họ Kỉ âm thầm chí thành niệm Phật. Đến niên hiệu Nguyên Gia thứ 13 (436), bà vừa ngồi vào khung cửi, bỗng thấy trên hư không có ánh sáng lạ, nhân đó bà rời khung cửi, ngắm nhìn bốn phương, thấy ở phương tây có Phật hiện ra và có tràng phan, bảo cái che rợp bầu trời. Bà vui vẻ nói: Trong kinh dạy: “Vô Lượng Thọ Phật lẽ nào là đây sao?”. Bà liền đến trước Phật đảnh lễ, Cát Tề Chi kinh ngạc đến chỗ bà lạy Phật. Bà chỉ cho ông chỗ Phật hiện thì Cát Tề Chi chỉ thấy nửa thân của Đức Phật mà thôi, trong chốc lát rồi biến mất. Bấy giờ, trên hư không xuất hiện một đám mây lành năm màu, mọi người trong làng đều nhìn thấy. Từ đó, rất nhiều người tin theo Phật pháp.

5. Quỷ không hiện

Trần Xí sống vào đời Tống, quê ở Long Thư, từng giết người. Về sau, thấy quỷ hiện ra, ông rất sợ hãi, liền niệm Phật A-di-đà thì quỷ không đến gần được. Nhân đó, ông niệm Phật mãi không ngớt nên quỷ chẳng còn hiện ra nữa.

Ghi chú

Thiếu nợ mạng với quỷ, tại sao niệm Phật mà đuổi được quỷ đi? Bởi vì công đức oai thần của Đức Phật A-di-đà không thể nghĩ bàn. Niệm một câu danh hiệu Phật

thì quý được siêu thoát, cho nên không hiện ra nữa. Những cảm chú tâm thường sao có thể đuổi được quý!

6. Siêu độ vong linh

Trương Kế Tổ sống vào đời Tống, quê ở Trấn Giang, một lòng tin sâu về Tây phương Tịnh độ. Lúc mẹ qua đời, ông thường niệm Phật để siêu độ vong linh. Một hôm, ông nằm mộng thấy mẹ trở về nói cảm ơn: “Nhờ con niệm Phật mà mẹ được sinh về đường lành!”.

7. Ngủ nghỉ được an ổn

Lưu Trọng Tuệ sống vào đời Tống, quê ở Trường Hưng, Hồ Châu. Ông bị bệnh, ban đêm ngủ thường thấy ác mộng. Có người chỉ cho ông niệm Phật, ông nghe theo, chí thành niệm Phật lớn tiếng 108 câu, rồi mới ngủ, suốt đêm ấy tinh thần được an ổn. Từ đó, ông niệm Phật mãi không ngớt.

Ghi chú

Người xưa dụ việc ngủ mê như là chết phân nửa, lời nói này thật là hay. Bởi vì điên đảo, mộng mị tựa như sự mê muội của sinh tử thì làm sao giấc ngủ an ổn được. Lúc sắp mạng chung, nếu mong được một chút tự do thì phải vâng theo lời đại sư Thiện Đạo dạy mọi người trước khi sắp ngủ phải niệm Phật!

8. Mắt mù sáng lại

Chị dâu thứ ba của ông Nguyễn Niệm sống vào đời Tống, là một phụ nữ làm nghề nông ở Hoài Ninh. Hai mắt của bà sắp mù, nên bà thường niệm Phật mãi không ngớt thì hai mắt sáng lại.

Cũng có người phụ nữ họ Sài hai mắt bị mù. Bà siêng niệm Phật suốt ba năm không chút xao lãng thì hai mắt của bà sáng lại như cũ.

Ghi chú

Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà vô lượng, chiếu soi đến khắp các cõi nước ở mười phương, nếu người nào chí tâm niệm danh hiệu Ngài, dù con mắt thịt không sáng

trở lại, mắt tâm cũng được bừng sáng. Nhưng vì người mù thời nay thường làm thầy bói, tạo thêm nghiệp sát. Đó gọi là từ chỗ tối đi vào trong tối, mãi mãi không bao giờ thấy được mặt trời. Than ôi! Làm sao tôi có thể đem pháp môn niệm Phật này chỉ bảo cho tất cả người mù trên thế gian này?

9. Bệnh sốt rét không phát tác

Lý Tử Thanh sống vào đời Tống, bị bệnh sốt rét đã lâu. Thấy vậy, cư sĩ Long Thu khuyên: “Khi lên cơn sốt ông nên nhất tâm niệm Phật, rồi sau đó mới uống thuốc”. Tử Thanh nghe lời và làm theo. Ngày đầu thấy cơn sốt giảm một nửa, ngày thứ hai ông tiếp tục niệm Phật thì cơn sốt dứt hẳn. Từ đó, ông dốc lòng niệm Phật.

10. Xá-lợi hiện ra

Vợ của Liêm trung đại phu ở Cống Châu, sống vào đời Tống, thêu một bức tượng Đức Phật A-di-đà cao một trượng sáu, mới được một nửa, bỗng xá-lợi hiện ra chiếu sáng trong đường tơ. Cả nhà đều kinh ngạc và khen ngợi.

11. Xá-lợi hiện ra

Phu nhân của Thiếu sư Chung Li họ Nhâm ở Chân Châu, khắc một pho tượng Phật A-di-đà cao bốn tấc tám phân, thờ trong cái khám rất trang nghiêm, bà thường đội lên đầu hành đạo. Một hôm, bà bỗng thấy ở chặng giữa lông mày của pho tượng hiện ra viên xá-lợi lớn như hạt gạo, ánh sáng chiếu đến thân mọi người.

12. Trị bệnh đều lành

Vào đời Tống, ở Tú Châu có một vị tăng thường niệm danh hiệu Phật A-di-đà để trị bệnh cho mọi người. Bất cứ ai bệnh mời Sư đến trị đều lành cả. Người trong châu kính tin Sư như kính tin Đức Phật.

13. Tù nhân thoát nạn

Vào mùa đông niên hiệu Chí Chính thứ 15 (1355), đời Nguyên, Trương Sĩ Thành đem quân tấn công Hồ Châu giao chiến với Thừa tướng Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam cầm giải về giao cho quan phủ. Trên đường đi, họ được nghỉ qua đêm tại chùa Điều Khòa ở Tây Hồ. Đêm đó, tình cờ họ thấy thiền sư Đại Du Muu tản bộ dưới hành lang chùa. Trông thấy Sư tinh thần ung dung, nhàn nhã trì tụng suốt đêm, họ nói:

- Xin Trưởng lão cứu chúng tôi!

Sư nói:

- Tôi không thể cứu các người. Chỉ cần các người chí thành niệm “Nam mô Cứu Khổ Cứu Nạn A-di-đà Phật” thì mới cứu được các người.

Trong đó, có ba người tin và làm theo lời Sư chỉ dạy, miệng niệm Phật không ngớt. Sáng hôm sau, trước khi áp giải tù nhân đi, sai dịch kiểm tra lại gông và xiềng, khi kiểm tra đến ba người kia thì phát hiện họ không có mang gông, đeo xiềng mà chỉ bị trói bằng dây. Sau đó, hỏi ra mới biết họ là dân lành bị bắt làm tù binh. Cuối cùng cả ba người đều được tha về.

Ghi chú

Trong phẩm Phổ môn ghi:

Hoặc giam giữ, xiềng xích,
Tay chân bị gông cùm,
Do sức niệm Quán Âm,
Tháo ra được giải thoát.

Từ xưa đến nay mọi người thường tin như vậy. Vì thế, nói niệm Phật cũng được thoát nạn thì có người còn chưa tin, bởi người này quen theo thói thường. Hơn nữa, oai lực của Phật lại vượt trội hơn bồ-tát không biết bao nhiêu lần mà họ không biết. Nếu tay chân bị chặt mà niệm Thích-ca Như Lai thì tay chân tự mọc lại! Tay chân còn mọc ra lại thì gông cùm, xiềng xích có nghĩa gì! Nhưng vì người tin điều đó quá ít, cho nên tôi ghi việc này ra đây.

Tổng luận

Đại sư Châu Hoàng nói: “Mọi người biết pháp môn Niệm Phật chỉ có lợi ích khi chết mà không biết nó có lợi ích lúc còn sống. Vì thế, nghe nói trì chú được linh nghiệm thì họ chuyển sang trì chú, nghe nói giảng thuyết được trí tuệ, hùng biện liền quay qua giảng thuyết, nghe nói xây dựng chùa tháp được phúc báo, nghe nói thiết trai cúng dường thì kết duyên với nhiều người, cho đến nghe nói chăm sóc, nuôi dưỡng người thì được sống lâu v.v..., nghe nhiều việc khác nữa, nhưng họ chưa từng nắm giữ danh hiệu Phật, thì đâu thể nào nhất tâm bất loạn để mong thành tựu Tịnh nghiệp! Do đó, tôi biên soạn bộ Vãng sinh tập này, nhằm để ngăn chặn sự hướng ngoại của người hiện thời. Thật ra, việc cầu sinh Tịnh độ vốn là vì thành Phật độ chúng sinh, chứ chẳng phải cầu sự an lạc cho thân sau. Như vậy, có nên cầu sự lợi lạc cho thân trước hay không?”.



Mục lục

Quyển 1.....	3
I. SA-MÔN VÃNG SINH	3
1. Thích Tuệ Viễn.....	3
2. Thích Tuệ Vĩnh.....	8
3. Đàm Thuận	9
4. Tăng Duệ	10
5. Đàm Hằng.....	12
6. Đạo Bình.....	12
7. Đàm Sân.....	12
8. Đạo Kính.....	13
9. Phật-đà-bạt-đà-la.....	13
10. Tăng Tế.....	14
11. Tuệ Cung	15
12. Tuệ Kiên	16
13. Tăng Hiển	16
14. Tuệ Thông.....	17
15. Pháp Lâm	18
16. Đàm Giám.....	19
17. Tăng Nhu	20
18. Tuệ Quang	21
19. Tuệ Tấn.....	23
20. Đạo Trân	23
21. Thần Loan.....	25
22. Thích Tuệ Mệnh	27
23. Thích Tuệ Tư	29
24. Thích Trí Khải	32
25. Pháp Hi	38
26.Thích Quán Đĩnh	39
27. Tuệ Thành.....	40
28. Đạo Dụ.....	40
29. Trí Thuần	41
30. Tuệ Hải	43
31. Thích Chân Tuệ	43
32. Thích Pháp Trí	45
33. Thích Trí Diễm	46

34. Hòa thượng Thiện Đạo	47
35. Trí Khâm.....	49
36. Thích Tuệ Nhật.....	49
37. Thích Pháp Chiếu	51
38. Thích Thiều Khang	55
39. Thích Tự Giác.....	58
40. Thích Tề Hàn	61
41. Thích Thần Hạo	62
42. Thích Thiện Trụ.....	63
43. Thích Thần Tố	64
44. Thích Tuệ Tuyền.....	65
45. Thích Hoài Ngọc.....	66
46. Thích Đạo Ngang.....	67
47. Đạo Xước.....	68
48. Bảo Tướng	69
49. Duy Ngạn.....	70
50. Tăng Huyền	71
51. Thích Hoài Cảm.....	73
52. Thích Đức Mĩ.....	74
53. Thích Biện Tài	74
54. Thích Tri Huyền	76
55. Thích Tăng Tạng.....	79
56. Thích Thọ Hồng.....	80
57. Thích Pháp Tường	80
58. Thích Đại Hạnh.....	81
59. Thích Minh Thiệm.....	82
60. Thiền Sư Vĩnh Minh Diên Thọ.....	84
61. Thích Chí Thông.....	85
62. Thích Hồng Cử	87
63. Thích Thiệu Nham.....	89
64. Thích Thủ Chân	90
65. Thích Ngô Ân	92
66. Pháp Sư Viên Tịnh Thường.....	94
67. Thích Tịnh Quán.....	94
68. Sám Chủ Từ Vân	95
69. Sớ Chủ Tông Thân.....	96

70. Tông Chủ Từ Chiếu	96
71. Thích Pháp Trì	97
72. Thích Bản Như.....	97
73. Pháp Sư Cơ	98
74. Thích Nhược Ngu	98
75. Thích Trí Lễ.....	99
76. Thích Hữu Nghiêm	100
77. Thích Tuệ Minh	100
78. Sư Tán.....	101
79. Hai vị sa-di.....	101
80. Thích Liễu Nhiên	102
81. Thích Tư Chiếu.....	102
82. Thích Trí Liêm.....	102
83. Thích Trí Thâm.....	103
84. Thích Pháp Nhân	103
85. Thích Trí Tiên.....	104
86. Thích Tông Lợi.....	104
87. Thích Tề Ngọc	105
88. Thiền Sư Viên Chiếu Bản.....	105
89. Thiền Sư Đại Thông Bản.....	106
90. Luật Sư Linh Chi Chiếu.....	106
91. Luật Sư Thanh Chiếu.....	107
92. Thích Tư Mẫn.....	107
93. Thích Hi Trạm	108
94. Pháp Sư Đăng	108
95. Thích Tăng Nhai	108
96. Pháp sư Tạng	109
97. Pháp sư Cô Sơn Viên.....	109
98. Thích Nguyên Tịnh.....	110
99. Dụ Di-đà	110
100. Thích Mông Nhuận.....	111
101. Vân Ốc.....	111
102. Chỉ Quán Chủ	111
103. Thích Đàm Ý	111
104. Thích Thái Vi.....	112
105. Thích Dụng Khâm	112

106. Cửu Pháp Hoa.....	113
107. Thích Tổ Huy.....	113
108. Thích Sở Kỳ.....	114
109. Thích Bảo Châu	114
110. Tì-Kheo Minh Bản.....	114
Quyển 2.....	116
II. VUA QUAN VẮNG SINH.....	116
1. Vua Nước Ô Tràng	116
2. Tống Thế tử	116
3. Tham quân Lưu Di Dân.....	117
4. Mậu tài[] Trương Dĩ.....	118
5. Học sĩ[] Trương Kháng.....	119
6. Tư sĩ Vương Trọng Hồi.....	119
7. Huyện úy Mã Tử Vân	120
8. Phó quận Cổ Thuần Nhân.....	120
9. Trợ giáo Trương Địch.....	121
10. Quốc học Vương Long Thư.....	121
11. Tư gián Giang Công Vọng.....	122
12. Đại phu Cát Phồn.....	122
13. Trung quan Lí Bình.....	123
III. NHỮNG XỨ SĨ VẮNG SINH	133
14. Lục Nguyên Đạo.....	138
15. Tôn Trung.....	138
16. Thẩm Thuyên.....	138
17. Đường Thế Lương	139
18. Kế Công.....	139
19. Trần Quân Chương	139
20. Trương Thuyên.....	140
21. Khuyết Công Tắc.....	140
22. Lý Tri Dao	141
23. Cao Hạo Tượng.....	141
24. Từ Lục Công.....	141
25. Lục Tuấn.....	142
26. Hoàng Đả Thiết.....	142
27. Liên Hoa Thái công	143
28. Cư sĩ Hoa	143

29. Cư sĩ họ Cố	143
30. Tổ Hương.....	144
31. Quách Đại Lâm.....	145
32. Lưu Thông Chí.....	145
33. Nho sinh Đường Thế Như	145
34. Nho sinh Dương Gia Y	146
35. Nho sinh Hác Hi Tải	148
36. Cư sĩ Qua Quảng Thái	148
37. Cư sĩ họ Đỗ.....	149
38. Cư sĩ Tôn Đại Vu.....	150
39. Cư sĩ họ Ngô	151
40. Thập Như cư sĩ	151
IV. TÌ-KHEO NI VÃNG SINH.....	152
1. Tì-kheo-ni Đại Minh.....	152
2. Tì-kheo-ni Tịnh Chân	153
3. Tì-kheo-ni Ngô Tính.....	153
4. Tì-kheo-ni Năng Phụng	154
5. Tì-kheo-ni Pháp Tạng	154
6. Tì-kheo-ni Pháp Thắng	154
V. PHỤ NỮ VÃNG SINH.....	155
1. Tùy Hoàng hậu	155
2. Bà họ Diêu	156
3. Vợ của Ôn Tĩnh Văn.....	156
4. Bà Hồ Trường.....	156
5. Bà họ Trịnh.....	157
6. Bà lão họ Trần	157
7. Bà họ Hoàng	157
8. Phu Nhân họ Vương	158
9. Phu Nhân họ Phùng	159
10. Cô gái họ Vương.....	159
11. Bà họ Chu	159
12. Bà Chu Hạnh.....	160
13. Nghi nhân[] họ Lục.....	160
14. Bà họ Cung	160
15. Bà họ Châu	161
16. Bà họ Hạng	161

17. Thiếu nữ họ Bùi	161
18. Bà họ Thắm	161
19. Bà họ Tôn	162
20. Bà họ Lâu	162
21. Bà họ Tần	162
22. Bà họ Chung	163
23. Thiếu nữ họ Tôn	163
24. Thiếu nữ họ Lương	163
25. Bà họ Hoàng	163
26. Bà họ Trần	164
27. Bà họ Thôi	164
28. Thiếu nữ họ Ngô	165
29. Bà họ Trịnh	165
30. Bà họ Chu	165
31. Bà họ Tiết	166
32. Phụ nữ họ Hứa	167
33. Bà lão họ Vu	168
34. Bà họ Phương	168
35. Bà Trương	169
36. Mẹ của Tôn Danh	169
37. Bà họ Chu	169
38. Bà họ Từ	170
VI. NGƯỜI ÁC VẮNG SINH	170
1. Trương Thiện Hòa	170
2. Trương Chung Quý	171
3. Hùng Tuấn	171
4. Duy Cung	172
5. Oánh Kha	173
6. Trọng Minh	174
7. Ngô Quỳnh	174
8. Kim Thích	175
VII. SÚC SINH VẮNG SINH	176
1. Rồng con	176
2. Chim két	177
3. Chim sáo	177
4. Chim sáo	177

Quyển 3.....	178
VIII. CHƯ THÁNH ĐỒNG QUI	178
1. Lựa chọn sinh về Cực Lạc	178
2. Vãng sinh vô số	179
3. Thấy Phật A-di-đà.....	179
4. Tu mười nguyện cầu vãng sinh.....	180
5. Kệ và luận về Tịnh độ.....	181
6. Thịnh tượng Phật	181
7. Tạo luận Khởi tín.....	182
8. Bồ-tát Long Thọ được thụ kí vãng sinh.....	182
9. Làm lành được vãng sinh.....	182
10. Đắc nhãn vãng sinh.....	182
11. Đại nguyện thứ hai.....	183
12. Niệm Phật diệt tội	183
13. Ghi tên dự Thắng hội	184
14. Lược nêu các vị tôn túc.....	184
IX. SINH TỒN CẢM ỨNG.....	187
1. Quý không dám ăn.....	187
2. Nằm mộng thấy mình thông minh biện luận vô ngại.....	187
3. Xả bỏ oán thù.....	187
4. Hai vợ chồng thấy Phật.....	188
5. Quý không hiện.....	188
6. Siêu độ vong linh	189
7. Ngủ nghỉ được an ổn.....	189
8. Mất mù sáng lại	189
9. Bệnh sốt rét không phát tác.....	190
10. Xả-lợi hiện ra	190
11. Xả-lợi hiện ra	190
12. Trị bệnh đều lành	190
13. Tù nhân thoát nạn	191